



BỘ TƯ PHÁP



Thụy Điển  
Sverige

CHÍNH PHỦ THỤY ĐIỂN



CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN  
LIÊN HỢP QUỐC

# ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ KHUNG PHÁP LÝ CỦA VIỆT NAM VỀ THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM



Hà Nội, tháng 10/2020

“Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm” được thực hiện trong khuôn khổ Dự án Kinh doanh có trách nhiệm do Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) Việt Nam phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện dưới sự hỗ trợ của Chính phủ Thụy Điển.

**Nhóm nghiên cứu**

Nguyễn Thị Thanh Hải, Trưởng nhóm nghiên cứu

Dylan Van Tromp, Thành viên nhóm nghiên cứu

Seán O’Connell, Cán bộ Dự án Kinh doanh có trách nhiệm, UNDP Việt Nam

Quan điểm trong nghiên cứu này là của các tác giả và không đại diện cho Bộ Tư pháp cũng như bất kỳ cơ quan nào thuộc Chính phủ Việt Nam, Chính phủ Thụy Điển hoặc UNDP.

**ĐÁNH GIÁ SƠ BỘ**

**KHUNG PHÁP LÝ CỦA VIỆT NAM VỀ THỰC HÀNH  
KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM**

---

# MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN .....	05
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT .....	06
TÓM TẮT .....	08
CHƯƠNG 1: GIỚI THIỆU .....	12
1.1 Thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam .....	13
1.2. Động lực thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm .....	15
1.3 Mục đích .....	16
1.4 Phương pháp luận.....	17
CHƯƠNG 2: LUẬT DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ.....	20
2.1 Luật Doanh nghiệp .....	21
2.2. Luật Đầu tư .....	28
CHƯƠNG 3: QUYỀN LAO ĐỘNG.....	32
3.1 Quan hệ lao động.....	33
3.2 Điều kiện lao động.....	38
3.3 Lao động cưỡng bức, Buôn bán người, Lao động gán nợ, và Hôn nhân cưỡng ép.....	49
3.4 Lao động trẻ em .....	57
CHƯƠNG 4: DOANH NGHIỆP VÀ CỘNG ĐỒNG.....	61
4.1 Đất đai.....	62
4.2 Môi trường .....	65
4.3 Bảo vệ người tiêu dùng .....	73
4.4. Phòng chống tham nhũng.....	75
4.5 Sự tham gia của cộng đồng .....	79
CHƯƠNG 5: THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC NHÓM YẾU THỂ .....	82
5.1. Người lao động trong nền kinh tế phi chính thức .....	83
5.2. Dân tộc thiểu số .....	85
5.3 Người lao động di cư.....	87
5.4 Trẻ em .....	91
5.5 Phụ nữ.....	95
5.6 Người khuyết tật.....	99
5.7 Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên giới tính .....	102
CHƯƠNG 6: CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC .....	105
6.1. Cơ chế tư pháp của Nhà nước .....	106
6.2 Các cơ chế phi tư pháp của Nhà nước .....	110
6.3 Cơ chế giải quyết khiếu nại ngoài Nhà nước .....	114

# LỜI CẢM ƠN

Nhóm nghiên cứu xin trân trọng cảm ơn Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc (UNDP) Việt Nam đã chủ trì Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Chúng tôi cũng xin chân thành cảm ơn Chính phủ Thụy Điển và Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế thuộc Bộ Tư pháp Việt Nam đã hỗ trợ và phối hợp để thực hiện Đánh giá này.

Nhóm nghiên cứu đồng thời cảm ơn các ý kiến đóng góp từ ông Nguyễn Thanh Tú và bà Lưu Hương Ly từ Vụ Pháp luật dân sự - kinh tế, Bộ Tư pháp Việt Nam và bà Catherine Phương, bà Phùng Thị Thu Hà, ông Đinh Sỹ Thắng từ UNDP Việt Nam.

Nghiên cứu này không thể được hoàn thành nếu thiếu các ý kiến đóng góp từ các chuyên gia và đại diện đến từ các cơ quan của Liên Hợp Quốc tại Việt Nam, bao gồm Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), Tổ chức Di cư quốc tế (IOM), Cơ quan Liên Hợp Quốc về Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ (UN Women), Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc (UNICEF), Tổ chức Phát triển công nghiệp Liên Hợp Quốc (UNIDO), Dự án Liên Hợp Quốc hành động chống lại nạn buôn bán người (UNACT).

Cuối cùng, Nhóm nghiên cứu xin gửi lời cảm ơn đến tất cả các thành viên của Nhóm Tư vấn kỹ thuật, bao gồm đại diện doanh nghiệp, các luật sư, các viện nghiên cứu, và các tổ chức phi chính phủ tại Việt Nam, được thành lập để thực hiện Đánh giá và đưa ra các ý kiến và phản hồi về thiết kế và cấu trúc tổng quan của Đánh giá này.

Nhóm nghiên cứu

# DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

ACCP	Ủy ban Bảo vệ người tiêu dùng ASEAN
ASEAN	Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á
B+HR	Kinh doanh + Quyền con người ở châu Á
Bộ LĐTBXH	Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội
CEDAW	Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ của Liên Hợp Quốc
CERD	Ủy ban về Xóa bỏ phân biệt chủng tộc của Liên Hợp Quốc
CESCR	Ủy ban về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của Liên Hợp Quốc
CPTPP	Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương
CRC	Công ước về Quyền trẻ em
CRPD	Công ước về Quyền của người khuyết tật
CSI	Bộ chỉ số Bền vững doanh nghiệp
CSR	Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp
CTCP	Công ty cổ phần
DAG	Nhóm Tư vấn trong nước
DNNN	Doanh nghiệp nhà nước
DNNVV	Doanh nghiệp nhỏ và vừa
ESG	Môi trường, Xã hội và Quản trị
EVFTA	Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu
FDI	Đầu tư trực tiếp nước ngoài
FWF	Quỹ May mặc bình đẳng
FPIC	Đồng thuận dựa trên cơ sở tự nguyện, báo trước và được thông tin đầy đủ
GCNV	Mạng lưới Hiệp ước toàn cầu Việt Nam
GCM	Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự
GDP	Tổng sản phẩm quốc nội
GRI	Sáng kiến Báo cáo toàn cầu
HNX	Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội
HOSE	Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
HRC	Ủy ban về các Quyền dân sự và chính trị của Liên Hợp Quốc
ICCPR	Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị của Liên Hợp Quốc
ICERD	Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc của Liên Hợp Quốc
ICESCR	Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của Liên Hợp Quốc
IFC	Tổ chức Tài chính quốc tế

<b>IHRL</b>	Luật nhân quyền quốc tế
<b>ILO</b>	Tổ chức Lao động quốc tế
<b>ILS</b>	Tiêu chuẩn lao động quốc tế
<b>IOM</b>	Tổ chức Di cư quốc tế
<b>LGBTI</b>	Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên giới tính
<b>LHQ</b>	Liên Hợp Quốc
<b>NAP</b>	Kế hoạch hành động quốc gia
<b>NCP</b>	Cơ quan đầu mối quốc gia
<b>NHRI</b>	Cơ quan nhân quyền quốc gia
<b>NKT</b>	Người khuyết tật
<b>OECD</b>	Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế
<b>OHCHR</b>	Văn phòng Cao ủy Nhân quyền Liên Hợp Quốc
<b>SDG</b>	Mục tiêu phát triển bền vững
<b>SRI</b>	Đầu tư có trách nhiệm xã hội
<b>SSE</b>	Sàn Giao dịch chứng khoán bền vững của Liên Hợp Quốc
<b>TNHH</b>	Trách nhiệm hữu hạn
<b>TLĐLĐVN</b>	Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam
<b>UBCKNN</b>	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
<b>UBQLVNN</b>	Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp
<b>UDHR</b>	Tuyên ngôn Nhân quyền phổ quát
<b>UNCAC</b>	Công ước về Chống tham nhũng của Liên Hợp Quốc
<b>UNDP</b>	Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc
<b>UNHRC</b>	Hội đồng Nhân quyền Liên Hợp Quốc
<b>UNGC</b>	Hiệp ước Toàn cầu Liên Hợp Quốc
<b>UNGP</b>	Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và quyền con người của Liên Hợp Quốc
<b>UNICEF</b>	Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc
<b>UNCTAD</b>	Hội nghị Liên Hợp Quốc về Thương mại và Phát triển
<b>UNWG</b>	Nhóm công tác thực thi Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và quyền con người của Liên Hợp Quốc
<b>UN Women</b>	Cơ quan về Bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ của Liên Hợp Quốc
<b>UPR</b>	Cơ chế Rà soát định kỳ phổ quát
<b>VBCSD</b>	Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững Việt Nam
<b>VCCI</b>	Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam
<b>WHO</b>	Tổ chức Y tế thế giới
<b>WEP</b>	Nguyên tắc Trao quyền cho Phụ nữ

# TÓM TẮT

Câu chuyện thành công về kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây phần lớn dựa trên cam kết mạnh mẽ của Chính phủ về thúc đẩy thương mại, tăng cường hợp tác với khối doanh nghiệp trong quá trình hoạch định và xây dựng chính sách kinh tế. Với vai trò trọng tâm trong phát triển kinh tế của Việt Nam, khu vực doanh nghiệp đã có những đóng góp quan trọng về thuế, cơ hội việc làm và cải thiện đời sống cho đông đảo người dân. Tuy nhiên, tăng trưởng kinh tế nhanh không chỉ mang đến cơ hội mà còn đi kèm những rủi ro về xã hội và môi trường có ảnh hưởng rộng khắp đến người lao động, người tiêu dùng, cộng đồng và tài nguyên thiên nhiên quan trọng đối với sinh kế của người dân. Nếu các doanh nghiệp được tự do theo đuổi lợi ích kinh tế mà không chịu sự điều chỉnh của quy định và luật pháp, họ có thể bỏ qua các tiêu chuẩn về xã hội và môi trường. Do đó, chìa khóa để cân bằng giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển bền vững của Việt Nam chính là thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

“Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm” được thực hiện trong khuôn khổ Dự án Kinh doanh có trách nhiệm do UNDP Việt Nam phối hợp với Bộ Tư pháp, thực hiện dưới sự hỗ trợ của Chính phủ Thụy Điển. Mục tiêu của Dự án là thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam, trong đó có hoạt động xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Đánh giá này là bước đầu tiên của hoạt động nói trên với những phân tích sơ bộ về pháp luật và chính sách gắn liền với các tiêu chuẩn quốc tế về xã hội và môi trường trong hoạt động kinh doanh. Các phân tích trong đánh giá này dựa trên nhiều văn kiện quốc tế khác nhau, nhưng chủ yếu là Nguyên tắc hướng dẫn của Liên Hợp Quốc về Kinh doanh và quyền con người (UNGPs). Do đó, hai mục tiêu chính của đánh giá này là: Thứ nhất, đánh giá sự phù hợp giữa khung pháp

lý của Việt Nam với việc thực hiện UNGPs và các cam kết quốc tế khác liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm thông qua phân tích luật pháp, quy định và chính sách hiện hành có liên quan; thứ hai, xác định các khoảng trống liên quan và đề xuất các khuyến nghị cho Chính phủ Việt Nam để tập trung nỗ lực hướng tới xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Việt Nam đã phê chuẩn một số công ước và hiệp định quốc tế quan trọng, theo đó cam kết đưa các tiêu chuẩn tối thiểu về thực hành kinh doanh có trách nhiệm vào nội dung luật pháp trong nước và tổ chức thực hiện. Việt Nam đồng thời đã xây dựng hệ thống pháp luật, quy định và chính sách trên nhiều lĩnh vực để bảo vệ người dân, cộng đồng và môi trường nhằm tránh những tác động tiêu cực từ hoạt động kinh doanh. Những nỗ lực này là minh chứng rõ ràng cho cam kết của Chính phủ về đảm bảo thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Việt Nam đã có hệ thống quy định chặt chẽ về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, tuy nhiên, tuy nhiên, một số lĩnh vực vẫn cần được tiếp tục củng cố, tăng cường để phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế như được chỉ ra trong Đánh giá này.

Liên quan đến pháp luật doanh nghiệp và đầu tư, trong thời gian gần đây, Việt Nam đã ban hành một số luật nhằm tăng cường thực hành kinh doanh có trách nhiệm, cụ thể là Luật Chứng khoán 2019, Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Đầu tư 2020. Để đảm bảo các luật mới ban hành giải quyết hiệu quả những tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh đối với xã hội, hệ thống các văn bản hướng dẫn cần được xây dựng và ban hành phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế. Bên cạnh đó, Luật Doanh nghiệp ở Việt Nam cần ghi nhận nghĩa vụ cụ thể của doanh nghiệp đối với xã hội.<sup>1</sup> Để giám sát thực hành kinh doanh

<sup>1</sup> Hội đồng Nhân quyền LHQ (UNHRC), Phiên thứ 17, Nội dung nghị sự số 3: Thúc đẩy và bảo vệ tất cả các quyền con người, dân sự,



có trách nhiệm, Luật Doanh nghiệp cần quy định bắt buộc báo cáo các thông tin phi tài chính nhằm đánh giá thường xuyên tác động của doanh nghiệp đối với xã hội. Các yêu cầu về đánh giá tác động thực tế và dự báo của dự án đầu tư, trong đó có đánh giá tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội, cũng cần được tăng cường.

Những hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm có thể ảnh hưởng đến mọi người và cộng đồng theo nhiều cách khác nhau. Trong đó, các vấn đề liên quan đến đất đai tiếp tục là một trong những nguyên nhân hàng đầu dẫn đến các tranh chấp dân sự. Vì vậy, hệ thống pháp luật ở Việt Nam cần được hoàn thiện để giải quyết hiệu quả các khiếu nại, khiếu kiện về thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư. Luật Bảo vệ môi trường 2014 thừa nhận vai trò của các cá nhân trong việc giám sát và báo cáo về các vụ việc làm suy thoái môi trường do các doanh nghiệp gây ra, nhưng cần có hướng dẫn cụ thể hơn để vừa thúc đẩy và vừa bảo vệ vai trò này. Ngoài ra, hệ thống xử lý khiếu nại cũng cần được tăng cường để bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng trước pháp luật, ví dụ thông qua việc cho phép cơ chế khiếu nại tập thể liên quan đến các trường hợp bảo vệ người tiêu dùng. Luật Phòng, chống tham nhũng 2018 lần đầu tiên đưa ra các quy định về xử lý tham nhũng trong khu vực tư nhân. Để đảm bảo việc thực thi hiệu quả và phù hợp với Công ước của LHQ về chống tham nhũng, Chính phủ Việt Nam cần ban hành thêm các nghị định, thông tư và các công cụ thiết thực để hỗ trợ các doanh nghiệp thúc đẩy và thực hiện luật này. Trong các vấn đề kể trên, cộng đồng nên tham gia vào các hoạt động có ảnh hưởng đến họ. Luật pháp ở Việt Nam nên bổ sung nguyên tắc đạt được Đồng thuận dựa trên cơ sở tự nguyện, báo trước và được thông tin đầy đủ (FPIC) trong quá trình ra các quyết định liên quan đến hoạt động kinh doanh mà có thể ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương.

Một số cá nhân và nhóm dân số nhất định có thể phải đối mặt với nguy cơ cao bị gạt ra ngoài lề hoặc dễ bị tổn thương trong xã hội, và rủi ro của những tác động này cũng có thể khác nhau giữa phụ nữ và nam giới. Người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức thường phải chịu rủi ro lớn hơn do thiếu sự bảo vệ của pháp luật. An sinh xã hội cần được mở rộng cho người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức, đặc biệt phụ nữ, thông qua việc kết hợp giữa các chương trình đóng góp và phi đóng góp. Các nhóm dân tộc thiểu số được coi là có nguy cơ chịu tác động tiêu cực của các hoạt động kinh doanh do họ phải đối mặt với sự phân biệt đối xử và nơi ở của họ gần với các nguồn tài nguyên thiên nhiên. Dự án Luật hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi cần được tiếp tục phát triển và có các điều khoản đảm bảo bảo vệ quyền của người dân tộc thiểu số khỏi những hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm. Người lao động có thể dễ bị bóc lột khi muốn di trú và làm việc ở nước ngoài. Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng phải đưa ra điều khoản cấm thu lệ phí và các chi phí liên quan trong quá trình tuyển dụng lao động nhập cư, đảm bảo phù hợp với Công ước số 181 của Tổ chức Lao động quốc tế (ILO) về các Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân. Mặc dù đã có nhiều tiến bộ quan trọng trong việc bảo vệ quyền trẻ em trong kinh doanh, bao gồm giảm thiểu lao động trẻ em, nhưng Việt Nam cần có nhiều quy định cụ thể hơn trong pháp luật, bao gồm pháp luật doanh nghiệp, đầu tư, quảng cáo và môi trường, về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tôn trọng quyền trẻ em. Tỷ lệ phụ nữ tham gia lực lượng lao động tương đối cao so với mức trung bình toàn cầu. Mặc dù vậy, tỷ lệ phụ nữ đảm nhận các vai trò lãnh đạo trong kinh doanh vẫn ở mức thấp, và các doanh nghiệp nhà nước nên đi đầu trong việc tăng tỷ lệ phụ nữ đảm nhận các vai trò lãnh đạo và quản lý cấp cao. Người khuyết tật (NKT) đóng một phần quan trọng trong việc thúc đẩy tăng trưởng kinh tế. Việt Nam cần có những biện pháp hữu hiệu để bảo vệ quyền làm việc của NKT bằng cách đánh giá chất lượng và khả năng tiếp cận của các chương trình đào tạo việc làm cho NKT để tạo điều kiện tốt nhất cho NKT gia nhập thị trường lao động. Đối

chính trị, kinh tế, xã hội và văn hóa, bao gồm cả quyền phát triển, 'Báo cáo của Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký LHQ về vấn đề quyền con người và các tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác, John Ruggie - Phụ lục: Quyền con người và luật doanh nghiệp: Các xu hướng và quan sát từ một nghiên cứu xuyên quốc gia'. UN Doc A/HRC/17/31/Add. 2, 2011. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Business/Pages/Reports.aspx#srepresentative>. Truy cập ngày 24/8/2019. Phụ lục III - 'Mẫu nghiên cứu'. Đoạn 7.

với người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên giới tính, nơi làm việc là một trong ba môi trường họ thường bị phân biệt đối xử nhất. Pháp luật, bao gồm nhưng không chỉ giới hạn ở Bộ luật Lao động, nên có quy định cấm phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới.

UNGP kêu gọi các quốc gia thành viên thực hiện “các bước thích hợp để... điều tra, trừng phạt và khắc phục” các hành vi vi phạm tiêu chuẩn môi trường và xã hội “thông qua các chính sách, pháp luật, quy định và cơ chế xét xử hiệu quả.”<sup>2</sup> Về vấn đề này, Việt Nam cần nỗ lực tham gia Hướng dẫn của Tổ chức Hợp tác và phát triển kinh tế (OECD) dành cho các Doanh nghiệp đa quốc gia và thành lập Cơ quan đầu mối quốc gia (NCP) để thúc đẩy thực thi Hướng dẫn và giải quyết các vấn đề phát sinh theo các quy trình cụ thể. Việt Nam cũng cần thúc đẩy việc thiết lập các cơ chế giải quyết khiếu nại cấp doanh nghiệp sao cho phù hợp với các tiêu chí về tính hiệu quả được đề ra trong UNGP bằng cách đảm bảo khả năng tiếp cận, minh bạch và dựa trên các quy trình tham vấn và đối thoại.<sup>3</sup>

Hệ thống pháp luật là nền tảng vững chắc để bắt đầu xây dựng một kế hoạch thống nhất và phối hợp thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam. Các sửa đổi trong hệ thống pháp luật cần ưu tiên tập trung vào các nhóm đối tượng có nguy cơ cao bị xâm phạm do hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, đặc biệt là các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương. Việc thực hiện các điều khoản về phát triển bền vững trong các Hiệp định thương mại tự do mới được phê chuẩn gần đây, việc thực hiện pháp luật lao động và doanh nghiệp mới được ban hành, việc sửa đổi Luật Bảo vệ môi trường và Luật Đất đai cũng như xây dựng các chính sách để đạt được tiến bộ tốt hơn trong bối cảnh phục hồi sau COVID-19 sẽ cùng tạo cơ hội quan trọng để tăng cường kết nối giữa khung pháp lý của Việt Nam với các tiêu chuẩn quốc tế về thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Đánh giá này là điểm khởi đầu với việc xác định các lĩnh vực cần tập trung ưu tiên khi xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm và cần được bổ sung bằng một đánh giá toàn diện hơn về khung pháp lý, cùng với phân tích việc thực thi và tác động của khung pháp lý đối với quyền con người ở Việt Nam.

2 Văn phòng Cao ủy Nhân quyền LHQ (OHCHR), ‘Nguyên tắc hướng dẫn về Kinh doanh và quyền con người: Thực hiện khuôn khổ “Bảo vệ, Tôn trọng và Khắc phục” của LHQ’ (UNGP), (2011). Thông tin có tại: [https://www.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Legal-framework/Advanced%20Version\\_UNGP%20BHR%20in%20VN\\_UNDP%20Viet%20Nam\\_11.8.2017.pdf](https://www.undp.org/content/dam/vietnam/docs/Legal-framework/Advanced%20Version_UNGP%20BHR%20in%20VN_UNDP%20Viet%20Nam_11.8.2017.pdf). Truy cập ngày 30/8/2020.

3 Nt. Nguyên tắc số 31.

CHƯƠNG 1

# GIỚI THIỆU



Chương trình cải cách toàn diện về kinh tế chính trị tại Việt Nam từ năm 1986, Đổi mới, đã mang lại nhiều chuyển biến ngoạn mục, đưa Việt Nam từ một trong những quốc gia nghèo nhất ở châu Á lên vị trí nước có thu nhập trung bình thấp và là một trong những nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh nhất ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương. Nhờ kế hoạch kinh tế dài hạn, chính trị ổn định và nguồn nhân lực dồi dào, Việt Nam đã trở thành điểm đến hấp dẫn của đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI), tham gia chuỗi cung ứng toàn cầu với tư cách nước xuất khẩu lớn, và ngày càng hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới. Năm 2019, tăng trưởng tổng sản phẩm quốc nội (GDP) thực tế của Việt Nam, khoảng 7%, là một trong những mức tăng trưởng cao nhất trong khu vực.<sup>4</sup>

Yếu tố quan trọng mang lại thành công về kinh tế của Việt Nam trong những năm gần đây phải kể đến cam kết mạnh mẽ của Chính phủ trong việc thúc đẩy thương mại quốc tế và tăng cường hợp tác với các doanh nghiệp trong nước và đa quốc gia trong quá trình hoạch định chính sách và xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế. Khu vực doanh nghiệp đóng vai trò trọng tâm đối với sự phát triển kinh tế của Việt Nam nhờ những đóng góp về thuế, cơ hội việc làm và góp phần cải thiện mức sống cho đông đảo người dân. Đặc biệt, việc làm do khối doanh nghiệp tạo ra đã góp phần đáng kể làm nên 'phép màu kinh tế' Việt Nam, đưa lực lượng lao động quốc gia lên tới gần 57 triệu người vào 2019,<sup>5</sup> và giảm tỷ lệ nghèo cùng cực từ 70% năm 2002 xuống dưới 6% trong 2019.<sup>6</sup>

Tăng trưởng kinh tế nhanh không chỉ mang lại cơ hội mà còn đi kèm những rủi ro về xã hội và môi trường do hậu quả trực tiếp hoặc gián tiếp của hoạt động sản xuất kinh doanh. Những rủi ro này có thể ảnh hưởng đến người lao động, người tiêu dùng, cộng đồng tại địa bàn kinh doanh của doanh nghiệp cũng như tác động tới các nguồn tài nguyên thiên nhiên quan trọng đối với sinh kế của cư dân địa phương. Khi thiếu sự kiểm

soát chặt chẽ và không có quy định, hướng dẫn rõ ràng hay ưu đãi, răn đe thích hợp, các doanh nghiệp có thể tự do theo đuổi lợi ích kinh tế mà bỏ qua các tiêu chuẩn về xã hội và môi trường.

Việc lồng ghép các tiêu chuẩn xã hội và môi trường vào lĩnh vực kinh doanh không phải là một sáng kiến mới. Tuy nhiên, theo quan điểm hiện nay, thực hành kinh doanh có trách nhiệm không chỉ tuân thủ pháp luật mà còn cần đảm bảo những chính sách và quy phạm pháp luật có thể bảo vệ người dân khỏi những tổn hại do hoạt động của doanh nghiệp gây ra; hơn nữa, những cá nhân bị ảnh hưởng có quyền tiếp cận công lý thông qua cơ chế giải quyết khiếu nại tin cậy và hiệu quả. Cùng với việc mở rộng hoạt động và ảnh hưởng của doanh nghiệp, vấn đề trách nhiệm của doanh nghiệp ngày càng được quan tâm hơn, theo đó 'thực hành kinh doanh có trách nhiệm' đã trở thành mối quan tâm hàng đầu của quốc tế.

Chính vì vậy, Liên Hợp Quốc (LHQ) đã coi thực hành kinh doanh có trách nhiệm là một vấn đề quan trọng trong hoạt động của mình trên toàn thế giới. LHQ đã hỗ trợ các quốc gia thực hiện các Nguyên tắc hướng dẫn của LHQ về Kinh doanh và quyền con người (UNGP)<sup>7</sup> thông qua việc xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia (NAP). NAP được xem là "một chính sách chiến lược được liên tục phát triển và xây dựng để tăng cường thực hành kinh doanh có trách nhiệm phù hợp với UNGP."<sup>8</sup>

Từ khi UNGP được thông qua, đã có 23 quốc gia thành viên LHQ hoàn thành việc xây dựng NAP, 24 quốc gia khác đã có cam kết hoặc đang trong quá trình xây dựng.<sup>9</sup> Một số nước ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương như Ấn Độ, Nhật Bản và Mông Cổ, và các nước thành viên Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á (ASEAN) như Malaysia, Myanmar và Thái Lan, đã công bố NAP, trong đó, Thái Lan

4 Ngân hàng Thế giới, 'Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam - Tổng quan'. Thông tin có tại: <https://www.worldbank.org/en/country/vietnam/overview>. Truy cập ngày 30/8/2020.

5 Ngân hàng Thế giới, 'Lực lượng lao động, Tổng cộng - Việt Nam'. Thông tin có tại: <https://data.worldbank.org/indicator/SL.TLF.TOTL.IN?locations=VN>. Truy cập ngày 30/8/2020.

6 Ngân hàng Thế giới tại Việt Nam - Tổng quan (Ct. 4).

7 UNGP (Ct. 2).

8 Nhóm công tác thực thi Nguyên tắc hướng dẫn của LHQ về Kinh doanh và quyền con người (UNWG), 'Hướng dẫn về Kế hoạch hành động quốc gia về Kinh doanh và quyền con người', (2016). Thông tin có tại: [https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Business/UNWG\\_NAPGuidance.pdf](https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Business/UNWG_NAPGuidance.pdf). Truy cập ngày 30/8/2020. Trang 1.

9 OHCHR, 'Kế hoạch hành động quốc gia của Nhà nước về Kinh doanh và quyền con người', 2016. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Business/Pages/NationalActionPlans.aspx>. Truy cập ngày 30/8/2020.

là nước đầu tiên trong khu vực công bố kế hoạch này vào tháng 10/2019.<sup>10</sup> Hội đồng Nhân quyền LHQ (UNHRC) cũng đã thành lập một Nhóm công tác có nhiệm vụ thúc đẩy thực thi UNGP (gọi tắt là UNWG).<sup>11</sup>

Để hỗ trợ quá trình này, Chương trình Phát triển LHQ (UNDP) đang triển khai dự án 'Kinh doanh + Quyền con người ở châu Á' (B+HR) nhằm xây dựng và hoàn thiện chính sách, hỗ trợ kỹ thuật và nâng cao năng lực cho các quốc gia, doanh nghiệp tổ chức phi chính phủ để đẩy nhanh việc thực hiện UNGP.<sup>12</sup> Việt Nam là một trong những quốc gia được hưởng lợi từ Dự án B+HR. Một trong những hoạt động chính của dự án là: "Tư vấn và hỗ trợ kỹ thuật cho các chính phủ xây dựng NAP hoặc các khung chính sách tương tự để thực hiện UNGP."<sup>13</sup> Theo đó, "Đánh giá sơ bộ Khung pháp lý của Việt Nam về thực hành kinh doanh có trách nhiệm" do nhóm nghiên cứu thực hiện trong khuôn khổ Dự án Kinh doanh có trách nhiệm của UNDP Việt Nam và Dự án B+HR của UNDP châu Á – Thái Bình Dương.

## 1.1 Thực hành kinh doanh có trách nhiệm tại Việt Nam

Tại Việt Nam, những nỗ lực nhằm thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm, bền vững đã và đang được thể hiện qua lăng kính trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp (CSR). Mức độ thực hiện trách nhiệm xã hội là nội dung trọng tâm để xem xét các cơ chế khuyến khích đối với doanh nghiệp nhằm thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm và ngăn chặn các hành vi kinh doanh thiếu đạo đức. Theo đó, CSR có thể được hiểu là một thuật ngữ bao quát trách nhiệm của các doanh nghiệp đối với các chủ thể khác trong xã hội.<sup>14</sup>

Khái niệm CSR lần đầu tiên được các tập đoàn xuyên quốc gia giới thiệu tại Việt Nam vào giữa thập niên 90 thông qua Bộ quy tắc ứng xử hay tiêu chuẩn lao động cho các nhà cung cấp trong nước, tập trung vào lĩnh vực dệt may.<sup>15</sup> Kể từ đó, CSR tiếp tục được phát triển, chủ yếu dưới dạng các quy tắc ứng xử tự nguyện, các hoạt động và chương trình từ thiện để tuân thủ các tiêu chuẩn xã hội và môi trường, thường được thực hiện và giám sát bởi các công ty nước ngoài tại Việt Nam. Trong nhiều trường hợp, để tuân thủ các tiêu chuẩn CSR của các tập đoàn xuyên quốc gia, đặc biệt là công ty của châu Âu và Hoa Kỳ, các doanh nghiệp trong nước đã thực hiện các tiêu chuẩn cao hơn yêu cầu của luật pháp trong nước. Việc thúc đẩy CSR thông qua các công ty xuyên quốc gia cũng được hỗ trợ bởi các tổ chức đại diện doanh nghiệp tại Việt Nam, như Phòng Thương mại châu Âu và Hoa Kỳ với việc đưa các tiêu chuẩn CSR tối thiểu vào nội dung đàm phán đầu tư.<sup>16</sup>

Hiện tại, tổ chức chịu trách nhiệm chính thúc đẩy CSR trong các doanh nghiệp ở Việt Nam là Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Mạng lưới Hiệp ước Toàn cầu Việt Nam (GCNV) do VCCI và LHQ tại Việt Nam thành lập năm 2007 đã phát triển thành Trung tâm đầu mối quốc gia về CSR.<sup>17</sup> Mặc dù đã đạt được kết quả đáng khích lệ ban đầu với việc thu hút được hơn 90 doanh nghiệp thành viên, các hoạt động thúc đẩy CSR của GCNV có xu hướng chững lại trong những năm gần đây, với số lượng thành viên giảm xuống chỉ còn 19 vào năm 2020.<sup>18</sup>

Một sáng kiến tiêu biểu khác do Văn phòng Phát triển Kinh doanh Bền vững của VCCI thực hiện đó là việc thành lập Hội đồng doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững (VBCSD)

10 Nt.

11 OHCHR, 'Nhóm công tác về vấn đề quyền con người và các công ty xuyên quốc gia và các doanh nghiệp kinh doanh khác - Tổng quan'. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Business/Pages/WGHRandtransnationalcorporationsandotherbusiness.aspx>. Truy cập ngày 30/8/2020.

12 Chương trình Phát triển LHQ (UNDP), 'Kinh doanh và Quyền con người ở Châu Á (B+HR Asia): Thúc đẩy thực tiễn kinh doanh có trách nhiệm thông qua quan hệ đối tác khu vực (B+HR Asia)'. Hiện tại, dự án "B+HR Asia" hỗ trợ triển khai UNGP tại các quốc gia: Bangladesh, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia, Sri Lanka, Thái Lan và Việt Nam. Thông tin có tại: <https://bizhumanrights.asia-pacific.undp.org/content/bizhumanrights/en/home.html>. Truy cập ngày 30/8/2020.

13 Nt. 'Hoạt động của chúng tôi'.

14 Nguyễn, M., Bensemann, J. và Kelly, S., 'Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại Việt Nam: Khung khái niệm', Tập chí Quốc

tế về Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, (2018). Thông tin có tại: <https://doi.org/10.1186/s40991-018-0032-5>. Truy cập ngày 31/8/2020.

15 Sáng kiến Liên kết doanh nghiệp (VBSI) và Tổ chức Dịch vụ phát triển Đức (DED), 'Thực trạng Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại Việt Nam', (2007).

16 Hamm, B., 'Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp tại Việt Nam - Hòa nhập hay thích ứng?', Pacific News, (2012). Thông tin có tại: [http://www.pacific-geographies.org/wp-content/uploads/sites/2/2017/06/PN38\\_BH.pdf](http://www.pacific-geographies.org/wp-content/uploads/sites/2/2017/06/PN38_BH.pdf). Truy cập ngày 31/8/2020.

17 Mạng lưới Hiệp ước toàn cầu Việt Nam (GCNV). Thông tin có tại: <http://en.vbcsvd.vn/detail.asp?id=197>. Truy cập ngày 31/8/2020.

18 UN Global Compact, 'Việt Nam: Tổng quan'. Thông tin có tại: <https://www.unglobalcompact.org/engage-locally/asia/viet%20nam>. Truy cập ngày 31/8/2020.

năm 2010.<sup>19</sup> Với hơn 50 thành viên, bao gồm nhiều công ty đa quốc gia và doanh nghiệp có vốn FDI, VBCSD đóng vai trò hàng đầu trong việc phát triển các hoạt động CSR tại Việt Nam thông qua nghiên cứu, hợp tác quốc tế, đào tạo cho các doanh nghiệp, truyền thông và tiếp cận cộng đồng. Từ năm 2018, VBCSD đã tổ chức ‘Lễ trao giải CSI 100’ và sử dụng Bộ chỉ số Bền vững doanh nghiệp (CSI) để xếp hạng 100 doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam dựa trên các chỉ số về cơ cấu quản trị doanh nghiệp, tác động môi trường và mức độ tuân thủ các tiêu chuẩn lao động và xã hội, bao gồm cả việc lồng ghép thực hiện các Mục tiêu phát triển bền vững (SDG) vào hoạt động của doanh nghiệp.<sup>20</sup> Bên cạnh đó, với mục tiêu khuyến khích hòa nhập xã hội và thúc đẩy sự tham gia của phụ nữ vào môi trường làm việc, VCCI đã có sáng kiến thành lập Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam năm 2001, một sáng kiến giúp thúc đẩy bình đẳng giới trong các doanh nghiệp.<sup>21</sup>

Hiện tại khái niệm kinh doanh có trách nhiệm vẫn chưa được biết đến rộng rãi trong hệ sinh thái CSR ở Việt Nam. Thực hiện trách nhiệm xã hội với cách tiếp cận lấy con người làm trung tâm đòi hỏi doanh nghiệp không chỉ dừng lại ở việc tuân thủ pháp luật mà còn phải thực hiện các biện pháp đánh giá rủi ro đối với các yếu tố con người, xã hội và môi trường, đồng thời giải quyết các nguy cơ tiềm ẩn bằng việc phòng ngừa, giảm thiểu hoặc tiến hành biện pháp khắc phục thích hợp khi xảy ra vi phạm các tiêu chuẩn liên quan trong UNGP.<sup>22</sup>

Chính phủ Việt Nam đã dành sự quan tâm sâu sắc đến việc thúc đẩy quyền của nhiều nhóm đối tượng, đặc biệt là quyền của người lao động, thể hiện qua việc Việt Nam đã phê chuẩn bảy trong số tám Công ước cốt lõi của ILO.<sup>23</sup> Trên cơ sở đó, các hoạt động kinh doanh sẽ được điều chỉnh theo phương

pháp tiếp cận dựa trên quyền nhằm đảm bảo thực thi đúng các tiêu chuẩn lao động. Một số cơ quan khác của LHQ cũng đã đưa cách tiếp cận dựa trên quyền vào các chương trình trách nhiệm doanh nghiệp như “Doanh nghiệp phát triển vì trẻ em” của Quỹ Nhi đồng LHQ (UNICEF),<sup>24</sup> thúc đẩy bình đẳng giới thông qua sửa đổi Bộ luật Lao động của Cơ quan LHQ về Bình đẳng giới và Trao quyền cho Phụ nữ (UN Women),<sup>25</sup> và bảo vệ quyền của người lao động nhập cư qua chương trình “Trách nhiệm doanh nghiệp trong xóa bỏ nô lệ và mua bán người” của Tổ chức Di cư quốc tế (IOM).<sup>26</sup> Từ năm 2017, UNDP đã phối hợp với các cơ quan Chính phủ để thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm thông qua hoạt động tập huấn cho các cán bộ, công chức, kết nối các cơ quan của Chính phủ với các sáng kiến quốc tế và củng cố khung pháp lý về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.<sup>27</sup>

Việc Việt Nam gia nhập các hiệp định thương mại quốc tế, như Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA)<sup>28</sup>, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP),<sup>29</sup> đã giúp thực hành kinh doanh có trách nhiệm ngày càng được chú trọng. Để thúc đẩy kinh doanh có trách nhiệm, điều quan trọng là cần hiểu vì sao các doanh nghiệp trên toàn cầu, và ngày càng nhiều doanh nghiệp ở Việt Nam, lồng ghép trách nhiệm doanh nghiệp vào hoạt động của mình.

19 VBCSD, ‘Về chúng tôi’. Thông tin có tại: <http://en.vbcsvn/about.asp>. Truy cập ngày 31/8/2020.

20 Nt. Chương trình đánh giá và công bố các doanh nghiệp bền vững tại Việt Nam 2019.

21 Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Hội đồng Doanh nhân nữ Việt Nam (VWEC). Thông tin có tại: <http://vwec.com.vn/>. Truy cập ngày 18/7/2020.

22 UNGP. Nguyên tắc 11, Nguyên tắc nền tảng A (Ct. 2).

23 Tổ chức Lao động quốc tế (ILO), ‘Các phê chuẩn cho Việt Nam’. Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=1000:11200:0:NO:11200:P11200\\_COUNTRY\\_ID:103004](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=1000:11200:0:NO:11200:P11200_COUNTRY_ID:103004). Truy cập ngày 31/8/2020. Để biết thêm về quyền lao động tại Việt Nam, xem Chương 3 của Đánh giá này.

24 Quỹ Nhi đồng LHQ tại Việt Nam (UNICEF Việt Nam), ‘Doanh nghiệp phát triển vì trẻ em’. Thông tin có tại: <https://www.unicef.org/vietnam/better-business-children>. Truy cập ngày 31/8/2020.

25 LHQ tại Việt Nam, ‘Thúc đẩy bình đẳng giới thông qua sửa đổi Bộ luật Lao động’, (2018). Thông tin có tại: <https://vietnam.un.org/en/4162-promoting-gender-equality-through-revision-labour-code>. Truy cập ngày 31/8/2020.

26 Tổ chức Di cư quốc tế (IOM), ‘Trách nhiệm doanh nghiệp trong xóa bỏ nô lệ hóa và mua bán người (CREST)’. Thông tin có tại: <https://crest.iom.int/>. Truy cập ngày 31/8/2020.

27 UNDP Việt Nam, ‘Khóa đào tạo Quyền con người và Kinh Doanh đầu tiên cho cán bộ của Chính phủ Việt Nam’, (2018). Thông tin có tại: <http://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/presscenter/articles/2018/04/18/first-business-and-human-rights-training-for-government-officials-in-viet-nam.html>. Truy cập ngày 31/8/2020.

28 VCCI, Hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu (EVFTA), (2020). Thông tin có tại: <https://trungtamwto.vn/chuyen-de/8445-van-kien-hiep-dinh-evfta-evipa-va-cac-tom-tat-tung-chuong>. Truy cập ngày 10/8/2020.

29 VCCI, Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP), (2018). Thông tin có tại: <https://trungtamwto.vn/fta/175-cptpp-tpp11/1>. Truy cập ngày 10/5/2020.

## 1.2. Động lực thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm

Động lực chủ đạo cho sự phát triển các sáng kiến CSR trên toàn cầu và ở Việt Nam chính là sự gia tăng nhận thức về “hiệu quả kinh doanh” khi thực hiện trách nhiệm doanh nghiệp, nói cách khác, việc tôn trọng các tiêu chuẩn xã hội và môi trường có thể giúp cho các doanh nghiệp hạn chế rủi ro kinh doanh, mở rộng thị trường, phát triển nguồn khách hàng và đảm bảo tăng trưởng bền vững. Ngày càng có nhiều đồng thuận giữa các doanh nghiệp trong việc áp dụng khung “tam giác bền vững” (Triple bottom lines), thước đo hiệu quả về tài chính, xã hội và môi trường của doanh nghiệp để đảm bảo tăng trưởng bền vững.<sup>30</sup>

Yếu tố đầu tiên là sự phát triển của chủ nghĩa tiêu dùng có đạo đức với những đòi hỏi ngày càng khắt khe về cách thức sản xuất sản phẩm và phân phối dịch vụ, đây cũng là yếu tố đặc biệt quan trọng với các thương hiệu lớn. Trong bối cảnh như vậy, các thương hiệu lớn phải đối mặt với rủi ro mất uy tín nghiêm trọng nếu liên quan đến các hành vi thiếu trách nhiệm.<sup>31</sup>

Thứ hai, các nhà đầu tư đang ngày càng trở nên thận trọng khi đánh giá lợi nhuận tài chính trong tương lai bằng cách áp dụng Khung đánh giá Môi trường, Xã hội và Quản trị (ESG), theo đó tập trung phân tích tài chính các yếu tố ESG của một doanh nghiệp có thể đầu tư. Tác động tiêu cực đến lợi nhuận đầu tư từ những rủi ro tiềm ẩn hoặc hiện hữu do việc vi phạm các tiêu chuẩn xã hội và môi trường đang ngày càng được quan tâm thông qua việc các nhà đầu tư đang tăng cường chú ý đến các yếu tố ESG; do đó, các nước đang phát triển cần xem xét thực tế này trong hoạt động thu hút đầu tư.

Thứ ba, nhiều quốc gia đã nhận ra rủi ro tiềm ẩn từ các hành vi kinh doanh thiếu trách nhiệm đối với xã hội và môi trường, từ đó đã tăng cường điều chỉnh hoạt động của

doanh nghiệp, ví dụ như Đạo luật chống nô lệ thời hiện đại năm 2015 của Anh,<sup>32</sup> và Luật về nghĩa vụ cẩn trọng của doanh nghiệp năm 2017 của Pháp.<sup>33</sup> Hơn nữa, khi tăng cường quan hệ đối tác với khu vực kinh tế tư nhân để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững, các Chính phủ cần giám sát kỹ lưỡng hơn hoạt động hỗ trợ cộng đồng địa phương của doanh nghiệp. Ví dụ, Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững của LHQ (Chương trình nghị sự 2030) kêu gọi thúc đẩy một khu vực kinh doanh năng động, góp phần thúc đẩy sự phát triển bền vững đồng thời vẫn phải tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm UNGP.<sup>34</sup>

Việc các tổ chức phi chính phủ, truyền thông và công đoàn tăng cường nhận thức về việc doanh nghiệp vi phạm các tiêu chuẩn xã hội và môi trường, cùng với sự trao đổi thông tin trực tuyến dễ dàng đã tạo thêm áp lực buộc các doanh nghiệp phải hành xử có trách nhiệm. Nhiều hiệp hội ngành hàng đã nhận ra những rủi ro trên và tiến hành xây dựng các sáng kiến bền vững để bảo vệ danh tiếng các doanh nghiệp trong ngành như Sáng kiến Lao động có trách nhiệm do Hiệp hội doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp điện tử (EICC)<sup>35</sup> thực hiện hay tài liệu đánh giá tác động và ý nghĩa của UNGP trong nghiệp vụ ngân hàng đầu tư và dịch vụ ngân hàng doanh nghiệp của Nhóm Ngân hàng Thun.<sup>36</sup>

Các minh chứng cụ thể về “hiệu quả kinh doanh” nhờ thực hiện trách nhiệm xã hội ngày càng khiến các doanh nghiệp khó có thể bỏ qua. Nghiên cứu năm 2014 của Giáo sư Robert G. Eccles, Trường Kinh doanh

30 The Economist, “Khung tam giác bền vững”, (ngày 17/11/2009). Thông tin có tại: <https://www.economist.com/news/2009/11/17/triple-bottom-line>. Truy cập ngày 31/8/2020.

31 Nielsen, ‘Sự phát triển bền vững tiếp tục trên đà tăng trưởng đối với người tiêu dùng Singapore và Đông Nam Á’, (2015). Thông tin có tại: <https://www.nielsen.com/sg/en/press-releases/2015/sustainability-continues-to-gain-momentum-among-singaporeans-and-south-east-asian-consumers/>. Truy cập ngày 06/9/2020.

32 Đạo luật Chống nô lệ thời hiện đại (Vương quốc Anh), (2015). Thông tin có tại: <https://www.legislation.gov.uk/ukpga/2015/30/contents/enacted>. Truy cập ngày 06/9/2020.

33 Luật về Nghĩa vụ cẩn trọng của doanh nghiệp (Pháp), (2017). Thông tin có tại: <http://www.respect.international/french-corporate-duty-of-vigilance-law-english-translation/>. Truy cập ngày 06/9/2020.

34 LHQ, ‘Thay đổi thế giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030’. Thông tin có tại: <https://sustainabledevelopment.un.org/sdgs>. Truy cập ngày 14/01/2020.

35 Hiệp hội doanh nghiệp hoạt động trong ngành công nghiệp điện tử (EICC), ‘Sáng kiến lao động có trách nhiệm’. Thông tin có tại: <http://www.responsiblebusiness.org/initiatives/rli/>. Truy cập ngày 31/8/2020.

36 Nhóm Ngân hàng Thun, ‘Báo cáo về ảnh hưởng của UNGP Nguyên tắc 13b và 17 về hoạt động ngân hàng đầu tư và doanh nghiệp’, (2017). Thông tin có tại: <https://www.business-humanrights.org/en/thun-group-of-banks-releases-new-discussion-paper-on-implications-of-un-guiding-principles-for-corporate-investment-banks>. Truy cập ngày 31/8/2020.

Harvard, đã xem xét hiệu suất hoạt động của các doanh nghiệp có 'tính bền vững cao' so với các doanh nghiệp có 'tính bền vững thấp' ở Hoa Kỳ trong 18 năm. Các doanh nghiệp có tính bền vững cao có kết quả hoạt động vượt trội hơn so với doanh nghiệp có tính bền vững thấp, trên cả thị trường chứng khoán và các chỉ số kế toán.<sup>37</sup>

Liên quan đến vốn nhân lực, Công ty McKinsey & Company ước tính "các công ty nằm trong nhóm hàng đầu về đa dạng giới có khả năng đạt được lợi nhuận tài chính cao hơn 15% so với mức trung bình của toàn ngành."<sup>38</sup> Về đầu tư, các tài sản đầu tư áp dụng tiêu chí 'Đầu tư có trách nhiệm xã hội (SRI)' đã tăng 25% trên toàn thế giới trong giai đoạn 2014-2016, với tổng giá trị là 23 nghìn tỷ USD.<sup>39</sup> Tài sản SRI ở châu Á có tiềm năng tăng trưởng lớn do sự gia tăng liên tục số lượng người tiêu dùng tại khu vực này, đặc biệt người tiêu dùng có đạo đức sinh trong thập niên 80 và 90.

Hiệu quả từ thực hành kinh doanh có trách nhiệm ngày càng lớn đã giúp nhiều Chính phủ nhận thức tầm quan trọng của việc xây dựng luật pháp và chính sách để tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế nhằm thu hút dòng vốn FDI có trách nhiệm và bền vững. Điều này cũng giúp các doanh nghiệp nắm rõ các mục tiêu tăng trưởng kinh tế dài hạn của đất nước, cũng như những đảm bảo cần thiết để quyết định đầu tư có quy mô lớn và dài hạn hơn. Việc tìm hiểu khung pháp lý về thực hành kinh doanh có trách nhiệm ở Việt Nam sẽ giúp xác định những khoảng trống còn tồn tại trong luật pháp và chính sách hiện hành mà có thể gây cản trở động lực tăng trưởng kinh tế mới này, giúp Việt Nam vừa duy trì tính cạnh tranh của nền kinh tế, vừa tuân thủ cam kết quốc tế về xã hội và môi trường.

37 Eccles, R.G., Ioannou, J., Serafeim, G., 'Tác động của cách tiếp cận doanh nghiệp bền vững lên hiệu quả hoạt động và các quy trình tổ chức', Tạp chí Management Science, Tập 60, Số 11, (2014). Thông tin có tại: [https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract\\_id=1964011](https://papers.ssrn.com/sol3/papers.cfm?abstract_id=1964011). Truy cập ngày 31/8/2020. Trang 2835-2857.

38 Công ty McKinsey & Company, 'Tại sao sự đa dạng quan trọng', (2015). Thông tin có tại: <https://www.mckinsey.com/~/media/McKinsey/Business%20Functions/Organization/Our%20Insights/Why%20diversity%20matters/Why%20diversity%20matters.pdf>. Truy cập ngày 31/08/2020.

39 Liên minh Phát triển bền vững toàn cầu (GSIA), 'Đánh giá đầu tư phát triển bền vững trên toàn cầu', (2016). Thông tin có tại: [http://www.gsi-alliance.org/wp-content/uploads/2017/03/GSIR\\_Review2016.F.pdf](http://www.gsi-alliance.org/wp-content/uploads/2017/03/GSIR_Review2016.F.pdf). Truy cập ngày 22/9/2020. Trang 7.

## 1.3 Mục đích

Mục đích của Đánh giá sơ bộ là đánh giá hiện trạng luật pháp, quy định, chính sách và chương trình tại Việt Nam trong mối liên hệ với UNGP. Để đạt được mục đích này, UNGP được sử dụng là khung phân tích cơ bản để đánh giá luật pháp, quy định và chính sách hiện hành, từ đó nhận diện khoảng trống và đề xuất các biện pháp cần thiết để thực hiện hiệu quả UNGP tại Việt Nam. Đánh giá sơ bộ sẽ trình bày thông tin kỹ thuật ban đầu nhằm hỗ trợ các cơ quan Chính phủ có liên quan xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Theo hướng dẫn chính thức của UNWG, một trong những 'tiêu chí thiết yếu' của quy trình xây dựng NAP là: "NAP cần phải dựa trên bối cảnh cụ thể và giải quyết các rủi ro về kinh doanh có trách nhiệm đã hoặc có khả năng xảy ra tại quốc gia."<sup>40</sup> UNWG khuyến nghị 3 bước đầu tiên mà các quốc gia cần thực hiện để xây dựng NAP là: "Hiểu rõ tác động tiêu cực của việc vi phạm quyền con người trong hoạt động kinh doanh... Xác định các khoảng trống trong việc thực thi UNGP của Nhà nước và doanh nghiệp... [và] Tham vấn các bên liên quan và xác định các lĩnh vực ưu tiên."<sup>41</sup> Theo đó, mục đích của Đánh giá sơ bộ nhằm góp phần vào những bước đầu xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia cho Việt Nam.

Đánh giá sơ bộ sẽ xác định các vấn đề xã hội và môi trường nổi bật liên quan đến hoạt động kinh doanh tại Việt Nam, bao gồm các vấn đề cụ thể và đặc thù của các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương. Đánh giá này cũng đưa ra khuyến nghị tập trung hướng dẫn các yếu tố then chốt trong NAP của Việt Nam. Đánh giá có hai mục tiêu cụ thể sau:

1. Đánh giá sự phù hợp giữa khung pháp lý của Việt Nam với việc thực hiện UNGP và các cam kết quốc tế khác liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm thông qua phân tích luật pháp, quy định và chính sách hiện hành có liên quan.

40 UNWG, 'Hướng dẫn Kế hoạch hành động quốc gia về kinh doanh và quyền con người', Trang 3 (Ct. 8).

41 Nt.



2. Xác định các khoảng trống liên quan và đề xuất các khuyến nghị cho Chính phủ Việt Nam để tập trung nỗ lực hướng tới xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Đây không phải là đánh giá toàn diện hoặc thay thế cho ‘Đánh giá cơ sở quốc gia’ theo khuyến nghị của UNWG.<sup>42</sup> Thay vào đó, mục tiêu của đánh giá này là góp phần cung cấp thông tin cơ bản hữu ích để hỗ trợ đối thoại giữa các bên liên quan và quá trình xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia của Chính phủ Việt Nam.

## 1.4 Phương pháp luận

Đánh giá sơ bộ áp dụng phương pháp phù hợp với Hướng dẫn xây dựng NAP của UNWG ban hành.<sup>43</sup> Ngoài ra, Đánh giá sơ bộ cũng dựa trên hướng dẫn về các thông lệ quốc tế tốt hiện có về xây dựng NAP và các đánh giá cơ sở có liên quan.<sup>44</sup>

### Khung nghiên cứu tiêu chuẩn

UNGP là khung nghiên cứu tiêu chuẩn của Đánh giá sơ bộ. Đánh giá được thực hiện dựa trên hướng dẫn chính thức về NAP của UNWG, theo đó một trong những ‘tiêu chí thiết yếu’ là: “NAP cần phải được xây dựng trên cơ sở của UNGP. Là một công cụ để thực hiện UNGP, NAP cần phản ánh đầy đủ các nghĩa vụ của Nhà nước theo luật pháp quốc tế để bảo vệ và chống lại các tác động bất lợi liên quan đến hoạt động kinh doanh và đưa ra giải pháp hiệu quả để khắc phục.”<sup>45</sup>

42 Nt. Trang 7.

43 Nt.

44 Cụ thể, bao gồm: Cơ quan Nhân quyền Đan Mạch (DIHR) và Liên minh Bàn tròn thảo luận Trách nhiệm giải trình của doanh nghiệp (ICAR), ‘Bộ công cụ cho kế hoạch hành động quốc gia về kinh doanh và quyền con người’, (Phiên bản 2017). Thông tin có tại: <https://mk-Oglobalnapshvllfq4.kinstacdn.com/wp-content/uploads/2018/01/national-action-plans-on-business-and-human-rights-toolkit-2017-edition.pdf> và Mẫu đánh giá đường cơ sở quốc gia có liên quan của nó (tháng 6/2018), thông tin có tại: <https://globalnaps.org/wp-content/uploads/2018/06/dihr-icar-national-baseline-assessment-template-june-2018-road-testing-Phiên bản.pdf>. Tham khảo chung bổ sung đã được thực hiện cho báo cáo về chuyến thăm quốc gia chính thức của UNWG (thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Business/Pages/WGCountryVisits.aspx>) cũng như loạt ‘Quyền con người và Hướng dẫn quốc gia về kinh doanh do Cơ quan Nhân quyền Đan Mạch phát triển’, thông tin có tại: <https://globalnaps.org/human-rights-and-business-country-guides/>. Truy cập ngày 31/8/2020.

45 UNWG, ‘Hướng dẫn về Kế hoạch Hành động Quốc gia về Kinh doanh và Nhân quyền’. Trang 1 (Ct. 8).

Được UNHRC nhất trí thông qua vào năm 2011, UNGP là tiêu chuẩn có tính chất toàn cầu về kinh doanh và quyền con người. UNGP đã được lồng ghép vào các khuôn khổ quốc tế quan trọng về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, như Tuyên bố về Doanh nghiệp đa quốc gia của ILO,<sup>46</sup> Hướng dẫn của OECD,<sup>47</sup> Tiêu chuẩn ISO 26000 do Tổ chức Tiêu chuẩn hóa Quốc tế ban hành,<sup>48</sup> Khung phát triển bền vững và Tiêu chuẩn hoạt động của Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC),<sup>49</sup> Hướng dẫn báo cáo phát triển bền vững của Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI),<sup>50</sup> Hiệp ước Toàn cầu của LHQ (UNGC),<sup>51</sup> và nhiều văn bản khác.

Ở Đông Nam Á, Ủy Ban liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR) đã thực hiện phân tích cơ sở vào năm 2014, công nhận UNGP là khuôn khổ quốc tế cơ bản có tính hướng dẫn cho sự phát triển trong khu vực ASEAN.<sup>52</sup> Ở các khu vực khác, Ủy ban châu Âu ủng hộ UNGP vào năm 2011 và cam kết hỗ trợ thực hiện các nguyên tắc này, kêu gọi tất cả các quốc gia thành viên Liên minh châu Âu xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia.<sup>53</sup> Ủy ban Bộ trưởng của Ủy hội Châu Âu,<sup>54</sup> Tổ chức các Quốc gia châu Mỹ,<sup>55</sup> Liên minh châu Phi đều tuyên bố

46 ILO, ‘Tuyên bố ba bên của ILO về các Nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội (Tuyên bố về doanh nghiệp đa quốc gia)’, Phiên bản thứ 5, (2017). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/empent/Publications/WCMS\\_094386/lang-en/index.htm](https://www.ilo.org/empent/Publications/WCMS_094386/lang-en/index.htm). Truy cập ngày 31/8/2020.

47 OECD, ‘Hướng dẫn của OECD dành cho các Doanh nghiệp đa quốc gia’. Thông tin có tại: <https://mneguidelines.oecd.org/guidelines/>. Truy cập ngày 31/8/2020.

48 Tổ chức Tiêu chuẩn hóa quốc tế (ISO), ‘ISO 26000 - Trách nhiệm xã hội’. Thông tin có tại: <https://www.iso.org/iso-26000-social-responsibility.html>. Truy cập ngày 31/8/2020.

49 Tổ chức Tài chính quốc tế (IFC), ‘Khung bền vững’, (2012). Thông tin có tại: [https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics\\_ext\\_content/ifc\\_external\\_corporate\\_site/sustainability-at-ifc/policies-standards/sustainability+framework](https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/topics_ext_content/ifc_external_corporate_site/sustainability-at-ifc/policies-standards/sustainability+framework). Truy cập ngày 31/8/2020.

50 Sáng kiến Báo cáo toàn cầu (GRI). Thông tin có tại: <https://www.globalreporting.org/Pages/default.aspx>. Truy cập ngày 31/8/2020.

51 UN Global Compact. Thông tin có tại: <https://www.unglobalcompact.org/>. Xem thêm Báo cáo về phiên họp thứ 29 của UNHRC [UN Doc A/HRC/29/28], (2015). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Business/Pages/Reports.aspx>. Truy cập ngày 31/8/2020.

52 Cơ quan liên Chính phủ ASEAN về Nhân quyền (AICHR), ‘Nghiên cứu cơ bản về mối quan hệ giữa trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và quyền con người’, (2014). Thông tin có tại: <https://www.asean-csr-network.org/c/images/ASEANBaselineStudyonCSRandHRFINAL.pdf>. Truy cập ngày 12/09/2020.

53 Ủy ban Châu Âu, ‘Truyền thông về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp’, (Tài liệu số 52011DC0681), (2011). Thông tin có tại: <https://eur-lex.europa.eu/legal-content/EN/TXT/?uri=CELEX%3A52011DC0681>. Truy cập ngày 31/08/2020.

54 Hội đồng Châu Âu, ‘Tuyên bố của Ủy ban Bộ trưởng về UNGP’, (2014). Thông tin có tại: [https://search.coe.int/cm/Pages/result\\_details.aspx?ObjectId=09000016805c6ee3](https://search.coe.int/cm/Pages/result_details.aspx?ObjectId=09000016805c6ee3). Truy cập ngày 31/8/2020.

sẽ ủng hộ hoặc cam kết hỗ trợ thực hiện UNGP.<sup>56</sup>

UNGP dựa trên ba trụ cột: (1) Nghĩa vụ của quốc gia trong việc bảo vệ và chống lại vi phạm quyền con người do doanh nghiệp gây ra thông qua các chính sách, quy định và

xét xử thích hợp; (2) Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tôn trọng quyền con người; và (3) Sự tiếp cận các biện pháp khắc phục tư pháp và phi tư pháp hiệu quả của các nạn nhân bị ảnh hưởng do tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh (xem hình bên dưới).

NGUYÊN TẮC HƯỚNG DẪN CỦA LHQ VỀ KINH DOANH VÀ QUYỀN CON NGƯỜI - KHUÔN KHỔ BẢO VỆ, TÔN TRỌNG VÀ KHẮC PHỤC		
Bảo vệ	Tôn trọng	Khắc phục
Nhà nước có nghĩa vụ bảo vệ quyền con người	Trách nhiệm của doanh nghiệp là tôn trọng quyền con người	Tiếp cận biện pháp khắc phục
Nghĩa vụ của các quốc gia là tôn trọng, bảo vệ và thực hiện các quyền con người và các tự do cơ bản.	Với vai trò là tổ chức xã hội thực hiện các chức năng khác nhau, doanh nghiệp cần tuân thủ tất cả quy định pháp luật hiện hành và tôn trọng quyền con người.	Quyền và nghĩa vụ cần phải tương thích với các biện pháp khắc phục phù hợp và hiệu quả khi xảy ra vi phạm.

### Câu hỏi nghiên cứu

Đánh giá sơ bộ này nhằm trả lời cho các câu hỏi nghiên cứu chính sau đây:

1. Luật, quy định và chính sách nào đã được thông qua nhằm mục đích hoặc ảnh hưởng đến việc thực hành kinh doanh có trách nhiệm quan trọng ở Việt Nam?
2. Pháp luật, quy định và chính sách nào đã được thông qua để bảo vệ quyền của các nhóm dễ bị tổn thương, yếu thế ở Việt Nam khỏi các tác động bất lợi liên quan đến kinh doanh?
3. Việt Nam có những cơ chế và cơ chế giải quyết khiếu nại tư pháp, phi tư pháp của Nhà nước, và phi Nhà nước nào dành cho nạn nhân bị thiệt hại liên quan đến kinh doanh?
4. Những quy định và chính sách nêu trên đã giúp Việt Nam đáp ứng các cam kết quốc tế về kinh doanh có trách nhiệm như thế nào?
5. Pháp luật và chính sách trong những lĩnh vực nào nên được ưu tiên sửa đổi để tiệm cận hơn với các cam kết quốc tế về kinh doanh có trách nhiệm?

55 Tổ chức các quốc gia Châu Mỹ, 'Tuyên bố về Tăng cường và bảo vệ quyền con người trong kinh doanh', AG/RES. 2840 (XLIV-O/14), (2014). Thông tin có tại: [https://www.oas.org/en/sla/dil/docs/AG-RES\\_2840\\_XLIV-O-14.pdf](https://www.oas.org/en/sla/dil/docs/AG-RES_2840_XLIV-O-14.pdf). Truy cập ngày 31/8/2020.

56 OHCHR, "LHQ và Liên minh châu Phi cam kết tăng cường chương trình kinh doanh và nhân quyền tại châu Phi", Thông cáo báo chí, (18/9/2014). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/NewsEvents/Pages/DisplayNews.aspx?NewsID=15053&LangID=E>. Truy cập ngày 31/8/2020.

## Nguồn tài liệu

Đánh giá sơ bộ này được thực hiện trên cơ sở nghiên cứu các nguồn tài liệu đã công bố, bao gồm tài liệu sơ cấp như văn bản pháp luật, quy định, chính sách và chương trình của Chính phủ, và tài liệu thứ cấp liên quan, như báo cáo do các cơ quan chuyên môn của LHQ ban hành. Đánh giá có tham khảo các cam kết quốc tế của Việt Nam theo luật quốc tế về quyền con người, các tiêu chuẩn lao động quốc tế và các văn kiện quốc tế khác có liên quan, cũng như các điều khoản của các hiệp định thương mại và đầu tư quốc tế mà Việt Nam đã tham gia như CPTPP và EVFTA. Tham vấn chuyên gia đã được tiến hành nhằm thông báo định hướng chung của Đánh giá sơ bộ và những bản dự thảo tiếp theo.

## Cấu trúc

Chương tiếp theo, Chương 2 về Pháp luật Doanh nghiệp và Đầu tư, được cấu trúc dựa trên báo cáo do Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký LHQ đệ trình về vấn đề quyền con người và các tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác, cụ thể là Phụ lục về 'Quyền con người và luật doanh nghiệp: Các xu hướng và quan sát từ một nghiên cứu xuyên quốc gia được thực hiện bởi Đại diện đặc biệt'.<sup>57</sup> Pháp luật doanh nghiệp và chứng khoán được xem xét song song với pháp luật đầu tư với mục đích đánh giá các pháp luật này góp phần nâng cao thực hành kinh doanh có trách nhiệm như thế nào. Cấu trúc của phần này như sau: thứ nhất, đánh giá khung pháp lý ở Việt Nam, bao gồm cả thành lập và niêm yết, trách nhiệm của các vị trí lãnh đạo và quy định báo cáo; thứ hai, đánh giá khung thể chế gồm các bộ và cơ quan có trách nhiệm quản lý các lĩnh vực liên quan đến quản lý thực hành kinh doanh có trách nhiệm theo pháp luật doanh nghiệp và đầu tư; và thứ ba, đưa ra khuyến nghị nhằm tăng cường khung pháp lý về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

Chương 3 về Quyền Lao động, Chương 4 về Doanh nghiệp và Cộng đồng, Chương 5 về thực hành kinh doanh có trách nhiệm đối với các nhóm yếu thế, và Chương 6 về Các biện pháp khắc phục, đều có chung cấu trúc như sau: Thứ nhất, rà soát các cam kết quốc tế về thúc đẩy hoạt động kinh doanh có trách nhiệm liên quan đến Việt Nam, bao gồm các hiệp ước, công ước quốc tế và các khuôn khổ khác; thứ hai, rà soát khuôn khổ pháp lý tại Việt Nam liên quan đến hoạt động kinh doanh có trách nhiệm, bao gồm các luật, quy định và các văn bản quy phạm hướng dẫn thi hành; thứ ba, rà soát khung thể chế, bao gồm các bộ và cơ quan có thẩm quyền của chính phủ chịu trách nhiệm quản lý các lĩnh vực liên quan đến hoạt động kinh doanh có trách nhiệm, và; thứ tư, đưa ra khuyến nghị về việc tăng cường khuôn khổ pháp lý về thực hành kinh doanh có trách nhiệm.

## Quy trình

Theo hướng dẫn chính thức về NAP của UNWG, một trong những 'tiêu chí thiết yếu' của quy trình xây dựng NAP là: "NAP cần được xây dựng theo một quy trình minh bạch và có sự tham gia của các bên. Các bên liên quan cần được phép tham gia vào quá trình xây dựng NAP và quan điểm của họ cần phải được xem xét. Ở mọi giai đoạn của quy trình, cần chia sẻ thông tin một cách minh bạch."<sup>58</sup> Như đã trình bày ở trên, các vòng tham vấn với các chuyên gia về thực hành kinh doanh có trách nhiệm đã được thực hiện trong quá trình phát triển Đánh giá sơ bộ này. UNDP đã thành lập Nhóm tư vấn kỹ thuật (TAG) gồm các bên liên quan chủ chốt để hướng dẫn thực hiện đánh giá.

<sup>57</sup> UNHRC, 'Quyền con người và pháp luật doanh nghiệp' (Ct. 1)

<sup>58</sup> UNWG, 'Hướng dẫn về kế hoạch hành động quốc gia về kinh doanh và quyền con người' (Ct. 8).

CHƯƠNG 2

# LUẬT DOANH NGHIỆP, ĐẦU TƯ



## 2.1 Luật Doanh nghiệp

Theo UNGP, các quốc gia cần đảm bảo “các luật và chính sách điều chỉnh việc thành lập và hoạt động của các doanh nghiệp như Luật Doanh nghiệp không được kìm hãm mà phải trao quyền, khuyến khích doanh nghiệp tôn trọng quyền con người.”<sup>59</sup> Phần này đánh giá pháp luật doanh nghiệp tại Việt Nam từ góc nhìn của UNGP, với mục tiêu cụ thể là xác định cách thức, mức độ, và liệu Luật Doanh nghiệp của Việt Nam có khuyến khích hoặc gây trở ngại cho hoạt động kinh doanh có trách nhiệm hay không. Dựa trên quan điểm đó, như đã trình bày ở trên, Nhóm nghiên cứu đã xem xét các yêu cầu về quy định thành lập và niêm yết doanh nghiệp, cơ quan quản lý doanh nghiệp và hoạt động chứng khoán, sàn giao dịch chứng khoán, trách nhiệm của lãnh đạo doanh nghiệp, và quy định báo cáo của doanh nghiệp thông qua đánh giá khung pháp lý và các cơ quan có thẩm quyền thi hành luật doanh nghiệp.

### Khung pháp lý

Hiến pháp Việt Nam 2013 tạo cơ sở pháp lý cho mọi người được hưởng quyền “tự do kinh doanh,”<sup>60</sup> và nêu rõ Nhà nước tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp “đầu tư, sản xuất và kinh doanh.”<sup>61</sup> Hiến pháp yêu cầu các chủ thể kinh tế phải “hợp tác và cạnh tranh theo pháp luật.”<sup>62</sup>

Khung pháp lý chính đối với doanh nghiệp là Luật Doanh nghiệp (2014, sửa đổi 2020),<sup>63</sup> Luật Đầu tư (2014, sửa đổi 2020),<sup>64</sup> và Luật Chứng khoán 2019<sup>65</sup>.

59 UNGP. Nguyên tắc 3 (Ct. 2).

60 Hiến pháp nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam, được Quốc hội thông qua ngày 28/11/2013. Thông tin có tại: [https://moj.gov.vn/vbqp/lists/vn%20bn%20php%20lut/view\\_detail.aspx?itemid=28814](https://moj.gov.vn/vbqp/lists/vn%20bn%20php%20lut/view_detail.aspx?itemid=28814). Truy cập ngày 26/8/2019. Điều 33.

61 Nt. Điều 51.3.

62 Nt. Điều 51.2.

63 Luật Doanh nghiệp 2014, Luật số 68/2014/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqp-luocdo.aspx?itemid=46751>. Truy cập ngày 18/9/2020; Luật Doanh nghiệp 2020, Luật số 59/2020/QH14. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqp-toanvan.aspx?itemid=142881&Keyword=lu%E1%BA%ADt%20doanh%20nghe%E1%BB%87p%202020>. Truy cập ngày 18/9/2020.

64 Luật Đầu tư 2014, Luật số 67/2014/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqp-toanvan.aspx?itemid=46750>. Luật Đầu Tư 2020, Luật số 61/2020/QH14. <http://vbpl.vn/bokehoachvadautu/pages/vbqp-luocdo.aspx?itemid=142867&dvid=312>. Truy cập ngày 11/7/2020.

65 Luật Chứng khoán 2019, Luật số 54/2019/QH14. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=198541](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=198541). Truy cập ngày 28/5/2020.

Luật Doanh nghiệp quy định việc thành lập, tổ chức quản lý, tái cơ cấu, giải thể và các hoạt động liên quan khác của doanh nghiệp bao gồm công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, công ty hợp danh, doanh nghiệp tư nhân, và nhóm công ty.<sup>66</sup> Luật Doanh nghiệp 2020 đã được Quốc hội thông qua vào tháng 6/2020 và có hiệu lực vào ngày 01/01/2021 (Luật Doanh nghiệp 2020).

Luật Đầu tư áp dụng cho các nhà đầu tư, tổ chức và cá nhân khác tham gia hoạt động đầu tư kinh doanh, và điều chỉnh hoạt động đầu tư vào Việt Nam cũng như từ Việt Nam ra nước ngoài.<sup>67</sup> Luật Đầu tư sửa đổi được Quốc hội thông qua vào tháng 6/2020 và có hiệu lực vào ngày 01/01/2021 (Luật Đầu tư 2020).

Luật Chứng khoán 2019 hiện là văn bản quy phạm pháp luật chính về lĩnh vực chứng khoán,<sup>68</sup> được Quốc hội thông qua vào tháng 11/2019 và sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.<sup>69</sup>

### • Doanh nghiệp Nhà nước

Theo UNGP “Các quốc gia cần có thêm các biện pháp bảo vệ để chống lại lạm dụng quyền con người do các doanh nghiệp Nhà nước sở hữu hoặc kiểm soát hoặc nhận được hỗ trợ và dịch vụ đáng kể từ các cơ quan nhà nước ... bằng cách, nếu phù hợp, yêu cầu tiến hành rà soát, đánh giá tác động của hoạt động kinh doanh đối với quyền con người.”<sup>70</sup> UNGP giải thích thêm: “Khi một doanh nghiệp bị Nhà nước kiểm soát hoặc khi hoạt động của doanh nghiệp đó để phục vụ Nhà nước, việc doanh nghiệp lạm dụng quyền con người có thể dẫn đến vi phạm nghĩa vụ pháp lý quốc tế của Nhà nước. Hơn nữa, khi một doanh nghiệp càng gắn kết với Nhà nước, hoặc càng dựa vào thẩm quyền theo luật định hay hỗ trợ từ người nộp thuế, thì Nhà nước càng có thêm cơ sở để đảm bảo doanh nghiệp đó tôn trọng quyền con người. Khi Nhà nước sở hữu hoặc kiểm soát doanh nghiệp, họ có

66 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 1; Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 1 (Ct. 63).

67 Luật Đầu tư 2014. Điều 1, 2; Luật Đầu tư 2020. Điều 1, 2 (Ct. 64).

68 Luật Chứng khoán 2019 (Ct. 65).

69 Nt.

70 UNGP. Nguyên tắc 4 (Ct. 2).

công cụ mạnh mẽ nhất trong quyền hạn của mình để đảm bảo các chính sách, luật pháp và quy định liên quan đến tôn trọng quyền con người được thực thi.<sup>71</sup>

Luật Doanh nghiệp quy định về việc thành lập và hoạt động của Doanh nghiệp nhà nước (DNNN).<sup>72</sup> DNNN hoạt động dưới sự giám sát của Hội đồng thành viên, với các quyền và nghĩa vụ quyết định các vấn đề, bao gồm cả những nội dung được quy định trong Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp 2014.<sup>73</sup> Luật này quy định “đầu tư, quản lý và sử dụng vốn nhà nước trong một doanh nghiệp...phải tuân thủ các thỏa thuận quốc tế mà Việt Nam ký kết.”<sup>74</sup>

Trách nhiệm của các thành viên trong Hội đồng thành viên của DNNN là: “Thực hiện các quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm tối đa lợi ích hợp pháp của công ty và Nhà nước.”<sup>75</sup> Cơ quan đại diện cho Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu của doanh nghiệp được phép quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng hoặc kỷ luật thành viên của Hội đồng thành viên của DNNN,<sup>76</sup> kể cả trường hợp công ty không hoàn thành mục tiêu hoặc kết quả đề ra trong kế hoạch hàng năm, hoặc khi thành viên “hành động không trung thực” trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.<sup>77</sup> Luật Doanh nghiệp không quy định cụ thể về đại diện giới hoặc đại diện của các bên liên quan như người lao động hoặc thành viên cộng đồng tham gia Hội đồng thành viên của DNNN.

Chủ tịch Hội đồng thành viên của DNNN do cơ quan đại diện cho Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu của doanh nghiệp chỉ định.<sup>78</sup> Một

trong những nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là phải hành động theo Luật Quản lý và sử dụng vốn nhà nước.<sup>79</sup> Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch Hội đồng thành viên, trong phạm vi quyền hạn của mình, phải “tổ chức thu thập ý kiến các chuyên gia tư vấn trong và ngoài nước trước khi đưa ra quyết định về các vấn đề quan trọng.”<sup>80</sup>

Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát của một DNNN do cơ quan đại diện Nhà nước với tư cách là chủ sở hữu của doanh nghiệp chỉ định,<sup>81</sup> và có quyền “giám sát và đánh giá hiệu lực và mức độ tuân thủ quy chế kiểm toán nội bộ, quy chế quản lý và phòng ngừa rủi ro, quy chế báo cáo và các quy chế quản trị nội bộ khác của công ty.”<sup>82</sup> Luật Doanh nghiệp yêu cầu các DNNN báo cáo định kỳ một số thông tin nhất định, nhưng không bao gồm yêu cầu công bố thông tin về ESG.<sup>83</sup> Luật Doanh nghiệp không yêu cầu nghĩa vụ cụ thể nào của DNNN đối với xã hội khi DNNN được thành lập hoặc đi vào hoạt động.<sup>84</sup>

#### • Công ty cổ phần

Luật Doanh nghiệp quy định về việc thành lập và hoạt động của các công ty cổ phần (CTCP).<sup>85</sup> Đại hội đồng cổ đông là cơ quan quyết định cấp cao nhất trong CTCP, có quyền và nghĩa vụ “thông qua định hướng phát triển của công ty,” bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm các thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên, và đưa ra quyết định đầu tư.<sup>86</sup> Các cổ đông trong CTCP có quyền tham dự, bày tỏ ý kiến và bỏ phiếu trong các đại hội đồng cổ đông.<sup>87</sup> Các cổ đông lớn có thêm một số quyền như quyền được yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông nếu Hội đồng quản

71 Nt.

72 Luật Doanh nghiệp 2014. Chương IV. Luật Doanh nghiệp 2020. Chương IV (Ct. 63).

73 Nt.

74 Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp 2014, Luật số 6/2014/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/botaichinh/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=46790&Keyword=2014>. Truy cập ngày 26/8/2019. Điều 5.8.

75 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 96.2; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 97 (Ct. 63).

76 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 90.2; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 90.2 (Ct. 63).

77 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 93; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 93.2 (Ct. 63).

78 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 98.1; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 97.1 (Ct. 63).

79 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 98.1; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 99.2 (Ct. 63).

80 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 98.4; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 99.4 (Ct. 63).

81 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 102.1; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 103.1 (Ct. 63).

82 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 102.2; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 104 (Ct. 63).

83 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 106; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 109 (Ct. 63).

84 Xem thêm UNHRC, ‘Quyền con người và pháp luật doanh nghiệp’. Đoạn 7 (Ct. 1).

85 Luật Doanh nghiệp 2014. Chương V; Luật Doanh nghiệp 2020. Chương V (Ct. 63).

86 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 135; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 138 (Ct. 63).

87 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 114; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 115 (Ct. 63).

trị vi phạm nghiêm trọng các quyền của cổ đông hoặc nghĩa vụ của người quản lý.<sup>88</sup> Các cổ đông cũng có quyền khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với bất kỳ thành viên nào của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc, khi có căn cứ về việc vi phạm nghĩa vụ pháp lý, hoặc không thực hiện đúng, đầy đủ, kịp thời “đối với quyền và nghĩa vụ được giao.”<sup>89</sup>

Hội đồng quản trị của CTCP có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.<sup>90</sup> Luật Doanh nghiệp yêu cầu Hội đồng quản trị của CTCP phải tuân thủ các quy định của pháp luật khi thực hiện các chức năng, quyền và nghĩa vụ của mình.<sup>91</sup> Trong trường hợp Hội đồng quản trị của CTCP thông qua một nghị quyết trái với pháp luật hoặc điều lệ của công ty hoặc gây tổn thất cho công ty, các thành viên Hội đồng quản trị đã đồng ý thông qua nghị quyết phải chịu trách nhiệm cá nhân và phải bồi thường thiệt hại cho công ty.<sup>92</sup> Luật Doanh nghiệp không quy định về đại diện giới hoặc đại diện của các bên liên quan như người lao động hoặc thành viên cộng đồng tham gia Hội đồng quản trị của CTCP.

Giám đốc CTCP có thẩm quyền và nghĩa vụ điều hành và quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của công ty cũng như bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh quản lý, tuyển dụng lao động.<sup>93</sup>

Ban kiểm soát của CTCP có quyền và nghĩa vụ “kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý điều hành hoạt động kinh doanh” và “rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.”<sup>94</sup> Luật Doanh nghiệp yêu cầu các CTCP công khai một số thông tin nhất định, bao gồm báo cáo hàng năm, nhưng không yêu cầu các CTCP công khai thông tin về

ESG,<sup>95</sup> mặc dù yêu cầu này áp dụng với các công ty đại chúng theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.<sup>96</sup> Luật Doanh nghiệp không đặt yêu cầu nghĩa vụ cụ thể nào của CTCP đối với xã hội khi CTCP được thành lập hoặc đi vào hoạt động.<sup>97</sup>

#### • Công ty trách nhiệm hữu hạn

Luật Doanh nghiệp quy định việc thành lập và hoạt động của công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH).<sup>98</sup> Các công ty TNHH được thành lập theo Luật Doanh nghiệp là các pháp nhân riêng biệt độc lập với chủ sở hữu; thành viên công ty TNHH chỉ chịu trách nhiệm về khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi vốn góp của họ.<sup>99</sup>

Tuy nhiên, các thành viên của công ty TNHH vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty vi phạm pháp luật hoặc thực hiện hành vi “kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của công ty và gây thiệt hại cho người khác.”<sup>100</sup> Hội đồng thành viên của công ty TNHH có nghĩa vụ ra quyết định liên quan đến công ty.<sup>101</sup> Luật Doanh nghiệp không quy định về đại diện giới hoặc đại diện các bên liên quan như người lao động hoặc thành viên cộng đồng tham gia Hội đồng thành viên của công ty TNHH.<sup>102</sup>

Giám đốc công ty TNHH có nghĩa vụ đưa ra quyết định về mọi việc liên quan đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty, ban hành các quy chế quản lý nội bộ, tuyển dụng nhân viên và quản lý, và ký kết hợp đồng nhân

88 Nt.

89 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 161; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 166 (Ct. 63).

90 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 149; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 153 (Ct. 63).

91 Nt.

92 Nt.

93 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 157; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 170 (Ct. 63).

94 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 165; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 162 (Ct. 63).

95 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 170, 171; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 175, 176 (Ct. 63).

96 Thông tư 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=182551&category\\_id=0](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=182551&category_id=0). Truy cập ngày 24/8/2019. Phụ lục 4, Mục II, Đoạn 6.

97 UNHRC. ‘Quyền con người và pháp luật doanh nghiệp’. Đoạn 7 (Ct. 1).

98 Luật Doanh nghiệp 2014. Chương III; Luật Doanh nghiệp 2020. Chương III (Ct. 63).

99 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 47; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 46 (Ct. 63).

100 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 51; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 50 (Ct. 63).

101 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 55, 56; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 54 và 55 (Ct. 63).

102 UNHRC, ‘Quyền con người và pháp luật doanh nghiệp’. Đoạn 7 (Ct. 1).

danh công ty.<sup>103</sup> Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc, Tổng giám đốc, đại diện pháp luật, kiểm soát viên và quản lý khác của công ty TNHH bao gồm “thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.”<sup>104</sup> Bất kỳ thành viên nào của công ty TNHH đều có thể khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với cá nhân nắm giữ các vị trí đã kể trên nếu vi phạm nghĩa vụ của mình do không thực hiện, hoặc thực hiện không đầy đủ, kịp thời đối với quyền và nghĩa vụ được giao.<sup>105</sup> Các kiểm soát viên có trách nhiệm giám sát Hội đồng thành viên, Giám đốc/Tổng giám đốc và chịu trách nhiệm pháp lý trong việc kiểm tra “tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng” của hoạt động kinh doanh.<sup>106</sup> Luật Doanh nghiệp không đặt yêu cầu nghĩa vụ cụ thể nào của công ty TNHH đối với xã hội khi công ty TNHH được thành lập hoặc đi vào hoạt động.<sup>107</sup>

#### • *Doanh nghiệp xã hội*

Luật Doanh nghiệp (2014) lần đầu tiên quy định về thành lập doanh nghiệp xã hội. Đây là doanh nghiệp có “mục tiêu hoạt động nhằm giải quyết vấn đề xã hội, môi trường vì lợi ích cộng đồng; và sử dụng ít nhất 51% tổng lợi nhuận sau thuế hằng năm của doanh nghiệp để tái đầu tư nhằm thực hiện mục tiêu đã đăng ký.”<sup>108</sup>

Việt Nam là một trong số ít các quốc gia trong khu vực công nhận về mặt pháp lý các doanh nghiệp xã hội. Sau đó, nhiều quốc gia cũng công nhận doanh nghiệp xã hội, ví dụ Thái Lan đã thông qua Đạo luật khuyến khích doanh nghiệp xã hội 2019. Một đặc điểm pháp lý của doanh nghiệp xã hội là được phép nhận tài trợ để bù đắp chi phí các hoạt động kinh doanh.<sup>109</sup> Chính phủ đã ban hành Nghị định 96/2015/NĐ-CP quy định

doanh nghiệp xã hội được hưởng ưu đãi đầu tư và được nhận tài trợ phi chính phủ nước ngoài nhằm giải quyết các vấn đề xã hội và môi trường theo quy định pháp luật về nhận viện trợ phi chính phủ nước ngoài.<sup>110</sup> Kể từ khi pháp luật ghi nhận hợp pháp loại hình doanh nghiệp xã hội có hiệu lực năm 2015, đến nay ước tính có khoảng 80 doanh nghiệp đã đăng ký là doanh nghiệp xã hội.<sup>111</sup>

#### • *Doanh nghiệp vừa và nhỏ*

Theo Tổng cục Thống kê Việt Nam, hơn 97% trong số khoảng 610,000 doanh nghiệp hoạt động tại Việt Nam năm 2018 là doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ hoặc vừa.<sup>112</sup> Do đó, ảnh hưởng của khối doanh nghiệp này đối với thực hành kinh doanh có trách nhiệm là rất lớn. Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017 định nghĩa doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) là doanh nghiệp trung bình hàng năm có không quá 200 nhân viên đóng bảo hiểm xã hội, hoặc có tổng vốn đầu tư không quá 100 tỷ đồng, hoặc tổng doanh thu hàng năm không quá 300 tỷ đồng.<sup>113</sup> Theo Luật DNNVV 2017, các DNNVV có mức thuế thấp hơn mức thuế doanh nghiệp hiện hành và được hưởng lợi từ một số ưu đãi phi thuế quan bao gồm phí sử dụng và cho thuê đất thấp hơn, có khả năng tiếp cận tín dụng tốt hơn và phù hợp với quy định pháp luật, quy luật thị trường và các điều ước quốc tế mà Việt Nam tham gia.<sup>114</sup>

#### • *Trao đổi, báo cáo và công khai thông tin*

Theo UNGP, các quốc gia nên “khuyến khích, và nếu cần thiết, yêu cầu doanh nghiệp chia sẻ, công khai thông tin về cách họ giải

103 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 64; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 63 (Ct. 63).

104 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 71; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 71 (Ct. 63).

105 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 72; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 72 (Ct. 63).

106 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 82; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 170 (Ct. 63).

107 UNHRC, ‘Quyền con người và pháp luật doanh nghiệp’. Đoạn 7 (Ct. 1).

108 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 10; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 10 (Ct. 63).

109 Nt.

110 Nghị định 96/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 Quy định chi tiết một số điều của Luật Doanh nghiệp. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&page=1&mode=detail&document\\_id=194889](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=194889). Truy cập ngày 31/8/2020.

111 UNDP, Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, ‘Thúc đẩy phát triển khu vực doanh nghiệp tạo tác động xã hội tại Việt Nam’, (2018). Thông tin có tại: <https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/SIB.html>. Truy cập ngày 27/8/2020. Chương 3.

112 Tổng cục Thống kê, ‘Thông cáo báo chí: Sách trắng doanh nghiệp 2020’, (28/3/2020). Thông tin có tại: <https://gso.gov.vn/default.aspx?tabid=382&idmid=2&ItemID=19594>. Truy cập ngày 24/9/2020.

113 Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa 2017, Luật số 04/2017/QH14. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/bocongan/Pages/vbqp-toan-van.aspx?ItemID=128706>. Truy cập ngày 26/08/2020. Điều 4.

114 Nt. Điều 5.



quyết các tác động về quyền con người.”<sup>115</sup> UNGP giải thích thêm rằng thông tin này có thể được đưa ra dưới hình thức trao đổi không chính thức với các bên liên quan bị ảnh hưởng hoặc thông qua các báo cáo công khai chính thức.<sup>116</sup> Những hình thức trao đổi thông tin như vậy là đặc biệt phù hợp khi bản chất hoặc bối cảnh của hoạt động kinh doanh gây ra rủi ro đáng kể đối với các tiêu chuẩn xã hội và môi trường.<sup>117</sup> Ngoài ra, theo UNGP, các yêu cầu báo cáo tài chính cần làm rõ các tác động xã hội và môi trường, trong một số trường hợp, có thể mang “cần thiết” hoặc “quan trọng” đối với hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp.”<sup>118</sup>

Tại Việt Nam, các công ty đại chúng được yêu cầu công bố thông tin về ESG hàng năm.<sup>119</sup> Cụ thể, theo Thông tư 155/2015/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, các công ty đại chúng phải chuẩn bị báo cáo thường niên bao gồm Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty<sup>120</sup> với các thông tin liên quan đến quản lý nguồn nguyên vật liệu, tiêu thụ năng lượng, tiêu thụ nước, tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường, chính sách liên quan đến người lao động, cũng như trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương. Ngoài ra, các công ty niêm yết cần phải công bố các thông tin liên quan đến ESG, bao gồm: Mục tiêu của doanh nghiệp liên quan đến môi trường, xã hội và cộng đồng bền vững,<sup>121</sup> mức lương trung bình của người lao động,<sup>122</sup> chính sách đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động,<sup>123</sup> số lần công ty bị phạt vì không tuân thủ các quy định về môi trường,<sup>124</sup> rủi ro ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất và kinh doanh hoặc việc thực hiện các mục tiêu của công ty,<sup>125</sup> đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của doanh nghiệp.<sup>126</sup> Không có yêu cầu báo cáo

115 UNGP. Nguyên tắc 3 (Ct. 2).

116 Nt.

117 Nt.

118 Nt.

119 Thông tư 155/2015/TT-BTC. Phụ lục 4, Phần II, đoạn 6 (Ct. 96).

120 Nt. Phụ lục 4, Phần II, Đoạn 6.2.

121 Nt. Phụ lục 4, Phần I, đoạn 4.

122 Nt. Phụ lục 4, Phần II, đoạn 6.5a.

123 Nt. Phụ lục 4, Phần II, đoạn 6.5b.

124 Nt. Phụ lục 4, Phần II, Đoạn 6.4a.

125 Nt. Phụ lục 4, Phần I, đoạn 5.

126 Nt. Phụ lục 4, Phần IV, đoạn 1.

ESG cho các CTCP chưa niêm yết, công ty TNHH, hoặc DNNN.

## Khung thiết chế

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư trong và ngoài nước, chính sách quản lý kinh tế, và phát triển doanh nghiệp.<sup>127</sup> Cục Quản lý đăng ký kinh doanh thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.<sup>128</sup> Cơ quan này chịu trách nhiệm soạn thảo luật và chính sách liên quan đến đăng ký kinh doanh, giám sát tình hình đăng ký thông qua Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia.

Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp (UBQLVNN) được giao nhiệm vụ thực hiện quyền, trách nhiệm của đại diện chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp.<sup>129</sup> UBQLVNN hiện đang thực hiện vai trò đại diện chủ sở hữu nhà nước tại 19 doanh nghiệp, bao gồm lĩnh vực khai khoáng, viễn thông và tài chính.<sup>130</sup> UBQLVNN chịu trách nhiệm phát triển chiến lược và kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp do Ủy ban quản lý.

Cục Phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm đổi mới và phát triển doanh nghiệp nhà nước.<sup>131</sup>

Hội đồng khuyến khích phát triển DNNVV do Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo hoạt động là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc phát triển và điều phối các chính sách và

127 Nghị định số 86/2017/NĐ-CP ngày 25/7/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ kế hoạch và Đầu tư. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/bokehoachvadautv/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=130308>. Truy cập ngày 12/9/2020.

128 Quyết định 1888/QĐ-BKHĐT ngày 22/12/2017 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Quản lý đăng ký kinh doanh. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/da-tu/Quyết-dinh-1888-QĐ-BKHĐT-2017-chuc-nang-co-cau-to-chuc-Cuc-Quan-ly-dang-ky-kinh-doanh-397126.aspx>. Truy cập ngày 12/9/2020.

129 Nghị định 131/2018/NĐ-CP ngày 29/9/2018 Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Quản lý vốn nhà nước tại doanh nghiệp. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/tw/Pages/vbpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=137337>. Truy cập ngày 12/9/2020.

130 Thời báo Kinh tế Việt Nam, “Thành lập Ủy ban quản lý vốn Nhà nước” (ngày 1/10/2018). Thông tin có tại: <https://www.vneco-nomictimes.com/article/vietnam-today/committee-for-management-of-state-capital-established>. Truy cập ngày 30/8/2020.

131 Quyết định 1881/QĐ-BKHĐT ngày 22/12/2017 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Phát triển doanh nghiệp. Thông tin có tại: <http://www.mpi.gov.vn/Pages/tinbai.aspx?idTin=35589&idcm=256>. Truy cập ngày 12/9/2020. Điều 2.3.

chương trình dành cho DNNVV.<sup>132</sup> Cục phát triển doanh nghiệp thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan chịu trách nhiệm chính thi hành các chính sách về DNNVV.

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) trực thuộc Bộ Tài chính, chịu trách nhiệm quản lý chứng khoán và thị trường chứng khoán.<sup>133</sup> UBCKNN đã hợp tác với IFC xuất bản "Hướng dẫn lập báo cáo Môi trường và Xã hội (E&S)" để cung cấp những khuyến nghị cơ bản về quản trị doanh nghiệp tốt nhất cho các công ty đại chúng tại Việt Nam.<sup>134</sup>

Năm 2019, UBCKNN đã phối hợp với IFC xuất bản "Bộ nguyên tắc về quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất", bao gồm tập hợp các khuyến nghị về thực hành quản trị doanh nghiệp tốt nhất cho các công ty đại chúng Việt Nam và vận động áp dụng những tiêu chuẩn cao hơn quy định pháp luật Việt Nam.<sup>135</sup> Bộ quy tắc đưa ra một số khuyến nghị đối với Hội đồng quản trị của các công ty đại chúng niêm yết, bao gồm:

- Giám sát tính hiệu quả trong quản trị doanh nghiệp, chính sách và thực tiễn về môi trường và xã hội và sự tuân thủ luật pháp hiện hành.<sup>136</sup>
- Thường xuyên theo dõi giám sát việc thực hiện chiến lược của công ty và thảo luận về các rủi ro kinh doanh của công ty, và cần đảm bảo dành đủ thời gian trong các cuộc họp để trao đổi chiến lược, các hoạt động và kết quả quản lý rủi ro, bao gồm cả các rủi ro môi trường và xã hội.<sup>137</sup>

132 Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD), 'Chỉ số Doanh nghiệp nhỏ và vừa: ASEAN 2018', (2018). Thông tin có tại: <https://www.oecd-ilibrary.org/sites/9789264305328-25-en/index.html?itemId=/content/component/9789264305328-25-en>. Truy cập ngày 15/9/2019. Chương 21.

133 Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (SSC), 'Vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn'. Thông tin có tại: [http://ssc.gov.vn/ubck/faces/vi/vi-menu/vipages\\_vigioithieu/chucnangnhiemvu?\\_adf.ctrl-state=orppo-5byq\\_163&\\_afLoop=206894012546000](http://ssc.gov.vn/ubck/faces/vi/vi-menu/vipages_vigioithieu/chucnangnhiemvu?_adf.ctrl-state=orppo-5byq_163&_afLoop=206894012546000). Truy cập ngày 24/8/2019. Đoạn 1.

134 SSC, IFC, 'Hướng dẫn lập báo cáo Môi trường và Xã hội (E&S)', (2016). Thông tin có tại: <https://www.bsc.com.vn/News/NewsAttachedFile/540398>. Truy cập ngày 24/08/2019. Trang 4.

135 SSC, IFC, 'Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất', (2019). Thông tin có tại: [https://viocd.vn/wp-content/uploads/2019/08/Vietnam-CG-Code-of-Best-practices\\_v1.0\\_EV.pdf](https://viocd.vn/wp-content/uploads/2019/08/Vietnam-CG-Code-of-Best-practices_v1.0_EV.pdf). Truy cập ngày 24/08/2019.

136 Nt. Đoạn 1.1.3

137 Nt. Đoạn 7.4.1.

- Đảm bảo công bố các thông tin phi tài chính cơ bản, bao gồm các yêu cầu báo cáo thông tin về môi trường và xã hội, và các thông tin quan trọng về tác động môi trường và xã hội, tuân thủ các tiêu chuẩn toàn cầu như tiêu chuẩn do Hội đồng tích hợp báo cáo quốc tế (IIRC), GRI hoặc Ban tiêu chuẩn đảm bảo bền vững (SASB) ban hành.<sup>138</sup>
- Xây dựng cơ chế tổ giác cho phép người lao động và các bên liên quan tố cáo sớm hành vi sai trái. Người lao động cần được bảo vệ khỏi các hành vi trả thù và nguy cơ mất việc do dám tố cáo các hành vi sai trái.<sup>139</sup>
- Xem xét và tôn trọng lợi ích của các bên liên quan bị ảnh hưởng bởi các quyết định kinh doanh như cộng đồng địa phương.<sup>140</sup>
- Đảm bảo các quy định về xã hội và môi trường của công ty được thể hiện trong các yêu cầu với các nhà cung cấp.<sup>141</sup>

Trong khi đó, Bộ nguyên tắc cũng khuyến nghị "thành viên Hội đồng quản trị cần phải hiểu biết đầy đủ về nghĩa vụ và trách nhiệm ủy thác của mình, làm việc trên cơ sở có đầy đủ thông tin, một cách trung thành, miễn cưỡng, cẩn trọng, và vì lợi ích cao nhất của công ty và cổ đông, đồng thời cũng quan tâm đến lợi ích của các bên có quyền lợi liên quan của công ty."<sup>142</sup>

- Sở giao dịch chứng khoán

Việt Nam có hai sở giao dịch chứng khoán, Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX).<sup>143</sup> Cả hai sở giao dịch chứng khoán đều tham gia sáng kiến Sàn Giao dịch chứng khoán bền vững của LHQ (SSE) từ năm 2015.<sup>144</sup> Hai sàn chứng khoán

138 Nt. Đoạn 8.3.3.

139 Nt. Đoạn 7.1.6.

140 Nt. Đoạn 10.1.1.

141 Nt. Đoạn 10.1.5.

142 Nt. Nguyên tắc 1.2.

143 Xem thêm Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Thông tin có tại: <https://hnx.vn/vi-vn/>. Truy cập ngày 24/8/2019.

144 Sáng kiến Sàn giao dịch chứng khoán bền vững (SSE), 'Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE)'. Thông tin có tại: <https://sseinitiative.org/stock-exchange/hnx/>; Sáng kiến SSE, 'Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội' (HNX). Thông tin có tại: <https://sseinitiative.org/data/hnx/>. Truy cập ngày 24/8/2019.

trên đều không đưa ra yêu cầu về việc các công ty phải đáp ứng các trách nhiệm cụ thể đối với xã hội để được niêm yết.<sup>145</sup>

Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) bắt đầu hoạt động vào năm 2000 theo Nghị định số 48/1998/NĐ-CP về chứng khoán và thị trường chứng khoán.<sup>146</sup> Theo dữ liệu mới nhất của SSE, HOSE có 344 Công ty niêm yết với tổng giá trị vốn hóa trong nước đạt 116.657 triệu USD.<sup>147</sup> Chỉ số phát triển bền vững của Việt Nam (VNSI) được ra mắt năm 2017 phục vụ đo lường hiệu quả hoạt động của 20 công ty niêm yết hàng đầu trên HOSE.<sup>148</sup> HOSE đã triển khai đào tạo về nội dung môi trường và xã hội từ năm 2015 và về quản trị doanh nghiệp.<sup>149</sup> HOSE là thành viên Nhóm công tác bền vững của Liên đoàn các Sở Giao dịch chứng khoán thế giới.<sup>150</sup> Mặc dù đã đưa nội dung liên quan đến bền vững vào báo cáo thường niên năm 2016,<sup>151</sup> HOSE chưa thực hiện niêm yết trái phiếu bền vững và chưa có báo cáo độc lập liên quan đến bền vững.<sup>152</sup>

Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) bắt đầu hoạt động từ năm 2005, HNX chuyển đổi sang tên hiện tại và tái cơ cấu thành công ty TNHH một thành viên thuộc sở hữu nhà nước, đại diện bởi Bộ Tài chính theo Quyết định số 01/2009/QĐ-TTg.<sup>153</sup> Với vai trò là cơ quan điều tiết thị trường giao dịch chứng khoán, HNX tổ chức, vận hành và quản lý thị trường trái phiếu Chính phủ, cổ phiếu của các công ty niêm yết, công ty đại chúng chưa niêm yết và chứng khoán phái sinh.<sup>154</sup> Theo dữ liệu mới nhất của SSE, HNX hiện có 366 doanh nghiệp niêm yết với tổng giá trị vốn hóa trong

nước là 49.000 triệu USD.<sup>155</sup> HNX là thành viên của Liên đoàn các Sở Giao dịch chứng khoán thế giới (WFE), Liên đoàn các Sở Giao dịch chứng khoán châu Á và châu Đại dương (AOSEF) và Nhóm các Sở Giao dịch chứng khoán ASEAN (ASEAN Exchanges).<sup>156</sup> Theo quy định về niêm yết, HNX yêu cầu các doanh nghiệp niêm yết cần có báo cáo ESG.<sup>157</sup> HNX đã ban hành 'Hướng dẫn công bố thông tin về ESG cho các doanh nghiệp niêm yết' năm 2016 với các yêu cầu báo cáo liên quan đến bền vững được quy định theo Thông tư 155/2015/TT-BTC.<sup>158</sup> Gần đây, HNX đã tiến hành các hội thảo đào tạo về tiêu chuẩn công bố thông tin của GRI<sup>159</sup>, báo cáo bền vững cho các công ty đại chúng và thông lệ quốc tế về quan hệ nhà đầu tư.<sup>160</sup> HNX chưa có bất kỳ chỉ số nào liên quan đến bền vững, và chưa thực hiện niêm yết trái phiếu bền vững cũng như báo cáo liên quan đến bền vững.<sup>161</sup>

## Khuyến nghị

1. Rà soát Luật Đầu tư 2020, Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019 để đánh giá sự phù hợp với UNGP và các tiêu chuẩn quốc tế liên quan khác, tiến hành sửa đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự phù hợp khi thực thi các luật này thông qua các văn bản hướng dẫn.
2. Đảm bảo tính độc lập về trách nhiệm giữa cơ chế giám sát và sở hữu của các DNNN để đảm bảo tính tự chủ trong thực tế hoạt động, và phân bổ ngân sách và nguồn nhân lực phù hợp cho đơn vị quản lý DNNN.<sup>162</sup>
3. Yêu cầu các DNNN công khai thông tin về ESG hàng năm, phù hợp với UNGP, cụ thể Nguyên tắc 3, 4 và 21.<sup>163</sup>

145 Xem thêm UNHRC, 'Quyền con người và pháp luật doanh nghiệp'. Đoạn 7 (Ct. 1).

146 Sáng kiến SSE, 'HOSE' (Ct. 144).

147 Nt.

148 Nt.

149 Nt.

150 Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), 'HOSE - Phát triển bền vững'. Thông tin có tại: <https://www.hsx.vn/Modules/CMS/Web/ViewArticle?id=438348bb-bbf9-45cb-b9cb-1263c1904218&fid=91ec7f4ca1c34be6b569389f070c1e51>. Truy cập ngày 24/8/2019.

151 Sáng kiến SSE, 'HOSE' (Ct. 144).

152 HOSE, 'Báo cáo thường niên 2016'. Thông tin có tại: <https://www.hsx.vn/Areas/Desktop/Web/DownloadAnnualReport?ownerId=ae7ecbef-06a1-42e1-a178-a23cec0a0de1&langId=10dd075f-c751-46d2-b598-022850e517f6>. Truy cập ngày 25/8/2019. Truy cập ngày 25/8/2019.

153 Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), 'Lịch sử phát triển'. Truy cập ngày: <https://hnx.vn/vi-vn/gioi-thieu-hnx-lspt.html>. Truy cập ngày 24/8/2019.

154 Nt.

155 Sáng kiến SSE, 'HNX' (Ct. 144).

156 HNX, 'Hợp tác quốc tế' (Ct. 143).

157 Sáng kiến SSE, 'HNX' (Ct. 144).

158 Nt.

159 Xem thêm Sáng kiến SSE. Thông tin có tại: <https://sseinitiative.org/data/hnx>. Truy cập ngày 24/8/2019.

160 Sáng kiến SSE, 'HNX' (Ct. 144).

161 Nt.

162 Xem thêm khuyến nghị tương ứng trong OECD, 'Đánh giá chính sách đầu tư: Việt Nam 2018'. Thông tin có tại: <https://www.oecd.org/countries/vietnam/oecd-investment-policy-reviews-viet-nam-2017-9789264282957-en.htm>. Truy cập ngày 15/9/2019. Trang 45.

163 UNGP. Xem các nguyên tắc 3,4 và 21 (Ct. 2).

4. Thực hiện hiệu quả Thông tư 155/2015/TT-BTC về hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
5. Tích cực khuyến khích các công ty đại chúng sử dụng Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất<sup>164</sup> bằng cách đưa ra các ưu đãi cho việc thực hiện.
6. Tích cực thúc đẩy các công ty đại chúng sử dụng Sổ tay Hướng dẫn công bố thông tin về môi trường và xã hội,<sup>165</sup> bằng cách đưa ra các ưu đãi cho việc thực hiện.
7. Yêu cầu HNX và HOSE công bố các báo cáo thường niên liên quan đến bền vững, phù hợp với sáng kiến SSE.<sup>166</sup>
8. Yêu cầu HNX xây dựng bộ chỉ số bền vững, phù hợp với sáng kiến SSE.<sup>167</sup>
9. Yêu cầu HNX và HOSE cho phép niêm yết trái phiếu bền vững, phù hợp với sáng kiến SSE.<sup>168</sup>
10. Thúc đẩy việc công nhận nghĩa vụ cụ thể đối với xã hội là yêu cầu bắt buộc khi công ty TNHH, DNNN, CTCP thành lập và hoạt động, đồng thời các nghĩa vụ này cần phù hợp với thông lệ quốc tế được tổng hợp trong 'Dự án Luật doanh nghiệp' của Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký LHQ.<sup>169</sup>
11. Đưa ra các ưu đãi để khuyến khích doanh nghiệp bảo đảm cân bằng tối thiểu về giới,<sup>170</sup> và các bên liên quan như người lao động và thành viên cộng đồng tham gia Hội đồng thành viên của các công ty TNHH và DNNN, và Hội đồng quản trị của các CTCP.<sup>171</sup>

164 SSC, IFC, 'Bộ nguyên tắc quản trị công ty theo thông lệ tốt nhất', (2019). (Ct. 135)

165 SSC, IFC, 'Công bố Hướng dẫn Môi trường và Xã hội (E&S)', (2016). Trang 4 (Ct. 134).

166 Sáng kiến SSE (Ct. 159)

167 Nt.

168 Nt.

169 Xem thêm UNHRC, 'Quyền con người và luật doanh nghiệp', (Ct. 1).

170 Ví dụ, Các Nguyên tắc trao quyền cho phụ nữ (WEPs) khuyến nghị rằng các doanh nghiệp: "Đảm bảo sự tham gia đầy đủ của phụ nữ - ít nhất 30% - trong việc ra quyết định và quản trị doanh nghiệp tại tất cả các cấp và lĩnh vực kinh doanh." Thông tin có tại: <https://www.weps.org/>. Truy cập ngày 26/8/2019. Nguyên tắc 2.

171 Xem thêm UNHRC, 'Quyền con người và luật doanh nghiệp'. Đoạn 23 và 24 (Ct. 1).

12. Thúc đẩy các doanh nghiệp áp dụng thông lệ quốc tế tốt về công khai các thông tin phi tài chính (như báo cáo về các thông tin và chính sách bảo vệ môi trường, trách nhiệm xã hội, chống tham nhũng, và tính đa dạng của ban lãnh đạo doanh nghiệp).<sup>172</sup>

## 2.2. Luật Đầu tư

Theo ghi nhận của OECD, dòng vốn đầu tư FDI tại Việt Nam đang đạt mức cao kỷ lục và tiếp tục tăng trưởng.<sup>173</sup> Theo số liệu của Hội nghị LHQ về Thương mại và Phát triển (UNCTAD), năm 2018 có 15,5 tỷ USD vốn FDI đầu tư vào Việt Nam, dòng vốn FDI ra nước ngoài là 598 triệu USD.<sup>174</sup> Vốn đầu tư thành lập doanh nghiệp mới công bố năm 2018 có tổng trị giá 29 tỷ USD.<sup>175</sup> Tính đến năm 2014, các doanh nghiệp nước ngoài chiếm hơn 6% việc làm, 16% GDP và 38% tăng trưởng kinh tế.<sup>176</sup>

### Cam kết quốc tế

Theo UNGP, "Nhà nước cần duy trì không gian chính sách trong nước thích hợp để đáp ứng các nghĩa vụ về quyền con người trong khi theo đuổi các mục tiêu chính sách liên quan đến thương mại với các quốc gia khác hoặc với doanh nghiệp, ví dụ thông qua các hiệp định hoặc hợp đồng đầu tư."<sup>177</sup> UNGP lưu ý rằng "thỏa thuận kinh tế của mỗi quốc gia ký kết với các quốc gia khác hoặc với doanh nghiệp - như các hiệp định đầu tư song phương... hoặc hợp đồng dự án đầu tư, có thể ảnh hưởng đến không gian chính sách trong nước. Ví dụ, các điều khoản của hiệp định đầu tư quốc tế có thể hạn chế các quốc gia thực thi đầy đủ pháp luật về quyền con người, hoặc khiến các quốc gia có nguy cơ đối mặt với trọng tài quốc tế nếu thực

172 OECD, 'Đánh giá Chính sách Đầu tư: Việt Nam 2018', (2018). Trang 45 (Ct. 162). Xem thêm Ví dụ về Báo cáo phi tài chính trong Chỉ thị Báo cáo Phi tài chính của Liên minh Châu Âu (EU) số 2014/95/EU.

173 OECD, 'Đánh giá Chính sách Đầu tư: Việt Nam 2018'. Trang 29 (Ct. 162).

174 UNCTAD, 'Báo cáo Đầu tư Thế giới 2019: Các đặc khu kinh tế, Số liệu thực tế: Việt Nam'. Thông tin có tại: <https://unctad.org/en/Pages/DIAE/World%20Investment%20Report/Country-Fact-Sheets.aspx>. Truy cập ngày 15/9/2019.

175 Nt.

176 OECD, 'Đánh giá chính sách đầu tư: Việt Nam 2018'. Trang 30 (Ct. 162).

177 UNGP. Nguyên tắc 9 (Ct. 2).

thi không đầy đủ các quyền này. Do đó, các quốc gia cần đảm bảo duy trì chính sách và năng lực pháp luật đầy đủ để bảo vệ quyền con người theo điều khoản của các thỏa thuận như vậy.”<sup>178</sup>

UNGP cũng nhấn mạnh các quốc gia cần “hỗ trợ và trang bị hiểu biết đầy đủ cho các cơ quan ban ngành quản lý hoạt động của doanh nghiệp ở cấp trung ương và địa phương để xây dựng các thực hành kinh doanh...bao gồm các thực hành có trách nhiệm ...về đầu tư và thực thi phù hợp” với các nghĩa vụ quốc tế của Chính phủ.<sup>179</sup> Ngoài ra, UNGP quy định thêm rằng “các quốc gia cần bảo vệ và tránh việc các doanh nghiệp thuộc sở hữu hoặc kiểm soát của Nhà nước.....như các cơ quan tín dụng xuất khẩu, cơ quan bảo hiểm hoặc bảo lãnh đầu tư lạm dụng quyền con người thông qua việc yêu cầu thực hiện rà soát chi tiết các tiêu chuẩn xã hội và môi trường.”<sup>180</sup> Đồng thời, UNGP cũng lưu ý thực hiện tiêu chuẩn về xã hội và môi trường là yêu cầu bắt buộc của một số tổ chức hỗ trợ đầu tư ở nước ngoài.<sup>181</sup> Bộ Tiêu chuẩn hoạt động của IFC là một ví dụ điển hình.<sup>182</sup> Hiện tại, Việt Nam là thành viên của một số hiệp định thương mại và đầu tư đa phương cũng như hơn 60 hiệp định đầu tư song phương với nhiều điều khoản liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm.<sup>183</sup>

## Khung pháp lý

Hoạt động đầu tư tại Việt Nam chủ yếu được điều chỉnh bởi Luật Đầu tư. Luật Đầu tư điều chỉnh các hoạt động đầu tư trong nước, nước ngoài và ra nước ngoài từ Việt Nam.<sup>184</sup> Luật Đầu tư quy định danh sách các lĩnh vực bị cấm đầu tư trong và ngoài nước bao gồm các chất ma túy, một số loại hóa chất và khoáng chất, mẫu vật cụ thể của

động thực vật hoang dã, buôn người, mại dâm, buôn bán mô người và các bộ phận cơ thể, và nhân bản người.<sup>185</sup> Luật Đầu tư cũng quy định một số lĩnh vực đầu tư có điều kiện “vì lý do quốc phòng và an ninh, trật tự và an ninh xã hội, đạo đức xã hội hoặc sức khỏe cộng đồng.”<sup>186</sup>

### • *Phê duyệt đầu tư mới*

Theo Luật Đầu tư, một số hoạt động đầu tư nhất định phải qua các cấp phê duyệt khác nhau. Các dự án đầu tư sau, không phân biệt nguồn vốn, cần được Thủ tướng chấp thuận chủ trương đầu tư: Các dự án yêu cầu di dời từ 10.000 người ở miền núi và từ 20.000 người ở các vùng khác; xây dựng sân bay; vận tải hàng không và cảng biển quốc gia; thăm dò và khai thác dầu khí và nhà máy lọc dầu; dịch vụ cá cược và ca-si-no; xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất; và tất cả các dự án đầu tư nước ngoài vào cung cấp dịch vụ viễn thông với cơ sở hạ tầng mạng, trồng rừng, xuất bản, báo chí.<sup>187</sup> Các dự án đầu tư cần chấp thuận chủ trương của Quốc hội là các dự án “ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường,” bao gồm các nhà máy điện hạt nhân, dự án yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai liên quan đến một số loại đất rừng, rừng phòng hộ và đất nông nghiệp trồng lúa, các dự án đòi hỏi di dời từ 20.000 người ở miền núi và hơn 50.000 người ở các khu vực khác.<sup>188</sup>

### • *Trách nhiệm của nhà đầu tư*

Các nhà đầu tư nước ngoài cũng như các bên do nhà đầu tư nước ngoài nắm phần lớn vốn sở hữu cần phải xin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Các nhà đầu tư trong nước không bắt buộc phải nộp đơn xin Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư. Mọi đề xuất đầu tư phải có “đánh giá tác động kinh tế xã hội của dự án,” nhu cầu sử dụng đất và nhu cầu lao

178 Nt.

179 Nt. Nguyên tắc 8.

180 Nt. Nguyên tắc 4.

181 Nt. Nguyên tắc 2.

182 IFC, ‘Tiêu chuẩn hoạt động’. Thông tin có tại: [https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/Topics\\_Ext\\_Content/IFC\\_External\\_Corporate\\_Site/Sustainability-At-IFC/Policies-Standards/Performance-Standards](https://www.ifc.org/wps/wcm/connect/Topics_Ext_Content/IFC_External_Corporate_Site/Sustainability-At-IFC/Policies-Standards/Performance-Standards). Truy cập ngày 15/9/2019.

183 OECD, ‘Đánh giá chính sách đầu tư: Việt Nam 2018’. Trang 41 (Ct. 162).

184 Luật Đầu tư 2014. Điều 1 và 13; Luật Đầu tư 2020. Điều 1 và 13 (Ct. 64).

185 Luật Đầu tư 2014. Điều 5; Luật Đầu tư 2020. Điều 5 (Ct. 64).

186 Luật Đầu tư 2014. Điều 6 và Phụ lục 4; Luật Đầu tư 2020. Điều 6 và Phụ lục 4 (Ct. 64).

187 Luật Đầu tư 2014. Điều 31; Luật Đầu tư 2020. Điều 31 (Ct. 64).

188 Luật Đầu tư 2014. Điều 30; Luật Đầu tư 2020. Điều 30 (Ct. 64).

động dự kiến của dự án.<sup>189</sup> Ngoài ra, đối với các dự án được Thủ tướng Chính phủ hoặc Quốc hội phê duyệt, các nhà đầu tư phải trình kế hoạch giải phóng mặt bằng và di dời đất đai, cũng như “đánh giá sơ bộ tác động môi trường” và các biện pháp bảo vệ môi trường.<sup>190</sup> Việc thẩm định hồ sơ đăng ký đầu tư của cơ quan đăng ký đầu tư bao gồm đánh giá mức độ phù hợp của dự án đầu tư với kế hoạch phát triển kinh tế xã hội tổng thể, kế hoạch phát triển ngành công nghiệp và phân vùng sử dụng đất tổng thể, và đánh giá tác động và mức độ hiệu quả về mặt xã hội-kỹ thuật của dự án.<sup>191</sup> Trong quá trình thực hiện dự án, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện dự án đầu tư phải nộp báo cáo định kỳ cho các cơ quan đăng ký đầu tư và cơ quan thống kê địa phương về tình hình thực hiện, gồm các nội dung: vốn đầu tư thực hiện, kết quả hoạt động đầu tư kinh doanh, thông tin về lao động, nộp ngân sách nhà nước, đầu tư cho nghiên cứu và phát triển, xử lý và bảo vệ môi trường và các chỉ tiêu chuyên ngành theo lĩnh vực hoạt động.”<sup>192</sup>

#### • Quản lý dự án đầu tư đang hoạt động

Luật Đầu tư quy định thủ tục đầu tư, đánh giá kết quả đầu tư và xử lý hành vi vi phạm về đầu tư.<sup>193</sup> Các dự án đầu tư đang hoạt động có thể bị cơ quan quản lý đầu tư quyết định ngừng một phần hoặc toàn bộ hoặc bị chấm dứt hoàn toàn với các lý do: Bảo vệ di tích lịch sử, di tích, cổ vật, bảo vật quốc gia theo Luật Di sản văn hóa; phục hồi môi trường theo yêu cầu của cơ quan môi trường; và để thực hiện các biện pháp an toàn lao động theo yêu cầu của cơ quan lao động.<sup>194</sup>

Hoạt động đầu tư tại Việt Nam phải tuân thủ Luật Đầu tư và các luật khác có liên quan, do đó chế tài đối với vi phạm trong lĩnh vực đầu tư không chỉ dừng ở tạm ngừng, ngừng hoạt động của dự án đầu tư. Ví dụ, Luật Bảo vệ

môi trường quy định trách nhiệm bồi thường thiệt hại của nhà đầu tư khi gây ô nhiễm môi trường.<sup>195</sup>

Khi hết thời hạn hoạt động của dự án đầu tư, nhà đầu tư muốn tiếp tục thực hiện dự án phải đảm bảo không sử dụng công nghệ lạc hậu, tiềm ẩn nguy cơ gây ô nhiễm môi trường, thâm dụng tài nguyên.<sup>196</sup>

#### • Hỗ trợ và ưu đãi đầu tư

Luật Đầu tư quy định nhiều hình thức ưu đãi và hỗ trợ đầu tư, bao gồm giảm thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế nhập khẩu, miễn giảm tiền thuê đất và sử dụng đất, hỗ trợ phát triển cơ sở hạ tầng, đào tạo, phát triển thị trường, nghiên cứu và phát triển, tín dụng.<sup>197</sup> Các đối tượng đủ điều kiện hưởng ưu đãi theo Luật Đầu tư bao gồm các dự án có vốn đầu tư trên 6.000 tỷ đồng, ở khu vực nông thôn sử dụng trên 500 lao động, doanh nghiệp công nghệ cao và công nghệ thông tin và các ngành nghề ưu đãi đầu tư gồm năng lượng tái tạo và sản phẩm tiết kiệm năng lượng, nông nghiệp, chất thải, cơ sở hạ tầng, giáo dục, y tế, dịch vụ trung tâm xã hội, dự án ở các khu vực địa lý khó khăn, dự án trong khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao và khu kinh tế.<sup>198</sup> Luật Đầu tư cũng quy định về phát triển cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế,<sup>199</sup> phát triển nhà ở, công trình công cộng và tiện ích cho người lao động làm việc trong khu công nghiệp.<sup>200</sup> Luật cũng có điều khoản bảo đảm đầu tư kinh doanh trong trường hợp thay đổi pháp luật, theo đó các nhà đầu tư tiếp tục được hưởng các ưu đãi không thấp hơn ưu đãi họ được hưởng trước khi thay đổi quy định, trừ một số ngoại lệ quan trọng như “thay đổi quy định của văn bản pháp luật vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã

<sup>195</sup> Luật Bảo vệ môi trường 2014, Luật số 55/2014/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqp-toanvan.aspx?ItemID=36884&Keyword=>. Truy cập ngày 12/9/2020. Điều 112.1.d.

<sup>196</sup> Luật Đầu Tư 2020. Điều 44.4 (Ct. 64).

<sup>197</sup> Luật Đầu tư 2014. Điều 15 và 19; Luật Đầu tư 2020. Điều 15 và 18 (Ct. 64).

<sup>198</sup> Luật Đầu tư 2014. Điều 15; Luật Đầu tư 2020. Điều 15 và 16 (Ct. 64).

<sup>199</sup> Luật Đầu tư 2014. Điều 20; Luật Đầu tư 2020. Điều 19 (Ct. 64).

<sup>200</sup> Luật Đầu tư 2014. Điều 21; Luật Đầu tư 2020. Điều 77.9 (Ct. 64).

<sup>189</sup> Luật Đầu tư 2014. Điều 33; Luật Đầu tư 2020. Điều 33 (Ct. 64).

<sup>190</sup> Luật Đầu tư 2014. Điều 34 và 35; Luật Đầu tư 2020. Điều 34 và 35 (Ct. 64).

<sup>191</sup> Luật Đầu tư 2014. Điều 33; Luật Đầu tư 2020. Điều 33 (Ct. 64).

<sup>192</sup> Luật Đầu tư 2014. Điều 71.2a; Luật Đầu tư 2020. Điều 72.2a (Ct. 64).

<sup>193</sup> Luật Đầu tư 2014. Chương IV; Luật Đầu tư 2020. Chương IV (Ct. 64).

<sup>194</sup> Luật Đầu tư 2014. Điều 47 và 48; Luật Đầu tư 2020. Điều 47 và 48 (Ct. 64).

hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng, bảo vệ môi trường.”<sup>201</sup>

## Khung thiết chế

Bộ Kế hoạch và Đầu tư chịu trách nhiệm ban hành các quy định bổ sung liên quan đến quản lý đầu tư tại Việt Nam cũng như đầu tư ra nước ngoài, xây dựng và đề xuất các chiến lược, kế hoạch và chính sách đầu tư, duy trì hệ thống thông tin đầu tư quốc gia, kiểm tra đầu tư, trình cơ quan có thẩm quyền quyết định đình chỉ các dự án đã được duyệt hoặc điều chỉnh không đúng thẩm quyền hoặc trái với quy định đầu tư của pháp luật; quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế, xúc tiến đầu tư, đàm phán thỏa thuận đầu tư quốc tế.<sup>202</sup> Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế cũng được giao chịu trách nhiệm đối với các dự án đầu tư có liên quan.<sup>203</sup>

## Khuyến nghị

1. Ban hành các quy định dưới luật yêu cầu cụ thể về đánh giá và giải quyết tác động bất lợi thực tế và tiềm ẩn đối với các tiêu chuẩn xã hội và môi trường của các dự án đầu tư, đảm bảo kết hợp thực hành kinh doanh có trách nhiệm vào phạm vi, nội dung và quy trình đánh giá tác động môi trường và xã hội, giám sát, báo cáo và khắc phục, sửa chữa ở tất cả các bước quan trọng của dự án đầu tư.<sup>204</sup>
2. Đảm bảo các cơ quan xúc tiến đầu tư ở cấp trung ương và địa phương nêu rõ quan điểm về kinh doanh có trách nhiệm trong các hoạt động thu hút FDI, thúc đẩy trao đổi thông tin giữa doanh nghiệp trong nước và ngoài nước về thực hành kinh doanh có trách nhiệm, hướng dẫn cho chính quyền cấp tỉnh cách chọn lọc các dự án đầu tư có trách nhiệm.<sup>205</sup>

201 Luật Đầu tư 2014. Điều 13.3; Luật Đầu tư 2020. Điều 13.3 (Ct. 64).

202 Luật Đầu tư 2014. Điều 68; Luật Đầu tư 2020. Điều 6 và Phụ lục 4 (Ct. 64).

203 Nt.

204 Cơ quan Nhân quyền Đan Mạch (DIHR) và Hiệp hội Bảo vệ môi trường ngành dầu khí quốc tế (IPIECA), 'Lồng ghép quyền con người vào các đánh giá tác động đến môi trường, xã hội và sức khỏe. Hướng dẫn thực hành cho ngành dầu khí', (2013). Thông tin có tại: <http://www.ipieca.org/resources/good-practice/integrating-human-rights-into-environmental-social-and-health-impact-assessments-a-practical-guide-for-the-oil-and-gas-industry>. Truy cập ngày 15/9/2019.

205 UNGP. Nguyên tắc 8 (Ct. 2); Xem thêm khuyến nghị tương ứng trong OECD, 'Đánh giá chính sách đầu tư: Việt Nam 2018'. Truy cập ngày 15/9/2019. Chương 9 (Ct. 162).

CHƯƠNG 3

# QUYỀN LAO ĐỘNG





Chương này giới thiệu khái quát khung pháp luật của Việt Nam liên quan đến quyền lao động với bốn phần: Quan hệ lao động, Điều kiện làm việc, Lao động cưỡng bức, Buôn bán người, Lao động gán nợ, Hôn nhân cưỡng ép, và Lao động trẻ em. UNGP nhấn mạnh luật pháp, các quy định về lao động và biện pháp tư pháp là những công cụ quan trọng để Nhà nước thực hiện nghĩa vụ bảo vệ và chống lại những vi phạm của doanh nghiệp,<sup>206</sup> đồng thời nói rõ vai trò của cơ quan quản lý lao động trong việc đảm bảo tuân thủ các nghĩa vụ quốc tế mà Quốc gia đã cam kết.<sup>207</sup> UNGP cũng đề cập đến việc sử dụng tòa án lao động như một cơ chế điển hình giúp Nhà nước đảm bảo rằng khi xảy ra vi phạm liên quan đến doanh nghiệp thì những cá nhân bị ảnh hưởng sẽ được tiếp cận với các biện pháp khắc phục hiệu quả,<sup>208</sup> đồng thời củng cố vai trò quan trọng của các tổ chức công đoàn chính thống trong việc giải quyết các tranh chấp liên quan đến lao động.<sup>209</sup> UNGP làm rõ thêm rằng, thực hành kinh doanh có trách nhiệm, ở mức tối thiểu, cần tuân thủ quy định trong Tuyên bố của ILO về các Nguyên tắc và Quyền cơ bản tại Nơi làm việc, bên cạnh các văn kiện quốc tế khác về quyền con người.<sup>210</sup>

Mục tiêu số 8 trong các SDG hướng đến “thúc đẩy cơ hội lao động và việc làm thỏa đáng cho tất cả mọi người.”<sup>211</sup> Các mục tiêu cụ thể khác bao gồm: “Đến năm 2030, cung cấp việc làm đầy đủ và chất lượng cho tất cả phụ nữ và nam giới, bao gồm cả thanh niên và người khuyết tật, đồng thời trả công bình đẳng làm các công việc có giá trị như nhau,” và “Bảo vệ quyền của người lao động và thúc đẩy môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, bao gồm cả lao động nhập cư, đặc biệt là phụ nữ di cư và lao động làm các công việc tạm thời.”<sup>212</sup>

206 UNGP. Nguyên tắc 1 và 3 (Ct. 2).

207 Nt. Nguyên tắc 8.

208 Nt. Nguyên tắc 25.

209 Nt. Nguyên tắc 29.

210 Nt. Nguyên tắc 12.

211 LHQ, Mục tiêu phát triển bền vững, ‘Mục tiêu 8: Việc làm thỏa đáng và sự phát triển kinh tế’. Thông tin có tại: <https://www.un.org/sustainabledevelopment/economic-growth/>. Truy cập 06/9/2019.

212 Nt. Mục tiêu 8.5 và 8.8.

### 3.1 Quan hệ lao động

Quan hệ lao động đề cập đến các thiết chế, cơ chế đối thoại và thương lượng tập thể giữa người lao động và các tổ chức đại diện bao gồm công đoàn, tổ chức của người lao động, người sử dụng lao động hoặc tổ chức của người sử dụng lao động, nhằm quyết định về điều kiện làm việc, cơ chế tuyển dụng, quan hệ giữa người lao động với người sử dụng lao động và các tổ chức đại diện cho họ, và giải quyết tranh chấp lao động trong khuôn khổ quy định của Nhà nước.<sup>213</sup> Theo pháp luật quốc tế, quyền tự do hiệp hội và sự công nhận thực chất quyền thương lượng tập thể chính là nền tảng cho các nguyên tắc và quyền cơ bản ở nơi làm việc.<sup>214</sup> Thương lượng tập thể được xem là quyền mang tính “thúc đẩy” vì quyền này tạo ra cơ chế thương lượng giữa công đoàn và người sử dụng lao động về những khía cạnh khác của điều kiện làm việc.<sup>215</sup> Với vai trò là một công cụ hiệu quả trong quản trị, quan hệ lao động tốt sẽ thúc đẩy hợp tác và tăng hiệu quả kinh tế, giúp tạo ra môi trường làm việc thuận lợi và cải thiện điều kiện làm việc ở các doanh nghiệp, các ngành và trên phạm vi quốc gia.<sup>216</sup> Chính vì vậy, ILO đã xác định quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể là công cụ không thể thiếu “để đảm bảo phát triển kinh tế và bền vững xã hội dài hạn trong bất kỳ quy trình phát triển nào.”<sup>217</sup>

#### Cam kết quốc tế

Các cam kết quốc tế của Việt Nam liên quan đến quan hệ lao động được quy định trong các tiêu chuẩn lao động quốc tế, pháp luật quốc tế về quyền con người, và các hiệp định thương mại mà Việt Nam vừa ký kết như CPTPP và EVFTA. Các chương về lao động của cả hai hiệp định này đều bao gồm 8 tiêu chuẩn lao động cơ bản nằm trong Tuyên

213 ILO, ‘Thương lượng tập thể: Hướng dẫn chính sách’, (2015). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/travail/whatwedo/instructionmaterials/WCMS\\_425004/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/travail/whatwedo/instructionmaterials/WCMS_425004/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 24/9/2020. Trang 2.

214 Nt. Trang 2. Xem thêm ILO, ‘Tuyên bố ILO về các Nguyên tắc và Quyền cơ bản trong lao động’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/declaration/lang--en/index.htm>. Truy cập 06/9/2019.

215 Nt.

216 ILO, ‘Việc làm thỏa đáng vì sự phát triển bền vững’, (2017). Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/ifpdial/areas-of-work/industrial-and-employment-relations/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 10/9/2019.

217 Nt.

bổ của ILO về các Nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động (FPRW) năm 1998.<sup>218</sup>

- **Tiêu chuẩn lao động quốc tế**

Các quốc gia thành viên ILO có nghĩa vụ tôn trọng, thực thi và thúc đẩy “quyền tự do hiệp hội và công nhận thực chất quyền thương lượng tập thể.”<sup>219</sup> Các tiêu chuẩn lao động quốc tế (ILS) cụ thể về quan hệ lao động bao gồm quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể, đối thoại xã hội ba bên và giải quyết tranh chấp ôn hòa giữa các bên. Công ước số 87 của ILO về Quyền tự do hiệp hội và bảo vệ Quyền tổ chức năm (1948) và Công ước số 98 về Quyền tổ chức và thương lượng tập thể (1949) của ILO được xem là các văn bản pháp luật quốc tế cơ bản trong lĩnh vực này.<sup>220</sup>

Việt Nam đã phê chuẩn Công ước ILO số 98 vào năm 2019,<sup>221</sup> theo đó Việt Nam cần thiết lập một cơ chế đảm bảo tôn trọng quyền tổ chức và thực hiện các biện pháp khuyến khích và thúc đẩy sự phát triển và triển khai đầy đủ cơ chế đàm phán tự nguyện giữa người sử dụng lao động hoặc tổ chức của người sử dụng lao động với tổ chức đại diện người lao động, nhằm xem xét và xây dựng thỏa ước tập thể về các điều khoản và điều kiện lao động.<sup>222</sup> Việt Nam dự kiến sẽ đệ trình Báo cáo đầu tiên lên ILO theo Công ước ILO số 98 vào năm 2021, tiếp sau đó là Báo cáo định kỳ đầu tiên cho ILO vào năm 2025.<sup>223</sup>

Việt Nam cam kết sẽ phê chuẩn Công ước ILO số 87 vào năm 2023.<sup>224</sup> Công ước ILO số 87 quy định quyền được thành lập và gia

nhập các tổ chức đại diện người lao động và người sử dụng lao động mà không phải xin phép; quyền của tổ chức người lao động và người sử dụng lao động được tự do hoạt động mà không bị giải thể hoặc đình chỉ bởi cơ quan quản lý nhà nước; quyền được thành lập và gia nhập nghiệp đoàn, liên đoàn; quyền được tự do liên kết với các tổ chức quốc tế của cả người lao động và người sử dụng lao động.<sup>225</sup> Việt Nam đã thông tin tới ILO về khả năng tiếp tục phê chuẩn các Công ước ILO bổ sung có liên quan khác, cụ thể là Công ước ILO số 154 về Thương lượng tập thể (1981). Việt Nam sẽ đánh giá Công ước ILO số 151 về Quan hệ lao động (trong khu vực dịch vụ công) (1978) vào thời điểm sau đó,<sup>226</sup> và đã yêu cầu ILO hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình này.<sup>227</sup>

Khuyến nghị số 92 về Hòa giải và trọng tài tự nguyện (1951) nhấn mạnh các quốc gia cần thiết lập các thủ tục giải quyết tranh chấp ít tốn kém, nhanh chóng và nếu phù hợp, tính đến cả sự cân bằng về đại diện của người sử dụng lao động và người lao động.<sup>228</sup> Trong khi đó, một số Công ước và Khuyến nghị khác của ILO quy định thêm một số tiêu chuẩn liên quan đến quan hệ lao động,<sup>229</sup> như Khuyến nghị số 91 về Thỏa ước tập thể (1951),<sup>230</sup> Khuyến nghị số 130 về Giải quyết

218 ILO, Tuyên bố về các Nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động và cơ chế theo dõi thực hiện Tuyên bố, (1998). Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/declaration/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 19/5/2020.

219 Nt. (Dự thảo lần 5, 2019) Trang 1.

220 Rodgers, G., Lee, E., Swepston, L., Van Daele, J., 'Tổ chức Lao động Quốc tế và nhiệm vụ công bằng xã hội giai đoạn 1919 - 2009', (2009). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/global/publications/ilo-bookstore/order-online/books/WCMS\\_104643/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/global/publications/ilo-bookstore/order-online/books/WCMS_104643/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 18/8/2019. Trang 49.

221 ILO, 'Các phê chuẩn cho Việt Nam' (Ct. 23).

222 ILO, 'Công ước số 98 về Quyền tổ chức và thương lượng tập thể', (1949). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_INSTRUMENT\\_ID:312243](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_INSTRUMENT_ID:312243). Truy cập ngày 12/7/2020. Điều 3 và 4.

223 ILO, 'Các báo cáo và phản hồi đối với các khuyến nghị của CEACR: Việt Nam'. Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=1000:14000:0::NO:14000:P14000\\_COUNTRY\\_ID:103004](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=1000:14000:0::NO:14000:P14000_COUNTRY_ID:103004). Truy cập ngày 28/7/2019.

224 ILO, 'ILO hoan nghênh Việt Nam bỏ phiếu phê chuẩn công ước cốt lõi về thương lượng tập thể', (24/6/2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS\\_710542/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS_710542/lang--en/index.htm).

Độc thêm, Phái đoàn Châu Âu, "EVFTA - Thông cáo báo chí chung của Cao ủy Thương mại Malmström và Bộ trưởng Trần Tuấn Anh" (30/6/2019). Thông tin có tại: <http://trade.ec.europa.eu/doclib/press/index.cfm?id=2041>. Ủy ban về Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (CESCR) đã mời Việt Nam phê chuẩn Công ước ILO số 87. Độc thêm UNHRC, Nhóm làm việc Cơ chế kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR), phiên làm việc thứ 31, 21/1-1/2/2019, 'Tổng hợp về Việt Nam - Báo cáo của Cao ủy Nhân quyền LHQ'. UN Doc A/HRC/WG.6/32/VNM/2. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/HRBodies/UPR/Pages/VNindex.aspx>. Truy cập ngày 20/8/2019. Phần 2, đoạn 6.

225 ILO, 'Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về tự do hiệp hội'. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/freedom-of-association/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 18/8/2019.

226 ILO, Báo cáo III(1B): 'Thương lượng tập thể trong dịch vụ công: Hướng đi phía trước', Khảo sát chung của Ủy ban Chuyên gia về áp dụng Công ước và Khuyến nghị năm 2013 về quan hệ lao động và thương lượng tập thể trong dịch vụ công, (2013). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/ilc/ILCSessions/previous-sessions/102/reports/reports-submitted/WCMS\\_205518/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/ilc/ILCSessions/previous-sessions/102/reports/reports-submitted/WCMS_205518/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 20/8/2019. Đoạn 505, 532.

227 Nt.

228 ILO, 'Khuyến nghị ILO số 92 về Hòa giải và trọng tài tự nguyện', (1951). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:R092](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:R092). Truy cập ngày 5/9/2019.

229 ILO, Danh sách chú thích hữu ích một số Công ước và Khuyến nghị có liên quan nhất được cung cấp tại tài liệu Hướng dẫn chính sách về Thương lượng tập thể, (2015). Trang 12-13 (Ct. 213).

230 ILO, 'Khuyến nghị ILO số 91 về Thỏa ước lao động tập thể', (1951). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO:12100:P12100\\_INSTRUMENT\\_ID:312429:NO](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO:12100:P12100_INSTRUMENT_ID:312429:NO). Truy cập ngày 19/5/2020.

khieu nại (1967).<sup>231</sup> Bên cạnh đó, chỉ số đánh giá SDG 8.8.2 đưa ra “mức độ tuân thủ quốc gia đối với quyền lao động (quyền tự do hiệp hội và thương lượng tập thể) trên cơ sở các văn kiện của ILO và luật pháp quốc gia, dựa trên giới tính và tình trạng di trú.”<sup>232</sup>

- *Pháp luật quốc tế về quyền con người*

Tuyên ngôn Nhân quyền Phổ quát (UDHR) tuyên bố: “Mọi người đều có quyền thành lập và gia nhập công đoàn để bảo vệ quyền lợi của mình;”<sup>233</sup> “Mọi người đều có quyền tự do hội họp và tự do lập hội một cách hòa bình,”<sup>234</sup> và “Không ai bị ép buộc phải tham gia vào bất kỳ hiệp hội nào.”<sup>235</sup> Công ước quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR), đã được Việt Nam phê chuẩn, yêu cầu các quốc gia thành viên phải đảm bảo quyền tự do thành lập và gia nhập công đoàn; quyền tự do hoạt động của tổ chức công đoàn; quyền đình công; quyền được thành lập liên đoàn hoặc liên minh quốc gia của công đoàn và các liên minh và liên đoàn; quyền liên kết thành lập và gia nhập các tổ chức nghiệp đoàn quốc tế.<sup>236</sup> Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị (ICCPR) đã được Việt Nam phê chuẩn cũng quy định về quyền tự do hiệp hội, bao gồm cả quyền thành lập và gia nhập công đoàn,<sup>237</sup> cụ thể hơn “việc thực hiện quyền này không bị hạn chế, trừ những hạn chế do pháp luật quy định và là cần thiết trong một xã hội dân chủ, vì lợi ích an ninh quốc gia, an toàn và trật tự công cộng, và để bảo vệ sức khỏe hoặc đạo đức của công chúng hay các quyền và tự do của người khác.”<sup>238</sup>

231 ILO, ‘Khuyến nghị ILO số 130 về Giải quyết khiếu nại’, (1967). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORM-LEXPUB:12100:0::NO:12100:P12100\\_INSTRUMENT\\_ID:312468:NO](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORM-LEXPUB:12100:0::NO:12100:P12100_INSTRUMENT_ID:312468:NO). Truy cập ngày 19/5/2020.

232 LHQ, ‘Các chỉ số mục tiêu phát triển bền vững: Khung chỉ số toàn cầu cho các mục tiêu phát triển bền vững của Chương trình nghị sự 2030 về Phát triển bền vững’. UN Doc A/RES/71/313; E/CN.3/2018/2; E/CN.3/2019/2. Thông tin có tại: <https://unstats.un.org/sdgs/indicators/indicators-list>. Truy cập ngày 06/9/2019.

233 LHQ, Tuyên ngôn Phổ quát về Quyền con người (UDHR), (1948), Nghị quyết 217A của Đại hội đồng. Thông tin có tại: <https://www.un.org/en/universal-declaration-human-rights>. Truy cập ngày 18/8/2019. Điều 23.4.

234 Nt. Điều 20.1.

235 Nt. Điều 20.2.

236 Công ước quốc tế các Quyền kinh tế, xã hội và văn hoá (ICESCR), (1966). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/Pages/cescr.aspx>. Truy cập ngày 18/8/2019. Điều 8.

237 Công ước quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị (ICCPR), (1966). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/Pages/ccpr.aspx>. Truy cập ngày 18/8/2019. Điều 22.1.

238 Nt. Điều 22.2.

- *Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)*

Chương 19 về Lao động trong CPTPP điều chỉnh các nội dung về quan hệ lao động,<sup>239</sup> theo đó yêu cầu Việt Nam, bên cạnh các nghĩa vụ khác, thông qua và duy trì luật pháp, các quy định, và thông lệ thực hành cho phép quyền “tự do hiệp hội và công nhận thực chất quyền thương lượng tập thể” như được nêu trong các Tuyên bố liên quan của ILO.<sup>240</sup> CPTPP cũng đưa ra yêu cầu cụ thể liên quan đến các biện pháp thực thi,<sup>241</sup> nhận thức cộng đồng,<sup>242</sup> thúc đẩy các sáng kiến CSR đối với vấn đề lao động,<sup>243</sup> tiếp nhận đơn thư của công chúng,<sup>244</sup> Hội đồng lao động,<sup>245</sup> và Cơ quan đầu mối liên lạc của CPTPP.<sup>246</sup>

Về các biện pháp thực thi trong nước, CPTPP yêu cầu Việt Nam phải “thực thi hiệu quả luật lao động trong nước,” và nêu rõ các quyết định phân bổ nguồn lực thực hiện sẽ không chấp nhận “bất cứ lý do nào” cho việc không tuân thủ.<sup>247</sup> Việt Nam phải “nâng cao nhận thức cộng đồng về luật lao động” bằng cách đảm bảo công khai thông tin liên quan đến các quy định pháp luật, quy trình thực thi và tuân thủ luật lao động.<sup>248</sup> Đồng thời, Việt Nam bị nghiêm cấm từ bỏ hoặc rút lui nghĩa vụ pháp lý đối với luật hoặc quy định liên quan đến quyền tự do hiệp hội và công nhận thực chất quyền thương lượng tập thể, trong cả các khu vực thương mại hoặc hải quan đặc biệt như khu kinh tế.<sup>249</sup>

Liên quan đến các biện pháp thực thi, khi các Bên tham gia muốn khẳng định có sự vi phạm nghĩa vụ theo hiệp định thì cần phải chứng minh rằng Việt Nam “đã thất bại trong việc thông qua hoặc duy trì một đạo luật, quy định hoặc thông lệ thực hành theo cách thức ảnh hưởng đến thương mại hoặc

239 CPTPP (Ct. 29).

240 Nt. Điều 19.3.1.

241 Nt. Điều 19.4 và 19.5.

242 Nt. Điều 19.8.

243 Nt. Điều 19.7.

244 Nt. Điều 19.9.

245 Nt. Điều 19.12.

246 Nt. Điều 19.13.

247 Nt. Điều 19.5.

248 Nt. Điều 19.8.

249 Nt. Điều 19.4.

đầu tư giữa các Bên.”<sup>250</sup> Bất kỳ Bên nào tham gia CPTPP đều có thể yêu cầu “đối thoại lao động mang tính hợp tác” với bên tham gia khác về các vấn đề phát sinh trong chương Lao động của CPTPP. Hoạt động đối thoại lao động có thể đem đến một kế hoạch hành động gồm các bước cụ thể và có thể kiểm chứng, như thanh tra, điều tra hoặc tuân thủ lao động; xác minh độc lập về việc tuân thủ hoặc thực hiện; cũng như các chương trình hợp tác và nâng cao năng lực.

CPTPP cũng quy định về việc tiếp nhận và xem xét “đơn thư của công chúng” từ các cá nhân hoặc tổ chức, và yêu cầu Việt Nam có phản hồi kịp thời, bằng văn bản nếu cần thiết, và công khai các đơn thư để các quốc gia thành viên khác và công chúng có thể tiếp cận.<sup>251</sup> CPTPP yêu cầu thành lập “Hội đồng lao động” bao gồm đại diện cấp cao của Nhà nước có chức năng “tiếp nhận và xem xét ý kiến của những người quan tâm” và “Cơ quan đầu mối liên lạc” trong bộ lao động của mỗi quốc gia thành viên.<sup>252</sup>

- *Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA)*

Với việc tham gia EVFTA, Việt Nam đã tái khẳng định các cam kết trong Tuyên bố của ILO về các Nguyên tắc và quyền cơ bản trong lao động, bao gồm tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện quyền tự do hiệp hội và công nhận thực chất quyền thương lượng tập thể.<sup>253</sup> Cụ thể, EVFTA yêu cầu Việt Nam phải “tiếp tục và duy trì các nỗ lực nhằm phê chuẩn các công ước ILO cơ bản mà Việt Nam chưa tham gia” gồm Công ước số 87 về Quyền tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức năm (1948) chưa được Việt Nam phê chuẩn và Công ước số 98 về Tổ chức và thương lượng tập thể năm 1949 đã được Việt Nam phê chuẩn năm 2019, cũng như “xem xét phê chuẩn các công ước khác được ILO phân loại là phù hợp với thời điểm hiện tại.”<sup>254</sup>

Về thực thi EVFTA trong nước, Việt Nam đã khẳng định cam kết “thực thi hiệu quả các công ước ILO mà Việt Nam đã phê chuẩn trong các quy định, luật pháp trong nước.”<sup>255</sup> Đồng thời công nhận tác hại của sự suy giảm về mức độ bảo vệ trong lĩnh vực lao động và “không khuyến khích thương mại và đầu tư bằng cách giảm mức độ bảo vệ của pháp luật lao động trong nước.”<sup>256</sup> EVFTA không cho phép Việt Nam miễn hoặc hạ thấp các quy định của luật lao động trong nước để tạo ảnh hưởng lên thương mại và đầu tư giữa các thành viên<sup>257</sup> và yêu cầu Việt Nam “thông qua một loạt các hành động hoặc không hành động được duy trì hoặc lặp lại... để thực thi hiệu quả pháp luật về môi trường và lao động nhằm khuyến khích thương mại và đầu tư.”<sup>258</sup>

## Khung pháp lý

Hiến pháp 2013 khẳng định “công dân có quyền tự do ngôn luận, tự do báo chí, tiếp cận thông tin, hội họp, lập hội, biểu tình” và nêu rõ “việc thực hiện các quyền này do pháp luật quy định.”<sup>259</sup> Hiến pháp định nghĩa Công đoàn là “tổ chức chính trị - xã hội của giai cấp công nhân và của người lao động được thành lập trên cơ sở tự nguyện, đại diện cho người lao động, chăm lo và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động; tham gia quản lý nhà nước, quản lý kinh tế - xã hội; tham gia kiểm tra, thanh tra, giám sát hoạt động của cơ quan nhà nước, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp về những vấn đề liên quan đến quyền, nghĩa vụ của người lao động; tuyên truyền, vận động người lao động học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề nghiệp, chấp hành pháp luật, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.”<sup>260</sup> Hiến pháp quy định rõ: Công đoàn Việt Nam có vai trò “đại diện và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp, chính đáng của thành viên, hội viên tổ chức mình; cùng các tổ chức thành viên khác của Mặt trận phối hợp và thống nhất hành động trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam.”<sup>261</sup>

250 Nt. Điều 19.3.

251 Nt. Điều 19.9.

252 Nt. Điều 19.2 và 19.3.

253 EVFTA (Ct. 28).

254 CPTPP, Điều 13.4.3b (Ct. 29); Danh sách cập nhật các Công ước và Khuyến nghị, ‘Các Công ước và Khuyến nghị đến hiện tại’. Thông tin có tại: [255 EVFTA. Điều 13.4.4 \(Ct. 28\).](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEX-PUB:12020:0:NO. Truy cập ngày 18/8/2019.</a></p></div><div data-bbox=)

256 Nt. Điều 13.3.1.

257 Nt. Điều 13.3.2.

258 Nt. Điều 13.3.3.

259 Hiến pháp Việt Nam. Điều 25 (Ct. 60)

260 Nt. Điều 10.

261 Nt. Điều 9.1.

Các Luật điều chỉnh quan hệ lao động tại Việt Nam bao gồm Luật Công đoàn (2012),<sup>262</sup> Bộ luật Lao động (2012 và 2019).<sup>263</sup> Theo đó, các Nghị định, Thông tư, Quyết định hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động và pháp luật liên quan về quan hệ lao động đã được ban hành.<sup>264</sup> Trong Kết luận phiên họp thứ 125 năm 2019, Ủy ban về các Quyền dân sự và chính trị của LHQ (HRC) và tiếp tục bày tỏ quan ngại “về những hạn chế quá mức liên quan đến việc thành lập, quản lý và vận hành các hiệp hội chung công khai, bao gồm cả quyền thành lập công đoàn độc lập.”<sup>265</sup> Ủy ban về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa của LHQ (CESCR) đã bày tỏ quan ngại “theo Luật Công đoàn, việc thành lập công đoàn và tham gia hoạt động của công đoàn vẫn phải tuân theo quy chế của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam (LĐLĐVN).”<sup>266</sup> Bên cạnh đó, Ủy ban cũng quan ngại về “các điều kiện nghiêm ngặt để tổ chức đình công đúng luật cũng như việc mở rộng khái niệm “dịch vụ thiết yếu” đã làm hạn chế quyền đình công của cán bộ, công chức.”<sup>267</sup> Hơn nữa, CESCR cũng lo ngại “việc tham gia vào các cuộc đình công bất hợp pháp có thể khiến (người lao động) phải bồi thường khoản tiền tương đương ba tháng lương cho người sử dụng lao động.”<sup>268</sup>

Quá trình sửa đổi Bộ luật Lao động được tiến hành từ năm 2016 đến năm 2019.<sup>269</sup> Bộ

luật Lao động 2019 đã hợp pháp hóa quyền tham gia hoặc thành lập tổ chức đại diện theo lựa chọn của người lao động, không nhất thiết phải liên kết với LĐLĐVN, tuy nhiên chỉ giới hạn ở cấp độ doanh nghiệp. Bộ luật Lao động 2019 cũng quy định các biện pháp bảo vệ công đoàn khỏi sự phân biệt đối xử và can thiệp để hoạt động hiệu quả hơn, đồng thời thiết lập các quy trình rõ ràng hơn và khuyến khích thương lượng tập thể.<sup>270</sup>

## Khung thiết chế

LĐLĐVN là đơn vị chịu trách nhiệm nghiên cứu xây dựng, sửa đổi Luật Công đoàn. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH) chịu trách nhiệm xây dựng luật và các quy định liên quan đến lao động, thực thi pháp luật lao động và các biện pháp liên quan đến quan hệ lao động. Cục Quan hệ lao động và Tiền lương là đơn vị quản lý nhà nước về quan hệ lao động.

Bộ luật Lao động đưa ra khuôn khổ pháp lý về giải quyết tranh chấp lao động, trong đó phân biệt giữa tranh chấp quyền và lợi ích cá nhân, tranh chấp quyền của tập thể, tranh chấp về lợi ích tập thể, và quy định phương thức hòa giải có thể được áp dụng cho cả ba loại tranh chấp.<sup>271</sup> Thủ tục giải quyết khi hòa giải không thành sẽ phụ thuộc vào bản chất của tranh chấp: Tranh chấp về quyền có thể được Tòa án nhân dân xét xử; tranh chấp về lợi ích, nếu được các bên đồng thuận, sẽ do Hội đồng trọng tài lao động giải quyết.<sup>272</sup> Theo Bộ luật Lao động 2019, việc lựa chọn trọng tài sẽ phụ thuộc vào sự đề cử của ba bên: Người lao động, người sử dụng lao động và cơ quan nhà nước, với ít nhất năm trọng tài viên từ mỗi bên.<sup>273</sup>

262 Luật Công đoàn 2012, Luật số 12/2012/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpg-toanvan.aspx?ItemID=27625&Keyword=-> Luật Công đoàn đang được sửa đổi và dự kiến được Quốc hội thông qua vào kỳ họp thứ 11, tháng 3/2021. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Nghi-quyet-106-2020-QH14-Chuong-trinh-xay-dung-luat-phap-lenh-2021-446264.aspx>. Truy cập ngày 10/9/2020.

263 Bộ luật Lao động 2012, Luật số 10/2012/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpg-toanvan.aspx?ItemID=27615>; Bộ luật Lao động 2019, Luật số 45/2019/QH14. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpg-luocdo.aspx?ItemID=139264#>. Truy cập ngày 18/8/2019.

264 Các thông tư, nghị định này có tại nền tảng 'NORMLEX' của ILO. Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/global/standards/WCMS\\_748754/lang-en/index.htm](https://www.ilo.org/global/standards/WCMS_748754/lang-en/index.htm). Truy cập ngày 24/9/2020.

265 Ủy ban Nhân quyền LHQ (HRC), 'Kết luận quan sát báo cáo định kỳ lần thứ ba của Việt Nam', (2019), CCPR/C/VNM/CO/3. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Countries/AsiaRegion/Pages/VNIndex.aspx>. Truy cập ngày 18/8/2019. Đoạn 49.

266 CESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam', (2014), E/C.12/VNM/CO/2-4. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Countries/AsiaRegion/Pages/VNIndex.aspx>. Truy cập ngày 28/7/2019. Đoạn 21.

267 Nt. Đoạn 20.

268 Nt.

269 ILO, 'Góp ý dự thảo Bộ luật Lao động sửa đổi'. Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS\\_551820/lang-en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS_551820/lang-en/index.htm). Truy cập ngày 18/8/2019. Đọc thêm ILO, Cooney, S., Tran Thi Kieu Trang, 'Giải quyết tranh chấp ở Việt Nam – Đánh giá nhanh: Bài viết về những

cải cách tiềm năng liên quan đến các quy định về quan hệ lao động và giải quyết tranh chấp trong Bộ luật Lao động 2012', (2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS\\_715202/lang-en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_715202/lang-en/index.htm). Truy cập ngày 5/9/2019. Trang 9.

270 ILO, 'Dự thảo Bộ luật Lao động sửa đổi có gì mới?', (2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS\\_700942/lang-en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_700942/lang-en/index.htm). Truy cập ngày 10/9/2019.

271 Bộ luật Lao động 2012. Chương XIV; Bộ luật Lao động 2019. Chương XIV (Ct. 263).

272 Bộ luật Lao động 2012. Điều 205 và 206; Bộ luật Lao động 2019. Điều 192, 193 và 197 (Ct. 263).

273 Bộ luật Lao động 2019. Điều 185.2 (Ct. 263).

## Khuyến nghị

1. Phê chuẩn và tích cực thực hiện Công ước của ILO số 87 về Quyền tự do hiệp hội và bảo vệ quyền tổ chức;
2. Sửa đổi Luật Công đoàn nhằm đảm bảo sự thống nhất với Bộ luật Lao động 2019, Công ước của ILO số 87 và số 98;
3. Tích cực thực hiện Điều 22 của ICCPR, phù hợp với nội dung khuyến nghị trong Nhận xét kết luận năm 2019 của HRC.<sup>274</sup> Cụ thể:
  - Bảo đảm công nhận đầy đủ quyền hiến định về tự do hiệp hội;<sup>275</sup>
  - Xúc tiến việc thông qua đề xuất Luật về Hội và đảm bảo các điều khoản, quy định và thông lệ có liên quan của dự thảo phù hợp với Điều 22 của ICCPR. Cụ thể, đề xuất Luật về Hội cần tôn trọng quyền thành lập hoặc gia nhập công đoàn của mỗi cá nhân;<sup>276</sup>
  - Đảm bảo Luật về Hội phản ánh đúng nội hàm của 'Các khuyến nghị chung của LHQ về Luật về Hội', được công bố tháng 10/2016.<sup>277</sup>
4. Tích cực thực hiện các điều khoản liên quan trong Chương 19 Lao động của CPTPP.
5. Tích cực thực hiện các điều khoản liên quan trong Chương 13 Thương mại và Phát triển bền vững của EVFTA.
6. Thực hiện các biện pháp cần thiết để tăng cường sự tham gia của công chúng trong Nhóm tư vấn trong nước (DAG), bao gồm việc tạo ra một nền tảng tham gia dựa trên công nghệ mới để giám sát thực thi các quy định liên quan đến lao động trong EVFTA.
7. Tăng cường hệ thống cơ chế giải quyết tranh chấp lao động một cách hiệu quả và phù hợp với Công ước ILO số 87 và số 98, với việc thành lập cơ quan có thẩm

quyền giải quyết tranh chấp lao động hiệu quả và công bằng, phạm vi quyền tài phán toàn diện và nhiệm vụ trọng tâm là chuyên nghiệp hóa các Hội đồng Trọng tài lao động, trao cho các trọng tài viên quyền đưa ra các phán quyết có tính ràng buộc khi giải quyết các vụ việc thực tế vi phạm quan hệ lao động.<sup>278</sup>

## 3.2 Điều kiện lao động

Trong phần này, khái niệm 'Điều kiện lao động' bao gồm tất cả các khía cạnh của điều kiện lao động, rộng hơn nghĩa được sử dụng ở các phần khác của Đánh giá này như các phần về 'Quan hệ lao động, Lao động cưỡng bức, Buôn bán người, Lao động gán nợ, Hôn nhân cưỡng ép, và 'Lao động trẻ em'. Đánh giá cụ thể về các cam kết quốc tế, khung pháp lý, khung thiết chế và các sáng kiến chính sách liên quan đến chống phân biệt đối xử tại nơi làm việc sẽ được trình bày trong Chương 5 "Thực hành kinh doanh có trách nhiệm và các nhóm yếu thế." Do đó, phần này đề cập đến các chủ đề sau:

- Thời gian làm việc
- Tiền lương
- Bảo vệ thai sản
- An toàn vệ sinh lao động
- An sinh xã hội
- Thanh tra lao động

### Cam kết quốc tế

#### • Thời giờ làm việc

ILS đã đưa ra các tiêu chuẩn tham chiếu trong pháp luật quốc tế về giờ làm việc, làm thêm giờ, thời gian nghỉ hàng ngày, hàng tuần và ngày lễ hàng năm.<sup>279</sup> Trong các tiêu chuẩn đó, Việt Nam chỉ phê chuẩn Công ước số 14 về Nghỉ hàng tuần (áp dụng với các ngành công nghiệp), bao gồm ít nhất thời gian nghỉ 24 giờ liên tục cho tất cả những người lao động

274 HRC, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 50 (Ct. 265).

275 Nt.

276 Nt.

277 LHQ tại Việt Nam, 'Khuyến nghị chung của LHQ về Luật về Hội', (2016). Thông tin có tại: <https://vietnam.un.org/en/14680-joint-un-recommendations-law-associations>. Truy cập ngày 20/8/2019.

278 ILO, 'Hệ thống tranh chấp lao động: Hướng dẫn nâng cao tính hiệu quả', (2013). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/ifpdial/information-resources/publications/WCMS\\_211468/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/ifpdial/information-resources/publications/WCMS_211468/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 5/9/2019. Chương 4.

279 ILO, 'Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về thời giờ làm việc'. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/working-time/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 28/7/2019.

làm việc trong các ngành công nghiệp.<sup>280</sup> Trong Công ước ILO số 14, các ngành công nghiệp gồm ngành xây dựng, khai thác mỏ, mỏ đá, sản xuất, đóng tàu, phát điện, phá dỡ, sửa chữa, vận chuyển đường bộ, đường sắt, đường biển hoặc đường thủy nội địa.<sup>281</sup> Người lao động làm việc trong các ngành khác như nông nghiệp, dịch vụ và thương mại không thuộc phạm vi bảo vệ của Công ước này.<sup>282</sup> Việt Nam cũng đã phê chuẩn ICESCR, theo đó công nhận “quyền của mọi người được hưởng điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt đảm bảo... nghỉ ngơi, giải trí, giới hạn hợp lý số giờ làm việc, những ngày nghỉ định kỳ được hưởng lương cũng như thù lao cho những ngày nghỉ lễ.”<sup>283</sup> Một số Công ước ILO có liên quan khác mà Việt Nam chưa phê chuẩn là những văn kiện quy định nguyên tắc một tuần làm việc 40 giờ, 48 giờ, làm việc tối đa 8 giờ mỗi ngày, nghỉ tối thiểu 3 tuần làm việc một năm, quy định về làm việc bán thời gian và làm việc ban đêm.<sup>284</sup>

#### • Tiền lương

Tiền lương là một trong những điều kiện lao động có ảnh hưởng cụ thể và trực tiếp nhất đến đời sống người lao động.<sup>285</sup> ILS quy định ấn định mức lương tối thiểu, trả lương thường xuyên, đảm bảo an toàn tiền lương trong trường hợp người sử dụng lao động mất khả năng thanh toán và nguyên tắc trả công bình đẳng cho phụ nữ và nam giới với công việc có giá trị như nhau.<sup>286</sup> Trong số các văn kiện liên quan về tiền lương của ILO,<sup>287</sup> Việt Nam chỉ phê chuẩn<sup>288</sup> Công ước số 100 về trả công bình đẳng. Công ước số 100 yêu

cầu Việt Nam thúc đẩy và đảm bảo tất cả người lao động được áp dụng nguyên tắc trả công bình đẳng cho cả nam giới và nữ giới đối với công việc có giá trị như nhau. Tuy nhiên, đến nay Việt Nam vẫn chưa ban hành quy định chi tiết về kế hoạch thực hiện và giám sát để đảm bảo trả công bình đẳng. Việt Nam đã phê chuẩn ICESCR, trong đó công nhận “quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt đảm bảo thù lao cho tất cả người lao động, tối thiểu là ... tiền lương thoả đáng và tiền công bằng nhau cho những công việc có giá trị như nhau, không phân biệt đối xử; đặc biệt, phụ nữ phải được đảm bảo những điều kiện làm việc không thua kém nam giới, được trả công ngang nhau đối với những công việc như nhau; [và] ... sống đàng hoàng cho bản thân và gia đình phù hợp với các quy định của Công ước hiện hành.”<sup>289</sup> Chính phủ Việt Nam thông báo tới ILO về việc Thủ tướng Chính phủ đã đồng ý về lộ trình phê chuẩn Công ước số 131 về Tiền lương tối thiểu trong giai đoạn 2016 - 2020.<sup>290</sup> Công ước số 131 yêu cầu các quốc gia đã phê chuẩn cần thiết lập một đơn vị phụ trách về tiền lương tối thiểu có đủ khả năng xác định và đánh giá định kỳ, điều chỉnh mức lương tối thiểu đảm bảo được thực thi theo luật.<sup>291</sup> Các nội dung này liên quan đến chỉ số SDG 8.5.1: “Thu nhập trung bình mỗi giờ của người lao động nam và nữ, theo nghề nghiệp, tuổi tác và tình trạng khuyết tật.”<sup>292</sup>

#### • Bảo vệ thai sản

ILO lưu ý rằng “mang thai và sinh nở là khoảng thời gian đặc biệt dễ bị tổn thương đối với lao động nữ và gia đình họ. Các bà mẹ mang thai và nuôi con nhỏ cần được bảo vệ đặc biệt để ngăn ngừa tổn hại sức khỏe cho mình và em bé, người mẹ cần có thời gian thích hợp để sinh con, phục hồi và chăm

280 ILO, 'Công ước ILO số 14 về Nghỉ hàng tuần', (1921). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEX-PUB:12100:0::NO:12100:P12100\\_INSTRUMENT\\_ID:312159:NO](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEX-PUB:12100:0::NO:12100:P12100_INSTRUMENT_ID:312159:NO). Truy cập ngày 28/7/2019.

281 Nt.

282 Nt.

283 ICESCR. Điều 7(d) (Ct. 236).

284 Đọc thêm ILO, 'Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về thời giờ làm việc' (Ct. 279).

285 ILO, 'Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về tiền lương'. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/wages/lang-en/index.htm>. Truy cập ngày 28/7/2019.

286 Nt.

287 Nt.

288 ILO, 'Công ước số 100 về Trả công bình đẳng', (1951). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEX-PUB:12100:0::NO:12100:P12100\\_INSTRUMENT\\_ID:312245:NO](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEX-PUB:12100:0::NO:12100:P12100_INSTRUMENT_ID:312245:NO). Truy cập ngày 29/7/2019.

289 ICESCR. Điều 7.a (Ct. 236).

290 ILO, 'Khảo sát tổng quan cho Báo cáo về Công ước số 131 về Ấn định tiền lương tối thiểu (1970)' và Khuyến nghị số 135 về Ấn định tiền lương tối thiểu (1970), Nội dung thứ ba của chương trình nghị sự: Thông tin và báo cáo về áp dụng Công ước và Khuyến nghị của Ủy ban chuyên gia về áp dụng Công ước và Khuyến nghị (Điều 19, 22 và 35 của Hiến pháp) Báo cáo III (Phần 1B). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/ilc/ILCSessions/previous-sessions/103/reports/reports-to-the-conference/WCMS\\_235287/lang-en/index.htm](https://www.ilo.org/ilc/ILCSessions/previous-sessions/103/reports/reports-to-the-conference/WCMS_235287/lang-en/index.htm). Truy cập ngày 3/8/2019. Trang 182.

291 ILO, 'Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về tiền lương' (Ct. 285).

292 LHQ, 'Các chỉ số mục tiêu phát triển bền vững' (Ct. 232).

sóc con cái. Đồng thời, họ cũng cần đảm bảo không bị mất việc vì mang thai hoặc nghỉ thai sản. ... Bảo vệ sức khỏe của các bà mẹ mang thai và nuôi con nhỏ, bảo đảm tránh bị phân biệt đối xử trong công việc là điều kiện tiên quyết để đạt được bình đẳng thực chất về đối xử và cơ hội giữa nam giới và phụ nữ tại nơi làm việc và cho phép người lao động chăm sóc gia đình trong điều kiện an toàn.”<sup>293</sup> Công ước ILO số 183 về Bảo vệ Thai sản và Khuyến nghị số 191 về Bảo vệ thai sản là những tiêu chuẩn mới nhất về bảo vệ thai sản.<sup>294</sup> Việt Nam hiện chưa phê chuẩn Công ước ILO về Bảo vệ thai sản.<sup>295</sup>

Việt Nam đã phê chuẩn ICESCR, theo đó thừa nhận rằng “các bà mẹ cần được bảo vệ đặc biệt trong thời gian hợp lý lao động nữ cần được nghỉ có lương hoặc hưởng các quyền lợi an sinh xã hội đầy đủ.”<sup>296</sup> Là quốc gia thành viên của Công ước về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW), Việt Nam có nghĩa vụ pháp lý để thực hiện các biện pháp đảm bảo “hiểu biết đúng đắn về thai sản như một chức năng xã hội”<sup>297</sup> và để ngăn ngừa phân biệt đối xử với phụ nữ vì lý do thai sản.<sup>298</sup>

### • *Bạo lực và quấy rối*

Năm 2019, ILO đã thông qua Công ước số 190 về *Bạo lực và quấy rối* (2019). Công ước này được xây dựng để chống lại bạo lực và quấy rối trong môi trường làm việc, và bảo vệ người lao động, thuộc mọi hình thức hợp đồng, bao gồm cả lao động đang được đào tạo, thực tập và học việc, đã thôi việc, tình nguyện viên, người tìm việc và ứng viên xin việc.<sup>299</sup> Tại thời điểm thực hiện Đánh giá này, Công ước số 190 đã được hai nước phê

chuẩn, đầu tiên là Uruguay và mới nhất là Fiji vào tháng 6/2020,<sup>300</sup> và Việt Nam chưa công bố bất kỳ cam kết nào để phê chuẩn Công ước số 190.

### • *An toàn vệ sinh lao động*

Hiến chương ILO đề ra nguyên tắc người lao động phải được bảo vệ để không bị ốm đau, bệnh tật và thương tật phát sinh trong quá trình làm việc.<sup>301</sup> Để đạt được điều này, ILO đã thông qua hơn 40 tiêu chuẩn liên quan cụ thể đến an toàn vệ sinh lao động,<sup>302</sup> trong số đó ba văn kiện được coi là đưa ra “các nguyên tắc nền tảng về an toàn vệ sinh lao động.”<sup>303</sup> Trong số ba văn kiện “cơ bản” này, Việt Nam đã phê chuẩn: (i) Công ước số 187 về Khung chính sách thúc đẩy an toàn vệ sinh lao động (2006), trong đó yêu cầu Việt Nam “thúc đẩy cải tiến liên tục an toàn vệ sinh lao động để ngăn ngừa thương tích, bệnh tật và tử vong nghề nghiệp, bằng cách xây dựng chính sách, hệ thống, chương trình quốc gia, có tham vấn các tổ chức đại diện cho người lao động và người sử dụng lao động;”<sup>304</sup> và (ii) Công ước số 155 về An toàn vệ sinh lao động (1981), yêu cầu Việt Nam cần “xây dựng, thực hiện và đánh giá định kỳ chính sách quốc gia về an toàn lao động, sức khỏe nghề nghiệp và môi trường làm việc” trong đó “mục tiêu của chính sách là phòng ngừa tai nạn, thương tích liên quan hoặc xảy ra khi làm việc bằng cách giảm thiểu, trong phạm vi có thể thực hiện được, các nguy cơ tiềm ẩn trong môi trường làm việc” và kêu gọi Nhà nước và doanh nghiệp cùng hành động để thúc đẩy an toàn vệ sinh lao động.<sup>305</sup>

Văn kiện “nền tảng” thứ ba của ILO là Công ước số 161 về Dịch vụ y tế lao động (1985)

293 ILO, ‘Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về bảo vệ thai sản’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/maternity-protection/lang-en/index.htm>. Truy cập ngày 28/7/2019.

294 Một số văn kiện có liên quan, bao gồm Công ước số 3 về Bảo vệ thai sản (1919), và Công ước số 103 về Bảo vệ thai sản (sửa đổi) (1952) vẫn có hiệu lực tại một số quốc gia nhất định. Đọc thêm: ILO, ‘Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về bảo vệ thai sản’ (Ct. 293).

295 ILO, ‘Các phê chuẩn cho Việt Nam’ (Ct. 23).

296 ICESCR. Điều 10(2) (Ct. 236).

297 LHQ, ‘Công ước loại bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ’ (CEDAW), (1979). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/Documents/ProfessionalInterest/cedaw.pdf>. Truy cập ngày 16/8/2019.

298 Nt. Điều 5b và 11.2.

299 ILO, ‘Công ước số 190 về Chấm dứt bạo lực và quấy rối’, (2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:C190](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C190). Truy cập ngày 18/7/2020.

300 Xem danh sách phê chuẩn Công ước về Chấm dứt Bạo lực và Quấy rối, (2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:11300:0::NO:11300:P11300\\_INSTRUMENT\\_ID:3999810:NO](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:11300:0::NO:11300:P11300_INSTRUMENT_ID:3999810:NO). Truy cập ngày 18/7/2020.

301 ILO, ‘Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về An toàn vệ sinh lao động’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/occupational-safety-and-health/lang-en/index.htm>. Truy cập ngày 28/7/2019.

302 Nt.

303 Nt.

304 ILO, ‘Khung thúc đẩy Công ước số 187 về An toàn vệ sinh lao động’, (2006). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO:12100:P12100\\_ILO\\_CODE:C187:NO](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO:12100:P12100_ILO_CODE:C187:NO). Truy cập ngày 28/7/2019.

305 ILO, ‘Công ước số 155 về An toàn vệ sinh lao động’, (1981). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO:12100:P12100\\_ILO\\_CODE:C155:NO](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO:12100:P12100_ILO_CODE:C155:NO). Truy cập ngày 28/7/2019.



vẫn chưa được Việt Nam phê chuẩn.<sup>306</sup> Việt Nam đã phê chuẩn một số văn kiện bổ sung của ILO liên quan đến an toàn vệ sinh lao động, bao gồm Công ước số 45 về Sử dụng phụ nữ vào những công việc dưới mặt đất và trong hầm mỏ (1935), và Công ước số 120 về Vệ sinh (trong thương mại và văn phòng) (1964). Việt Nam đã phê chuẩn ICESCR trong đó công nhận “quyền của mọi người được hưởng những điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi, đặc biệt đảm bảo ... điều kiện làm việc an toàn và lành mạnh.”<sup>307</sup> Mục tiêu SDG 8.8 cũng nêu rõ “bảo vệ quyền lợi của người lao động, thúc đẩy và đảm bảo môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, bao gồm cả lao động nhập cư, đặc biệt là phụ nữ di cư và lao động làm các công việc tạm thời” và chỉ số SDG 8.8.1 tương ứng là “tần suất gây tử vong và thương tích nghề nghiệp do tai nạn lao động, dựa trên yếu tố giới và tình trạng di cư.”<sup>308</sup>

#### • An sinh xã hội

Bảo trợ xã hội hay an sinh xã hội là khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc sức khỏe và bảo đảm thu nhập, đặc biệt trong trường hợp thất nghiệp, bệnh tật, thương tích liên quan đến công việc, thai sản, tuổi già và mất nguồn thu nhập chính.<sup>309</sup> Theo ILO, an sinh xã hội là “quyền con người về nhu cầu chung và cơ bản là được bảo vệ trước những rủi ro nhất định trong cuộc sống và xã hội. Các hệ thống an sinh xã hội hiệu quả sẽ góp phần đảm bảo thu nhập và bảo vệ sức khỏe, từ đó ngăn ngừa và giảm thiểu đói nghèo và bất bình đẳng, thúc đẩy hòa nhập xã hội và nâng cao nhân phẩm.”<sup>310</sup>

Các cam kết quốc tế của Việt Nam về đảm bảo quyền an sinh xã hội cho mọi người được ghi nhận tại ICESCR.<sup>311</sup> Trong khi đó,

306 ILO, ‘Các phê chuẩn cho Việt Nam’ (Ct. 23).

307 ICESCR. Điều 7(b) (Ct. 236).

308 LHQ. ‘Các chỉ số phát triển bền vững’ (Ct. 23).

309 ILO, ‘Bảo trợ xã hội’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/topics/social-security/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 06/9/2019.

310 ILO, ‘Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về an sinh xã hội’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/social-security/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 18/8/2019.

311 ICESCR. Điều 9 (Ct. 236). Đọc thêm: OHCHR, ‘Tình hình phê chuẩn của Việt Nam’. Thông tin có tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/15/TreatyBodyExternal/Treaty.aspx?CountryID=192&Lang=EN](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/TreatyBodyExternal/Treaty.aspx?CountryID=192&Lang=EN). Truy cập ngày 06/9/2019.

Công ước CEDAW mà Việt Nam đã phê chuẩn đặt ra nghĩa vụ đảm bảo quyền được hưởng lợi trực tiếp từ các chương trình an sinh xã hội đối với phụ nữ nông thôn.<sup>312</sup> Các Công ước chính của ILO thiết lập khung tiêu chuẩn lao động với mục tiêu bảo vệ an sinh xã hội là: Công ước số 102 về An sinh xã hội (tiêu chuẩn tối thiểu), Công ước số 118 về Đối xử bình đẳng (trong an sinh xã hội), Công ước số 157 về Duy trì quyền an sinh xã hội,<sup>313</sup> và Khuyến nghị số 202 về Sàn an sinh xã hội.<sup>314</sup> Việt Nam chưa phê chuẩn bất kỳ văn kiện nào nêu trên của ILO.<sup>315</sup>

#### • Thanh tra lao động

ILO lưu ý rằng “việc thực hiện đúng pháp luật lao động phụ thuộc vào cơ chế thanh tra lao động hiệu quả.”<sup>316</sup> Các văn kiện ILS chủ chốt liên quan đến thanh tra lao động là Công ước số 81 về Thanh tra lao động (1947) và các Báo cáo quan sát đi kèm được thông qua năm 2016 và công bố tại Hội nghị lao động quốc tế (ILC) lần thứ 106 vào năm 2017 và Công ước số 129 về Thanh tra lao động (trong nông nghiệp). Trong số này, Việt Nam chỉ mới phê chuẩn Công ước số 81 về Thanh tra lao động,<sup>317</sup> yêu cầu Việt Nam duy trì hệ thống thanh tra lao động tại nơi làm việc đối với ngành công nghiệp và thương mại, thiết lập nguyên tắc xác định các lĩnh vực pháp luật về thanh tra lao động, chức năng và tổ chức bộ máy thanh tra, tiêu chí tuyển dụng, vai trò, điều kiện làm việc, quyền hạn và nghĩa vụ của thanh tra lao động, và yêu cầu hệ thống thanh tra lao động Việt Nam công bố và gửi ILO báo cáo thường niên về tình hình thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình.<sup>318</sup>

312 CEDAW. Điều 14c (Ct. 297). Xem thêm OHCHR, ‘Tình hình phê chuẩn của Việt Nam’ (Ct. 311).

313 ILO, ‘Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về an sinh xã hội’ (Ct. 310).

314 ILO, ‘Khuyến nghị số 202 về Sàn an sinh xã hội’, (2012). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORML-EXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:R202](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORML-EXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:R202). Truy cập ngày 06/9/2019.

315 ILO, ‘Các phê chuẩn cho Việt Nam’ (Ct. 23).

316 ILO, ‘Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về thanh tra lao động’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/labour-inspection/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 28/7/2019.

317 ILO, ‘Các phê chuẩn cho Việt Nam’ (Ct. 23).

318 ILO, ‘Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về thanh tra lao động’ (Ct. 316).

## Khung pháp lý

- *Hiến pháp*

Hiến pháp 2013 quy định “Nhà nước bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và tạo điều kiện xây dựng quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định.”<sup>319</sup> Hiến pháp 2013 cũng quy định người lao động “được bảo đảm các điều kiện làm việc công bằng” và mọi hình thức “phân biệt đối xử” trên thực tế “bị nghiêm cấm.”<sup>320</sup>

- *Luật Doanh nghiệp*

Theo Luật Doanh nghiệp (2014), nghĩa vụ của doanh nghiệp bao gồm “bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động theo quy định của pháp luật lao động” và “không được phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm của người lao động trong doanh nghiệp.”<sup>321</sup> Tuy nhiên, những nghĩa vụ này không còn được quy định trong Luật Doanh nghiệp 2020, thay vào đó hiện được quy định trong Bộ luật Lao động 2019.

- *Thời giờ làm việc*

Bộ luật Lao động quy định thời giờ làm việc, bao gồm cả giờ làm việc, thời gian nghỉ giải lao, thời giờ làm việc ca đêm, ngày nghỉ hàng tuần và nghỉ phép hàng năm.<sup>322</sup> Bộ luật Lao động 2019 nêu rõ “thời giờ làm việc bình thường” không quá 08 giờ trong 01 ngày hoặc 48 giờ trong 01 tuần, và “Nhà nước khuyến khích người sử dụng lao động thực hiện tuần làm việc 40 giờ,”<sup>323</sup> những điều này phù hợp với ILS. Về làm thêm giờ, Bộ luật Lao động quy định tổng số giờ làm việc không quá 12 giờ/ngày, 40 giờ/tháng, 200 giờ/năm, “trừ những trường hợp đặc biệt do Chính phủ quy định, tổng số giờ làm thêm của người lao động không quá 300 giờ trong 01 năm.” Cả hai Bộ luật Lao động 2012 và 2019 đều quy định nghỉ giữa giờ ít nhất 30

phút liên tục,<sup>324</sup> và nghỉ hàng tuần ít nhất 24 giờ liên tục phù hợp với Công ước ILO số 14 đã được Việt Nam phê chuẩn.<sup>325</sup> Bộ luật Lao động cũng quy định người lao động làm việc đủ 12 tháng được phép có 12 đến 16 ngày nghỉ phép có trả lương trong một năm.<sup>326</sup> Các nghị định và thông tư dưới luật quy định cụ thể hơn về các vấn đề trên.<sup>327</sup> Bộ luật Lao động cũng quy định lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ mỗi ngày 30 phút.<sup>328</sup>

- *Tiền lương*

Việt Nam chưa có luật riêng về lương tối thiểu. Chính phủ Việt Nam đã thông báo với ILO về việc Thủ tướng Chính phủ chấp thuận sẽ thông qua Luật Lương tối thiểu.<sup>329</sup> Hiện tại, Bộ luật Lao động (2012 và 2019) quy định các nội dung liên quan đến mức lương tối thiểu như mức lương, hình thức trả lương, tiền làm thêm giờ, và làm việc vào ban đêm.<sup>330</sup> Cụ thể, Bộ luật Lao động quy định mức lương tối thiểu sẽ được ấn định bằng quyết định dựa trên khuyến nghị của Hội đồng tiền lương quốc gia.<sup>331</sup> Căn cứ Nghị định 49/2013/NĐ-CP hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về tiền lương, Hội đồng tiền lương quốc gia là cơ quan tư vấn cho Chính phủ, gồm đại diện Bộ LĐTBXH, TLĐLĐVN, và VCCI<sup>332</sup> do các cơ quan có thẩm quyền bổ nhiệm.<sup>333</sup> Theo Bộ luật Lao động và Nghị định 49/2013/NĐ-CP, các tổ chức của người lao động và người sử dụng lao động có số lượng đại diện ngang nhau trong Hội đồng tiền lương quốc gia. Điều này phù hợp với nguyên tắc của Công ước ILO số 131, kêu gọi sự bình đẳng về số

319 Hiến pháp Việt Nam. Điều 57.2 (Ct. 60).

320 Nt. Điều 35.

321 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 8.4; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 8.5 (Ct. 63).

322 Bộ luật Lao động, (2012). Chương VII; Bộ luật Lao động, (2019). Chương VII (Ct. 263).

323 Bộ luật Lao động 2012. Điều 104; Bộ luật Lao động 2019. Điều 105 (Ct. 263).

324 Bộ luật Lao động 2012. Điều 108; Bộ luật Lao động 2019. Điều 109 (Ct. 263).

325 Bộ luật Lao động 2012. Điều 110; Bộ luật Lao động 2019. Điều 111 (Ct. 263).

326 Bộ luật Lao động 2012. Điều 111; Bộ luật Lao động 2019. Điều 113 (Ct. 263).

327 ILO, NATLEX, 'Việt Nam'. Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/natlex/natlex4.countrySubjects?p\\_lang=en&p\\_country=VNM](https://www.ilo.org/dyn/natlex/natlex4.countrySubjects?p_lang=en&p_country=VNM). Truy cập ngày 06/9/2019.

328 Bộ luật Lao động 2012. Điều 155; Bộ luật Lao động 2019. Điều 137 (Ct. 263)

329 ILO, 'Bảo cáo của Ủy ban chuyên gia về Công ước số 131 về Ấn định tiền lương tối thiểu'. Trang 182 (Ct. 290).

330 Bộ luật Lao động 2012. Chương VI; Bộ luật Lao động 2019. Chương VI.

331 ILO, 'Bảo cáo của Ủy ban chuyên gia về Công ước số 131 về Ấn định tiền lương tối thiểu'. Trang 52 (Ct. 290)

332 Nt. Trang 52, 105.

333 Nt. Trang 108, 109.

lượng đại diện của các tổ chức sử dụng lao động và tổ chức của người lao động tham gia trong các cơ chế ra quyết định về lương tối thiểu.<sup>334</sup>

Mức lương tối thiểu được điều chỉnh hàng năm.<sup>335</sup> Theo đó, Tổng cục Thống kê công bố kết quả điều tra hàng năm về mức sống.<sup>336</sup> Chính phủ lập báo cáo về tình hình phát triển kinh tế xã hội trong đó Bộ LĐTBXH chịu trách nhiệm tiến hành khảo sát với khoảng 1.500 doanh nghiệp về sản lượng sản xuất, tiền lương và thu nhập của người lao động.<sup>337</sup> Bộ luật Lao động và Nghị định 182/2013/NĐ-CP quy định mức lương tối thiểu vùng cần đáp ứng không chỉ nhu cầu của người lao động mà phải xét đến khả năng đáp ứng nhu cầu của cả gia đình người lao động với mức lương này. Điều này cũng phù hợp với Công ước ILO số 131.<sup>338</sup> Bộ luật Lao động quy định, việc quyết định mức lương tối thiểu cần dựa trên tình hình kinh tế chung của đất nước.<sup>339</sup> Trong báo cáo gửi ILO, Việt Nam đã nêu rõ tiền lương tối thiểu được xác định trên cơ sở có tính đến yếu tố việc làm cũng như năng lực tài chính của các doanh nghiệp.<sup>340</sup> Theo Nghị định 182/2013/NĐ-CP, Việt Nam được chia thành bốn vùng và áp dụng các mức lương tối thiểu vùng khác nhau.<sup>341</sup> Bộ luật Lao động cũng quy định mỗi ngành sẽ có mức lương tối thiểu ấn định theo thỏa ước tập thể.<sup>342</sup>

Theo Bộ luật Lao động, việc chi trả mức lương thấp hơn lương tối thiểu chỉ được áp dụng trong thời gian thử việc. Tiền lương phải trả bằng ít nhất 85% mức lương tối thiểu chính thức.<sup>343</sup> Thời gian thử việc tối đa từ 60 đến 70 ngày, tùy thuộc vào mức độ đào tạo cần thiết.<sup>344</sup> Nghị định 182/2013/NĐ-CP quy định mức lương thấp nhất trả

cho người lao động đã qua đào tạo nghề phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng.<sup>345</sup>

Xử phạt đối với hành vi không tuân thủ, theo thông tin Việt Nam cung cấp cho ILO, có thể áp dụng hình thức xử phạt hành chính, bao gồm cả việc rút giấy phép, tùy theo tính chất và mức độ vi phạm.<sup>346</sup> Theo Nghị định 28/2020/NĐ-CP về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động và bảo hiểm xã hội, một trong những biện pháp khắc phục hậu quả khi người lao động bị trả lương dưới mức lương tối thiểu là có quyền yêu cầu người sử dụng lao động bồi thường tiền lương cộng tiền lãi.<sup>347</sup> Vụ Quan hệ lao động và tiền lương của Bộ LĐTBXH có nhiệm vụ cung cấp thông tin về mức lương tối thiểu.<sup>348</sup>

Người lao động thực hiện công việc tại nhà dưới hình thức khoán sản phẩm hoặc ký hợp đồng thầu phụ không thuộc phạm vi bảo vệ của Bộ luật Lao động 2012, bao gồm cả quy định về tiền lương tối thiểu.<sup>349</sup> Tuy nhiên Bộ luật Lao động 2019 đã mở rộng các quy định bảo đảm tiền lương tối thiểu cho tất cả “người lao động, học nghề, tập nghề và người làm việc không có quan hệ lao động” như người tự kinh doanh hoặc không có hợp đồng lao động chính thức. Chính phủ Việt Nam đã bày tỏ mong muốn tiếp tục nhận được hỗ trợ từ ILO để cải thiện khung luật pháp và chính sách trong nước, đặc biệt kế hoạch soạn thảo Luật về lương tối thiểu.<sup>350</sup>

### • Bảo vệ thai sản

Hiến pháp 2013 quy định Nhà nước có trách nhiệm “bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người mẹ, trẻ em, thực hiện kế hoạch hóa gia đình”<sup>351</sup> và “tạo môi trường thuận lợi cho việc xây

334 ILO, ‘Công ước số 131 về Tiền lương tối thiểu’, (1970). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORML-EXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:C131](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORML-EXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C131). Truy cập ngày 03/8/2019. Điều 4.

335 ILO, ‘Báo cáo của Ủy ban chuyên gia về Công ước số 131 về Ấn định tiền lương tối thiểu’. Trang 136 (Ct. 290).

336 Nt. Trang 141.

337 Nt.

338 Nt. Trang 129.

339 Nt. Trang 130.

340 Nt. Điều 133, 134.

341 Nt. Trang 73.

342 Nt. Trang 78.

343 Bộ luật Lao động 2019. Điều 26 (Ct. 263).

344 Bộ luật Lao động 2012. Điều 27; Bộ luật Lao động 2019. Điều 25 (Ct. 263).

345 ILO, ‘Báo cáo của Ủy ban chuyên gia về Công ước số 131 về Ấn định tiền lương tối thiểu’. Trang 80 (Ct. 290).

346 Nt. Trang 157.

347 Nghị định 28/2020/NĐ-CP Quy định xử phạt vi phạm hành chính lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội, đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpbq-van-ban-goc.aspx?ItemID=141147>. Truy cập ngày 22/9/2020.

348 Quyết định 736/QĐ-LĐTBXH Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của Cục Quan hệ lao động và Tiền lương. Thông tin có tại: <http://www.molisa.gov.vn/Pages/gioithieu/cocauto-chucchitiet.aspx?ToChuclD=1449>. Truy cập ngày 22/9/2020.

349 ILO, ‘Báo cáo của Ủy ban chuyên gia về Công ước số 131 về Ấn định tiền lương tối thiểu’ (Ct. 290).

350 Nt. Trang 180.

351 Hiến pháp Việt Nam. Điều 58.2 (Ct. 60).

dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.”<sup>352</sup> Các điều khoản về bảo vệ thai sản được quy định trong Bộ luật Lao động<sup>353</sup> và tạo môi trường xây dựng gia đình Việt Nam ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.<sup>354</sup>

Tính đến năm 2014, Việt Nam là một trong ba quốc gia (cùng với Trung Quốc và Mông Cổ) trên tổng số 26 quốc gia châu Á được ILO đánh giá là đáp ứng các tiêu chuẩn của Công ước ILO số 183 trên cả ba khía cạnh về: thời gian nghỉ phép, mức thanh toán và nguồn tài trợ.<sup>355</sup> Đặc biệt, Việt Nam cho phép nghỉ thai sản 6 tháng, cao hơn tiêu chuẩn quốc tế theo Công ước số 183 là 14 tuần.<sup>356</sup> Thời gian nghỉ bắt buộc sau sinh là 9 tuần, cao hơn tiêu chuẩn 6 tuần của quốc tế.<sup>357</sup> Trong suốt 26 tuần nghỉ, toàn bộ thu nhập đều được đảm bảo.<sup>358</sup> Trợ cấp thai sản được chi trả qua các hệ thống an sinh xã hội, và không phải thông qua người sử dụng lao động.<sup>359</sup> Trong trường hợp sinh nhiều con, luật cho phép tăng thời gian nghỉ thai sản thêm 4 tuần.<sup>360</sup> Một số nhóm cán bộ, công chức nhất định trong khu vực công được hưởng chế độ bảo hiểm thai sản đặc biệt theo quy định riêng.<sup>361</sup> Luật Bảo hiểm xã hội quy định chế độ nghỉ 5 ngày có hưởng lương cho lao động nam đang đóng bảo hiểm xã hội khi vợ sinh con.<sup>362</sup> Người lao động được hưởng thời gian nghỉ cho con bú 60 phút/ngày trong 12 tháng. Thời gian và số lần nghỉ giải lao cá nhân không được nêu cụ thể trong mục này.<sup>363</sup>

352 Nt. Điều 60.3 (Ct. 60).

353 Bộ luật Lao động 2012. Điều 155 và 157; Bộ luật Lao động 2019. Điều 137 và 139 (Ct. 263).

354 Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Luật số 58/2014/QH13. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/Luat-Bao-hiem-xa-hoi-2014-259700.aspx>. Điều 30 - 41.

355 ILO, 'Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động: Luật pháp và thông lệ trên toàn thế giới', (2014). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/global/publications/ilo-bookstore/order-online/books/WCMS\\_242615/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/global/publications/ilo-bookstore/order-online/books/WCMS_242615/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 3/8/2019. Trang 31.

356 Nt. Trang 10. Điều này đánh dấu sự gia tăng so với quyền lợi trước đó (nghỉ 17 tuần) được pháp luật Việt Nam quy định trước năm 2012.

357 Nt. Trang 46.

358 Nt. Trang 19.

359 Nt. Trang 26.

360 Nt. Trang 15.

361 Nt. Trang 38.

362 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 (Ct. 354); ILO, 'Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động'. Trang 66 (Ct. 355).

363 ILO, 'Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động', (2014). Trang 185 (Ct. 355).

Lao động nữ có thai từ 7 tháng hoặc đang nuôi con dưới 12 tháng tuổi không phải làm việc ban đêm.<sup>364</sup> Phụ nữ không phải làm các công việc liên quan đến phóng xạ, nhiệt độ cao, điện cao thế hoặc tiếp xúc với các chất có thể ảnh hưởng đến khả năng sinh sản.<sup>365</sup> Lao động nữ mang thai từ tháng thứ 7 nếu đang phụ trách việc nặng nhọc phải được chuyển sang một công việc nhẹ nhàng hơn mà không bị giảm lương.<sup>366</sup> Các quy định của Nhà nước cho phép kéo dài thời gian nghỉ nếu các lựa chọn khác như thay đổi điều kiện lao động hoặc chuyển công việc đều không khả thi.<sup>367</sup> Lao động nữ đang mang thai từ tháng thứ 7 hoặc chăm con nhỏ dưới 12 tháng có thể không phải làm thêm ngoài giờ.<sup>368</sup> Pháp luật cũng quy định thời gian nghỉ khám bệnh vẫn được trả lương và phụ nữ mang thai được nghỉ 5 ngày có hưởng lương để đi khám thai.<sup>369</sup>

Công ước ILO số 183 kêu gọi chống lại việc sa thải lao động nữ khi họ trở lại làm việc sau thời gian nghỉ thai sản, nhưng cho phép các quốc gia tự quy định thời gian cụ thể trong quy định và luật pháp của mình.<sup>370</sup> Tại Việt Nam, giai đoạn bảo hộ việc làm kéo dài đến khi đứa trẻ được một năm tuổi.<sup>371</sup> Sau thời gian này, được phép sa thải trong thời gian bảo hộ nếu hợp đồng lao động hết hạn.<sup>372</sup>

Khuyến nghị ILO số 191 đề xuất cần có các quy định cho việc thành lập các cơ sở chăm sóc trẻ em đáp ứng “điều kiện vệ sinh đầy đủ tại chỗ hoặc gần nơi làm việc.”<sup>373</sup> Về kinh phí cho các cơ sở này, Khuyến nghị đề nghị việc cơ sở này sẽ được thành lập bởi Nhà nước hay tư nhân.<sup>374</sup> Việt Nam có quy định việc thành lập các cơ sở chăm sóc trẻ em.<sup>375</sup>

364 Nt. Trang 91 và 98.

365 Nt. Trang 95 và 96.

366 Nt. Trang 97 và 99.

367 Nt. Trang 97 và 100.

368 Nt. Trang 99.

369 Nt. Trang 93.

370 ILO, 'Công ước số 183 về bảo vệ thai sản', (2000). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORML-EXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:C183](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORML-EXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C183). Truy cập ngày 06/9/2019.

371 ILO, 'Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động', (2014). Trang 77 (Ct. 355).

372 Nt. Trang 78.

373 ILO, 'Khuyến nghị số 191 về Bảo vệ thai sản', (2000). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORML-EXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:R191](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORML-EXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:R191). Truy cập ngày 3/8/2019.

374 Nt. Đoạn 9.

375 ILO, 'Chế độ thai sản và nuôi con trong quan hệ lao động',

Người sử dụng lao động có thể chọn lựa thanh toán (hoàn trả) cho dịch vụ chăm sóc trẻ em bên ngoài thay vì thành lập một cơ sở chăm sóc trẻ em tại chỗ.<sup>376</sup>

- *An toàn vệ sinh lao động*

Hiến pháp 2013 quy định mỗi người lao động đều “được bảo đảm các điều kiện làm việc an toàn.”<sup>377</sup> Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, quy định các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động; chính sách, chế độ bồi thường đối với người bị tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp; trách nhiệm và quyền hạn của các tổ chức, cá nhân liên quan đến công tác an toàn vệ sinh lao động; quản lý nhà nước về an toàn vệ sinh lao động; các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát nguy cơ.<sup>378</sup> Điểm tiến bộ đáng ghi nhận của Luật An toàn vệ sinh lao động là Luật này áp dụng với tất cả người lao động, bao gồm cả người lao động có ký kết và không ký kết hợp đồng, người thử việc, người học việc và thực tập sinh, người lao động từ đơn vị khác và lao động người nước ngoài tại Việt Nam.<sup>379</sup> Nội dung an toàn vệ sinh lao động cũng được quy định trong Bộ luật Lao động.<sup>380</sup> Năm 2015, Việt Nam đã thông qua Bộ Quy tắc ứng xử về chống quấy rối tình dục tại nơi làm việc.<sup>381</sup>

Chương trình mục tiêu quốc gia về An toàn vệ sinh lao động gần đây nhất được thực hiện trong giai đoạn 2016 – 2020 với các mục tiêu: Cải thiện điều kiện làm việc; giảm ô nhiễm tại nơi làm việc; phòng ngừa tai nạn

lao động và bệnh nghề nghiệp; chăm sóc sức khỏe cho người lao động; nâng cao nhận thức, đảm bảo tuân thủ pháp luật về an toàn vệ sinh lao động; và bảo vệ sự an toàn về thể chất và tính mạng của người lao động, tài sản của Nhà nước, tổ chức và doanh nghiệp, và góp phần vào sự phát triển bền vững.<sup>382</sup>

CESCR đã nhấn mạnh sự cần thiết phải thúc đẩy việc thực thi khung pháp lý quốc gia về nâng cao nhận thức an toàn vệ sinh lao động cho cả người lao động và người sử dụng lao động, cũng như nâng cao năng lực của bộ máy thanh tra lao động.<sup>383</sup>

- *An sinh xã hội*

Hiến pháp 2013 quy định “công dân có quyền được bảo hiểm xã hội”<sup>384</sup> và quy định thêm rằng “Nhà nước tạo bình đẳng về cơ hội để công dân thụ hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, có chính sách trợ giúp người cao tuổi, người khuyết tật, người nghèo và người có hoàn cảnh khó khăn khác.”<sup>385</sup> Hiến pháp 2013 cũng nêu rõ Nhà nước “thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.”<sup>386</sup> Theo Nghị quyết số 15-NQ/TW về một số vấn đề chính sách xã hội năm 2012, chính sách bảo đảm an sinh xã hội của Việt Nam gồm bốn trụ cột chính: Tạo việc làm, đảm bảo thu nhập tối thiểu; bảo hiểm xã hội; trợ giúp xã hội cho nhóm có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn như người cao tuổi, người khuyết tật, trẻ em, người thất nghiệp; và các dịch vụ xã hội cơ bản.<sup>387</sup>

Quyền lợi bảo hiểm xã hội được điều chỉnh bởi bốn luật chính: Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Luật Bảo hiểm y tế 2008, Luật Việc làm 2013 (với quy định về bảo hiểm thất nghiệp) và Luật An toàn vệ sinh lao động

(2014). Trang 108 (Ct. 355).

376 Nt. Trang 109 và 192.

377 Hiến pháp Việt Nam. Điều 35 (Ct. 60).

378 Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, Luật số 84/2015/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpg-van-ban-goc.aspx?ItemID=70811>. Truy cập ngày 03/8/2019. Điều 1.

379 Theo khảo sát gần đây nhất của ILO năm 2009, các luật và quy định áp dụng chung về an toàn vệ sinh lao động thường phải tuân theo một số ngoại lệ nhất định và người lao động tự do không thuộc đối tượng được bảo vệ bởi quy định pháp luật về an toàn vệ sinh lao động. Đọc thêm ILO, 'Khảo sát chung liên quan đến Công ước số 155 về An toàn sức khỏe lao động (1981)', Khuyến nghị số 164 về An toàn sức khỏe lao động (1981), và Nghị định thư năm 2002 về Công ước về An toàn sức khỏe lao động (1981). Hội nghị Lao động Quốc tế lần thứ 98 (2009). Báo cáo III (Phần 1B). Nội dung thứ ba trong chương trình nghị sự: Thông tin và báo cáo về việc áp dụng các Công ước và Khuyến nghị. Báo cáo của Ủy ban chuyên gia về việc áp dụng các công ước và khuyến nghị (Điều 19, 22 và 35 của Hiến pháp). Truy cập ngày 03/8/2019. Trang 11, 13 và 14.

380 Bộ luật Lao động 2012. Chương IX; Bộ luật Lao động 2019. Chương IX (Ct. 263).

381 ILO, 'Bộ quy tắc ứng xử về Quấy rối tình dục nơi làm việc của Việt Nam', (2015). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Librarydocumentationcenter/WCMS\\_421220/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Librarydocumentationcenter/WCMS_421220/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 03/8/2019.

382 Quyết định số 05/QĐ-TTg ngày 05/01/2016 về thúc đẩy Chương trình quốc gia về an toàn vệ sinh lao động trong giai đoạn 2016-2020. Thông tin có tại: [http://www2.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/noidungchuongtrinhquoc-giakhac?\\_piref33\\_14737\\_33\\_14736\\_14736.strutsAction=ViewDetailAction.do&\\_piref33\\_14737\\_33\\_14736\\_14736.docid=4082&\\_piref33\\_14737\\_33\\_14736\\_14736.substract-](http://www2.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/noidungchuongtrinhquoc-giakhac?_piref33_14737_33_14736_14736.strutsAction=ViewDetailAction.do&_piref33_14737_33_14736_14736.docid=4082&_piref33_14737_33_14736_14736.substract-). Truy cập ngày 03/8/2019.

383 CESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 266).

384 Hiến pháp Việt Nam. Điều 34 (Ct. 60)

385 Nt. Điều 59.2.

386 Nt. Điều 58.

387 Nghị quyết 15-NQ/TW ngày 01/11/2012 về một số vấn đề về chính sách xã hội giai đoạn 2012 – 2020. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpg-luocdo.aspx?ItemID=86046>. Truy cập ngày 10/7/2020.

2015 (với quy định về bảo hiểm tai nạn lao động).<sup>388</sup> Luật Bảo hiểm xã hội quy định chi tiết các chế độ, chính sách bảo hiểm xã hội cho ba lĩnh vực an sinh xã hội: Lương hưu, ốm đau, thai sản. Đồng thời Luật này cũng quy định quyền và trách nhiệm của người lao động và người sử dụng lao động; cơ quan, tổ chức, cá nhân tham gia bảo hiểm xã hội, tổ chức đại diện người lao động và người sử dụng lao động; cơ quan bảo hiểm xã hội; quỹ bảo hiểm xã hội; thủ tục thực hiện bảo hiểm xã hội và quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội.<sup>389</sup> Bộ luật Lao động cũng bao gồm nhiều quy định để điều chỉnh các vấn đề liên quan đến bảo hiểm xã hội bắt buộc.<sup>390</sup> Theo Luật Doanh nghiệp, các nghĩa vụ của các doanh nghiệp bao gồm “thực hiện chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế và các chế độ bảo hiểm khác cho người lao động theo quy định của pháp luật.”<sup>391</sup>

Khung chính sách về bảo hiểm xã hội được quy định tại Nghị quyết 28-NQ/TW của Trung ương Đảng về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội.<sup>392</sup> Theo đó, điều chỉnh điều kiện hưởng lương hưu, mở rộng diện người có bảo hiểm xã hội trong khu vực phi chính thức và tăng tuổi nghỉ hưu.<sup>393</sup> Kế hoạch cải cách bảo hiểm xã hội có tầm nhìn đến năm 2030 và đã được Ban chấp hành Trung ương Đảng thông qua năm 2018 theo Nghị quyết số 28. Các lĩnh vực cải cách chính bao gồm phát triển hệ thống bảo hiểm xã hội đa tầng, tạo sự linh hoạt trong quy định đóng góp tối thiểu để hưởng lương hưu, tăng tuổi nghỉ hưu từ năm 2021, thu hẹp khoảng cách giới về tuổi nghỉ hưu và mở rộng diện tham gia bảo hiểm xã hội cho khu vực phi chính thức. Nghị quyết 28 hướng đến việc đạt được mục tiêu bảo hiểm xã hội toàn dân, để an sinh xã hội của Việt Nam phù hợp với chuẩn mực quốc tế như quyền an sinh

388 Luật Bảo hiểm xã hội 2014 (Ct. 354); Luật Bảo hiểm y tế 2008, sửa đổi bổ sung 2014, Luật số 25/2008/QH12. Thông tin có tại: <http://congbao.chinhphu.vn/thuoc-tinh-van-ban-so-10-vbhn-vpqh-18896?cbid=13434>; Luật Việc làm 2013, Luật số 38/2013/QH13. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=171410](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=171410). Truy cập ngày 22/9/2020.

389 Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Điều 1 (Ct. 354).

390 Bộ luật Lao động 2012, Điều 189; Bộ luật Lao động 2019, Điều 168 (Ct. 263)

391 Luật Doanh nghiệp 2014, Điều 8.4; Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 8.5 (Ct. 63).

392 Nghị quyết 28-NQ/TW ngày 23/05/2018 về cải cách chính sách bảo hiểm xã hội. Thông tin có tại: <https://m.thuvienphapluat.vn/van-ban/bao-hiem/Nghi-quyet-28-NQ-TW-2018-cai-cach-chinh-sach-bao-hiem-xa-hoi-382542.aspx>. Truy cập ngày 19/8/2019.

393 Nt.

xã hội trong ICESCR, Khuyến nghị số 202 của ILO về Sàn an sinh xã hội (R202) và Chương trình nghị sự 2030 của LHQ. Nghị quyết 125/NQ-CP được thông qua, đưa ra một kế hoạch hành động nhằm cải cách toàn diện bảo hiểm xã hội, định hướng đến năm 2030.<sup>394</sup>

Bảo đảm an sinh xã hội cho các nhóm dễ bị tổn thương hoặc đặc biệt khó khăn được ghi nhận trong các điều khoản cụ thể của pháp luật như Luật Trẻ em 2016,<sup>395</sup> Luật Người khuyết tật 2010,<sup>396</sup> và Nghị định 67/2007/NĐ-CP về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội.<sup>397</sup>

Các Ủy ban công ước của LHQ và UNHRC đã ban hành một số khuyến nghị nhằm cải thiện tình hình an sinh xã hội tại Việt Nam. Một trong những rào cản hiện nay đối với hệ thống an sinh xã hội ở Việt Nam là sự hạn chế hoặc không thể tiếp cận hệ thống an sinh xã hội của những người làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức, bao gồm những lao động làm việc theo hợp đồng ngắn hạn, lao động tự do và lao động nông thôn trong các ngành nghề phổ thông hoặc không chính thức.<sup>398</sup> Đặc biệt, CDESCR đã bày tỏ sự lo ngại về việc thiếu hụt các nguồn ngân sách xã hội hỗ trợ người lao động thất nghiệp, các tầng bảo trợ xã hội và bảo hiểm thất nghiệp hiện hành chỉ áp dụng cho nhóm có đóng bảo hiểm, dẫn đến hệ quả tỷ lệ tham gia bảo hiểm thất nghiệp rất thấp (khoảng 5% lực lượng lao động trong năm 2013).<sup>399</sup> Ủy ban Công ước về Quyền trẻ em của LHQ đã khuyến nghị Việt Nam cần phân bổ thêm nguồn lực cho các chính sách và

394 Nghị quyết 125/NQ-CP ngày 08/10/2018 ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=509&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=195004](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=509&_page=1&mode=detail&document_id=195004). Truy cập ngày 22/9/2020.

395 Luật Trẻ em 2016, Luật số 102/2006/QH13. Thông tin có tại: <http://bocongan.gov.vn/KND/vb/vbqp/Lists/VBQP/Attachments/2242/QH13.pdf>. Truy cập ngày 19/8/2019. Điều 94.

396 Luật Người khuyết tật 2010, Luật số 51/2010/QH12. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/nganhnganhnuoc/Pages/vbqp-luocdo.aspx?ItemID=25702>. Truy cập ngày 19/8/2019.

397 Nghị định 67/2007/NĐ-CP ngày 13/04/2007 về chính sách trợ giúp các đối tượng bảo trợ xã hội. Thông tin có tại có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_Trang=810&mode=detail&document\\_id=22662](http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_Trang=810&mode=detail&document_id=22662). Truy cập ngày 19/08/2019.

398 ILO, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Bộ LĐTBXH), Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam (TLDLĐVN), VCCI, Liên minh Hợp tác xã Việt Nam (VCA), 'Chương trình Việc làm bền vững quốc gia giai đoạn 2017 - 2021', Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms\\_630293.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_630293.pdf). Truy cập ngày 22/8/2019. Trang 22

399 CDESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 23 (Ct. 266).

chương trình an sinh xã hội, bao gồm cả bảo trợ trẻ em, và tập trung nhiều nguồn lực cho nhóm trẻ em chịu thiệt thòi về kinh tế và xã hội, đặc biệt là trẻ em vùng sâu vùng xa, trẻ khuyết tật và trẻ em thuộc nhóm bản địa và dân tộc thiểu số.<sup>400</sup> ILO và CESCR đã chia sẻ quan ngại về khả năng hạn chế trong việc tiếp cận quỹ lương hưu của nhóm người cao tuổi, trong khi chương trình hưu trí phổ biến hiện tại chỉ dành cho nhóm người trên 80 tuổi.<sup>401</sup> Trong chu kỳ thứ 3 của Cơ chế Kiểm điểm định kỳ phổ quát (UPR) năm 2019, Việt Nam đã nhận được một số khuyến nghị về việc cần thiết phải mở rộng các gói phúc lợi xã hội cho mọi đối tượng trong xã hội, đặc biệt là nhóm nông dân, và phát triển các dịch vụ xã hội cho người cao tuổi.<sup>402</sup>

### • Thanh tra lao động

Bộ luật Lao động quy định về trách nhiệm của thanh tra lao động và vai trò của thanh tra lao động trong việc xử lý vi phạm theo Bộ luật Lao động.<sup>403</sup> Khung pháp lý tổng quan về hoạt động thanh tra (không cụ thể về điều kiện làm việc) được quy định trong Luật Thanh tra 2010.<sup>404</sup> Các Nghị định, Quyết định và Thông tư liên quan gồm: Quyết định 614/QĐ-LĐTBXH về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của thanh tra Bộ LĐTBXH, Nghị định 86/2011/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Thanh tra, Chỉ thị 22/2001/CT-TTg và Nghị định 61/1998/NĐ-CP về công tác thanh tra, kiểm tra doanh nghiệp. Thông tư 17/2018/TT-BLĐTBXH<sup>405</sup>

400 LHQ, Ủy ban LHQ về Quyền trẻ em (CRC), 'Nhận định về Báo cáo đã nộp của các quốc gia thành viên về Điều 44 Công ước, Kết luận quan sát Việt Nam', (2012). UN Doc CRC/C/VNM/CO/3-4. Thông tin có tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CRC/C/VNM/CO/3-4&Lang=En](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CRC/C/VNM/CO/3-4&Lang=En). Truy cập ngày 06/9/2019.

401 ILO, 'Khảo sát chung về Khuyến nghị số 202 về Sàn an sinh xã hội năm 2012', Báo cáo của Ủy ban Chuyên gia, (Điều 19, 22 và 35 Báo cáo III (Phần B)). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed\\_norm/---relconf/documents/meetingdocument/wcms\\_673680.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_norm/---relconf/documents/meetingdocument/wcms_673680.pdf). Truy cập ngày 3/8/2019. Trang 234; CESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 24 (Ct. 266).

402 UNHRC, Báo cáo UPR, Kỳ thứ ba, 'Báo cáo của Nhóm công tác UPR về Việt Nam', (2019). A/HRC/41/7. Thông tin có tại: <https://documents-dds-ny.un.org/doc/UNDOC/GEN/G19/083/45/PDF/G1908345.pdf?OpenElement>. Khuyến nghị số 237, 240, 249 và 250.

403 Bộ luật Lao động 2019 (Ct. 263).

404 Luật Thanh tra 2010, Luật số 56/2010/QH12. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqp-luocdo.aspx?ItemID=26353>. Truy cập ngày 22/8/2019.

405 Thông tư 17/2018/TT-BLĐTBXH ngày 17/10/2018 quy định về tự kiểm tra việc thực hiện pháp luật lao động của doanh nghiệp. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/bolaodong/Pages/vbqp-vanban-goc.aspx?ItemID=131590>. Truy cập ngày 22/8/2019.

là công cụ pháp lý quan trọng hướng dẫn tự kiểm tra việc tuân thủ pháp luật lao động, báo cáo trực tuyến, trách nhiệm của người sử dụng lao động, công đoàn và các cơ quan giám sát của Nhà nước trong hoạt động kinh doanh. Theo Thông tư 17, doanh nghiệp được quyết định thời điểm tự kiểm tra, nhưng phải đảm bảo thực hiện ít nhất mỗi năm một lần và lưu lại toàn bộ hồ sơ kết quả. Theo Bộ luật Lao động, trong trường hợp khẩn cấp có nguy cơ đe dọa an toàn, tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của người lao động tại nơi làm việc thì cơ quan có thẩm quyền có thể quyết định thanh tra mà không cần báo trước.<sup>406</sup> Bộ LĐTBXH và ILO đã tiến hành 'Chiến dịch thanh tra lao động hàng năm' kể từ năm 2015.<sup>407</sup>

CESCR khuyến nghị Việt Nam cần phân bổ các nguồn lực cần thiết để đảm bảo bộ máy thanh tra có đủ cán bộ đã qua đào tạo để giám sát điều kiện làm việc trong cả khu vực kinh tế chính thức và phi chính thức.<sup>408</sup> Ủy ban CEDAW khuyến nghị Việt Nam tăng cường quản lý và giám sát người sử dụng lao động nhằm đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn lao động và cấm phân biệt đối xử đối với phụ nữ.<sup>409</sup>

### Khung thiết chế

Bộ LĐTBXH là cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm chính thực hiện các quy định điều kiện làm việc.<sup>410</sup> Các đơn vị trực thuộc Bộ LĐTBXH là Cục An toàn lao động và Cục Quan hệ lao động và Tiền lương quản lý lĩnh vực thời giờ làm việc, an toàn vệ sinh lao động và tiền lương. Thanh tra Bộ và Sở LĐTBXH có chức năng kiểm tra các vấn đề lao động. Hội đồng tiền lương quốc gia là

406 Bộ luật Lao động 2019. Điều 216 (Ct. 263).

407 ILO, "Việt Nam ra mắt chiến dịch thanh tra lao động để thúc đẩy sự phát triển bền vững của ngành gỗ", (27/3/2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS\\_679744/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/Pressreleases/WCMS_679744/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 23/8/2019.

408 CESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 18b (Ct. 266).

409 LHQ, Ủy ban CEDAW, 'Quan sát kết luận đối với báo cáo định kỳ tổng hợp lần thứ 7 và lần thứ 8 của Việt Nam', (2015), UN Doc CEDAW/C/VNM/CO/7-8. Thông tin có tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CE-DAW/C/VNM/CO/7-8&Lang=En](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=CE-DAW/C/VNM/CO/7-8&Lang=En). Truy cập ngày 22/8/2019.

410 Xem thêm toàn văn Nghị định 14/2017/NĐ-CP ngày 17/2/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức Bộ LĐTBXH. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&\\_mode=detail&document\\_id=188370](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&_mode=detail&document_id=188370). Truy cập ngày 22/9/2020.

cơ quan tư vấn chịu trách nhiệm chính về xây dựng và điều chỉnh mức lương tối thiểu vùng. Bảo hiểm xã hội thuộc phạm vi quản lý của Bảo hiểm xã hội Việt Nam và Cục Bảo trợ xã hội thuộc Bộ LĐTBXH. Việc quản lý nhà nước về an sinh xã hội cho các nhóm dễ bị tổn thương được giao cho các cơ quan như: Cục Bảo trợ xã hội, Cục Trẻ em, Văn phòng quốc gia về giảm nghèo, Ủy ban quốc gia về người cao tuổi, và Cục Quản lý lao động ngoài nước. Mặc dù Bộ LĐTBXH là cơ quan chủ chốt xây dựng luật, chính sách và quản lý pháp luật và chính sách bảo vệ thai sản, Vụ Sức khỏe bà mẹ - trẻ em thuộc Bộ Y tế mới là cơ quan chịu trách nhiệm về bảo vệ sức khỏe bà mẹ mang thai.

## Khuyến nghị

### • Thời giờ làm việc

1. Phê chuẩn bổ sung (các) Công ước ILO về giờ làm việc, tiếp nhận các khuyến nghị có liên quan và hỗ trợ kỹ thuật từ ILO, thực hiện các Công ước sẽ được phê chuẩn theo các Khuyến nghị liên quan do ILO ban hành.

### • Tiền lương

2. Thực hiện sửa đổi, điều chỉnh các quy định pháp luật nhằm bảo đảm việc áp dụng lương tối thiểu cho những đối tượng làm việc tại nhà dưới hình thức khoán sản phẩm và hợp đồng thầu phụ được pháp luật bảo vệ, thực hiện hiệu quả Nghị quyết số 27-NQ/TW của Ban chấp hành Trung ương Đảng về cải cách chính sách tiền lương năm 2018.
3. Phê chuẩn Công ước số 131 về Ấn định mức lương tối thiểu (1970) trong giai đoạn 2016 – 2020 và thực hiện hiệu quả Công ước sau khi phê chuẩn. Thực hiện Công ước số 131 theo Khuyến nghị ILO số 135 về Mức lương tối thiểu (1970).
4. Thông qua Luật về tiền lương tối thiểu phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm Công ước ILO số 131, số 95 và số 100 và Khuyến nghị ILO số 135. Đảm bảo các luật, quy định, chính sách và chương trình đánh giá việc làm được

thực thi dựa trên các tiêu chí khách quan như kỹ năng, trách nhiệm và điều kiện làm việc căn cứ theo Công ước ILO số 100 và phù hợp với khuyến nghị của Ủy ban chuyên gia của ILO đối với Việt Nam năm 2012.

5. Đảm bảo mức lương tối thiểu đáp ứng được mức sống thoả đáng cho người lao động và gia đình họ bằng cách đánh giá thu nhập tối thiểu cần thiết để chi trả các nhu cầu cơ bản của người lao động, từ đó xây dựng mức lương đủ sống cho họ.
6. Đảm bảo thực hiện Công ước số 100 về Trả công bình đẳng thông qua việc áp dụng phương pháp đánh giá công việc khách quan dựa trên các tiêu chí như kỹ năng, nỗ lực, trách nhiệm và điều kiện làm việc phù hợp với các khuyến nghị của Ủy ban chuyên gia ILO.
7. Đảm bảo thực hiện tốt nghĩa vụ quốc gia theo quy định tại Điều 7(a) ICESCR về thù lao cho người lao động.
8. Phê chuẩn và thực hiện Công ước số 95 về Bảo vệ tiền lương (1949).

### • Bảo vệ thai sản

9. Phê chuẩn và đảm bảo thực hiện hiệu quả Công ước số 183 về Bảo vệ thai sản (2000), đảm bảo thực hiện phù hợp với Khuyến nghị số 191 về Bảo vệ thai sản (2000).
10. Bảo đảm thực hiện tốt nghĩa vụ quốc gia theo Điều 10(2) ICESCR về bảo vệ đặc biệt cho bà mẹ trước và sau khi sinh.
11. Thực hiện nghĩa vụ quốc gia theo Điều 5(b) CEDAW về đảm bảo nhận thức đúng đắn về thai sản như một chức năng xã hội và công nhận trách nhiệm chung của nam và nữ trong quá trình nuôi dạy con cái được xuất phát ngay từ giáo dục trong gia đình.
12. Mở rộng chế độ bảo vệ thai sản ra ngoài phạm vi khu vực chính thức để bảo vệ cả người lao động trong nền kinh tế phi chính thức.



- *Bạo lực và Quấy rối*

13. Phê chuẩn Công ước ILO số 190 về Chấm dứt bạo lực và quấy rối (2019).

- *An toàn vệ sinh lao động*

14. Thông qua và thực hiện Chương trình An toàn vệ sinh lao động quốc gia để tiếp tục hưởng ứng chương trình 2016 - 2020, với các mục tiêu: (i) nâng cao nhận thức về an toàn vệ sinh lao động của người lao động và người sử dụng lao động; (ii) tăng cường năng lực thanh tra lao động. Phê chuẩn và thực hiện Công ước ILO số 161 về Dịch vụ y tế lao động (1985).

15. Mở rộng và hoàn thiện các quy định pháp luật về bảo vệ an toàn vệ sinh lao động cho người lao động di cư và lao động trong khu vực phi chính thức.

16. Thực hiện tốt Công ước ILO số 187 về Cơ chế tăng cường công tác an toàn vệ sinh lao động và Công ước ILO số 155 về An toàn vệ sinh lao động và môi trường lao động.

17. Thực thi hiệu quả Luật An toàn vệ sinh lao động 2015, các điều khoản về an toàn vệ sinh lao động trong Bộ luật Lao động, và Bộ Quy tắc ứng xử về quấy rối tình dục tại nơi làm việc.

18. Phê chuẩn và thực thi Công ước ILO số 161 về Dịch vụ y tế lao động.

- *An sinh xã hội*

19. Tiến hành cải cách các quy định của pháp luật để đảm bảo khả năng tiếp cận an sinh xã hội của những người làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức bao gồm người lao động theo hợp đồng ngắn hạn, tự kinh doanh, nông dân và lao động nông thôn làm việc theo thời vụ hoặc không chính thức, trẻ em và người cao tuổi

20. Mở rộng phạm vi bảo hiểm y tế cho tất cả người lao động thuộc khu vực kinh tế phi chính thức và những người sống ở vùng sâu vùng xa.

21. Mở rộng phạm vi áp dụng bảo hiểm sức khỏe và các dịch vụ chăm sóc y tế tới tất cả các nhóm dễ tổn thương như người cao tuổi.

22. Mở rộng diện được hưởng bảo hiểm thất nghiệp, đặc biệt là đối với các nhóm yếu thế.

23. Mở rộng các gói phúc lợi xã hội tới mọi nhóm đối tượng trong xã hội, đặc biệt là nông dân.<sup>411</sup>

24. Phê chuẩn và thực thi Công ước số 102 về An sinh xã hội (Tiêu chuẩn tối thiểu), Công ước số 118 về Đối xử công bằng (trong an sinh xã hội) và Công ước số 157 về Duy trì các quyền về an sinh xã hội.

- *Thanh tra Lao động*

25. Phê chuẩn và thi hành Công ước số 129 về Thanh tra lao động (trong lĩnh vực nông nghiệp) (1969).

26. Phân bổ nguồn lực cần thiết để bộ máy thanh tra có thanh tra viên được đào tạo nhằm giám sát các tiêu chuẩn về điều kiện làm việc, kể cả trong khu vực kinh tế phi chính thức, phù hợp với các khuyến nghị có liên quan của CESCR.

27. Tăng cường các quy định pháp lý và giám sát người sử dụng lao động nhằm đảm bảo tuân thủ các tiêu chuẩn lao động và chấm dứt mọi hành vi phân biệt đối xử đối với phụ nữ, phù hợp với các khuyến nghị có liên quan của Ủy ban CEDAW.

28. Tạo cơ sở pháp lý trong Bộ luật Lao động để thanh tra lao động được vào các cơ sở cần thanh tra mà không cần thông báo trước.

### **3.3 Lao động cưỡng bức, Buôn bán người, Lao động gán nợ, và Hôn nhân cưỡng ép**

Lao động cưỡng bức, buôn bán người, lao động gán nợ, hôn nhân cưỡng ép là các hình thức bóc lột lao động, bị bắt buộc lao động

<sup>411</sup> UNHRC, 'Báo cáo UPR - Việt Nam', (2019). Khuyến nghị số 237, 240, 249, 250 (Ct. 402).

mà không thể từ chối hoặc thoát khỏi vì bị đe dọa, bạo lực, ép buộc, lừa gạt, do đó quyền và lợi ích lao động của họ bị xâm phạm nghiêm trọng. Theo định nghĩa của ILO, các hình thức lao động này tương tự như nô lệ và các thực hành hình thức khác giống như nô lệ, vì vậy, chúng nằm trong hệ thống các khái niệm có tính bao trùm gọi bằng thuật ngữ ‘nô lệ thời hiện đại’.<sup>412</sup>

Vấn đề lao động trẻ em được đề cập tại phần 3.4 ‘Lao động trẻ em’ của Đánh giá này, do đó, phần này chỉ đề cập các chủ đề cụ thể sau: Lao động cưỡng bức, Buôn bán người, Lao động gán nợ, và Hôn nhân cưỡng ép.

## Cam kết quốc tế

Cả UDHR và ICCPR đều cấm “nô lệ, nô dịch hay buôn bán nô lệ dưới mọi hình thức.”<sup>413</sup> ICCPR, đã được Việt Nam phê chuẩn, ghi nhận thêm “không ai bị yêu cầu phải lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức.”<sup>414</sup> Công ước về Nô lệ (1926),<sup>415</sup> đã được Việt Nam phê chuẩn,<sup>416</sup> kêu gọi các quốc gia thành viên “ngăn chặn và trấn áp việc buôn bán nô lệ... Từng bước và càng sớm càng tốt loại bỏ hoàn toàn chế độ nô lệ dưới mọi hình thức... cam kết áp dụng mọi biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn tình trạng lao động cưỡng bức và bắt buộc phát triển thành những tình trạng tương tự như nô lệ... [và] cam kết thông qua những biện pháp cần thiết để áp dụng các hình phạt nghiêm khắc đối với những vi phạm như vậy.”<sup>417</sup> Tuy nhiên, Việt Nam chưa phê chuẩn Nghị định thư bổ sung sửa đổi của Công ước về Nô lệ năm 1926,<sup>418</sup> cũng như Công ước bổ sung năm 1956 của LHQ về việc Xóa bỏ chế độ nô lệ, buôn bán

nô lệ và các hình thức tương tự như chế độ nô lệ.<sup>419</sup>

Mục tiêu SDG 8.7 kêu gọi Việt Nam “tiến hành ngay lập tức các biện pháp hiệu quả để xóa bỏ lao động cưỡng bức, chấm dứt tình trạng nô lệ thời hiện đại và buôn bán người, và nghiêm cấm và loại bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, bao gồm tuyển dụng và sử dụng binh lính trẻ em, và đến năm 2025, chấm dứt lao động trẻ em dưới mọi hình thức.”<sup>420</sup> Liên minh 8.7 là một liên minh đối tác toàn cầu cam kết đạt được Mục tiêu 8.7.<sup>421</sup> Việt Nam gần đây đã trở thành một “quốc gia khởi xướng” trong Liên minh này.<sup>422</sup> Do đó, Việt Nam đã cam kết sẽ có nỗ lực dài hạn và đẩy nhanh tiến độ hơn các quốc gia khác để đạt được Mục tiêu 8.7, bằng cách đẩy nhanh các nỗ lực, thử nghiệm các cách tiếp cận mới và tăng cường hợp tác với các bên.<sup>423</sup> Để chứng minh vai trò là quốc gia khởi xướng trong Liên minh 8.7, Việt Nam đã cam kết:<sup>424</sup>

- Phê chuẩn hoặc tích cực chuẩn bị cho việc phê chuẩn hoặc thực hiện các tiêu chuẩn xã hội và môi trường quốc tế, bao gồm ILS.
- Cụ thể hóa các cam kết thành hành động với việc ký “Kêu gọi hành động nhằm chấm dứt lao động cưỡng bức, nô lệ thời hiện đại và buôn bán người,” hoặc các sáng kiến tương tự, bằng cách xây dựng và triển khai các khung pháp lý, NAP hoặc chính sách về lao động cưỡng bức, nô lệ thời hiện đại và/hoặc buôn bán người lao động cưỡng bức

Trong tám công ước nền tảng của ILO, có hai công ước nền tảng liên quan đến chấm dứt lao động cưỡng bức, Công ước số 29 về Lao động cưỡng bức (1930) và Công ước số 105 về Xóa bỏ lao động cưỡng bức (1957). Việt Nam đã phê chuẩn cả hai công ước này<sup>425</sup> với các quy định nghiêm cấm mọi hình thức

412 ILO, ‘Ước tính toàn cầu về nô lệ thời hiện đại: Lao động cưỡng bức và hôn nhân cưỡng ép’, (2017). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/global/publications/books/WCMS\\_575479/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/global/publications/books/WCMS_575479/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 4/8 2019; Xem thêm ILO, ‘Lao động cưỡng bức, nô lệ thời hiện đại và mua bán người’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/topics/forced-labour/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 04/8/2019.

413 UDHR. Điều 4 (Ct. 233); ICCPR. Điều 8 (Ct. 237).

414 ICCPR. Điều 8 (Ct. 237).

415 Công ước về Nô lệ, (1926). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/SlaveryConvention.aspx>. Truy cập ngày 04/8/2019.

416 LHQ, ‘Chương XVIII - Các vấn đề về trừng phạt: 2. Công ước về Nô lệ, ký tại Geneva ngày 25/9/1926 và sửa đổi bằng Nghị định thư’. Thông tin có tại: [https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsq\\_no=XVIII-2&chapter=18&clang=\\_en](https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsq_no=XVIII-2&chapter=18&clang=_en). Truy cập ngày 04/8/2019.

417 Công ước về Nô lệ, (1926). Điều 2, Điều 5, và Điều 6 (Ct. 415).

418 LHQ, ‘Các vấn đề về trừng phạt: Công ước về Nô lệ’ (Ct. 416).

419 Nt.

420 LHQ, ‘Các chỉ số SDG’ (Ct. 232).

421 Liên minh 8.7. Thông tin có tại: <https://www.alliance87.org>. Truy cập ngày 04/8/2019.

422 Nt. Người khởi xướng - Việt Nam.

423 Nt.

424 Liên minh 8.7. Thông tin có tại: <https://www.alliance87.org/pathfinder-countries>. Truy cập ngày 04/8/2019.

425 Delta 8.7, ‘Lời kêu gọi chấm dứt lao động cưỡng bức, nô lệ thời hiện đại và mua bán người’, (2017). Thông tin có tại: <https://delta87.org/call-to-action>. Truy cập ngày 04/8/2019.

lao động cưỡng bức hay bắt buộc.<sup>426</sup> Theo định nghĩa trong Công ước, lao động cưỡng bức hay bắt buộc là việc “một người bị ép buộc phải làm mọi công việc hoặc dịch vụ dưới sự đe dọa của một hình phạt nào đó và bản thân người đó không tự nguyện làm.”<sup>427</sup> Công ước ILO số 29 yêu cầu việc “huy động bất hợp pháp lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc sẽ bị trừng phạt như tội phạm hình sự, và mọi quốc gia thành viên phê chuẩn công ước này có nghĩa vụ bảo đảm những hình phạt do pháp luật quy định thực sự thích đáng và được thi hành nghiêm ngặt.”<sup>428</sup> Năm 2020, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước ILO số 105 về Xóa bỏ lao động cưỡng bức (1957).

Trong chu kỳ UPR thứ ba, Việt Nam đã nhận được hai khuyến nghị về việc phê chuẩn Công ước ILO số 105 và sửa đổi pháp luật lao động nhằm bảo vệ người lao động khỏi lao động cưỡng bức.<sup>429</sup> Năm 2012, Ủy ban Chuyên gia của ILO ghi nhận đã có dấu hiệu cho thấy Chính phủ Việt Nam “đang trong tiến trình điều chỉnh khung pháp luật quốc gia nhằm tiến tới phê chuẩn Công ước ILO số 105 và Bộ LĐTBXH đã thực hiện một nghiên cứu và đang thu thập các ý kiến góp ý cho việc phê chuẩn Công ước trong giai đoạn 2011–12.”<sup>430</sup> Để hướng dẫn Việt Nam triển khai có hiệu quả Công ước này, Ủy ban chuyên gia của ILO đã thông qua Báo cáo quan sát Công ước số 29 bày tỏ quan ngại về vấn đề nghĩa vụ quân sự bắt buộc và các biện pháp xử phạt với lao động cưỡng bức trong năm 2018.<sup>431</sup>

Công ước số 105 nghiêm cấm sử dụng hình thức lao động cưỡng bức hoặc bắt buộc để cưỡng chế hay giáo dục hoặc trừng phạt

426 ILO, ‘Các phê chuẩn cho Việt Nam’ (Ct. 23).

427 ILO, ‘Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về lao động cưỡng bức’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/forced-labour/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 04/8/2019.

428 Nt.

429 UNHRC, ‘Báo cáo UPR - Việt Nam’, (2019) (Ct. 402).

430 ILO, ‘Báo cáo III (phần 1B): Đem đến cho toàn cầu hóa khuôn mặt con người, Khảo sát chung về các Công ước cơ bản liên quan đến quyền tại nơi làm việc dựa trên Tuyên bố của ILO về Công bằng xã hội vì một quá trình toàn cầu hóa công bằng năm 2008’, (2012). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/ilc/ILCSessions/previous-sessions/101stSession/reports/reports-submitted/WCMS\\_174846/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/ilc/ILCSessions/previous-sessions/101stSession/reports/reports-submitted/WCMS_174846/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 04/8/2019. Trang 376.

431 ILO, ‘Báo cáo quan sát về Việt Nam của Ủy ban chuyên gia của ILO – thông qua năm 2018 và công bố tại Hội nghị Lao động quốc tế lần thứ 108’, (2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:13100:0::NO::P13100\\_COMMENT\\_ID:3934941](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:13100:0::NO::P13100_COMMENT_ID:3934941). Truy cập ngày 20/5/2020.

những ai thể hiện quan điểm chính trị hoặc tư tưởng chống đối hệ thống chính trị, xã hội, hoặc kinh tế đã được thiết lập; huy động và sử dụng nhân công vào mục đích phát triển kinh tế; kỷ luật lao động; trừng phạt những người đã tham gia đình công; và phân biệt đối xử về chủng tộc, xã hội, dân tộc hoặc tôn giáo.<sup>432</sup>

Nghị định thư số 29 năm 2014 của Công ước về Lao động cưỡng bức là một văn kiện pháp lý có tính ràng buộc, được hỗ trợ bởi Khuyến nghị số 203 về Lao động cưỡng bức (biện pháp bổ sung) nhằm mục đích thúc đẩy các biện pháp ngăn chặn, bảo vệ và bồi thường, cũng như tăng cường các nỗ lực loại bỏ tất cả các hình thức lao động cưỡng bức, bao gồm cả nạn buôn bán người.<sup>433</sup> Nghị định thư số 29 bổ sung Công ước ILO số 29 và bổ sung các văn kiện quốc tế hiện hành bằng cách đưa ra các hướng dẫn cụ thể về các biện pháp hiệu quả cần thực hiện để ngăn chặn, bảo vệ và khắc phục nhằm loại bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức.<sup>434</sup> Việt Nam hiện chưa phê chuẩn Nghị định thư số 29.<sup>435</sup>

Trong hai Công ước mà Việt Nam đã phê chuẩn, ICCPR quy định “không ai bị yêu cầu lao động bắt buộc hoặc cưỡng bức,”<sup>436</sup> và CEDAW yêu cầu các quốc gia thành viên phải áp dụng mọi biện pháp thích hợp để loại bỏ phân biệt đối xử đối với phụ nữ trong lao động, trong đó lao động cưỡng bức bị nghiêm cấm.<sup>437</sup>

### • Buôn bán người

Việt Nam đã phê chuẩn Công ước của LHQ về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia năm 2000,<sup>438</sup> đi kèm với Nghị định thư

432 ILO, ‘Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về lao động cưỡng bức’ (Ct. 427).

433 Nt.

434 ILO, ‘Lao động cưỡng bức, nô lệ thời hiện đại và buôn bán người là gì? Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/topics/forced-labour/definition/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 04/8/2019.

435 ILO, NORMLEX, ‘P029 - Nghị định thư số 29 bổ sung cho Công ước số 29 về Lao động cưỡng bức: Các quốc gia chưa phê chuẩn’. Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:11310:0::NO:11310:P11310\\_INSTRUMENT\\_ID:3174672:-NO](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:11310:0::NO:11310:P11310_INSTRUMENT_ID:3174672:-NO). Truy cập ngày 04/8/2019.

436 ICCPR. Điều 8 (Ct. 237).

437 CEDAW. Điều 11 (Ct. 297).

438 LHQ, ‘Công ước về Chống tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia và Các nghị định thư bổ sung’ (UNTOC), (2000). Thông tin có tại: <https://www.unodc.org/unodc/en/organized-crime/intro/UNTOC.html>. Truy cập ngày 04/8/2019. Đọc thêm: Tổng hợp các Điều ước

về Ngăn chặn, phòng chống và trừng trị tội phạm buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em năm 2000.<sup>439</sup> Công ước này là văn kiện quốc tế chủ chốt trong cuộc chiến chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia.<sup>440</sup> Trong quá trình phê chuẩn Công ước, Việt Nam đã cam kết tiến hành một loạt các biện pháp chống lại tội phạm có tổ chức xuyên quốc gia, bao gồm các loại tội phạm mới trong nước (tham gia vào các băng nhóm tội phạm có tổ chức, rửa tiền, tham nhũng và cản trở công lý), áp dụng các khuôn khổ mới và toàn diện để dẫn độ, hỗ trợ pháp lý lẫn nhau và hợp tác thực thi pháp luật; và thúc đẩy đào tạo và hỗ trợ kỹ thuật để xây dựng hoặc nâng cao năng lực cho các cơ quan có thẩm quyền của quốc gia.<sup>441</sup> Nghị định thư về Ngăn chặn, Phòng chống và Trừng trị Tội phạm Buôn bán người, đặc biệt phụ nữ và trẻ em, hướng tới việc ngăn chặn và chống lại nạn buôn bán người, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân buôn bán người, tôn trọng đầy đủ quyền con người của các nạn nhân, thúc đẩy hợp tác giữa các quốc gia thành viên nhằm giải quyết những mục tiêu này.<sup>442</sup> CEDAW nghiêm cấm tất cả các hình thức buôn bán phụ nữ.<sup>443</sup> Việt Nam chưa phê chuẩn Công ước về Trấn áp buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác năm 1949.<sup>444</sup>

- *Lao động gán nợ*

Theo Công ước bổ sung về Xóa bỏ chế độ nô lệ, buôn bán nô lệ và các hình thức tương tự như chế độ nô lệ (1956), lao động gán nợ được định nghĩa là “tình trạng hoặc điều kiện xuất phát từ việc người mang nợ phục dịch chủ nợ hoặc người khác dưới sự kiểm soát của chủ nợ như một hình thức thế chấp cho khoản nợ, nếu như giá trị của sự phục dịch

đó dù có được ước định là phù hợp cho việc trả nợ cũng không được áp dụng cho việc thanh toán nợ, và việc phục dịch đó không có giới hạn và không được xác định rõ ràng về thời gian và bản chất.”<sup>445</sup> Công ước ILO số 181 về các Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân (1997)<sup>446</sup> và Các nguyên tắc chung và hướng dẫn hoạt động của ILO về tuyển dụng công bằng và định nghĩa về phí tuyển dụng và chi phí liên quan năm 2019 khẳng định nguyên tắc người lao động sẽ không bị tính phí trực tiếp hoặc gián tiếp, toàn bộ hoặc một phần, bất kỳ khoản phí hoặc chi phí nào cho quy trình tuyển dụng.<sup>447</sup> Cụ thể, Công ước ILO số 181 kêu gọi các quốc gia thành viên cần “có sự bảo vệ thoả đáng và ngăn ngừa lạm dụng đối với người lao động nhập cư được tuyển dụng hoặc được đưa vào lãnh thổ của mình thông qua các cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân. Điều này có nghĩa là các luật và quy định phải đưa ra những hình phạt, bao gồm việc cấm những cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân tham gia vào các hoạt động lừa đảo và lạm dụng.”<sup>448</sup>

- *Hôn nhân cưỡng ép*

Hôn nhân cưỡng ép đề cập đến tình trạng một cá nhân, bất kể ở độ tuổi nào bị cưỡng ép kết hôn mà không có sự đồng thuận của họ. UDHR công nhận “hôn thú chỉ có giá trị nếu có sự thuận tình hoàn toàn và tự nguyện của những người kết hôn.”<sup>449</sup> Công ước về Kết hôn tự nguyện, tuổi kết hôn tối thiểu và việc đăng ký kết hôn (1962) (Công ước về kết hôn đồng thuận)<sup>450</sup> và CEDAW mà Việt Nam đã phê chuẩn nhấn mạnh hôn nhân chỉ hợp pháp khi có sự thuận tình hoàn toàn và

Quốc tế của LHQ (UNTC), Chương XVIII - Hình phạt - 12. UNTOC. Thông tin có tại: [https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsq\\_no=XVIII-12&chapter=18&clang=\\_en](https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsq_no=XVIII-12&chapter=18&clang=_en). Truy cập ngày 04/8/2019.

439 LHQ, Nghị định thư về ngăn chặn, phòng chống và trừng phạt nạn buôn bán người, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, (2000). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/ProtocolTraffickingInPersons.aspx>. Truy cập ngày 04/8/2019.

440 UNTOC (Ct. 438).

441 Nt.

442 LHQ, 'Nghị định thư về ngăn chặn, phòng chống và trừng trị việc buôn bán người'. Điều 2 (Ct. 439).

443 CEDAW. Điều 6 (Ct. 297).

444 LHQ, 'Công ước về Trấn áp việc buôn bán người và bóc lột mại dâm người khác', (1949). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/TrafficInPersons.aspx>. Truy cập ngày 04/8/2019.

445 LHQ, 'Công ước bổ sung về Xóa bỏ chế độ nô lệ, buôn bán nô lệ, thế chế và hình thức tương tự như nô lệ', (1956). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/SupplementaryConventionAbolitionOfSlavery.aspx>. Truy cập ngày 12/8/2019

446 ILO, 'Công ước số 181 về Các Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân', (1997). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_INSTRUMENT\\_ID:312326](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_INSTRUMENT_ID:312326). Truy cập ngày 06/9/2019. Điều 7(1).

447 ILO, 'Nguyên tắc chung và hướng dẫn hoạt động về tuyển dụng công bằng và định nghĩa về phí tuyển dụng và chi phí liên quan', (2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/global/topics/fair-recruitment/WCMS\\_536755/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/global/topics/fair-recruitment/WCMS_536755/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 06/9/2019.

448 ILO, 'Công ước số 181 về Các Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân', (1997). Điều 8 (Ct. 446).

449 UDHR. Điều 16.2 (Ct. 233).

450 LHQ, 'Công ước về Hôn nhân đồng thuận, độ tuổi tối thiểu kết hôn và đăng ký kết hôn', (1963). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/MinimumAgeForMarriage.aspx>. Truy cập ngày 06/9/2019. Điều 1.1.

tự nguyện của những người kết hôn và kêu gọi các quốc gia đang trong tiến trình phê chuẩn tiến hành các hành động pháp lý để tạo ra giới hạn độ tuổi tối thiểu để kết hôn.<sup>451</sup>

- *Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh châu Âu (EVFTA)*

Thông qua việc phê chuẩn EVFTA, Việt Nam đã tái khẳng định cam kết tôn trọng, thúc đẩy và thực hiện hiệu quả việc loại bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc lao động bắt buộc.<sup>452</sup>

- *Hiệp định đối tác Tiến bộ và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)*

Theo CPTPP, Việt Nam “công nhận mục tiêu của việc chấm dứt mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc ép buộc.”<sup>453</sup> Cụ thể hơn, là một thành viên của CPTPP, Việt Nam cam kết sẽ thông qua và duy trì việc chấm dứt mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc ép buộc trong các luật và quy định của Việt Nam cũng như trong việc thực hiện các luật và quy định đó,<sup>454</sup> và cam kết ngăn chặn việc nhập khẩu hàng hóa từ các nguồn khác được sản xuất toàn bộ hoặc một phần bởi lao động cưỡng bức hoặc ép buộc, gồm lao động trẻ em.<sup>455</sup>

## Khung pháp lý

- *Lao động cưỡng bức*

Hiến pháp quy định “lao động cưỡng bức” và một số thực hành khác tương tự “đều bị nghiêm cấm” và công dân có “quyền làm việc, lựa chọn nghề nghiệp, việc làm và nơi làm việc.”<sup>456</sup> Lao động cưỡng bức bị hình sự hóa trong Luật Phòng, chống mua bán người 2011.<sup>457</sup> Bộ luật Lao động 2012 và 2019 đều có quy định nghiêm cấm lao động cưỡng bức, bao gồm nghiêm cấm các

hành vi ngược đãi, cưỡng bức lao động đối với người giúp việc.<sup>458</sup> Theo Luật Doanh nghiệp, một trong số những nghĩa vụ của doanh nghiệp là “không được sử dụng lao động cưỡng bức.”<sup>459</sup>

Bộ luật Hình sự 2015 nghiêm cấm hành vi cưỡng bức lao động và đưa ra các mức phạt rõ ràng với bất kỳ hành vi cưỡng chế lao động nào.<sup>460</sup> Tuy nhiên, định nghĩa “lao động cưỡng bức” được quy định trong Bộ luật Hình sự hẹp hơn định nghĩa của ILO vì chỉ tập trung vào việc có hay không có cưỡng bức thân thể hoặc bạo lực thân thể. Hơn nữa, hình phạt đối với tội lao động cưỡng bức trong Bộ luật Hình sự cũng vẫn còn nhẹ và thiếu khả thi. HRC khuyến nghị pháp luật lao động Việt Nam cần được xem xét và sửa đổi thích hợp để tạo được sự bảo vệ tốt hơn đối với vấn đề lao động cưỡng bức, trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực của ILO và các tiêu chuẩn quốc tế khác.<sup>461</sup>

- *Buôn bán người*

Hành vi buôn bán người đã bị hình sự hóa trong Bộ luật Hình sự.<sup>462</sup> Luật Phòng, chống mua bán người 2011 quy định về phòng ngừa, phát hiện và xử lý nạn buôn người và các hành vi liên quan; tiếp nhận, xác minh, bảo vệ và hỗ trợ cho các nạn nhân; đấu tranh và hợp tác quốc tế trong phòng chống buôn bán người; và đặt ra các trách nhiệm tương ứng của Chính phủ, các bộ, ngành và địa phương trong việc ngăn chặn và chống lại buôn bán người.<sup>463</sup>

Sau đây là một số Quyết định, Nghị định, Thông tư và Biên bản ghi nhớ nhằm giải quyết nạn buôn bán người:

451 CEDAW. Điều 16.2 (Ct. 297).

452 EVFTA. Điều 13.4.2b (Ct. 28)

453 CPTPP. Điều 19.6 (Ct. 29).

454 Nt. Điều 19.3.1b.

455 Nt. Điều 19.6.

456 Hiến pháp Việt Nam. Điều 35 (Ct. 60).

457 Luật Phòng, chống mua bán người, Luật số 66/2011/QH12. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpg-luocdo.aspx?ItemID=26741>. Truy cập ngày 12/8/2019.

458 Bộ luật Lao động 2012. Điều 183; Bộ luật Lao động 2012. Điều 165 (Ct. 263).

459 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 8.4; Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 8.5 (Ct. 63).

460 Bộ luật Hình sự 2015, Luật số 100/2015/QH13. Thông tin có tại hiện có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&Trang=1&mode=detail&document\\_id=183216](http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&Trang=1&mode=detail&document_id=183216). Truy cập ngày 20/5/2020. Điều 297.

461 UNHRC, ‘Báo cáo UPR - Việt Nam’, (2019). Khuyến nghị số 235 (Ct. 420).

462 Bộ luật Hình sự 2015. Điều 150 và 151 (Ct. 460).

463 Luật Phòng, chống mua bán người 2011 (Ct. 457).

- Quyết định 17/2007/QĐ-TTg về ban hành Quy chế tiếp nhận và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về.<sup>464</sup>
- Thông tư 35/2013/TT-BLĐTBXH hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định 09/2013/NĐ-CP hướng dẫn một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.<sup>465</sup>
- Thỏa thuận hợp tác song phương giữa Campuchia và Việt Nam trong phòng, chống nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và bảo vệ nạn nhân bị buôn bán.<sup>466</sup>
- Quyết định số 1497/QĐ-TTg Phê duyệt kế hoạch triển khai Hiệp định giữa Chính phủ Việt Nam và Campuchia về hợp tác song phương trong phòng, chống nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và bảo vệ nạn nhân bị buôn bán.<sup>467</sup>
- Nghị định 09/2013/NĐ-CP hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người.<sup>468</sup>
- Nghị định 62/2012/NĐ-CP quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ.<sup>469</sup>
- Biên bản ghi nhớ về hợp tác chống nạn

buôn bán người ở khu vực Tiểu vùng sông Mekong.<sup>470</sup>

- Pháp lệnh phòng, chống mại dâm ban hành theo Lệnh 10/2003/L-CTN.<sup>471</sup>
- Quyết định 793/QĐ-TTg về Ngày quốc gia phòng chống buôn bán người.<sup>472</sup>

Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016 – 2020 hướng tới giảm nguy cơ mua bán người; giảm tội phạm mua bán người; thực hiện hiệu quả công tác tiếp nhận, bảo vệ và hỗ trợ nạn nhân bị mua bán trở về.<sup>473</sup> Chương trình hiện tại kế thừa và phát huy kế hoạch hành động quốc gia hai giai đoạn liên tiếp trước đó (2006-2010 và 2011-2015)<sup>474</sup> với mong muốn tổ chức các chương trình nâng cao nhận thức trên diện rộng và các hoạt động ở các cấp khác nhau nhằm ngăn chặn và giảm tỷ lệ buôn bán phụ nữ và trẻ em đến năm 2010 và 2015.<sup>475</sup> Việt Nam đã thực hiện một số biện pháp bổ sung sau nhằm chống lại nạn buôn bán người:<sup>476</sup>

- Thành lập Ban chỉ đạo phòng, chống tội phạm (bao gồm tội phạm buôn bán người) dưới sự lãnh đạo của một Phó Thủ tướng và đặt tại Bộ Công An.
- Tham gia vào các sáng kiến hợp tác cấp quốc tế và cấp khu vực, bao gồm Sáng kiến phối hợp cấp Bộ trưởng về phòng chống buôn bán người ở khu vực Tiểu

464 Quyết định 17/2007/QĐ-TTg ngày 29/01/2007 về ban hành Quy chế tiếp nhận và hỗ trợ tái hòa nhập cộng đồng cho phụ nữ, trẻ em bị buôn bán từ nước ngoài trở về. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Quyết-dinh-17-2007-QĐ-TTg-ban-banh-quy-che-tiep-nhan-ho-tro-tai-hoa-nhap-cong-dong-phu-nu-tre-em-bi-buon-ban-tu-nuoc-ngoai-tro-ve-16761.aspx>. Truy cập ngày 11/8/2019

465 Thông tư 35/2013/TT-BLĐTBXH ngày 30/12/2013 hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 09/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/Thong-tu-35-2013-TT-BLĐTBXH-huong-dan-ND-09-2013-ND-CP-phong-chong-mua-ban-nguoi-219128.aspx>. Truy cập ngày 11/8/2019.

466 Quyết định số 1497/QĐ-TTg ngày 13/8/2012 phê duyệt kế hoạch triển khai Hiệp định giữa Chính phủ CHXHCN Việt Nam và Chính phủ Hoàng gia Campuchia về hợp tác song phương trong Phòng, chống nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và bảo vệ nạn nhân bị buôn bán. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=2&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=195259](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=195259). Truy cập ngày 11/8/2019.

467 Hiệp định hợp tác song phương giữa Campuchia và Việt Nam trong Phòng, chống nạn buôn bán phụ nữ, trẻ em và bảo vệ nạn nhân bị buôn bán. Thông tin (tiếng Anh) có tại: [https://www.ilo.org/dyn/natlex/natlex4.detail?p\\_lang=en&p\\_isn=93357&p\\_country=VN-M&p\\_count=546&p\\_classification=23&p\\_classcount=11](https://www.ilo.org/dyn/natlex/natlex4.detail?p_lang=en&p_isn=93357&p_country=VN-M&p_count=546&p_classification=23&p_classcount=11). Truy cập ngày 10/8/2019.

468 Nghị định 09/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng, chống mua bán người. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/sonla/Pages/vbpbq-van-ban-goc.aspx?ItemID=28049>. Truy cập 11/8/2019.

469 Nghị định 62/2012/NĐ-CP ngày 13/8/2013 về quy định căn cứ xác định nạn nhân bị mua bán và bảo vệ an toàn cho nạn nhân, người thân thích của họ. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpbq-van-ban-goc.aspx?ItemID=27678>. Truy cập ngày 10/8/2019.

470 Văn kiện ghi nhớ về Hợp tác chống lại nạn buôn bán người ở khu vực Tiểu vùng sông Mekong. Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/natlex/natlex4.detail?p\\_lang=en&p\\_isn=94468&p\\_country=VNM&p\\_count=556](https://www.ilo.org/dyn/natlex/natlex4.detail?p_lang=en&p_isn=94468&p_country=VNM&p_count=556). Truy cập ngày 10/8/2019.

471 Lệnh Công bố Pháp lệnh phòng, chống mại dâm số 10/2003/L-CTN của Chủ tịch nước ngày 17/3/2003. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Lenh-cong-bo-Phap-lenh-phong-chong-mai-dam-10-2003-L-CTN-80826.aspx>. Truy cập ngày 10/8/2019.

472 Quyết định 793/QĐ-TTg ngày 10/5/2016 của Thủ tướng Chính phủ về Ngày quốc gia phòng chống buôn bán người. Tài liệu hiện có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Van-hoa-Xa-hoi/Quyết-dinh-793-QĐ-TTg-Ngày-toan-dan-phong-chong-mua-ban-nguoi-2016-311063.aspx>. Truy cập ngày 15/7/2020.

473 Quyết định 2456/QĐ-TTg ngày 31/12/2015 phê duyệt chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2016. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/trach-nhiem-hinh-su/Quyết-dinh-2456-QĐ-TTg-chuong-trinh-phong-chong-mua-ban-nguoi-giai-doan-2016-2020-300020.aspx>. Truy cập ngày 03/8/2019.

474 Quyết định 1427/QĐ-TTg ngày 18/8/2011 về Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống mua bán người giai đoạn 2011-2015. Thông tin có tại <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/trach-nhiem-hinh-su/Quyết-dinh-1427-QĐ-TTg-Chuong-trinh-hanh-dong-phong-chong-toi-128095.aspx>. Truy cập ngày 11/8/2019.

475 Xem thêm ILO, 'Khảo sát chung về các Công ước nền tảng liên quan đến quyền tại nơi làm việc'. Trang 198 (Ct. 430).

476 Dự án Hợp tác hành động chống lại nạn mua bán người của LHQ (UN-ACT), 'Việt Nam'. Thông tin có tại: <http://un-act.org/vietnam>. Truy cập ngày 04/8/2019.

vùng sông Mekong (COMMIT);<sup>477</sup> thiết lập Biên bản ghi nhớ xuyên biên giới với Lào, Thái Lan và Trung Quốc; thiết lập các Quy trình vận hành chuẩn với Campuchia và Thái Lan; thành lập các Văn phòng liên lạc biên giới và; Biên bản ghi nhớ với Chính phủ Vương quốc Liên hiệp Anh và Bắc Ireland về hợp tác chống buôn bán người.

Luật Trẻ em Việt Nam định nghĩa ‘trẻ em’ là người dưới 16 tuổi, trong khi phần lớn hệ thống luật ở các quốc gia khác quy định trẻ em là người dưới 18 tuổi. Điều này tạo ra những khoảng trống cho trẻ em trong độ tuổi 16 đến 17.<sup>478</sup> Điều 151 Bộ luật Hình sự quy định về việc bảo vệ nạn nhân bị buôn bán dưới 16 tuổi. Điều này tạo ra những khó khăn cho nạn nhân độ tuổi 16 - 17 của nạn buôn người trong việc tiếp cận các trợ giúp pháp lý và bảo vệ hiện đang dành cho trẻ em dưới 16 tuổi; do vậy, quy định hiện tại thiếu thống nhất với luật pháp quốc tế, cụ thể là định nghĩa tại Điều 1 Công ước về Quyền trẻ em.<sup>479</sup>

Việt Nam nhận được 12 khuyến nghị liên quan đến vấn đề buôn bán người trong chu kỳ UPR thứ ba,<sup>480</sup> trong đó đề nghị Việt Nam tiếp tục nỗ lực thực hiện những biện pháp pháp lý và các biện pháp khác để chống nạn buôn bán người.<sup>481</sup> UNHRC cũng bày tỏ lo ngại liên quan đến việc tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ cho nạn nhân buôn bán người.<sup>482</sup>

### • Lao động gán nợ

Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006 cho phép các công ty tuyển dụng và bên môi giới thu phí môi giới, phí dịch vụ và tiền ký quỹ từ người lao động.<sup>483</sup> Quy định này trái với

Công ước ILO số 181 về Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân (1997)<sup>484</sup> và Các Nguyên tắc chung và nguyên tắc hướng dẫn thực hiện tuyển dụng công bằng và định nghĩa về phí tuyển dụng và chi phí liên quan năm 2019, trong đó công nhận nguyên tắc người lao động sẽ không bị tính phí trực tiếp hoặc gián tiếp, toàn bộ hoặc một phần bất kỳ khoản phí hoặc chi phí nào cho trong quá trình tuyển dụng.<sup>485</sup> Một số Quyết định, Nghị định, Thông tư bổ sung điều chỉnh vấn đề này bao gồm:

- Nghị định 95/2013/NĐ-CP quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người đi lao động ở nước ngoài.
- Nghị định 126/2007/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.
- Quyết định 61/2008/QĐ-BLĐTBXH về mức tiền môi giới người lao động hoàn trả cho doanh nghiệp tại một số thị trường.
- Thông tư 22/2013/TT-BLĐTBXH quy định mẫu và nội dung của Hợp đồng lao động và Hợp đồng đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.
- Thông tư 21/2013/TT-BLĐTBXH quy định về mức trần tiền ký quỹ và thị trường lao động mà doanh nghiệp dịch vụ được thỏa thuận ký quỹ với người lao động.
- Thông tư liên tịch 16/2007/TTLT-BTC-BLĐTBXH quy định cụ thể về tiền môi giới và tiền dịch vụ trong hoạt động đưa lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng.

CESCR bày tỏ quan ngại rằng các quy định trái nguyên tắc cơ bản trong tuyển dụng lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, giới hạn về phạm vi áp dụng của Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, và việc thiếu khả năng tiếp

477 Đọc thêm: ILO, 'Khảo sát chung về các công ước nền tảng liên quan đến quyền tại nơi làm việc'. Lưu ý liên quan đến Việt Nam tại trang 257, "Hợp tác Tiểu vùng sông Mekong trong quá trình chống buôn người" với Trung Quốc, Campuchia, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào, Myanmar và Thái Lan (Ct. 430).

478 Luật Trẻ em 2016 (Ct. 395).

479 LHQ, 'Công ước quốc tế về Quyền trẻ em', (1989). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/en/professionalinterest/Pages/crc.aspx>. Truy cập ngày 26/8/2019.

480 UNHRC, 'Báo cáo UPR - Việt Nam', (2019). Khuyến nghị số 217 đến 225, 227 và 276 (Ct. 402).

481 Nt.

482 HRC, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 265).

483 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006, Luật số 72/2006/QH11. Thông tin có tại: <https://>

[thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/Luat-nguoi-lao-dong-Viet-Nam-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-theo-hop-dong-2006-72-2006-QH11-15865.aspx](http://thuvienphapluat.vn/van-ban/lao-dong-tien-luong/Luat-nguoi-lao-dong-Viet-Nam-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-theo-hop-dong-2006-72-2006-QH11-15865.aspx). Truy cập ngày 11/8/2019.

484 ILO, 'Công ước số 181 về Các cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân', (1997) (Ct. 446).

485 ILO, 'Các nguyên tắc chung và nguyên tắc hướng dẫn thực hiện tuyển dụng công bằng', (2019) (Ct. 447).

cận các cơ chế hỗ trợ phù hợp có thể khiến người lao động Việt Nam di cư dễ bị lạm dụng và bóc lột.<sup>486</sup>

- **Hôn nhân cưỡng ép**

Hiến pháp 2013 quy định “nam, nữ có quyền kết hôn, ly hôn. Hôn nhân theo nguyên tắc tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau.”<sup>487</sup> Luật Hôn nhân và gia đình 2014 nghiêm cấm hôn nhân cưỡng ép.<sup>488</sup> Bộ luật Hình sự 2015 đã hình sự hóa những hành vi cưỡng ép hôn nhân.<sup>489</sup> Ủy ban CEDAW đã bày tỏ lo ngại về trường hợp phụ nữ và trẻ em gái di cư ra nước ngoài thường là nạn nhân của các công ty lừa đảo tuyển dụng và môi giới kết hôn giả.<sup>490</sup> Ủy ban đã khuyến nghị Việt Nam thực hiện các biện pháp bổ sung để giải quyết tình trạng buôn bán phụ nữ và trẻ em trong nước và xuyên biên giới nhằm lừa đảo môi giới kết hôn, đây là những trường hợp với nguy cơ cưỡng ép kết hôn cao.<sup>491</sup>

Bộ luật Lao động 2019 đã có nhiều quy định tiến bộ hơn nhằm chống lại lao động cưỡng bức và lao động gán nợ bằng cách đưa ra các giải thích rõ ràng hơn về hai hình thức lao động này so với Bộ luật Lao động 2012; do đó, doanh nghiệp dễ dàng nắm bắt và tuân thủ pháp luật hơn.<sup>492</sup>

## Khung thiết chế

- **Lao động cưỡng bức**

Các bộ chịu trách nhiệm chính trong việc đấu tranh phòng chống lao động cưỡng bức là Bộ LĐTBXH và Bộ Công an. Các cơ quan khác có trách nhiệm và chức năng hoạt động liên quan là Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

486 CESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 266).

487 Hiến pháp Việt Nam. Điều 36 (Ct. 60).

488 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpgen-toanvan.aspx?ItemID=11018>. Truy cập ngày 11/8/2019.

489 Bộ luật Hình sự 2015 (Ct. 460).

490 CEDAW, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 409).

491 Nt.

492 ILO, 'Bộ luật Lao động sửa đổi có gì mới?' (Ct. 27). Xem thêm ILO, "Sửa đổi Bộ luật Lao động Việt Nam nhằm giúp tất cả mọi người đều được hưởng lợi từ tăng trưởng kinh tế", (ngày 20/11/2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS\\_729339/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS_729339/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 22/9/2020.

- **Buôn bán người**

Bộ Công an là cơ quan của chính phủ chịu trách nhiệm chính trong công tác đấu tranh với nạn buôn bán người. Một số bộ có liên quan về chức năng và trách nhiệm hoạt động là Bộ LĐTBXH, Bộ Y tế, Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Thông tin và Truyền thông, và Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Ủy ban nhân dân các cấp, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam cũng chịu trách nhiệm liên quan trong việc phòng ngừa và đấu tranh với nạn buôn bán người.

- **Lao động gán nợ**

Bộ LĐTBXH, đặc biệt là Cục Quản lý lao động ngoài nước là cơ quan cấp bộ chủ chốt chịu trách nhiệm quản lý người lao động Việt Nam ở nước ngoài và các vấn đề liên quan đến lao động gán nợ. Bộ LĐTBXH phối hợp với các bộ, cơ quan khác như Bộ Công an và các cơ quan ngoại giao và Lãnh sự quán Việt Nam ở nước ngoài để bảo vệ người lao động Việt Nam ở nước ngoài không bị lừa vào bẫy lao động gán nợ.

- **Hôn nhân cưỡng ép**

Bộ Công an, Viện kiểm sát và Tòa án các cấp chịu trách nhiệm điều tra và xử lý các trường hợp cưỡng ép hôn nhân.

## Khuyến nghị

1. Thực thi hiệu quả Nghị định thư số 29 năm 2014 của Công ước về Lao động cưỡng bức.
2. Thực thi hiệu quả Công ước ILO số 105 về Xóa bỏ lao động cưỡng bức (1957).
3. Phê chuẩn và thực thi hiệu quả Công ước số 181 về Các Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân năm 1997.
4. Đảm bảo thực thi hiệu quả Công ước số 29 theo Khuyến nghị số 203 về Lao động cưỡng bức (các biện pháp bổ sung) năm 2014.
5. Sửa đổi Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng để



bảo vệ tốt hơn lao động Việt Nam trước, trong và sau khi di trú, cân nhắc đến các khuyến nghị liên quan do CESCR ban hành và ‘Nguyên tắc chung và hướng dẫn về tuyển dụng công bằng và định nghĩa về phí tuyển dụng và chi phí liên quan năm 2019’ của ILO, trong đó công nhận nguyên tắc người lao động sẽ không bị tính phí trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần bất kỳ khoản phí hoặc chi phí liên quan nào cho việc tuyển dụng.

6. Đánh giá các quy định pháp luật hiện hành và đưa ra các sửa đổi dựa trên việc áp dụng các tiêu chuẩn của ILO và các tiêu chuẩn quốc tế khác để cung cấp các biện pháp bảo vệ tốt hơn chống lại lao động cưỡng bức, phù hợp với các khuyến nghị liên quan do UNHRC ban hành.
7. Tiếp tục các nỗ lực thực hiện các biện pháp pháp lý và nhiều phương án khác chống lại nạn buôn bán người, phù hợp với các khuyến nghị có liên quan trong Chu kỳ UPR thứ ba.
8. Thực hiện các biện pháp bổ sung để giải quyết nạn buôn bán phụ nữ và trẻ em trong nước và xuyên biên giới vì mục đích lừa đảo kết hôn nước ngoài (phụ nữ phải đối mặt với nguy cơ cao bị cưỡng ép kết hôn), theo các khuyến nghị có liên quan của Ủy ban CEDAW.
9. Thực thi các cam kết liên quan đến chống lao động cưỡng bức đã được CPTPP và EVFTA quy định.

### 3.4 Lao động trẻ em

Theo định nghĩa của ILO, thuật ngữ ‘lao động trẻ em’ đề cập đến những công việc nguy hiểm và có hại về tinh thần, thể chất, xã hội hoặc đạo đức cho trẻ em, cản trở giáo dục cho trẻ bằng cách tước đi cơ hội đến trường; bắt buộc trẻ em phải nghỉ học sớm; hoặc yêu cầu trẻ cố gắng kết hợp việc đi học với công việc quá dài và nặng nề.<sup>493</sup> Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất” liên quan đến việc trẻ em bị bắt làm nô lệ, bị tách khỏi gia đình, bị đối mặt với những nguy hiểm và bệnh tật nghiêm trọng và/hoặc phải tự mưu sinh trên

đường phố ở các đô thị lớn – các việc này thường xảy ra với trẻ ở độ tuổi rất sớm.<sup>494</sup>

### Cam kết quốc tế

Là quốc gia thành viên của Công ước về Quyền trẻ em (CRC), Việt Nam có nghĩa vụ quốc tế đối với việc bảo vệ trẻ em “khỏi bị bóc lột về kinh tế và không phải làm bất kỳ công việc gì nguy hiểm hoặc ảnh hưởng đến việc học hành của trẻ em, hoặc có hại đối với sức khỏe hay sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tinh thần, đạo đức hay xã hội của trẻ em.”<sup>495</sup> Là quốc gia thành viên của Công ước ILO số 138 về Tuổi lao động tối thiểu (1973) và Công ước ILO số 182 về Loại bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất (1999), Việt Nam có nghĩa vụ quốc tế trong việc “bảo đảm xóa bỏ một cách hiệu quả tình trạng lao động trẻ em và nâng dần tuổi tối thiểu được làm việc đến độ tuổi mà thanh thiếu niên đạt được phát triển đầy đủ nhất về thể lực và trí lực”<sup>496</sup> và “sẽ áp dụng những biện pháp tức thời và hữu hiệu để đảm bảo việc cấm và loại bỏ những hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và coi đây là một vấn đề khẩn cấp.”<sup>497</sup>

SDG kêu gọi “thực hiện biện pháp khẩn cấp và hiệu quả nhằm nghiêm cấm và xoá bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, đến năm 2025 chấm dứt lao động trẻ em ở mọi hình thức” (Mục tiêu 8.7).<sup>498</sup> Chỉ số SDG 8.7.1 tương ứng là “tỷ lệ và số lượng trẻ em trong độ tuổi 5-17 tham gia lao động trẻ em, theo giới tính và độ tuổi.”<sup>499</sup> Liên minh 8.7 là một liên minh đối tác toàn cầu cam kết đạt được Mục tiêu 8.7.<sup>500</sup> Như đã nói ở phần trước, Việt Nam gần đây đã trở thành một “quốc gia khởi xướng” của Liên minh 8.7.<sup>501</sup> Do đó, Việt Nam đã cam kết nỗ lực lâu dài và nhanh chóng hơn các quốc gia khác để đạt được Mục tiêu 8.7 bằng cách đẩy nhanh các

494 Nt.

495 Công ước LHQ về Quyền trẻ em. Điều 32 (Ct. 479).

496 ILO, ‘Công ước ILO số 138 về Độ tuổi lao động tối thiểu’, (1973). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:C138](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C138). Truy cập ngày 26/8/2019. Điều 1.

497 ILO, ‘Công ước số 182 về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất’, (1999). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:C182](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C182). Truy cập ngày 26/8/2019. Điều 1.

498 LHQ, ‘SDG’ (Ct. 34).

499 LHQ, ‘Các chỉ số SDG’ (Ct. 232).

500 Liên minh 8.7 (Ct. 421).

501 Nt. Người khởi xướng – Việt Nam.

493 ILO, ‘Lao động trẻ em là gì’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/ipecc/facts/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 06/9/2019.

nỗ lực, thử nghiệm các cách tiếp cận mới và thông qua liên minh hợp tác.<sup>502</sup> Với vai trò “quốc gia khởi xướng” của Liên minh 8.7, Việt Nam đã cam kết thực thi các tiêu chuẩn lao động quốc tế nhằm chấm dứt lao động trẻ em, phát triển pháp luật và kế hoạch trong lĩnh vực này.<sup>503</sup>

Trong chu kỳ UPR thứ ba, Việt Nam đã chấp thuận hai khuyến nghị về vấn đề lao động trẻ em là khuyến nghị thực hiện các nỗ lực nhằm loại bỏ lao động trẻ em và khuyến nghị tiếp tục thực hiện các chính sách phòng chống và giải quyết vấn đề lao động trẻ em.<sup>504</sup>

- *Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA)*

EVFTA yêu cầu Việt Nam cam kết thi hành một cách có hiệu quả các quyền cơ bản tại nơi làm việc, bao gồm tích cực xóa bỏ lao động trẻ em.<sup>505</sup>

- *Hiệp định Đối tác Tiến bộ và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)*

CPTPP kêu gọi Việt Nam tích cực xóa bỏ lao động trẻ em, nghiêm cấm các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và thực hiện các sáng kiến xóa bỏ mọi hình thức lao động cưỡng bức hoặc lao động bắt buộc với trẻ em.<sup>506</sup>

## Khung pháp lý

Hiến pháp 2013 nghiêm cấm việc “sử dụng người lao động dưới độ tuổi lao động tối thiểu” và một số hành vi đối xử khác đối với người lao động.<sup>507</sup> Hiến pháp cũng quy định “trẻ em được Nhà nước, gia đình và xã hội bảo vệ, chăm sóc và giáo dục; được tham gia vào các vấn đề về trẻ em. Nghiêm cấm xâm hại, hành hạ, ngược đãi, bỏ mặc, lạm dụng, bóc lột sức lao động và những hành vi khác vi phạm quyền trẻ em.”<sup>508</sup> Theo Hiến pháp, “Nhà nước ưu tiên đầu tư và thu hút các

nguồn đầu tư khác cho giáo dục; chăm lo giáo dục mầm non; bảo đảm giáo dục tiểu học là bắt buộc, Nhà nước không thu học phí; từng bước phổ cập giáo dục trung học.”<sup>509</sup> Hiến pháp cũng tuyên bố: “Thanh niên được Nhà nước, gia đình và xã hội tạo điều kiện học tập, lao động, giải trí, phát triển thể lực, trí tuệ, bồi dưỡng đạo đức, truyền thống dân tộc, ý thức công dân; đi đầu trong công cuộc lao động sáng tạo và bảo vệ Tổ quốc.”<sup>510</sup>

Khung pháp lý của Việt Nam hiện nay chưa làm rõ khái niệm ‘lao động trẻ em’. Bộ luật Lao động 2019 quy định lao động chưa thành niên là người lao động chưa đủ 18 tuổi, nghiêm cấm sử dụng người chưa thành niên cho “công việc khác gây tổn hại đến sự phát triển thể lực, trí lực, nhân cách của người chưa thành niên,” nhưng không đưa ra được một định nghĩa rõ ràng nào về lao động trẻ em, dẫn đến hệ quả là thiếu các điều khoản ngăn cấm cụ thể.<sup>511</sup> Luật Trẻ em quy định trẻ em dưới 16 tuổi phải được bảo vệ khỏi sự bóc lột lao động, như là “không phải lao động trước tuổi, quá thời gian hoặc làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo quy định của pháp luật,” cũng như không phải chịu sự “bố trí công việc hoặc nơi làm việc có ảnh hưởng xấu đến nhân cách và sự phát triển toàn diện của trẻ em.”<sup>512</sup> Các tiêu chuẩn quốc tế về bảo vệ trẻ em khỏi những việc làm nguy hiểm được quy định trong CRC và Công ước ILO số 182 cần thiết được áp dụng với tất cả trẻ em dưới 18 tuổi chứ không chỉ dành cho trẻ em dưới 16 tuổi.<sup>513</sup>

Bộ luật Lao động và Thông tư 11/2013/TT-BLĐTBXH nghiêm cấm sử dụng lao động dưới 15 tuổi trái pháp luật.<sup>514</sup> Tuy nhiên, một số dạng công việc “nhẹ” vẫn cho phép sử dụng lao động từ 13 tuổi.<sup>515</sup> Bộ luật Lao động đưa ra những quy định cụ thể để ngăn chặn bạo

502 Nt.

503 Nt.

504 UNHRC, ‘Báo cáo UPR đối với Việt Nam’, (2019). Khuyến nghị số 224 và 270 (Ct. 223).

505 EVFTA. Chương 13 (Ct. 28).

506 CPTPP. Điều 19.3c và 19.6 (Ct. 29).

507 Hiến pháp Việt Nam. Điều 35 (Ct. 60).

508 Nt. Điều 37.

509 Nt. Điều 61.2.

510 Nt. Điều 37.

511 Bộ luật Lao động 2012. Điều 163; Bộ luật Lao động 2019. Điều 61 (Ct. 263).

512 Luật Trẻ em 2016. Điều 26 (Ct. 395).

513 ILO, ‘Công ước số 182 về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất’, (1999) (Ct. 497).

514 ILO, ‘Khảo sát chung về các Công ước cơ bản liên quan đến quyền tại nơi làm việc’ (Ct. 430). Xem thêm Thông tư 10/2013/TT-BLĐTBXH ngày 10/6/2013 ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=168609](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=168609). Truy cập ngày 22/9/2020.

515 Nt.

lực trẻ em và lạm dụng lao động chưa thành niên, cũng như dành riêng một chương nói về các quy định bảo vệ lao động chưa thành niên, lao động trẻ em.<sup>516</sup> Các quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Bộ luật Lao động đã tạo ra một khuôn khổ bảo vệ trẻ em khỏi bóc lột lao động. Cụ thể, Bộ luật Lao động đã có các điều khoản cấm sử dụng lao động chưa thành niên trái phép và quy định các nguyên tắc về sử dụng lao động chưa thành niên và lao động trẻ em dưới 15 tuổi.<sup>517</sup>

Bộ luật Hình sự 2015 quy định trách nhiệm hình sự trong trường hợp có vi phạm liên quan đến sử dụng lao động trẻ em dưới 16 tuổi.<sup>518</sup> Luật Trẻ em 2016 quy định “trẻ em có quyền được bảo vệ dưới mọi hình thức để không bị bóc lột sức lao động.”<sup>519</sup> Luật Doanh nghiệp thiết lập nghĩa vụ của doanh nghiệp “không được sử dụng lao động cưỡng bức và lao động trẻ em.”<sup>520</sup>

Một số văn bản quy phạm pháp luật quy định các điều khoản về cấm lao động trẻ em, bao gồm Thông tư 10/2013/TT-BLĐTBXH về việc Ban hành danh mục các công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động là người chưa thành niên, Thông tư 11/2013/TT-BLĐTBXH về việc quy định Danh mục nghề, công việc và các điều kiện được nhận trẻ em chưa đủ 15 tuổi vào làm việc, Nghị định 95/2013/NĐ-CP Quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực lao động, bảo hiểm xã hội và đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, Nghị định 91/2011/NĐ-CP quy định xử phạt hành chính về bảo vệ, chăm sóc và giáo dục trẻ em.

Nhằm hỗ trợ và bảo vệ những trẻ em làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức, Chính phủ đã ban hành một số chính sách cho trẻ em dưới 15 tuổi làm việc vì lợi ích của chính mình, bao gồm giới thiệu những trẻ em này đến các trung tâm bảo trợ xã hội và khuyến khích gia đình hỗ trợ trẻ đi

học hoặc học nghề.<sup>521</sup> Từ những năm 1990, Việt Nam đã xây dựng nhiều chính sách và chương trình quốc gia nhằm trực tiếp hoặc gián tiếp loại bỏ lao động trẻ em, bao gồm một loạt các quyết định của Thủ tướng Chính phủ như Quyết định 1023/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình phòng ngừa, giảm thiểu lao động trẻ em giai đoạn 2016 – 2020 để ngăn chặn và loại bỏ một cách hiệu quả lao động trẻ em cũng như hỗ trợ kịp thời cho lao động trẻ em, Quyết định 1555/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình hành động quốc gia vì trẻ em giai đoạn 2012 - 2020, Quyết định 267/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình quốc gia về bảo vệ trẻ em giai đoạn 2011 – 2015, Quyết định 19/2004/QĐ-TTg phê duyệt chương trình ngăn ngừa và giải quyết tình trạng trẻ em lang thang, trẻ em bị xâm hại tình dục và trẻ em phải lao động nặng nhọc, trong điều kiện độc hại, nguy hiểm giai đoạn 2004-2010.

Bộ luật Lao động 2019 đưa ra các quy định rõ ràng hơn về việc làm của trẻ vị thành niên ở các độ tuổi khác nhau.<sup>522</sup> Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi 2017 cũng bao gồm các tội danh mua bán người dưới 16 tuổi như “Tội đánh tráo người dưới 1 tuổi” và “Tội chiếm đoạt người dưới 16 tuổi.”<sup>523</sup>

## Khung thiết chế

Bộ LĐTBXH là cơ quan chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát và quản lý hành chính về lao động trẻ em. Bộ LĐTBXH đã làm việc với nhiều bộ và cơ quan chính phủ có liên quan, cũng như với các tổ chức quốc tế như UNICEF, ILO và các tổ chức phi chính phủ để giải quyết vấn đề lao động trẻ em ở Việt Nam. Bộ LĐTBXH có nhiệm vụ kiểm tra việc thực thi pháp luật về lao động trẻ em thông qua bộ máy thanh tra bộ, chịu trách nhiệm kiểm tra và giám sát mọi vi phạm về lao động trẻ em trong các doanh nghiệp. Trong trường hợp xảy ra vi phạm, thanh tra lao động có thể làm việc với Tòa án nhân dân, Viện Kiểm sát nhân dân và Bộ Công an để giải quyết vụ việc về lao động trẻ em.

516 Bộ luật Lao động 2012. Điều 161-165; Bộ luật Lao động 2019. Điều 143-147 (Ct. 263).

517 Bộ luật Lao động 2012. Điều 163-165; Bộ luật Lao động 2019. Điều 145-147 (Ct. 263).

518 Bộ luật Hình sự 2015. Điều 296 (Ct. 460).

519 Luật Trẻ em 2016. Điều 26 (Ct. 395).

520 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 8.4; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 8.5 (Ct. 63).

521 ILO, 'Khảo sát chung về các Công ước cơ bản liên quan đến quyền tại nơi làm việc' (Ct. 430).

522 ILO, 'Dự thảo Bộ luật Lao động sửa đổi có gì mới?' (Ct. 270).

523 Bộ luật Hình sự 2015. Điều 151 – 153 (Ct. 460).

Chương VI Luật Trẻ em quy định nghĩa vụ của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân liên quan đến quyền trẻ em. Ủy ban quốc gia về trẻ em hoạt động như một cơ chế phối hợp giữa các cơ quan chính phủ về quyền trẻ em, bao gồm các bộ liên quan như Bộ LĐTBXH, Bộ Giáo dục và Đào tạo, và Bộ Y tế. Ủy ban quốc gia về trẻ em đóng một vai trò cụ thể trong việc hướng dẫn và đảm bảo tất cả các bộ, cơ quan liên quan đều tham gia và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quyền trẻ em, bao gồm cả việc bảo vệ trẻ khỏi lao động trẻ em.

### Khuyến nghị

1. Thực thi hiệu quả Công ước số 138 về Tuổi Lao động Tối thiểu được nhận làm việc theo hướng dẫn tại Khuyến nghị số 146 của ILO.
2. Thực thi hiệu quả Công ước số 182 về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất theo hướng dẫn tại Khuyến nghị số 190.
3. Thực hiện các cam kết với tư cách là Quốc gia Khởi xướng Liên minh 8.7 về đánh giá lao động trẻ em trong Mục tiêu SDG 8.7.
4. Sửa đổi các quy định pháp luật lao động hiện hành nhằm tăng cường các chế tài dân sự đối với các cá nhân gây ra các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất, đưa ra các lệnh cấm sử dụng lao động dưới 13 tuổi; làm rõ các lĩnh vực nhất định hạn chế sử dụng lao động dưới 18 tuổi như làm việc trong khách sạn hoặc tiếp xúc với hóa chất, và đào tạo về an toàn vệ sinh lao động cho người lao động trẻ; và thiết lập một cơ chế dựa trên cộng đồng để báo cáo về lao động trẻ em.
5. Đảm bảo thực thi có hiệu quả chương trình quốc gia về ngăn chặn và kiểm soát lao động trẻ em (2016 – 2020).
6. Đảm bảo thực thi các quy định có liên quan đến lao động trẻ em được đề cập trong CPTPP và EVFTA.
7. Xây dựng và củng cố khuôn khổ pháp luật về lao động trẻ em để bảo vệ trẻ em trong các hoạt động kinh tế không chính thức, kinh tế gia đình và môi trường gia đình.

CHƯƠNG 4

# DOANH NGHIỆP VÀ CỘNG ĐỒNG



Những hoạt động của doanh nghiệp có thể ảnh hưởng đến người lao động, khách hàng, người lao động trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp và cả các cộng đồng gần khu vực hoạt động sản xuất và kinh doanh dịch vụ của doanh nghiệp. Doanh nghiệp và cộng đồng phụ thuộc lẫn nhau theo nhiều cách khác nhau, như đảm bảo bảo vệ môi trường, sử dụng bền vững tài nguyên quốc gia, và các hoạt động tương tác về văn hóa và xã hội khác mà dựa vào đó có thể đánh giá tác động của doanh nghiệp đối với cộng đồng là tích cực hay tiêu cực. Những lợi ích từ tăng trưởng kinh tế và phát triển xã hội mà doanh nghiệp có thể mang lại cho cộng đồng, như tăng số lượng việc làm, cần phải lớn hơn tác động bất lợi tiềm ẩn của kinh doanh đối với xã hội và môi trường. Do đó, UNGP kêu gọi các doanh nghiệp tránh gây ra hoặc góp phần vào các tác động bất lợi lên quyền con người do hoạt động kinh doanh mang lại, và “tìm kiếm giải pháp để ngăn chặn hoặc giảm thiểu các ảnh hưởng tiêu cực liên quan trực tiếp tới các hoạt động, sản phẩm hoặc dịch vụ của doanh nghiệp thông qua các mối quan hệ kinh doanh.”<sup>524</sup>

Chương 4 đánh giá tác động của doanh nghiệp đối với cộng đồng bằng cách xem xét các cam kết quốc tế liên quan, các quy định của quốc gia và các cơ quan có trách nhiệm. Sau đây là phần đánh giá thực hành kinh doanh có trách nhiệm trong các lĩnh vực: Đất đai, môi trường, bảo vệ người tiêu dùng, liêm chính trong kinh doanh, và sự tham gia của cộng đồng.

## 4.1 Đất đai

Đất đai là vấn đề liên ngành giữa xã hội và môi trường, tác động đến việc thụ hưởng một loạt các tiêu chuẩn quốc tế. Các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu, tiếp cận và sử dụng đất thường tác động tiêu cực đến cộng đồng địa phương. Vấn đề đất đai liên quan đến doanh nghiệp thường là việc dân cư không tự nguyện di dời – đây là hệ quả từ các dự án kinh doanh như phân lô và cấp phép sử dụng đất cho mục đích thương mại, đập thủy điện và các dự án khai thác hạ tầng dân sinh và khai thác khoáng sản khác. Trong

những trường hợp, các dự án kinh doanh yêu cầu di dời một số lượng lớn người dân hoặc toàn bộ cộng đồng, và điều này có thể tạo ra những rủi ro về vi phạm quyền con người, đặc biệt khi các dự án đó không tổ chức tham vấn hiệu quả với cộng đồng, không đảm bảo đồng thuận trước khi thu hồi hoặc bồi thường thỏa đáng cho việc di dời.

Theo pháp luật Việt Nam, đất đai thuộc sở hữu chung của toàn dân, do nhà nước đại diện quản lý,<sup>525</sup> các cá nhân, hộ gia đình và các tổ chức có quyền sử dụng đất.<sup>526</sup> Do đó, tại Việt Nam, luật pháp chỉ công nhận quyền sử dụng đất. Theo Chỉ số công lý Việt Nam 2016, các quy định và thủ tục pháp lý chứng nhận quyền sử dụng đất rất phức tạp, dẫn đến hệ quả tranh chấp liên quan đến đất đai là nguyên nhân hàng đầu của tranh chấp dân sự và hành chính ở Việt Nam.<sup>527</sup> Một nghiên cứu của Ngân hàng Thế giới năm 2011 cho thấy, kể từ đầu năm 2010, các khiếu nại về giá đất khi bồi thường và tái định cư chiếm tới 90% tổng số khiếu nại của công dân từ nhiều chính quyền cơ sở.<sup>528</sup> Tuy nhiên, hiện vẫn chưa có cơ chế giám sát hiệu quả để giải quyết các khiếu nại đó do hiện tại vẫn còn rất nhiều khiếu nại và xung đột liên quan đến đất đai. Mặc dù các khoản đầu tư thương mại vào đất đai đã góp phần tạo ra các triển vọng kinh tế cho Việt Nam nhưng các doanh nghiệp và các nhà đầu tư vẫn là nguồn cơn của những tranh luận và xung đột do tranh chấp đất đai và di dời dân cư cho mục đích phát triển và kinh doanh bất động sản.

## Cam kết quốc tế

Mặc dù không có các văn kiện quốc tế riêng đối với vấn đề quyền con người về đất đai nhưng đất đai được coi là một vấn

525 Hiến pháp Việt Nam. Điều 53 (Ct. 60).

526 Luật Đất đai 2013, Luật số 45/2013/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpg-toanvan.aspx?ItemID=32833>. Truy cập ngày 05/21/2020. Điều 4 và 5.

527 Hội luật gia Việt Nam và UNDP, 'Chỉ số công lý 2015: Hướng tới một hệ thống công lý cho người dân', (2016). Thông tin có tại: [https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/democratic\\_governance/2015-justice-index.html](https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/democratic_governance/2015-justice-index.html). Truy cập ngày 22/9/2020.

528 Ngân hàng Thế giới, 'Cơ chế Nhà nước thu hồi đất và chuyển dịch đất đai tự nguyện ở Việt Nam: Phương pháp tiếp cận, định giá đất, và giải quyết khiếu nại của người dân', (2011). Thông tin có tại: <http://documents.worldbank.org/curated/en/172041468124755032/Compulsory-land-acquisition-and-voluntary-land-conPhiên bản-in-VietNam-the-conceptual-ap-proach-land-valuation-and-grievance-redress-mechanism>. Truy cập ngày 22/9/2020.

524 UNGP. Nguyên tắc 13 (Ct. 2).

đề liên ngành ảnh hưởng trực tiếp đến việc thụ hưởng một số quyền xã hội và môi trường.<sup>529</sup> Những văn kiện này thường giải quyết quan hệ giữa đất đai và những vấn đề khác như không phân biệt đối xử trong việc có nhà ở, thực phẩm, nước, y tế, việc làm, nhân phẩm và đời sống văn hóa; quyền tiếp cận thông tin; và quyền tham gia ra quyết định. Có một số nhóm đặc biệt dễ bị xâm phạm đối với quyền sử dụng đất, bao gồm người dân bị di dời, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em.

Các văn kiện quốc tế quan trọng quy định các quyền đối với đất đai và tài sản bao gồm UDHR<sup>530</sup>, CEDAW<sup>531</sup>, và Công ước ILO số 169 về Bộ lạc và dân tộc bản địa (1989).<sup>532</sup>

Ngoài ra, trách nhiệm của doanh nghiệp đối với xã hội và môi trường liên quan đến quản lý đất đai được đề cập trong một số văn kiện tự nguyện và không có tính ràng buộc của LHQ bao gồm: Tuyên bố của LHQ về quyền của người bản địa (UNDRIP) (2007) và UNGP. UNGP khuyến nghị các quốc gia thành viên xem xét phạm vi áp dụng cần thiết của pháp luật quốc gia để kiến tạo một môi trường pháp lý giúp các doanh nghiệp thể hiện sự tôn trọng quyền con người đối với cá nhân, đặc biệt cần làm rõ vấn đề quản lý tiếp cận đất đai.<sup>533</sup> Điều này bao gồm giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất, cả hai yếu tố cần thiết để bảo vệ cả cộng đồng địa phương và doanh nghiệp.<sup>534</sup> Hướng dẫn tự nguyện về Quản trị có trách nhiệm được Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp LHQ (FAO) thông qua năm 2012 nhằm thúc đẩy trách nhiệm của các doanh nghiệp trong việc tôn trọng các quyền chính đáng đối với đất đai và kêu gọi doanh nghiệp hành động dựa trên rà soát, đánh giá để tránh xâm phạm quyền chính đáng đối với đất đai của chủ thể khác. IFC đã tổng hợp Tiêu chuẩn hoạt động số 5 về Thu hồi đất và tái định cư bắt buộc vào năm 2012 để cung cấp hướng

dẫn về quản lý tái định cư và các tác động liên quan. Nguyên tắc đầu tư có trách nhiệm trong lĩnh vực nông nghiệp và thực phẩm (RAI) của Ủy ban An ninh Lương thực Thế giới (CFS) đã thừa nhận sự cần thiết phải tôn trọng quyền chính đáng đối với đất đai như là một thành tố thiết yếu để đầu tư bền vững hơn vào ngành nông nghiệp và thực phẩm. Hội nghị bàn tròn toàn cầu về Thịt bò bền vững đã thông qua các nguyên tắc và tiêu chí để xây dựng một Bộ tiêu chuẩn về nguồn thịt bò bền vững toàn cầu, trong đó Nguyên tắc 2 nói rõ quyền khiếu nại đối với việc sở hữu và sử dụng đất phải được “thừa nhận và tôn trọng trong toàn bộ chuỗi giá trị.”<sup>535</sup>

## Khung pháp lý

Pháp luật về đất đai ở Việt Nam đã có nhiều thay đổi đáng kể trong quá trình hiện đại hóa và công nghiệp hóa; và hiện đang bao gồm các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu đất, thu hồi đất, bồi thường đất, tái định cư, giá đất, sử dụng đất, quy hoạch tổng thể, và chuyển đổi đất. Hiến pháp 2013 công nhận đất đai là một tài nguyên đặc biệt thuộc quyền sở hữu toàn dân, do Nhà nước quản lý, các tổ chức và cá nhân được phép sử dụng.<sup>536</sup> Kể từ thời kỳ Đổi mới, Việt Nam đã thông qua Luật Đất đai 1988, 1993, 2003 và 2013 - những đạo luật tập trung vào quản lý đất đai. Luật Đất đai 2013 hiện hành sẽ được tiến hành sửa đổi, bổ sung một số điều vào năm 2021.

Để thực thi Luật Đất đai 2013, Chính phủ đã ban hành một số lượng đáng kể các văn bản hướng dẫn thi hành. Hiện tại, có khoảng 27 văn bản quy phạm tại cấp trung ương, bao gồm luật, nghị định và thông tư hướng dẫn về đất đai.<sup>537</sup> Các điều khoản liên quan đến sử dụng đất, đầu tư và quy hoạch được ghi nhận trong các luật, bao gồm: Luật Nhà ở 2014, Luật Kinh doanh Bất động sản 2014, Luật Quy hoạch Đô thị 2009, Luật Bảo vệ Môi trường 2014, Bộ luật Dân sự 2015, và Luật Quy hoạch 2017. Luật Đất

529 OHCHR, 'Đất đai và nhân quyền'. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Issues/LandAndHR/Pages/LandandHumanRightsIndex.aspx>. Truy cập ngày 28/5/2020.

530 UDHR. Điều 17 (Ct. 233).

531 CEDAW. Điều 15.2 và 16h (Ct. 297).

532 ILO, 'Công ước số 169 về Bộ lạc và dân tộc bản địa', (1989). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORM-LEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:C169](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORM-LEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C169). Truy cập ngày 30/9/2019. Điều 14.

533 UNGP. Nguyên tắc 12 và 13 (Ct. 2).

534 Nt. Nguyên tắc 3 (Ct. 2).

535 Cơ quan Nhân quyền Đan Mạch, 'Kế hoạch hành động quốc gia về kinh doanh và nhân quyền'. Thông tin có tại: <https://globalnaps.org/issue/land/>. Truy cập ngày 28/10/2019

536 Hiến pháp Việt Nam. Điều 53, 54 (Ct. 60).

537 Danh sách tất cả các văn kiện pháp luật quản lý đất đai, Thông tin có tại: <https://luatvietnam.vn/dat-dai-nha-o/toan-bo-van-ban-phap-luat-ve-dat-dai-hien-hanh-567-20147-article.html>. Truy cập ngày 28/10/2019.

đai 2013 quy định trách nhiệm bảo vệ các cộng đồng thiểu số của Nhà nước, bao gồm: Thông qua các chính sách về đất ở và đất sinh hoạt cộng đồng cho các dân tộc thiểu số phù hợp với phong tục, tập quán và bản sắc văn hóa của cộng đồng và điều kiện thực tế của từng vùng; và thông qua các chính sách tạo điều kiện công nhận quyền sử dụng đất cho các dân tộc thiểu số trực tiếp tham gia sản xuất nông nghiệp.<sup>538</sup> Theo đó, doanh nghiệp phải tuân thủ Luật Đất đai 2013 và các công cụ pháp lý liên quan khác khi doanh nghiệp sử dụng đất, trên cơ sở đảm bảo tôn trọng quyền và lợi ích của cộng đồng và chủ thể sử dụng đất khác.

Mặc dù đã có một số lượng lớn văn kiện pháp lý về đất đai được sửa đổi và thông qua, việc thực thi các quy định này vẫn tồn tại nhiều thách thức và không hiệu quả trong nhiều trường hợp. Các khuôn khổ pháp luật phức tạp và thường xuyên thay đổi khiến rất nhiều người, đặc biệt là những cộng đồng ở vùng sâu vùng xa, khó nắm bắt và nhận thức đầy đủ. Điều này khiến quyền lợi của họ có thể không được đảm bảo.

Để giám sát các vấn đề liên quan đến đất đai, bao gồm các vấn đề phát sinh từ việc cấp phép hoặc sử dụng đất của doanh nghiệp, Luật Đất đai quy định trách nhiệm giám sát của công dân đối với việc quản lý, sử dụng đất đai,<sup>539</sup> bao gồm giao đất, thu hồi, bồi thường và gửi đơn kiến nghị và đánh giá ý kiến của các cơ quan liên quan có thẩm quyền. Hiện nay chưa có nghị định hay thông tư hướng dẫn chi tiết nội dung này trong Luật Đất đai.

Một vấn đề lớn khác là các quy định quản lý chuyển đổi đất và thu hồi đất. Quá trình tăng trưởng kinh tế đã dẫn đến hệ quả là việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất xảy ra trên khắp các khu vực đô thị đông dân cư và các khu vực đất đai nông nghiệp trù phú nhất.<sup>540</sup> Luật Đất đai 2013 cho phép Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh cũng như để phát triển kinh tế xã hội vì

lợi ích chung và lợi ích quốc gia.<sup>541</sup> Đáng chú ý là vấn đề thu hồi đất cũng diễn ra trong các dự án phát triển kinh tế như dự án xây dựng cơ sở hạ tầng, khu công nghệ cao, khu công nghiệp, khu dân cư đô thị và nông thôn và cho các dự án đầu tư nước ngoài. Sự thu hồi này tạo ra một số lượng đáng kể khiếu nại của cộng đồng do thường xuyên xảy ra tranh chấp về quyền sở hữu và sử dụng đất với những người sử dụng đất khác, nhà đầu tư và Nhà nước.<sup>542</sup>

Quá trình quy hoạch và thực hiện các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất thường tạo thêm nhiều tranh chấp khác liên quan đến quyền sử dụng đất. Nhà nước quản lý đất đai bằng nhiều công cụ pháp lý khác nhau, bao gồm các công cụ về quy hoạch, trong đó đưa ra quyết định về cách sử dụng đất, xác định bên sử dụng đất và các vai trò tương ứng của các bên theo quy hoạch. Do đó, quá trình quy hoạch đất có thể có tác động đáng kể đến quyền thụ hưởng hoặc phủ nhận quyền sử dụng đất hoặc các quyền khác đối với đất. Nếu quy trình hoặc quy hoạch dự án không minh bạch, xung đột giữa người sử dụng đất, cộng đồng, doanh nghiệp và Nhà nước dễ bị đẩy lên cao.

Ủy ban CEDAW khuyến nghị Việt Nam cần “thiết lập các cơ chế giám sát hiệu quả để thực thi Luật Đất đai và đảm bảo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cả hai vợ chồng và các biện pháp hòa giải tư pháp được ưu tiên thực hiện trong trường hợp xảy ra tranh chấp đất đai liên quan đến phụ nữ.”<sup>543</sup> Ủy ban về Xóa bỏ phân biệt chủng tộc của LHQ (CERD) cũng bày tỏ quan ngại về vấn đề di dời các nhóm dân tộc thiểu số và tịch thu đất đai do tổ tiên họ truyền lại mà không có sự đồng ý trước và bồi thường thích hợp. Thêm nữa, Ủy ban kêu gọi Việt Nam thực hiện các biện pháp bảo vệ việc sử dụng đất truyền thống của người bản địa và theo đuổi các nỗ lực giải quyết tranh chấp đất đai, bao gồm cả việc bồi thường thỏa đáng.<sup>544</sup> Trong Kết luận quan sát của HRC

538 Luật Đất đai 2013. Điều 27 (Ct. 526).

539 Nt. Điều 199.

540 Hirsch P., Mellac M., Scurrah N., ‘Kinh tế chính trị trong quản trị đất đai ở Việt Nam’, (2015). Dự án Quản trị đất đai khu vực Mê Kông. Thông tin có tại: [https://mrlg.org/wp-content/uploads/2015/12/Political\\_Economy\\_of\\_Land\\_Governance\\_in\\_Viet\\_Nam\\_FA\\_2\\_2.pdf](https://mrlg.org/wp-content/uploads/2015/12/Political_Economy_of_Land_Governance_in_Viet_Nam_FA_2_2.pdf). Truy cập ngày 28/10/2019.

541 Luật Đất đai 2013. Điều 61 và 62 (Ct. 526).

542 Ngân hàng Thế giới, ‘Sửa đổi Luật Đất đai vì sự phát triển bền vững ở Việt Nam’, (2012). Thông tin có tại: <http://documents.worldbank.org/curated/en/767051468321532265/pdf/707260WP0REPLA0aw0Final0Eng012Oct12.pdf>. Truy cập ngày 28/10/2019

543 CEDAW, ‘Kết luận quan sát đối với Việt Nam’. Khuyến nghị số 37 (Ct. 409).

544 LHQ, Ủy ban về Xóa bỏ phân biệt chủng tộc (CERD), Kết luận



liên quan đến Báo cáo UPR chu kỳ thứ ba về Việt Nam năm 2019, Ủy ban bày tỏ quan ngại về việc các cộng đồng dân tộc thiểu số không được tham vấn đầy đủ trong các quá trình ra quyết định. Một trong những vấn đề chính được Ủy ban nhấn mạnh là việc thu hồi và giao đất (bao gồm đất truyền thống và được cha ông truyền lại) cho các dự án phát triển hoặc đưa ra các biện pháp khắc phục không phù hợp. Ủy ban cũng bày tỏ lo ngại các dự án phát triển như vậy có thể tác động tiêu cực đến việc sử dụng đất của cộng đồng. Do đó, Việt Nam cần thực hiện tất cả các quy trình cần thiết để đảm bảo thực hiện tham vấn thực chất với cộng đồng dân tộc thiểu số nhằm đạt được sự đồng thuận trước và tự nguyện, để đảm bảo các nguyên tắc không phân biệt đối xử và các khiếu nại chính đáng đối với đất đai được tôn trọng, bảo vệ và thực hiện đầy đủ.<sup>545</sup>

## Khung thiết chế

Luật Đất đai thiết lập một hệ thống quản lý hành chính bốn cấp về đất đai, từ cấp trung ương đến các tỉnh, huyện và xã. Theo Luật Đất đai 2013, Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan hành chính trung ương chịu trách nhiệm chính về lĩnh vực đất đai.<sup>546</sup> Trong số các cơ quan của Bộ, Tổng cục Quản lý đất đai có chức năng quản lý đất đai. Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện vai trò quản lý nhà nước đối với đất đai tại địa phương theo thẩm quyền được quy định trong luật. Thanh tra đất đai có trách nhiệm phát hiện, kiểm tra và xử lý vi phạm pháp luật đất đai theo thẩm quyền hoặc đề xuất cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý các vi phạm đó.

## Khuyến nghị

1. Thực hiện hiệu quả khuyến nghị của HRC, CEDAW, và Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc (ICERD) liên quan đến việc phòng ngừa và giải quyết các xung đột đất đai để đảm bảo thực hành kinh doanh có

trách nhiệm liên quan đến đất đai, bao gồm đảm bảo sự tham gia của cộng đồng vào mọi quá trình liên quan đến việc tái định cư của họ và việc tái định cư đó được tiến hành phù hợp với các tiêu chuẩn quốc tế.<sup>547</sup>

2. Tăng cường khung pháp lý về xử lý khiếu nại và tố cáo liên quan đến thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, hoàn trả và tái định cư.
3. Tăng cường khung pháp lý quốc gia liên quan đến xác định bồi thường cho việc thu hồi đất, bao gồm xem xét cả giá đất.
4. Đảm bảo cơ chế giải quyết khiếu nại về đất đai cho các nhóm dễ bị tổn thương liên quan đến hoạt động kinh doanh, đặc biệt là quyền tiếp cận đất đai và đảm bảo người dân tộc thiểu số được thông báo trước, và tự nguyện đồng thuận (đối với các vấn đề liên quan).
5. Tiếp tục ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện Luật Đất đai, bao gồm quyền giám sát của công dân đối với việc quản lý, sử dụng đất đai theo Điều 199.

## 4.2 Môi trường

UNGP xác định pháp luật về môi trường là một phần quan trọng của khung pháp lý quốc gia và trực tiếp hoặc gián tiếp điều chỉnh hoạt động kinh doanh có trách nhiệm.<sup>548</sup> UNGP cũng lưu ý doanh nghiệp nên thực hiện các quy trình đánh giá tác động môi trường đối với cộng đồng và xã hội và quy trình cần tham chiếu tất cả các tiêu chuẩn liên quan về môi trường và xã hội được quốc tế công nhận, vì các doanh nghiệp hầu như có thể tác động đến bất kỳ nội dung nào trong số những tiêu chuẩn này.<sup>549</sup>

quan sát báo cáo định kỳ lần thứ 10 và 14 của Việt Nam, (2012). CERD/C/VNM/CO/10-14. Thông tin có tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=C-ERD/C/VNM/CO/10-14&Lang=En](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/Download.aspx?symbolno=C-ERD/C/VNM/CO/10-14&Lang=En). Truy cập ngày 30/10/2019.

545 UNHRC, 'Báo cáo UPR - Việt Nam', (2019). Khuyến nghị số 56 (Ct. 265).

546 Luật Đất đai 2013. Điều 24 (Ct. 526).

547 HRC, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Khuyến nghị số 56 (Ct. 265); CEDAW, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Khuyến nghị số 37 (Ct. 409); CERD, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Khuyến nghị 15 (Ct. 544).

548 UNGP. Bình luận Nguyên tắc 3 (Ct. 2).

549 Nt.

Theo Nguyên tắc khung của LHQ về Quyền con người và môi trường, “quyền con người của chúng ta hài hòa với môi trường mà chúng ta đang sống.”<sup>550</sup> Nguyên tắc khung cũng nhấn mạnh “tác hại lên môi trường cản trở việc thụ hưởng quyền con người, và việc đảm bảo quyền con người giúp bảo vệ môi trường và thúc đẩy phát triển bền vững.”<sup>551</sup> Nguyên tắc khung nhấn mạnh trách nhiệm của doanh nghiệp khi kinh doanh phải tuân thủ tất cả các quy định pháp luật về môi trường hiện hành và tôn trọng các tiêu chuẩn xã hội thông qua việc bảo vệ môi trường.<sup>552</sup>

## Cam kết quốc tế

Trong số các văn kiện quốc tế có liên quan, UDHR tuyên bố “mọi người đều có quyền có mức sống phù hợp với sức khỏe và hạnh phúc của bản thân và gia đình, bao gồm thực phẩm, [...]”<sup>553</sup> ICESCR được Việt Nam phê chuẩn năm 1982 công nhận “mọi người có quyền được hưởng các tiêu chuẩn về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể đạt được” và yêu cầu Việt Nam thực hiện những bước cần thiết để thực sự công nhận quyền này, bao gồm những động thái cần thiết để “cải thiện mọi mặt về vệ sinh môi trường và vệ sinh công nghiệp.”<sup>554</sup>

Liên quan đến vấn đề biến đổi khí hậu, LHQ là tổ chức dẫn đầu việc thiết lập các tiêu chuẩn quốc tế và cam kết của các quốc gia về các tiêu chuẩn quốc tế. Trong một loạt các văn kiện, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu (1992),<sup>555</sup> Nghị định thư Kyoto (1997),<sup>556</sup> và

Hiệp định Paris (2016);<sup>557</sup> các công ước này đưa ra các khuôn khổ quốc tế với các mục tiêu ràng buộc về mặt pháp lý để giảm lượng phát thải khí nhà kính và các nghĩa vụ báo cáo về tình hình thực hiện các nỗ lực cắt giảm khí thải. Hiệp ước Paris chỉ rõ “các bên, khi hành động giải quyết biến đổi khí hậu, cần tôn trọng, thúc đẩy và xem xét các nghĩa vụ tương ứng của mỗi bên đối với quyền con người.”<sup>558</sup> Hiệp định Paris kêu gọi các quốc gia thành viên “khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho sự tham gia giảm thiểu phát thải khí nhà kính của cả các tổ chức nhà nước và tư nhân”, và “tăng cường sự tham gia của khu vực công và tư nhân trong việc thực hiện các đóng góp quốc gia đã xác định” nhằm giảm phát thải khí nhà kính.<sup>559</sup>

Một số công cụ pháp lý quốc tế liên quan như Công ước số 174 về Phòng ngừa tai nạn lao động nghiêm trọng (1993),<sup>560</sup> Tuyên bố Stockholm của Hội nghị LHQ về Môi trường con người (1972),<sup>561</sup> Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển (1992),<sup>562</sup> và Công ước LHQ về Đa dạng sinh học (1992),<sup>563</sup> đã được Việt Nam phê chuẩn năm 1994. Công ước số 169 về các Dân tộc và bộ lạc bản địa (1989), Việt Nam chưa phê chuẩn, chỉ rõ “Chính phủ các nước phải tiến hành các biện pháp, với sự hợp tác của các dân tộc được đề cập trong Công ước này, bảo vệ và bảo tồn môi trường tự nhiên ở các khu vực mà họ đang cư trú.”<sup>564</sup> Liên quan đến vấn đề tầng ô-zôn, Việt Nam đã phê chuẩn Công ước Vienna về Bảo vệ tầng ô-zôn (1985),<sup>565</sup>

557 LHQ, ‘Công ước khung về Biến đổi khí hậu (UNFCCC) (Hiệp định Paris)’, (2015). Thông tin có tại: [https://unfccc.int/sites/default/files/english\\_paris\\_agreement.pdf](https://unfccc.int/sites/default/files/english_paris_agreement.pdf). Truy cập ngày 30/9/2019.

558 Nt.

559 Nt. Điều 4 và 8.

560 ILO, ‘Công ước ILO 174 về Phòng ngừa tai nạn công nghiệp nghiêm trọng’, (1993). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:C174](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C174). Truy cập ngày 30/9/2019.

561 LHQ, ‘Tuyên bố Stockholm của Hội nghị LHQ về Môi trường và con người’, (1972). Thông tin có tại: <http://web.archive.loc.gov/all/20150314024203/http%3A//www.unep.org/Documents.Multilingual/Default.asp?documentid%3D97%26articleid%3D1503>. Truy cập ngày 30/9/2019.

562 LHQ, ‘Tuyên bố Rio về Môi trường và phát triển’, (1992). Thông tin có tại: [https://www.un.org/en/development/desa/population/migration/generalassembly/docs/globalcompact/A\\_CONF.151\\_26\\_Vol.I\\_Declaration.pdf](https://www.un.org/en/development/desa/population/migration/generalassembly/docs/globalcompact/A_CONF.151_26_Vol.I_Declaration.pdf). Truy cập ngày 30/9/2019.

563 LHQ, ‘Công ước về Đa dạng sinh học’, (1992). Thông tin có tại <https://www.cbd.int/doc/legal/cbd-en.pdf>. Truy cập ngày 30/9/2019.

564 ILO, ‘Công ước số 169 về Bộ lạc và dân tộc bản địa’, (1989). Điều 7.4 (Ct. 532).

565 LHQ, ‘Công ước Vienna về Bảo vệ tầng ô-zôn’, (1985). Thông tin có tại: <https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?sr>

550 LHQ, ‘Nguyên tắc khung của LHQ về Quyền con người và môi trường’, (2018). Thông tin có tại: <https://mk0globalnapshvllfq4.kinstacdn.com/wp-content/uploads/2018/08/framework-principles-on-human-rights-and-the-environment.pdf>. Truy cập ngày 15/9/2019. Đoạn 1.

551 UNHRC, ‘Báo cáo của Báo cáo viên đặc biệt về vấn đề nghĩa vụ nhân quyền liên quan đến việc thụ hưởng môi trường an toàn, sạch, lành mạnh và bền vững’, (2018), Số. A/HRC/37/59. Thông tin có tại: [https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Environment/SREnvironment/A\\_HRC\\_37\\_59\\_EN.pdf](https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Environment/SREnvironment/A_HRC_37_59_EN.pdf). Truy cập ngày 15/9/2019

552 LHQ, ‘Nguyên tắc khung của LHQ về Quyền con người và môi trường’, (2018). Đoạn 18.

553 UDHR. Điều 25.1 (Ct. 233).

554 ICESCR. Điều 12.2.b (Ct. 236).

555 LHQ, ‘Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu’, (1992). Thông tin có tại: [https://treaties.un.org/Pages/ViewDetailsIII.aspx?src=TREATY&mtdsq\\_no=XXVII-7&chapter=27&Temp=mtdsq3&clang=en](https://treaties.un.org/Pages/ViewDetailsIII.aspx?src=TREATY&mtdsq_no=XXVII-7&chapter=27&Temp=mtdsq3&clang=en). Truy cập ngày 30/9/2019.

556 LHQ, ‘Nghị định thư Kyoto (1997) của Công ước khung về Biến đổi khí hậu’, (1992). Thông tin có tại: <https://unfccc.int/resource/docs/convkp/kpeng.pdf>. Truy cập ngày 30/9/2019.

và Nghị định thư Montreal về các chất gây suy giảm tầng ô-zôn (1987).<sup>566</sup>

Một số SDG cũng thiết lập các cam kết quốc tế liên quan trực tiếp đến bảo vệ môi trường tự nhiên, bao gồm SDG số 8, 11, 12, 13, 14 và 15.<sup>567</sup>

- **Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam – Liên minh châu Âu (EVFTA)**

Các hiệp định thương mại quốc tế được Việt Nam phê chuẩn, bao gồm CPTPP và EVFTA đều thiết lập các nghĩa vụ bảo vệ môi trường quốc tế. Chẳng hạn, theo EVFTA, Việt Nam có nghĩa vụ thực thi các quy định pháp luật trong nước có liên quan và thực hiện các thỏa thuận môi trường đa phương mà mình là thành viên.<sup>568</sup> Cụ thể, trong lĩnh vực biến đổi khí hậu, EVFTA xác nhận cam kết của cả hai bên trong việc thực hiện Nghị định thư Kyoto về Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu và Hiệp định Paris, đồng thời thúc đẩy chia sẻ giữa Liên minh châu Âu và Việt Nam về thị trường các-bon và tiết kiệm năng lượng, bằng tuyên bố: “Trong khuôn khổ Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu, các Bên cần tham khảo và chia sẻ kinh nghiệm và thông tin các Bên cùng ưu tiên hoặc quan tâm, bao gồm: .... định giá các-bon (b) thúc đẩy thị trường các-bon trong nước và quốc tế thông qua các cơ chế như Chương trình mua bán khí thải và giảm phát thải từ phá rừng và suy thoái rừng, và; (c) tăng cường tiết kiệm năng lượng, công nghệ phát thải thấp và năng lượng tái tạo.”<sup>569</sup> Quy định này sẽ giúp đảm bảo thực hành kinh doanh có trách nhiệm liên quan đến bảo vệ môi trường bằng cách tạo ra cơ hội cho cả thị trường trong và ngoài nước cho kinh doanh các-bon và hướng tới một nền kinh tế các-bon thấp thông qua các cải tiến trong ngành năng lượng.

Về đa dạng sinh học, EVFTA kêu gọi thực thi các biện pháp hiệu quả để giảm thiểu việc

buôn bán trái phép động vật hoang dã, bao gồm thúc đẩy tuân thủ các quy định trong Công ước về Buôn bán quốc tế các loài động thực vật hoang dã nguy cấp (CITES).<sup>570</sup> EVFTA nêu rõ cần phải bảo vệ môi trường chặt chẽ hơn và thúc đẩy thực hành kinh doanh có trách nhiệm liên quan đến thương mại và quản lý rừng bền vững đối với các mặt hàng lâm sản bằng cách khuyến khích hoạt động thương mại lâm sản từ những khu rừng được quản lý bền vững và hỗ trợ lẫn nhau để loại trừ gỗ và sản phẩm gỗ khai thác trái phép khỏi các chuỗi lưu thông hàng hóa.<sup>571</sup> Một số quy định cụ thể hơn về tăng cường thực thi pháp luật trong nước được đưa vào điều khoản về “Thương mại và đầu tư hướng tới phát triển bền vững,” trong đó kêu gọi các chương trình đảm bảo bền vững tự nguyện như các chương trình thương mại công bằng và có đạo đức và gắn nhãn sinh thái.<sup>572</sup> Những quy định này tiếp tục khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các biện pháp quản lý môi trường chủ động trong thực hành kinh doanh.<sup>573</sup>

Là một thành viên của EVFTA, Việt Nam cam kết thúc đẩy CSR thông qua các biện pháp như “trao đổi thông tin và các thực hành tốt nhất, các hoạt động giáo dục đào tạo và tư vấn kỹ thuật” và “xem xét các văn kiện quốc tế có liên quan mà Việt Nam đã tham gia hoặc ủng hộ như “Hướng dẫn [của OECD] dành cho các Doanh nghiệp đa quốc gia, UN Global Compact và Tuyên bố ba bên của ILO về các Nguyên tắc liên quan đến doanh nghiệp đa quốc gia và chính sách xã hội.”<sup>574</sup>

Để thực hiện EVFTA, Việt Nam có nghĩa vụ chỉ định cơ quan “Cơ quan đầu mối liên lạc” của Chính phủ để thực hiện Chương 13 về Thương mại và phát triển bền vững, cũng như bổ nhiệm cán bộ cấp cao tham gia Ủy ban EVFTA về Thương mại và phát triển bền vững.<sup>575</sup> Trong trường hợp bất đồng, Liên minh Châu Âu sẽ áp dụng các thủ tục như “Tham vấn chính phủ”<sup>576</sup> và quyền yêu cầu triệu tập “Hội đồng chuyên gia” để xem xét

c=TREATY&mtdsg\_no=XXVII-2&chapter=27&clang=\_en. Truy cập ngày 18/9/2019.

566 LHQ, ‘Nghị định thư Montreal về các chất gây suy giảm tầng ô-zôn’, (1987). Thông tin có tại [https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg\\_no=XXVII-2-a&chapter=27&clang=\\_en](https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg_no=XXVII-2-a&chapter=27&clang=_en). Truy cập ngày 18/9/2019.

567 LHQ, ‘SDG’ (Ct. 34).

568 EVFTA, Điều 13.4 (Ct. 28).

569 Nt. Điều 13.6.

570 Nt. Điều 13.7.

571 Nt. Điều 13.8.

572 Nt. Điều 13.10.

573 Nt.

574 Nt. Điều 13.10.2e.

575 Nt. Điều 17.2.

576 Nt. Điều 13.16.

vấn đề và khuyến nghị giải pháp.<sup>577</sup> EVFTA cũng kêu gọi Việt Nam thành lập Nhóm Tư vấn trong nước (DAG) với chức năng tư vấn cách thực hiện chương Thương mại và phát triển bền vững. DAG “phải bao gồm các tổ chức đại diện độc lập, đảm bảo cân bằng đại diện giữa các bên liên quan về kinh tế, xã hội và môi trường, như các tổ chức của bên sử dụng lao động và người lao động, hiệp hội doanh nghiệp và các tổ chức môi trường.”<sup>578</sup> DAG của mỗi bên cùng tham gia một diễn đàn chung “có cân bằng đại diện giữa các bên liên quan về kinh tế, xã hội và môi trường.” Theo thỏa thuận của các bên, DAG mời các bên liên quan khác cùng tham gia các cuộc họp ở diễn đàn chung.

DAG cần tiếp cận một cách toàn diện và đầy đủ hơn bằng cách tạo ra một kênh hoặc nền tảng để tăng cường sự tham gia của nhiều bên liên quan bao gồm các tổ chức phi chính phủ và doanh nghiệp. Cụ thể, các tổ chức phi chính phủ có thể cung cấp thông tin cho DAG bằng cách thu thập dữ liệu và giám sát tác động của hoạt động kinh doanh đối với môi trường và quyền lao động. Các quy trình này không chỉ tạo áp lực để các ngành thông qua các chính sách và mục tiêu tham vọng hơn mà còn giúp các đối tác Chính phủ nhận diện được các khoảng trống trong việc thực hiện EVFTA.

- *Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)*

CPTPP dành riêng Chương 20 để yêu cầu các thành viên đảm bảo bảo vệ môi trường trong khuôn khổ hiệp định. Với tư cách là thành viên của CPTPP, Việt Nam cần “cố gắng đảm bảo đầy đủ luật pháp và chính sách môi trường, khuyến khích bảo vệ môi trường ở mức cao và tiếp tục nâng cao các mức độ bảo vệ môi trường.”<sup>579</sup> CPTPP yêu cầu Việt Nam không được phép thất bại trong việc “thực thi hiệu quả pháp luật về môi trường thông qua việc có hoặc không có hành động được duy trì hoặc lặp lại theo phương thức gây ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư giữa các thành viên.”<sup>580</sup> CPTPP đưa ra các yêu

cầu bổ sung cụ thể về bảo vệ tầng ô-zôn,<sup>581</sup> bảo vệ môi trường biển khỏi ô nhiễm từ tàu biển,<sup>582</sup> bảo tồn và sử dụng một cách bền vững đa dạng sinh học,<sup>583</sup> phòng tránh các loài ngoại lai xâm lấn,<sup>584</sup> đánh bắt hải sản,<sup>585</sup> khai thác và buôn bán bất hợp pháp động thực vật hoang dã.<sup>586</sup>

CPTPP yêu cầu các quốc gia thành viên “cần khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động trong phạm vi lãnh thổ hoặc quyền tài phán của mình tự nguyện đưa những nguyên tắc về trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp liên quan đến môi trường, phù hợp với các tiêu chuẩn được quốc tế công nhận và các hướng dẫn đã được quốc gia thành viên ủng hộ, vào các chính sách và thông lệ hoạt động của doanh nghiệp.”<sup>587</sup> CPTPP khuyến khích sử dụng các cơ chế linh hoạt và tự nguyện để tăng cường hiệu quả bảo vệ môi trường, bao gồm kiểm toán và báo cáo, cơ chế thưởng theo thị trường, chia sẻ thông tin và chuyên môn tự nguyện, thúc đẩy quan hệ đối tác công tư. Do tính chất tự nguyện của các cơ chế này, doanh nghiệp sẽ cần chủ động thúc đẩy thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường với sự hỗ trợ từ chính phủ. Theo CPTPP, các quốc gia thành viên cần thúc đẩy sự minh bạch, trách nhiệm giải trình và sự tham gia của người dân trong các chủ đề có liên quan đến bảo vệ môi trường.<sup>588</sup>

Các quốc gia thành viên được yêu cầu phải “đảm bảo thủ tục tố tụng tư pháp, bán tư pháp hoặc hành chính về thi hành pháp luật môi trường và các thủ tục tố tụng đó mang tính công bằng, minh bạch và tuân theo quy trình pháp luật,” đồng thời cung cấp thông tin được yêu cầu liên quan đến việc thực hiện Chương [môi trường] này.”<sup>589</sup> CPTPP yêu cầu Việt Nam “nâng cao nhận thức của công chúng về luật pháp và chính sách môi trường, bao gồm việc thực thi và tuân thủ các thủ tục, bằng cách đảm bảo cung cấp thông tin có liên quan cho công chúng.”<sup>590</sup>

581 Nt. Điều 20.5.

582 Nt. Điều 20.6.

583 Nt. Điều 20.13.

584 Nt. Điều 20.14.

585 Nt. Điều 20.16

586 Nt. Điều 20.17

587 Nt. Điều 20.10.

588 Nt. Điều 20.7 và 20.8.

589 Nt. Điều 20.7.

590 Nt. Điều 20.7.1.

577 Nt. Điều 13.17.

578 Nt. Điều 13.5.4.

579 CTPPP. Điều 20.3.3 (Ct. 29).

580 Nt. Điều 20.3.4.

CPTPP yêu cầu Việt Nam “đảm bảo những ai quan tâm... đều có thể yêu cầu... cơ quan có thẩm quyền điều tra các cáo buộc vi phạm luật môi trường và cơ quan có thẩm quyền phải xem xét thích đáng các yêu cầu đó.”<sup>591</sup> Các quy định này hỗ trợ tốt hơn quyền tiếp cận công lý và thông tin liên quan đến bảo vệ và tranh chấp môi trường. Đối với các doanh nghiệp nói riêng, các cá nhân hoặc pháp nhân bị tổn hại bởi các hoạt động của các doanh nghiệp có thể đưa vụ việc của họ ra tòa, và tòa án cần ra các phán quyết xử phạt hành vi vi phạm hoặc biện pháp khắc phục thích hợp cho các bên. Đối với quyền tiếp cận thông tin, theo các điều khoản này, các tổ chức phi chính phủ hoạt động vì môi trường và các cá nhân liên quan khác có thể gửi yêu cầu cung cấp thông tin về các hoạt động thương mại có tác động tiêu cực đến môi trường.

Về tham vấn người dân, CPTPP yêu cầu Việt Nam “áp dụng các cơ chế tham vấn hiện có hoặc thiết lập các cơ chế tham vấn mới, ví dụ như ủy ban tham vấn quốc gia, để có thêm ý kiến” về việc thực hiện nội dung của chương về môi trường trong Hiệp định.<sup>592</sup> Là thành viên của CPTPP, Việt Nam có nghĩa vụ “bảo đảm có thủ tục tiếp nhận và xem xét các đơn thư phản ánh một cách thuận tiện và công khai.”<sup>593</sup> Việt Nam cũng được yêu cầu phải thành lập Ủy ban Môi trường với thành phần đại diện là các cán bộ chính phủ cấp cao.<sup>594</sup>

Cả EVFTA và CPTPP đều quy định các quốc gia thành viên không được hạ thấp mức độ bảo vệ được quy định trong pháp luật môi trường trong nước để đạt được lợi thế thương mại hoặc đầu tư.<sup>595</sup> Vì vậy, không bao giờ được sử dụng lý do lợi ích kinh tế để giảm nhẹ hiệu lực pháp lý các quy định bảo vệ môi trường hiện hành. Theo đó, khi thực hiện các hiệp định thương mại này, các doanh nghiệp tại Việt Nam cần biết rằng họ vẫn có nghĩa vụ tuân thủ tất cả các tiêu chuẩn trong nước về môi trường liên quan.

591 Nt. Điều 20.7.2.

592 Nt. Điều 20.8.2.

593 Nt. Điều 20.9.2.

594 Nt. Điều 20.19.

595 EVFTA. Điều 13.3 (Ct. 28); CPTPP. Điều 20.3 (Ct. 29).

## Khung pháp lý

Vấn đề bảo vệ môi trường được Hiến pháp 2013 khẳng định “mọi người có quyền được sống trong môi trường trong lành và có nghĩa vụ bảo vệ môi trường.”<sup>596</sup> Hiến pháp cũng công nhận tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường và nghĩa vụ quản lý môi trường của Nhà nước thông qua Điều 63 và 96.<sup>597</sup> Luật Bảo vệ môi trường 2014 quy định khung pháp lý về các hoạt động, chính sách, biện pháp và nguồn lực bảo vệ môi trường cũng như quyền và nghĩa vụ của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân đối với bảo vệ môi trường.<sup>598</sup> Luật Bảo vệ môi trường 2014 dành riêng Chương VII để nói về bảo vệ môi trường trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ; các quy định này được áp dụng tại các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, sản xuất nông nghiệp, xây dựng, du lịch và cơ sở kinh doanh, vv.<sup>599</sup>

Trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc bảo vệ môi trường cũng được quy định trong nhiều văn bản pháp lý khác liên quan đến môi trường như Luật Đa dạng sinh học 2008<sup>600</sup> và Luật Thuế bảo vệ môi trường 2010.<sup>601</sup>

Về trách nhiệm môi trường của doanh nghiệp, một yếu tố quan trọng của khung pháp lý quốc gia về bảo vệ môi trường là các quy định yêu cầu thực hiện đánh giá tác động môi trường. Đây là điều kiện trước tiên cho các dự án đầu tư. Khung đánh giá tác động môi trường được quy định theo Luật Bảo vệ môi trường 2014,<sup>602</sup> Nghị định 18/2015/NĐ-CP về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường,<sup>603</sup> Nghị định 40/2019/NĐ-CP sửa

596 Hiến pháp Việt Nam. Điều 43 (Ct. 60).

597 Nt. Điều 63 và 96.

598 Luật Bảo vệ môi trường 2014 (Ct. 195).

599 Nt.

600 Luật Đa dạng sinh học 2014, Luật số 20/2008/QH12. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpg-luocdo.aspx?ItemID=12356>. Truy cập ngày 17/09/2020.

601 Luật Thuế bảo vệ môi trường 2010, Luật số 57/2010/QH12. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/botaichinh/Pages/vbpg-luocdo.aspx?ItemID=26354>. Truy cập ngày 17/9/2020.

602 Luật Bảo vệ môi trường. Điều 18-28 (Ct. 195).

603 Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/2/2015 về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=179051](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=179051). Truy cập ngày 19/9/2019.

đổi, bổ sung một số điều của các nghị định hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; và Thông tư 25/2019/TT-BTNMT hướng dẫn thực thi Nghị định 40/2019/NĐ-CP, trong đó có một số hướng dẫn quan trọng về đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường. Nhiều quy định pháp luật trong lĩnh vực kinh doanh, thương mại, đầu tư và các lĩnh vực khác cũng bao gồm các quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc đánh giá tác động môi trường, và quá trình thực hiện đánh giá thường đi kèm với một yêu cầu bổ sung là tham khảo ý kiến của các tổ chức và cộng đồng địa phương chịu tác động bởi các dự án được đề xuất. Ví dụ, Luật Đầu tư 2014<sup>604</sup> và Luật Đầu tư công 2014<sup>605</sup> coi đánh giá tác động môi trường như một thủ tục tiêu chuẩn để đưa ra các quyết định về chính sách đầu tư và để báo cáo đánh giá một dự án đầu tư. Luật Bảo vệ môi trường cũng quy định yêu cầu tham vấn với các tổ chức và cộng đồng bị ảnh hưởng bởi các dự án được đề xuất.<sup>606</sup>

Nhằm đáp ứng việc thực thi các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, một hệ thống giám sát đã được thiết lập. Chương 12 của Luật Bảo vệ môi trường 2014 quy định về các cấp quản lý, các thành phần tham gia, các cơ quan, chương trình và cơ sở dữ liệu để giám sát tác động môi trường.<sup>607</sup> Theo Luật Bảo vệ môi trường 2014, ngoài các cơ quan quản lý nhà nước, các chủ thể kinh doanh có trụ sở tại khu công nghiệp, khu chế xuất, các khu công nghệ cao, khu công nghiệp, các nhà máy sản xuất và các doanh nghiệp kinh doanh khác phải thực hiện các chương trình giám sát về khí thải và tác động môi trường, và báo cáo các cơ quan quản lý về kết quả thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật.<sup>608</sup> Luật Bảo vệ môi trường cũng ghi nhận vai trò tham gia bảo vệ môi trường, cụ thể là kiểm tra và giám sát, của các tổ chức, hộ gia đình và cá nhân theo quy định của pháp luật.<sup>609</sup>

604 Luật Đầu tư 2014. Chương II (Ct. 64).

605 Luật Đầu tư công 2014, Luật số 09/2014/QH13. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_Trang=1&mode=detail&document\\_id=175353](http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_Trang=1&mode=detail&document_id=175353). Truy cập ngày 19/9/2019. Điều 29, 30, 31, 44, và 73.

606 Luật Bảo vệ môi trường 2014. Điều 21 (Ct. 195)

607 Luật Đầu tư công 2014. Chương XII (Ct. 605).

608 Luật Bảo vệ môi trường 2014. Điều 123 (Ct. 195).

609 Nt. Điều 5.

Quyết định 16/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định về thu hồi, xử lý sản phẩm thải bỏ thay thế Quyết định 50/2013/QĐ-TTg hình thành các quy định pháp luật cơ bản về việc áp dụng cơ chế Mở rộng trách nhiệm của nhà sản xuất (EPR) cho các sản phẩm thải bỏ. Tuy nhiên, sự phổ biến và áp đảo của các cá nhân, tổ chức hoạt động phi chính thức liên quan đến rác thải điện tử, năng lực của hệ thống xử lý tái chế hiện tại, và sự thiếu hụt các chính sách hỗ trợ đã tạo ra các thách thức liên quan đến việc triển khai hiệu quả Quyết định 16/2015/QĐ-TTg và cơ chế EPR tại Việt Nam.

Khung pháp lý hiện hành cũng bao gồm các điều khoản quy định chi tiết các biện pháp giải quyết các vi phạm hoặc tranh chấp, cụ thể như Luật Bảo vệ môi trường, Chương XVIII và XIX lần lượt quy định về thanh kiểm tra và giải quyết tranh chấp, khiếu nại về môi trường, và bồi thường thiệt hại về môi trường.<sup>610</sup>

Việt Nam đã ban hành một số luật và văn bản chính sách tạo thành khung pháp lý quốc gia về bảo vệ môi trường và chống biến đổi khí hậu, như Luật Đa dạng sinh học 2008,<sup>611</sup> Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004,<sup>612</sup> Luật Lâm nghiệp 2017,<sup>613</sup> Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030,<sup>614</sup> Chiến lược Phát triển rừng Việt Nam (2006-2020),<sup>615</sup> Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030.<sup>616</sup> Việt Nam cũng đã ban

610 Nt. Chương XVIII và XIX.

611 Luật Đa dạng sinh học 2008 (Ct. 600).

612 Luật Bảo vệ và phát triển rừng 2004, Luật số 29/2004/QH11. Thông tin có tại có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_Trang=1&mode=detail&document\\_id=13658](http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_Trang=1&mode=detail&document_id=13658). Truy cập ngày 19/10/2019.

613 Luật Lâm nghiệp 2017, Luật số 16/2017/QH14. Thông tin có tại có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_Trang=1&mode=detail&document\\_id=192329](http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_Trang=1&mode=detail&document_id=192329). Truy cập ngày 19/10/2019.

614 Quyết định 1216/QĐ-TTg ngày 05/9/2012 phê duyệt Chiến lược Bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm. Thông tin có tại hiện có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/Quyết-dinh-1216-QĐ-TTg-nam-2012-phe-duyet-Chien-luoc-Bao-ve-moi-truong-quoc-gia-147305.aspx>. Truy cập ngày 19/10/2019.

615 Quyết định 18/2007/QĐ-TTg ngày 05/02/2007 phê duyệt Chiến lược phát triển lâm nghiệp Việt Nam giai đoạn 2006 - 2020. Thông tin có tại hiện có tại: <http://vbpl.vn/bonongnghiep/Pages/vb-pq-luocdo.aspx?ItemID=14672>. Truy cập ngày 19/10/2019.

616 Quyết định 79/2007/QĐ-TTg ngày 31/5/2007 Phê duyệt "Kế hoạch hành động quốc gia về Đa dạng sinh học đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020 thực hiện Công ước Đa dạng sinh học và Nghị định thư Cartagena về An toàn sinh học". Thông tin có tại: <http://www2.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/noidungchienluocphattrienkinhtexa>

hành Kế hoạch hành động quốc gia chống sa mạc hóa năm 2006<sup>617</sup> và Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và nâng cao trữ lượng cacbon (Chương trình REDD+).<sup>618</sup>

Nghị định 155/2016/NĐ-CP quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường quy định các mức phạt đối với cá nhân vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, công nghệ cao, cụm công nghiệp, khu kinh doanh và dịch vụ tập trung, làng nghề và khu nuôi trồng hải sản từ 5 đến 500 triệu đồng. Tổ chức, cá nhân thải bỏ rác, đặc biệt rác thải độc hại, vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường sẽ bị phạt từ 300,000 đến 1 tỷ đồng.

Mặc dù khung pháp lý về bảo vệ môi trường đã được phát triển, quá trình thực thi vẫn cần đẩy mạnh tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế hơn nữa để bảo vệ và chống suy thoái môi trường, đồng thời bảo vệ chính các cá nhân và cộng đồng ở Việt Nam. Một lĩnh vực cần tăng cường như đề cập ở trên là khung pháp lý về giải quyết tranh chấp môi trường, bao gồm hình thức hòa giải ngoài nhà nước với các tranh chấp môi trường và tạo ra các cơ chế giám sát các vi phạm một cách hiệu quả hơn.

Theo Luật Bảo vệ môi trường 2014, nạn nhân của các vi phạm môi trường được phép áp dụng các hình thức giải quyết thông qua đàm phán, trọng tài và tòa án. Tuy nhiên, trong thực tế, hầu hết các tranh chấp liên quan đến môi trường đều dựa vào giải quyết thông qua đàm phán, hòa giải hoặc phán

quyết trọng tài thay vì tòa án. Biện pháp khởi kiện thường ít được áp dụng do sự phức tạp, kém hiệu quả và tốn chi phí.<sup>619</sup> Ngoài ra còn thiếu các quy định cho phép các nạn nhân của các hành vi vi phạm môi trường tiến hành khiếu nại tập thể.

Mặc dù đã có các quy định điều chỉnh về xử phạt vi phạm hành chính, dân sự và hình sự trong lĩnh vực bảo vệ môi trường,<sup>620</sup> các chế tài vẫn chưa đủ mạnh để ngăn chặn hành vi vô trách nhiệm với môi trường.

Bên cạnh đó, vẫn chưa có cơ chế cho phép người dân và các tổ chức xã hội tham gia và nêu lên các quan ngại về vấn đề môi trường, cũng như qua đó đảm bảo sự tham gia hiệu quả của người dân trong giai đoạn thiết kế hoặc giám sát việc thực hiện các dự án đầu tư ảnh hưởng tới môi trường của họ. Hiện tại, một số cộng đồng bị ảnh hưởng, đặc biệt các cộng đồng sống và làm việc cạnh các cơ sở sản xuất vi phạm các quy định về bảo vệ môi trường, đã báo cáo các vi phạm này. Tuy nhiên, các cộng đồng này cần có sự hỗ trợ nhiều hơn để giám sát và báo cáo các vi phạm đó thông qua các cơ chế và quy trình báo cáo đã được thiết lập.

## Khung thiết chế

Có bốn nhóm cơ quan quản lý nhà nước quan trọng ở cấp trung ương và địa phương chịu trách nhiệm xây dựng và thực thi pháp luật về bảo vệ môi trường. Các cơ quan này chịu trách nhiệm tổ chức, chỉ đạo thanh tra và kiểm tra bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật, bao gồm Bộ Tài Nguyên và Môi trường (cơ quan chịu trách nhiệm quản lý hành chính trong lĩnh vực môi trường), cơ quan quản lý về môi trường của các bộ có liên quan, Sở Tài Nguyên và Môi trường tại các tỉnh, và các cơ quan quản lý về môi trường khác ở các tỉnh và thành phố.

[hoi?.piref33\\_14725\\_33\\_14721\\_14721.strutsAction=ViewDetailAction.do&piref33\\_14725\\_33\\_14721\\_14721.docid=1995&piref33\\_14725\\_33\\_14721\\_14721.substract=](http://hoi?.piref33_14725_33_14721_14721.strutsAction=ViewDetailAction.do&piref33_14725_33_14721_14721.docid=1995&piref33_14725_33_14721_14721.substract=). Truy cập ngày 19/10/2019.

617 Quyết định 204/2006/QĐ-TTg ngày 02/9/2006 ban hành Chương trình hành động quốc gia chống sa mạc hóa giai đoạn 2006-2010 và định hướng đến năm 2020. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/tai-nguyen-moi-truong/Quyết-dinh-204-2006-QĐ-TTg-Chuong-trình-hành-dong-quốc-gia-chống-sa-mac-hoa-2006-2010-dinh-huong-den-2020-13791.aspx>. Truy cập ngày 19/10/2019.

618 Quyết định số 419/QĐ-TTg ngày 05/4/2017 phê duyệt Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng các - bon và quản lý bền vững tài nguyên rừng đến 2030 (REDD+) Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=2&Trang=1&mode=detail&document\\_id=189244](http://vanban.chinhphu.vn/portal/Trang/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&Trang=1&mode=detail&document_id=189244). Truy cập ngày 19/10/2019.

619 Viện Quản lý Châu Á - Thái Bình Dương và UNDP, 'Xung đột môi trường, tác động xã hội, và công lý môi trường ở Việt Nam: Nghiên cứu trường hợp, phân tích và ý nghĩa chính sách', (2018). Thông tin có tại: [https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/democratic\\_governance/environmental-disputes--social-changes--and-distributive-justice.html](https://www.vn.undp.org/content/vietnam/en/home/library/democratic_governance/environmental-disputes--social-changes--and-distributive-justice.html). Truy cập ngày 22/9/2019.

620 Xem thêm Nghị định 55/2016/NĐ-CP ngày 18/11/2016 quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Thông tin có tại hiện có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/vi-pham-hanh-chinh/Nghi-dinh-155-2016-NĐ-CP-quy-dinh-xu-phat-vi-pham-hanh-chinh-trong-lin.h-vuc-bao-ve-moi-truong-331295.aspx>. Truy cập ngày 17/9/2019.

Môi trường là một vấn đề liên ngành quan trọng, do đó nhiều bộ cũng có các cơ quan chuyên trách các vấn đề môi trường theo phân công nhiệm vụ như: Bộ Công an (Cục Cảnh sát phòng, chống tội phạm về môi trường, Viện Khoa học và Công nghệ); Bộ Công Thương (Cục Kỹ thuật an toàn và Môi trường công nghiệp); Bộ Giao thông Vận tải (Vụ Môi trường); Bộ Giáo dục và Đào tạo (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường); Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Vụ Khoa học, Giáo dục, Tài nguyên và Môi trường); Bộ Thông tin Truyền thông (Vụ Khoa học và Công nghệ); Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch (Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường); Bộ Xây dựng (Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường); Bộ Y tế (Cục Quản lý môi trường y tế). Để đáp ứng nhiệm vụ chống biến đổi khí hậu, Việt Nam đã thành lập Ủy ban quốc gia về biến đổi khí hậu năm 2012.<sup>621</sup> Ngoài Bộ Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì về biến đổi khí hậu, hầu hết các bộ, cơ quan liên quan và các tỉnh đã thành lập các cơ quan và đơn vị chuyên trách về biến đổi khí hậu. Theo Luật Bảo vệ môi trường 2014, Bộ trưởng Bộ Quốc phòng và Bộ trưởng Bộ Công an sẽ tổ chức và chỉ đạo điều tra, kiểm tra về bảo vệ môi trường đối với các cơ sở, dự án và công trình thuộc phạm vi bí mật nhà nước về quốc phòng, an ninh.<sup>622</sup>

## Khuyến nghị

1. Tăng cường các cơ chế tư pháp giải quyết các tranh chấp môi trường, bao gồm xây dựng các cơ chế giải quyết khiếu nại tập thể cho nạn nhân sau các sự cố, thảm họa môi trường.
2. Tăng cường khung pháp lý để đảm bảo cơ chế khắc phục cho nạn nhân của vi phạm môi trường và thực thi hiệu quả các biện pháp xử phạt chủ thể vi phạm.
3. Hỗ trợ giám sát hiệu quả các tác động môi trường do hoạt động kinh doanh thông qua thu thập và chia sẻ dữ liệu, bao gồm khuyến khích các doanh nghiệp tạo

các website thân thiện với người dùng hoặc các phương pháp khác công khai thông tin môi trường, đảm bảo tính minh bạch theo các quy định có liên quan của EVFTA và CPTPP.

4. Thúc đẩy sự tham gia của các cá nhân và các cộng đồng tại địa phương vào việc giám sát và báo cáo các hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến bảo vệ môi trường, bao gồm thông qua một cơ chế cho phép cộng đồng tiếp cận và chia sẻ thông tin về việc tuân thủ quy định môi trường của doanh nghiệp.
5. Đưa ra các biện pháp cần thiết để tăng cường sự tham gia của người dân vào DAG, bao gồm việc tạo ra một kênh hoặc nền tảng sử dụng các công nghệ mới.

Ngoài ra, trong chu kỳ UPR thứ ba vào năm 2019, UNHRC đã đưa ra năm khuyến nghị về quyền môi trường cho Việt Nam trong các lĩnh vực cụ thể sau:<sup>623</sup>

6. Tăng cường các nỗ lực giảm thiểu tác động tiêu cực của công nghiệp hóa lên môi trường và đảm bảo quyền được hưởng nước sạch.
7. Tiếp tục giải quyết nhu cầu của các nhóm dễ bị tổn thương, phụ nữ, trẻ em, NKT và các nhóm yếu thế trong quá trình thực hiện Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh giai đoạn 2016-2020 và Chương trình mục tiêu phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2016-2020.
8. Ưu tiên đầu tư vào tăng cường hiệu quả xử lý nước thải, chất thải sinh hoạt và công nghiệp để bảo vệ môi trường tốt hơn.
9. Thúc đẩy và tham gia các sáng kiến của LHQ, bao gồm UNHRC về chống biến đổi khí hậu.
10. Tăng cường phổ biến thông tin và nâng cao nhận thức cho toàn cộng đồng về tác động của biến đổi khí hậu cũng như các biện pháp giảm thiểu.

<sup>621</sup> Quyết định 43/QĐ-TTg ngày 09/1/2012 về việc thành lập Ủy ban Quốc gia về biến đổi khí hậu. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Quyết-dinh-43-QĐ-TTg-thành-lap-Uy-ban-Quoc-gia-bien-doi-khi-hau-135025.aspx>. Truy cập ngày 17/9/2019.

<sup>622</sup> Luật Bảo vệ môi trường 2014. Điều 159 (Ct. 195).

<sup>623</sup> UNHRC, 'Báo cáo UPR - Việt Nam', (2019). Khuyến nghị số 124, 136, 137, 138, và 238 (Ct. 420).



### 4.3 Bảo vệ người tiêu dùng

Người tiêu dùng đóng vai trò quan trọng trong nền kinh tế thị trường hiện đại vì họ là những người sử dụng hàng hóa và dịch vụ, qua đó thúc đẩy kinh doanh và tăng trưởng kinh tế. Bảo vệ người tiêu dùng đề cập đến các quy định pháp lý và các biện pháp khác bao gồm giáo dục hành vi tiêu dùng, vận động bảo vệ người tiêu dùng khi mua hàng hóa, dịch vụ, đảm bảo an toàn và phúc lợi của họ. Các doanh nghiệp có thể có tác động đáng kể đến hệ thống bảo vệ người tiêu dùng, cụ thể là, những sản phẩm và dịch vụ chất lượng kém sẽ ảnh hưởng đến sức khỏe và sự an toàn của người sử dụng. Theo đó, nếu người tiêu dùng không được bảo vệ sẽ ảnh hưởng đến nhiều quyền khác. Việc tôn trọng và bảo vệ quyền của người tiêu dùng là trách nhiệm chung của Chính phủ, doanh nghiệp và các tổ chức xã hội có liên quan. Điều này đòi hỏi Chính phủ cần có một khung pháp lý mạnh mẽ để bảo vệ quyền của người tiêu dùng.

#### Cam kết quốc tế

Các quy định và nguyên tắc bảo vệ người tiêu dùng được thể hiện trong một số tiêu chuẩn và điều ước quốc tế mà Việt Nam đã phê chuẩn. UDHR, mặc dù không trực tiếp giải quyết vấn đề bảo vệ người tiêu dùng nhưng ghi nhận: “Ai cũng có quyền được hưởng một mức sống thỏa đáng về phương diện sức khỏe và an lạc cho bản thân và gia đình.”<sup>624</sup> Điều này tương tự các nguyên tắc bảo vệ môi trường đã đề cập ở phần trước, theo đó đòi hỏi đánh giá tác động của những hành vi có thể ảnh hưởng đến sự an lành và sức khỏe con người và liên quan mật thiết đến việc bảo vệ người tiêu dùng. ICESCR có các điều khoản yêu cầu đáp ứng các tiêu chuẩn quan trọng để bảo vệ người tiêu dùng như quyền có đủ thực phẩm, quần áo và nhà ở, quyền được cải thiện điều kiện sống liên tục, quyền được chăm sóc sức khỏe và quyền giáo dục.<sup>625</sup>

Hướng dẫn quốc tế trực tiếp nhất về bảo vệ người tiêu dùng là Bộ hướng dẫn bảo vệ người tiêu dùng của LHQ (UNGCP), được

thông qua lần đầu tiên vào năm 1985, sau đó được Hội đồng Kinh tế và Xã hội của LHQ (ECOSOC) sửa đổi năm 1999. Bộ hướng dẫn nêu ra các đặc điểm chính của pháp luật bảo vệ người tiêu dùng, các thể chế thực thi và hệ thống khắc phục hiệu quả, đồng thời công nhận tám quyền và trách nhiệm cơ bản của người tiêu dùng.<sup>626</sup> Bộ Hướng dẫn nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản để bảo vệ hiệu quả quyền của người tiêu dùng, đề cao nội dung bảo vệ sức khỏe, từ đó nâng cao mức sống và phúc lợi của họ.

Các cam kết quốc tế về bảo vệ người tiêu dùng cũng được nhấn mạnh trong các SDG; theo đó, 17 SDG yêu cầu tiêu dùng bền vững và kêu gọi sự tham gia của người tiêu dùng có trách nhiệm và trao quyền cho người tiêu dùng nhằm đạt được một số chỉ tiêu phát triển bền vững. Cụ thể, bảo vệ người tiêu dùng được đề cập trong Mục tiêu 12 và 12.3 về Tiêu thụ và sản xuất có trách nhiệm và Mục tiêu 3 về Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi.<sup>627</sup>

Trong khu vực, Việt Nam là thành viên của Ủy ban Bảo vệ người tiêu dùng ASEAN (ACCP).<sup>628</sup> Vai trò chính của ACCP là đảm bảo các tiêu chuẩn tối thiểu về bảo vệ người tiêu dùng trong luật, quy định và chính sách được áp dụng ở tất cả các quốc gia thành viên ASEAN; tăng quyền tiếp cận thông tin cho người tiêu dùng; đảm bảo áp dụng các cơ chế thu hồi sản phẩm và bồi thường cho người tiêu dùng, và nâng cao năng lực thể chế cho các cơ quan bảo vệ người tiêu dùng. Trong khuôn khổ hoạt động của ACCP, Bộ nguyên tắc cấp cao và Kế hoạch hành động chiến lược ASEAN về Bảo vệ người tiêu dùng 2016-2025 đã được xây dựng để hướng dẫn các quốc gia thành viên, gồm Việt Nam, tiến hành các biện pháp hiệu quả để bảo vệ người tiêu dùng trong khu vực.<sup>629</sup>

<sup>626</sup> Hội nghị về Thương mại và phát triển LHQ (UNCTAD), 'Hướng dẫn của LHQ về Bảo vệ người tiêu dùng', (2016). Thông tin có tại: [https://unctad.org/en/PublicationsLibrary/ditccplp2016d1\\_en.pdf](https://unctad.org/en/PublicationsLibrary/ditccplp2016d1_en.pdf). Truy cập ngày 07/9/2019.

<sup>627</sup> UNCTAD, 'Đạt được các mục tiêu phát triển bền vững thông qua bảo vệ người tiêu dùng', (2017). Thông tin có tại: [https://unctad.org/en/PublicationsLibrary/ditccplp2017d2\\_en.pdf](https://unctad.org/en/PublicationsLibrary/ditccplp2017d2_en.pdf). Truy cập ngày 05/9/2019.

<sup>628</sup> Ủy ban ASEAN về Bảo vệ người tiêu dùng (ACCP), 'Bảo vệ người tiêu dùng ASEAN', (2017). Thông tin có tại: <https://aseanconsumer.org>. Truy cập ngày 07/9/2019

<sup>629</sup> ASEAN, Bộ nguyên tắc cấp cao ASEAN về Bảo vệ người tiêu dùng, (2017). Thông tin có tại: <https://aseanconsumer.org/terms-regional-cooperation-in-asean/asean-high-level-principles-on-con->

<sup>624</sup> UDHR. Điều 25.1 (Ct. 233).

<sup>625</sup> ICESCR. Điều 11, 12 và 13 (Ct. 236)

## Khung pháp lý

Khung pháp lý của Việt Nam về bảo vệ người tiêu dùng được quy định trong Hiến pháp, theo đó “nghiêm cấm các hành vi đe dọa cuộc sống, sức khỏe của người khác và cộng đồng.”<sup>630</sup> Văn bản pháp lý toàn diện nhất về bảo vệ quyền của người tiêu dùng tại Việt Nam là Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.<sup>631</sup> Luật quy định về quyền và nghĩa vụ của người tiêu dùng, trách nhiệm của tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ đối với người tiêu dùng, trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong việc tham gia bảo vệ quyền của người tiêu dùng, giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức, cá nhân kinh doanh hàng hóa, dịch vụ, và trách nhiệm quản lý nhà nước về bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.<sup>632</sup> Luật cũng công nhận người tiêu dùng có quyền được đảm bảo an toàn tính mạng, sức khỏe, tài sản, quyền được cung cấp thông tin chính xác, quyền lựa chọn hàng hóa hoặc dịch vụ, quyền được góp ý về chất lượng hàng hóa và dịch vụ, quyền được tham gia xây dựng và thực thi chính sách, pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, và quyền khiếu nại về hàng hóa và dịch vụ.<sup>633</sup> Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng quy định cơ chế giải quyết tranh chấp giữa người tiêu dùng và tổ chức kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thông qua thương lượng, hòa giải, trọng tài và tòa án. Tuy nhiên, việc thực thi hiệu quả quyền của người tiêu dùng vẫn còn là một thách thức.<sup>634</sup>

Bên cạnh đó, việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng cũng được ghi nhận trong nhiều văn bản pháp luật khác, như Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Hình sự 2015, Luật Thương mại 2005, Luật Cạnh tranh 2018, Luật Bảo vệ môi trường 2014, Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa 2007, Luật An toàn thực phẩm 2010, Luật Quảng cáo 2012 và Luật

Doanh nghiệp 2014 và 2020. Theo Luật Doanh nghiệp, một trong số các nghĩa vụ của doanh nghiệp là “bảo đảm và chịu trách nhiệm về chất lượng hàng hóa, dịch vụ theo tiêu chuẩn do pháp luật quy định hoặc tiêu chuẩn đã đăng ký hoặc công bố.”<sup>635</sup> Theo Luật Doanh nghiệp, doanh nghiệp cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ công ích có thêm nghĩa vụ “cung ứng sản phẩm, dịch vụ đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định,” “bảo đảm các điều kiện công bằng và thuận lợi cho khách hàng,” và “chịu trách nhiệm trước pháp luật và khách hàng về số lượng, chất lượng, điều kiện cung ứng và giá, phí sản phẩm, dịch vụ cung ứng.”<sup>636</sup> Luật Thương mại yêu cầu thực hiện đầy đủ nguyên tắc bảo vệ lợi ích hợp pháp của người tiêu dùng và “nghĩa vụ thông tin đầy đủ, trung thực cho người tiêu dùng về hàng hoá và dịch vụ mà mình kinh doanh và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác của các thông tin đó” và “chịu trách nhiệm về chất lượng, tính hợp pháp của hàng hoá, dịch vụ mà mình kinh doanh” khi thực hiện hoạt động thương mại.<sup>637</sup> Năm 2019, trước đòi hỏi ngày càng cao về việc bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng, Ban Bí thư Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam đã ban hành Chỉ thị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm quản lý của Nhà nước đối với công tác bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng.<sup>638</sup> Chủ trương này khẳng định tầm quan trọng của việc bảo vệ người tiêu dùng và vai trò chủ chốt của tất cả các cấp và các tổ chức trong hệ thống chính trị chịu trách nhiệm bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

## Khung thiết chế

Tại Việt Nam, cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm quản lý quyền lợi người tiêu dùng là Ủy ban Cạnh tranh Quốc gia trên cơ sở hợp nhất hai cơ quan trước đây là Cục Cạnh

sumer-protection. Truy cập ngày 07/9/2019; Chiến lược hành động chiến lược của ASEAN về bảo vệ người tiêu dùng (ASAPCP) 2016 - 2025. Thông tin có tại: <https://aseanconsumer.org/cterms-regional-cooperation-in-asean/asean-strategic-action-plan-on-consumer-protection-asapcp-2016-2025>. Truy cập ngày 07/9/2019

630 Hiến pháp Việt Nam. Điều 38 (Ct. 60).

631 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010, Luật số 59/2010/QH12. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbqp-toan-van.aspx?ItemID=26356&Keyword=>. Truy cập ngày 07/9/2019.

632 Nt. Điều 1.9.

633 Nt. Điều 8.

634 Nt. Điều 30-46.

635 Luật Doanh nghiệp 2014; Luật Doanh nghiệp 2020 (Ct. 63).

636 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 8; Luật Doanh nghiệp 2020, Điều 9 (Ct. 63).

637 Luật Thương mại 2005, Luật số 36/2005/QH11. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqp-thuoc tinh.aspx?ItemID=26117>. Truy cập ngày 07/9/2019. Điều 14.

638 Chỉ thị 30-CT/TW ngày 22/01/2019 ngày 22/01/2019 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng. Thông tin có tại: <https://mt.gov.vn/vn/tin-tuc/59893/tang-cuong-su-lanh-dao-cua-dang-doi-voi-cong-tac-bao-ve-quyen-loi-nguoi-tieu-dung.aspx>. Truy cập ngày 07/9/2019.

tranh và Bảo vệ người tiêu dùng và Hội đồng Cạnh tranh, thuộc Bộ Công thương. Đây là cơ quan do Chính phủ thành lập, chịu trách nhiệm hoạch định chính sách và điều phối sự kết hợp giữa các bộ ban ngành trong lĩnh vực bảo vệ người tiêu dùng. Cơ quan này còn có nhiệm vụ tiếp nhận và hòa giải các khiếu nại của người tiêu dùng, áp dụng các biện pháp xử phạt hành chính đối với các hành vi vi phạm pháp luật, điều chỉnh các hợp đồng tiêu chuẩn và các điều kiện giao dịch chung liên quan đến bảo vệ người tiêu dùng, và giáo dục cộng đồng và nâng cao nhận thức của người tiêu dùng.<sup>639</sup> Ngoài ra, các Sở Công thương địa phương có trách nhiệm thực thi pháp luật về bảo vệ người tiêu dùng.

Tổ chức hoạt động vì người tiêu dùng nổi bật nhất là Hội Tiêu chuẩn và Bảo vệ Người Tiêu dùng Việt Nam (VINASTAS). Đây là một tổ chức xã hội - nghề nghiệp, phi lợi nhuận với sứ mệnh thúc đẩy và bảo vệ quyền của người tiêu dùng. Hội có nhiệm vụ hỗ trợ người tiêu dùng thực hiện các khiếu nại, tuy nhiên, cho tới nay việc thực hiện hiệu quả vai trò này vẫn còn nhiều thách thức.

### Khuyến nghị

1. Thúc đẩy và đảm bảo thực thi hiệu quả Hướng dẫn của LHQ về Bảo vệ người tiêu dùng 2015.
2. Đảm bảo lồng ghép hiệu quả Các nguyên tắc cấp cao ASEAN về Bảo vệ người tiêu dùng và Kế hoạch hành động chiến lược ASEAN về Bảo vệ người tiêu dùng 2016-2025 vào luật pháp Việt Nam.
3. Củng cố khuôn khổ pháp lý về xử lý khiếu nại cho người tiêu dùng, bao gồm hỗ trợ và đại diện người tiêu dùng, đồng thời đưa ra các quy định về hành vi khiếu nại tập thể liên quan đến bảo vệ người tiêu dùng.
4. Tăng hiệu quả của cơ chế hòa giải tranh chấp giữa người tiêu dùng và doanh nghiệp thông qua Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010.

5. Xây dựng các chính sách nâng cao nhận thức và các chương trình phổ biến thông tin cho người tiêu dùng về các quyền của họ.

### 4.4. Phòng chống tham nhũng

Các hành vi tham nhũng của doanh nghiệp có thể tác động đáng kể đến môi trường và xã hội. LHQ ngày càng thừa nhận mối liên hệ giữa tham nhũng và quyền con người.<sup>640</sup> Năm 2020, UNWG đã công bố báo cáo về ‘Liên kết doanh nghiệp và quyền con người và chương trình nghị sự chống tham nhũng.’ Báo cáo đã khảo sát và khẳng định mối liên hệ chặt chẽ giữa tham nhũng với quyền và lợi ích của các cá nhân trong việc thụ hưởng quyền con người, đồng thời nghiên cứu các thực hành tốt mà các quốc gia, doanh nghiệp, và các tổ chức liên quan có thể thực hiện để giải quyết tác động tiêu cực của tham nhũng lên các cá nhân này.<sup>641</sup> Nội dung dưới đây nghiên cứu mối liên hệ này trong khuôn khổ pháp lý của Việt Nam, trong bối cảnh xây dựng một môi trường thúc đẩy quản trị doanh nghiệp có trách nhiệm và liêm chính hơn.

Phần này sử dụng định nghĩa về các hành vi tham nhũng khác nhau theo Công ước về Chống tham nhũng của LHQ (UNCAC).

### Cam kết quốc tế

Điều ước quốc tế duy nhất có tính ràng buộc pháp lý về chống tham nhũng là UNCAC, có hiệu lực năm 2005.<sup>642</sup> Chính phủ Việt Nam đã phê chuẩn UNCAC vào năm 2009<sup>643</sup> Mặc dù UNCAC chỉ quy định nghĩa vụ pháp lý đối với các quốc gia thành viên, trên thực tế UNCAC được thiết kế để phòng chống tham nhũng của các tổ chức nhà nước và doanh

<sup>640</sup> UNHRC, Kỳ họp thứ 41, ‘Tác động tiêu cực của tham nhũng đến việc thụ hưởng quyền con người’, Nghị quyết 41/9. Thông tin có tại: [https://ap.ohchr.org/documents/dpage\\_e.aspx?si=A/HRC/41/L.11](https://ap.ohchr.org/documents/dpage_e.aspx?si=A/HRC/41/L.11). Truy cập ngày 28/5/2020.

<sup>641</sup> UNHRC, Kỳ họp thứ 44, ‘Các chương trình nghị sự kết nối kinh doanh và nhân quyền và phòng chống tham nhũng’, Nghị quyết số 44/43. Thông tin có tại: [https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Business/A\\_HRC\\_44\\_43\\_AdvanceEditedVersion.pdf](https://www.ohchr.org/Documents/Issues/Business/A_HRC_44_43_AdvanceEditedVersion.pdf). Truy cập ngày 14/7/2020.

<sup>642</sup> LHQ, ‘Công ước LHQ về Chống tham nhũng’ (UNCAC), (2003). Thông tin có tại: [https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/tools\\_and\\_publications/UN-convention-against-corruption.html](https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/tools_and_publications/UN-convention-against-corruption.html). Truy cập ngày 28/5/2020.

<sup>643</sup> Nt.

<sup>639</sup> Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010. Điều 48 (Ct. 631).

nghiệp, do đó bao gồm một số điều khoản về tham nhũng trong doanh nghiệp. Theo đó, các quốc gia thành viên cần tiến hành những biện pháp nhằm “phòng ngừa tham nhũng liên quan đến khu vực tư,” “tăng cường các tiêu chuẩn kế toán và kiểm toán trong khu vực tư,” và khi thích hợp, ban hành “những chế tài dân sự, hành chính hoặc hình sự hiệu quả tương xứng.”<sup>644</sup> UNCAC đưa ra một số biện pháp khuyến khích các quốc gia thành viên thực hiện chống tham nhũng trong khu vực tư nhân, bao gồm xây dựng các tiêu chuẩn bảo vệ sự liêm chính của doanh nghiệp như quy tắc ứng xử, ngăn chặn lạm dụng các thủ tục quản lý các doanh nghiệp.<sup>645</sup>

UNCAC quy định một số điều khoản bắt buộc yêu cầu các quốc gia thành viên hình sự hóa các hành vi tham nhũng, bao gồm tham nhũng tại doanh nghiệp. Công ước bao gồm những quy định tập trung vào hối lộ trong khu vực tư, tuy nhiên lại không mang tính ràng buộc, do vậy “mỗi quốc gia thành viên phải cân nhắc áp dụng.”<sup>646</sup> Một trong những điều khoản không bắt buộc của UNCAC là kêu gọi các quốc gia thành viên xem xét hình sự hóa hành vi hối lộ công chức nhà nước hoặc cá nhân khác nhằm dùng ảnh hưởng của họ để được cơ quan công quyền ưu tiên không chính đáng, hoặc can thiệp vào kinh doanh, đồng thời kêu gọi các quốc gia thành viên xem xét hình sự hóa hành vi tham ô tài sản của người làm trong khu vực tư đối với “tài sản, quỹ tư hoặc chứng khoán hoặc bất kỳ thứ gì khác có giá trị mà người này được giao quản lý do vị trí của mình.”<sup>647</sup> Mặc dù liên quan đặc biệt đến các doanh nghiệp trong lĩnh vực tài chính, UNCAC kêu gọi các quốc gia quy định bắt buộc việc rửa tiền là một tội hình sự<sup>648</sup> và áp dụng với tất cả doanh nghiệp. Liên quan đến ‘trách nhiệm của pháp nhân’, UNCAC yêu cầu các quốc gia thành viên thực hiện bắt buộc việc quy định trách nhiệm đối với các hành vi tham nhũng không chỉ với cá nhân mà cả với các doanh nghiệp.<sup>649</sup>

644 Nt. Điều 12.1.

645 Nt. Điều 12.2.

646 Nt. Điều 21.

647 Nt. Điều 18 và 22.

648 Nt. Điều 23.

649 Nt. Điều 26.

Như đã đề cập ở trên, tham nhũng trong kinh doanh có thể có tác động đáng kể đến việc thụ hưởng nhiều quyền, như việc được cấp giấy phép và hưởng hỗ trợ sau khi hối lộ, hoặc bán hàng giả. Do đó, tham nhũng là một vấn đề xuyên suốt ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiều nguyên tắc của UNGP, một ví dụ cụ thể là tham nhũng trong lĩnh vực tư pháp gây khó khăn cho các nạn nhân trong việc tiếp cận các biện pháp khắc phục.<sup>650</sup>

Tầm quan trọng của việc chống tham nhũng để đảm bảo sự phát triển bền vững được nêu rõ trong SDG số 16. Theo đó, Mục tiêu 16.5 kêu gọi các quốc gia giảm đáng kể tham nhũng và hối lộ dưới mọi hình thức. Mục tiêu 16.4 nhằm giảm các dòng tài chính bất hợp pháp, trong khi Mục tiêu 16.6 và 16.7 nhằm mục đích xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và minh bạch, đồng thời thúc đẩy quá trình ra quyết định đầy đủ và có sự tham gia và đại diện của các bên.<sup>651</sup>

#### • *Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - Liên minh Châu Âu*

Hiệp định bao gồm nhiều điều khoản thúc đẩy minh bạch và hỗ trợ phòng chống tham nhũng, theo đó đảm bảo thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Liên quan cụ thể đến doanh nghiệp, Chương 11 cho phép các bên “với lý do hợp lý tin rằng lợi ích của mình theo Chương này bị ảnh hưởng bất lợi do hoạt động thương mại của một doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp được cấp đặc quyền hoặc ưu đãi đặc biệt, hoặc doanh nghiệp độc quyền chỉ định của Bên kia thì có thể gửi văn bản yêu cầu Bên kia cung cấp các thông tin về hoạt động của doanh nghiệp,” từ đó đảm bảo tính minh bạch của các hoạt động này.<sup>652</sup> Chương 4 về Hải quan và Tạo thuận lợi thương mại kêu gọi các bên thiết lập một quy trình hải quan đơn giản mà “minh bạch, hiệu quả để giảm chi phí và tăng tính dự đoán cho các chủ thể kinh tế.”<sup>653</sup> Chương 5 về Hàng rào kỹ thuật đối với thương mại tiếp tục kêu gọi các bên đảm bảo minh bạch liên quan đến “xây dựng, ban hành và áp dụng

650 UNGP. Bình luận Nguyên tắc 26 (Ct. 2).

651 LHQ, ‘SDG’ (Ct. 34).

652 EVFTA. Điều 11.6 (Ct. 28).

653 Nt. Điều 4.5 (Ct. 28)

các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và quy trình đánh giá sự phù hợp.”<sup>654</sup>

- **Hiệp định đối tác Tiến bộ và Toàn diện xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)**

Bằng việc gia nhập CPTPP, Việt Nam đã tái khẳng định “quyết tâm loại trừ hối lộ và tham nhũng trong thương mại và đầu tư quốc tế,” và thừa nhận nhu cầu xây dựng liêm chính trong cả khu vực công và tư.<sup>655</sup> Cụ thể, CPTPP yêu cầu Việt Nam “thông qua hoặc duy trì các quy định pháp luật và các biện pháp khác nhằm cấu thành tội phạm hình sự khi cần thiết” với các hành vi hối lộ và tham nhũng.<sup>656</sup> Việt Nam cũng được yêu cầu thúc đẩy sự tham gia tích cực của doanh nghiệp và các tổ chức phi chính phủ “nhằm ngăn ngừa và chống tham nhũng trong các vấn đề ảnh hưởng đến thương mại hoặc đầu tư quốc tế, và nâng cao nhận thức của công chúng đối với sự tồn tại, các nguyên nhân và mức độ nghiêm trọng và đe dọa do tham nhũng gây ra.”<sup>657</sup> Thêm vào đó, CPTPP yêu cầu Việt Nam khuyến khích các doanh nghiệp tư nhân “xây dựng và áp dụng các kiểm soát kiểm toán nội bộ đầy đủ để hỗ trợ việc ngăn ngừa và phát hiện các hành vi tham nhũng trong các vấn đề ảnh hưởng thương mại hoặc đầu tư quốc tế... và... đảm bảo các tài khoản và báo cáo tài chính bắt buộc của các doanh nghiệp tư nhân phải tuân thủ các thủ tục kiểm toán và chứng nhận phù hợp.”<sup>658</sup> CPTPP cũng tiếp tục yêu cầu Việt Nam “áp dụng các biện pháp phù hợp nhằm đảm bảo các cơ quan chống tham nhũng liên quan được công chúng biết đến và tạo cơ hội cho công chúng tiếp cận các cơ quan này, nếu thích hợp, để tố cáo, kể cả tố cáo ẩn danh, về bất kỳ vụ việc nào mà có thể xem xét cấu thành” hành vi tham nhũng.<sup>659</sup>

## Khung pháp lý

Theo Hiến pháp, Chính phủ có nhiệm vụ “phòng, chống quan liêu, tham nhũng trong bộ máy nhà nước.”<sup>660</sup>

654 Nt. Điều 5.7.

655 CPTPP. Điều 26.6. (Ct. 29)

656 Nt.

657 Nt. Điều 26.10.

658 Nt.

659 Nt.

660 Hiến pháp Việt Nam. Điều 96 (Ct. 60)

Luật Phòng, chống tham nhũng được Quốc hội thông qua năm 2018, chính thức có hiệu lực vào ngày 1/7/2019, thay thế cho Luật Phòng, chống tham nhũng 2005.<sup>661</sup> Lần đầu tiên, Luật có quy định liên quan đến phòng chống tham nhũng trong khu vực tư nhân.<sup>662</sup> Cụ thể, Chương VI thúc đẩy minh bạch và văn hóa kinh doanh liêm chính bằng cách khuyến khích liêm chính trong khu vực tư nhân. Mục 2 Chương VI cũng giải thích cách thức áp dụng Luật phòng, chống tham nhũng cho các doanh nghiệp cụ thể. Theo đó, các công ty đại chúng và tổ chức tín dụng phải công bố thông tin, kiểm soát xung đột lợi ích và công khai trách nhiệm của người đứng đầu và người đại diện.<sup>663</sup> Theo Luật, các công ty và tổ chức này chịu sự kiểm tra thi hành luật chống tham nhũng của các cơ quan hữu quan, bao gồm Thanh tra Chính phủ, Thanh tra Bộ và Thanh tra tỉnh.<sup>664</sup> Luật cũng quy định trách nhiệm của các công ty và tổ chức trong việc phát hiện, giải quyết, báo cáo các trường hợp tham nhũng xảy ra trong phạm vi tổ chức của họ.<sup>665</sup>

Nghị định 59/2019/NĐ-CP quy định các điều khoản cụ thể hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, với Chương 7 tập trung điều chỉnh công ty đại chúng và các tổ chức tín dụng.<sup>666</sup> Nghị định này cũng yêu cầu các công ty đại chúng và tổ chức tín dụng chủ động thực hiện các biện pháp phòng chống, kể cả tập huấn cho người lao động về vấn đề này, xây dựng bộ quy tắc ứng xử và giám sát, xử lý và báo cáo các trường hợp xung đột lợi ích.<sup>667</sup> Một số yêu cầu khác được đặt ra đối với công ty đại chúng và các tổ chức tín dụng nhằm đảm bảo tính minh bạch khi phát hiện hành vi tham nhũng.<sup>668</sup> Trong trường hợp các chủ thể này không thể tuân thủ, cơ quan có thẩm quyền sẽ tiến hành thủ tục kiểm tra nhằm xử lý hành vi

661 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018, Luật số 36/2018/QH14. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=137284>. Truy cập ngày 28/5/2020.

662 Nt. Chương VI.

663 Nt. Điều 80.

664 Nt. Điều 81.

665 Nt. Điều 82.

666 Nghị định 59/2019/NĐ-CP ngày 01/7/2019 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/thanhtrachinhphu/Pages/vbqpq-van-ban-goc.aspx?ItemID=136305&dvid=327>. Truy cập ngày 27/9/2020.

667 Nt. Điều 54.

668 Nt. Điều 53.

tham nhũng, nếu có.<sup>669</sup> Nghị định cũng cho phép các doanh nghiệp quy định và xử lý trách nhiệm đối với người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu trong doanh nghiệp đó khi họ để xảy ra tham nhũng.<sup>670</sup>

Luật Phòng, chống tham nhũng đã bổ sung quy định hình sự hóa một số hành vi tham nhũng nhất định, phù hợp với các nghĩa vụ bắt buộc của UNCAC, trong đó có việc mở rộng định nghĩa tội lạm dụng chức vụ, quyền hạn bao gồm cả các vi phạm của khu vực tư nhân. Bộ luật Hình sự (2015) đã quy định hình sự hóa các hành vi tham nhũng có liên quan đến doanh nghiệp, bao gồm: Tội tham ô,<sup>671</sup> tội nhận hối lộ.<sup>672</sup> Luật Phòng, chống tham nhũng và Nghị định 59/2019/NĐ-CP được thông qua đã tăng cường sự liên kết giữa khuôn khổ pháp lý của Việt Nam với các cam kết quốc tế, bằng việc đưa ra một số điều khoản quan trọng, đặc biệt liên quan đến chống tham nhũng trong khu vực tư nhân. Mặc dù có những cải tiến, khung pháp lý vẫn chưa có các cơ chế mạnh mẽ để thực thi. Để đảm bảo sự minh bạch về thực thi pháp luật phòng chống tham nhũng với doanh nghiệp và chính phủ, điều thiết yếu cần có các văn bản chi tiết hướng dẫn thi hành bao gồm bộ công cụ và các tài liệu tham khảo tương tự. Thêm vào đó, Việt Nam vừa thực hiện đánh giá lần thứ hai trong khuôn khổ UNCAC vào năm 2020.<sup>673</sup> Khuyến nghị trong lần đánh giá UNCAC lần thứ hai cần được thực hiện thông qua việc ban hành bổ sung các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng.

## Khung thiết chế

Luật Phòng, chống tham nhũng quy định Chính phủ có trách nhiệm quản lý nhà nước về chống tham nhũng tại Việt Nam. Thanh tra Chính Phủ là cơ quan đầu mối thực hiện chức năng quản lý nhà nước về phòng, chống tham nhũng trong cả khu vực công và tư. Thanh tra Chính Phủ là cơ quan đầu mối hỗ trợ Chính phủ thực hiện quản lý nhà

nước về phòng chống tham nhũng và có trách nhiệm sau đây: Ban hành và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về phòng, chống tham nhũng; thanh tra, kiểm tra công tác phòng chống tham nhũng; tổ chức, chỉ đạo, hướng dẫn công tác thanh tra việc thực hiện pháp luật về phòng, chống tham nhũng; bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ làm công tác phòng, chống tham nhũng. Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, có trách nhiệm tổ chức hoạt động điều tra tội phạm tham nhũng.<sup>674</sup> Ủy ban nhân dân tất cả các cấp chịu trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng; tổ chức thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo về phòng, chống tham nhũng, và báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp về công tác phòng, chống tham nhũng.<sup>675</sup> Luật quy định trách nhiệm của Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, bao gồm điều tra, truy tố, xét xử tội phạm về tham nhũng, và quy định “kiểm toán nhà nước có trách nhiệm kiểm toán nhằm phòng ngừa, phát hiện tham nhũng, kiểm toán vụ việc có dấu hiệu tham nhũng theo quy định của pháp luật.”<sup>676</sup>

## Khuyến nghị

1. Đảm bảo phổ biến hiệu quả Luật Phòng, chống tham nhũng và các văn bản hướng dẫn liên quan hiện có, nâng cao nhận thức về các quy định và cơ chế có liên quan đối với các tổ chức công, doanh nghiệp và người dân.
2. Xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, bao gồm các nghị định và thông tư và bộ công cụ thực thi, đặc biệt là hướng đến hỗ trợ các doanh nghiệp hưởng ứng và thực thi Luật.
3. Đánh giá sự phù hợp của Luật Phòng, chống tham nhũng với các cam kết của Việt Nam theo UNCAC; thực hiện các biện pháp chính sách và pháp lý để tăng cường sự tuân thủ, hướng tới kỳ đánh giá UNCAC tiếp theo.

669 Nt. Chương VII, Mục 2.

670 Nt. Điều 55.

671 Bộ luật Hình sự 2015. Điều 353 (Ct. 460).

672 Nt. Điều 354.

673 Văn phòng LHQ về Chống ma túy và tội phạm, 'Đánh giá cơ chế thi hành: So sánh giữa các quốc gia trong các lần đánh giá (Lần thứ 2)'. Thông tin có tại: <https://www.unodc.org/unodc/en/corruption/implementation-review-mechanism.html>. Truy cập ngày 22/9/2020.

674 Luật Phòng, chống tham nhũng 2018. Điều 84 (Ct. 661).

675 Nt. Điều 85.

676 Nt. Điều 86 và 87.

4. Triển khai chương trình nâng cao năng lực cho các cơ quan chủ chốt thực hiện và giám sát thi hành Luật Phòng, chống tham nhũng, bao gồm Thanh tra Chính phủ, cơ quan tư pháp xử lý tội phạm tham nhũng và các doanh nghiệp.
5. Tiếp tục đảm bảo thực thi đầy đủ các điều khoản liên quan đến minh bạch và phòng chống tham nhũng của CPTPP và EVFTA.

## 4.5 Sự tham gia của cộng đồng

Sự tham gia của cộng đồng là quá trình thúc đẩy chia sẻ thông tin, tương tác, tham gia và trao đổi giữa một tổ chức và cộng đồng nhằm đạt được các kết quả xã hội và tổ chức.<sup>677</sup> Mục tiêu chính khi thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng là nâng cao tính hiệu quả, minh bạch và sự tham chính của họ vào việc đưa ra quyết định ảnh hưởng tới cộng đồng đó. Cộng đồng có thể tham gia theo nhiều hình thức như báo cáo, tham vấn và tham gia. Việc các cá nhân và cộng đồng chịu ảnh hưởng không được tham gia trong những vấn đề tác động trực tiếp đến cuộc sống của họ có thể dẫn tới những xung đột giữa cộng đồng và doanh nghiệp. Nội dung dưới đây sẽ tìm hiểu sự tham gia của cộng đồng trong hoạt động của doanh nghiệp và cách doanh nghiệp gắn kết với cộng đồng.

Sự gắn kết của doanh nghiệp với cộng đồng đề cập đến các hoạt động do doanh nghiệp thực hiện nhằm củng cố quan hệ và đóng góp vào phúc lợi của cộng đồng nơi doanh nghiệp hiện diện hoặc có ảnh hưởng. Sự gắn kết với cộng đồng đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp vì đây được xem là một phần cốt yếu trong trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, thể hiện ở việc chia sẻ thông tin với cộng đồng bị ảnh hưởng, từ đó ngăn ngừa, giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn. Ở một số quốc gia, pháp luật trong nước quy định những trường hợp cụ thể cần có sự tham gia của cộng đồng như khi thực hiện quy hoạch các dự án phát triển hoặc xây dựng trọng yếu tác động trực tiếp đến các cộng đồng trong khu vực. Phương pháp tiếp cận với cộng đồng có hiệu quả và

áp dụng nguyên tắc Đồng thuận dựa trên cơ sở tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC). Nguyên tắc này là công cụ cơ bản để đảm bảo quyền tự quyết, quyền liên quan đến đất đai, lãnh thổ và tài nguyên thiên nhiên, quyền văn hóa và quyền không bị phân biệt chủng tộc được bảo vệ và tôn trọng. Nguyên tắc này giúp thiết lập một quy trình tham gia và tham vấn cộng đồng từ dưới lên trước khi bắt đầu một dự án phát triển hoặc dự án kinh doanh.<sup>678</sup>

## Cam kết quốc tế

Nhiều văn kiện quốc tế đã đề cập đến việc tham gia đầy đủ và hiệu quả của các bên liên quan, đặc biệt là cộng đồng địa phương. Cam kết quốc tế của Việt Nam về sự tham gia của cộng đồng được ghi nhận tại Điều khoản chung thứ nhất về quyền tự quyết theo ICCPR<sup>679</sup> và ICESCR.<sup>680</sup>

Công ước về Đa dạng sinh học (1992) mà Việt Nam là thành viên, quy định “sự tiếp cận nguồn gen phải được sự ưng thuận trước của Bên ký kết cung cấp nguồn gen đó, trừ khi có sự ấn định khác của Bên đó.”<sup>681</sup> Tuyên ngôn của LHQ về Quyền của người bản địa (2007) yêu cầu các Nhà nước nên tham vấn và hợp tác trên cơ sở tin cậy lẫn nhau với người dân bản địa có liên quan thông qua các thiết chế đại diện của họ nhằm đạt được sự chấp thuận một cách tự do và thỏa đáng trước khi quyết định và thực hiện bất kỳ một điều khoản pháp lý hay hành chính nào có thể ảnh hưởng đến họ.<sup>682</sup> Không một hình thức tái định cư nào được phép diễn ra mà không có sự chấp thuận trước, tự do và thỏa đáng của người dân bản địa có liên quan, và sau khi có thỏa thuận đền bù hợp lý, công bằng và khi có thể họ có thể lựa chọn quay trở lại.<sup>683</sup>

678 Thu Pham T., Christophe Castella J., Lestrelin G., Mertz O., Ngoc Le D., Moeliono M., Quang Nguyen T., Thi Vu H., và Nguyen T.D., ‘Áp dụng Đồng thuận dựa trên cơ sở tự nguyện, báo trước và được cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC) tại địa phương của REDD+: Bài học từ ba thử nghiệm tại Việt Nam’, (2015). Tập 6(7). Trang 2405-2423.

679 ICCPR. Điều 27 (Ct. 237).

680 ICESCR. Điều 15 (Ct. 236).

681 LHQ, ‘Công ước về Đa dạng sinh học’. Điều 15 (Ct. 563).

682 LHQ, ‘Tuyên ngôn của LHQ về Quyền của người bản địa’, (2007). Thông tin có tại: [https://www.un.org/development/desa/indigenouspeoples/wp-content/uploads/sites/19/2018/11/UN-DRIP\\_E\\_web.pdf](https://www.un.org/development/desa/indigenouspeoples/wp-content/uploads/sites/19/2018/11/UN-DRIP_E_web.pdf). Truy cập ngày 15/12/2019. Điều 19.

683 Nt.

677 Johnston, K. A., ‘Hướng đến học thuyết sự tham gia của xã hội’, Số tay về giao tiếp tương tác, (2018). Trang 19-32.

UNGP nhấn mạnh trách nhiệm tìm hiểu mối quan ngại của các bên có thể bị tác động thông qua tham vấn trực tiếp với họ, cần lưu ý đến rào cản ngôn ngữ và các rào cản khác để đảm bảo có sự tham gia hiệu quả.<sup>684</sup> Chương trình Giảm phát thải từ nỗ lực giảm phá rừng và suy thoái rừng của LHQ (UN-REDD) cũng cung cấp hướng dẫn về cách thực hiện và đạt được đồng thuận dựa trên nguyên tắc FPIC khi thực hiện các cam kết giảm phát thải do phá rừng và suy thoái rừng.<sup>685</sup>

Vấn đề tham gia của cộng đồng được đề cập trong các Hiệp ước của ILO tại các nội dung liên quan đến phân biệt đối xử. Ủy ban chuyên gia của ILO về Áp dụng các công ước và khuyến nghị (CEACR) đã yêu cầu Chính phủ có trách nhiệm cung cấp thông tin các biện pháp tham vấn các nhóm có liên quan khi xây dựng và thực hiện các chương trình, chính sách có tác động đến các nhóm dân tộc thiểu số.<sup>686</sup> Cam kết của Việt Nam về đảm bảo sự tham gia của cộng đồng địa phương cũng được ghi nhận trong các hiệp định thương mại quốc tế. Quy định về thương mại và đa dạng sinh học của CPTPP thừa nhận tầm quan trọng của việc tôn trọng, giữ gìn và duy trì kiến thức và thực tiễn hoạt động của các cộng đồng bản địa và địa phương với lối sống truyền thống góp phần vào việc bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.<sup>687</sup>

Chương trình nghị sự 2030 của LHQ đã nêu bật tầm quan trọng của việc đảm bảo sự tham gia mạnh mẽ hơn của các bên liên quan trong quá trình ra quyết định, thể hiện tại Mục tiêu số 16. Theo đó, Mục tiêu 16.7 đặc biệt kêu gọi “đảm bảo quá trình ra quyết định mang tính phản hồi, bao trùm, có sự tham gia của người dân và có sự tham gia của đại diện ở tất cả các cấp.”<sup>688</sup>

684 UNGP. Bình luận Nguyên tắc 17 (Ct. 2).

685 Chương trình UN-REDD Hướng dẫn quy trình Đồng thuận dựa trên cơ sở tự nguyện, bảo trước và được cung cấp thông tin đầy đủ (FPIC), 2013. Thông tin có tại: <https://www.uncclearn.org/sites/default/files/inventory/un-redd05.pdf>. Truy cập ngày 22/9/2019.

686 Văn phòng Lao động quốc tế Geneva, ‘Báo cáo của Ủy ban Chuyên gia trong việc áp dụng các Công ước và Khuyến nghị (Phần 1A)’, (2017). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed\\_norm/---relconf/documents/meetingdocument/wcms\\_123424.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_norm/---relconf/documents/meetingdocument/wcms_123424.pdf). Truy cập ngày 04/12/2019. Trang 467.

687 CPTPP. Điều 20.13 (Ct. 29).

688 LHQ, ‘SDG’ (Ct. 34).

## Khung pháp lý

Sự tham gia của người dân vào quản lý nhà nước và giám sát việc thực thi pháp luật là một trụ cột quan trọng của nền dân chủ và quản trị công hiệu quả. Hiến pháp ghi nhận “công dân có quyền tham gia quản lý nhà nước và xã hội, tham gia thảo luận và kiến nghị với cơ quan nhà nước về các vấn đề của cơ sở, địa phương và cả nước. Nhà nước tạo điều kiện để công dân tham gia quản lý nhà nước và xã hội; công khai, minh bạch trong việc tiếp nhận, phản hồi ý kiến, kiến nghị của công dân.”<sup>689</sup> Sự cần thiết của sự tham gia của người dân và cộng đồng được đề ra trong một số quy định pháp luật, bao gồm: Luật Đất đai 2013, Luật Quy hoạch 2017, Luật Bảo vệ môi trường 2014 và Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam 2015. Luật Đất đai yêu cầu phải tham vấn với người dân trong quá trình xây dựng quy hoạch tổng thể về đất đai, kế hoạch sử dụng đất, thu hồi đất, đánh giá bồi thường, hỗ trợ và cung cấp phương án tái định cư cho những cộng đồng bị di dời.<sup>690</sup> Các quy định cụ thể về giám sát quản lý đất đai, thiết lập hệ thống kiểm tra, đánh giá trong quản lý và sử dụng đất đai ở cấp quốc gia và địa phương cũng được đề cập.<sup>691</sup> Luật Quy hoạch đã công nhận một trong các nguyên tắc quan trọng của hoạt động quy hoạch là đảm bảo sự tham gia và giám sát của các tổ chức, cộng đồng và cá nhân vào quá trình quy hoạch.<sup>692</sup> Luật Bảo vệ môi trường 2014 khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho mọi tổ chức, cộng đồng, hộ gia đình và cá nhân tham gia vào các hoạt động bảo vệ môi trường.<sup>693</sup>

Mặc dù một số luật đã quy định về quyền tham gia của người dân và cộng đồng, hầu hết các văn bản hướng dẫn thực hiện chưa có quy định chặt chẽ hoặc cơ chế về đảm bảo tham vấn, đối thoại hoặc tham gia của cộng đồng cũng như các biện pháp xử phạt khi không thực hiện. Lấy ví dụ cụ thể, không có quy định chi tiết nào của pháp luật về đất đai, đầu tư, môi trường hay quy hoạch yêu

689 Hiến pháp Việt Nam. Điều 28 (Ct. 60).

690 Luật Đất đai 2013. Điều 43 (Ct. 526).

691 Nt.

692 Luật Quy hoạch 2017, Luật số 21/2017/QH14. Thông tin có tại hiện có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=192206](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=192206). Truy cập ngày 25/9/2019. Điều 4.

693 Luật Bảo vệ môi trường 2014. Điều 5 (Ct. 195).



cầu thực hiện chặt chẽ nguyên tắc FPIC với cộng đồng địa phương.

### Khung thiết chế

Việt Nam hiện chưa có một cơ quan chuyên trách quản lý các vấn đề liên quan đến sự tham gia của cộng đồng. Tuy nhiên, các bộ liên quan bao gồm Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài nguyên và Môi trường có trách nhiệm chính trong việc lập kế hoạch và phê duyệt các dự án có tác động đến cộng đồng. Chính quyền địa phương, cụ thể là các cơ quan nhà nước ở cấp cơ sở, đóng vai trò quan trọng trong việc đảm bảo sự tham gia trực tiếp của cộng đồng vào các vấn đề có liên quan và quyền lợi của người dân địa phương.

### Khuyến nghị

1. Tăng cường khung pháp lý nhằm đảm bảo sự tham gia tích cực của cộng đồng địa phương vào quá trình ra quyết định liên quan đến các dự án kinh doanh ảnh hưởng đến họ, đặc biệt là các nhóm dân tộc thiểu số.<sup>694</sup>
2. Tăng cường khung pháp lý nhằm đưa nguyên tắc FPIC vào các quy định điều chỉnh các hoạt động của doanh nghiệp có khả năng ảnh hưởng đến cộng đồng địa phương.
3. Tăng cường khung pháp lý nhằm đảm bảo thực thi hiệu quả cơ chế xử lý đối với các cơ quan nhà nước và tổ chức kinh doanh không tuân thủ các quy định đảm bảo sự tham gia của cộng đồng và ban hành các biện pháp chế tài đối với những hành vi vi phạm, bao gồm cả trong Luật đất đai sửa đổi.

<sup>694</sup> CERD, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 13 (Ct. 544)

CHƯƠNG 5

# THỰC HÀNH KINH DOANH CÓ TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI CÁC NHÓM YẾU THỂ



Chương này xem xét các cam kết quốc tế và quy định bảo vệ pháp luật liên quan đến các nhóm nhân khẩu học ở Việt Nam được xác định có nguy cơ dễ bị tổn thương hơn với những tác động tiêu cực từ hoạt động kinh doanh, đồng thời đưa ra các khuyến nghị để củng cố khung pháp lý liên quan để bảo vệ các nhóm này.

UNWG nhấn mạnh “thực hiện hiệu quả UNGP đòi hỏi sự bình đẳng và không phân biệt đối xử trên cơ sở giới, tuổi tác, dân tộc, xu hướng tính dục, tình hình kinh tế, hay địa vị xã hội.”<sup>695</sup> Theo đó, quá trình xây dựng Kế hoạch hành động quốc gia cần đặc biệt chú ý đến việc nhận diện và giải quyết các thách thức mà các cá nhân và nhóm dân số phải đối mặt với nguy cơ cao do họ thuộc nhóm dễ bị tổn thương hoặc lề hoá.<sup>696</sup> UNGP kêu gọi các quốc gia ban hành hướng dẫn cho doanh nghiệp về cách thức tôn trọng quyền của mỗi cá nhân, trong đó cần nhắc nghiêm túc các vấn đề về giới, các vấn đề dễ gây tổn thương và lề hoá, đồng thời nhận ra những thách thức cụ thể mà người dân bản địa, phụ nữ, trẻ em, người khuyết tật, các nhóm thiểu số (về dân tộc, tôn giáo hoặc ngôn ngữ), người lao động di cư và gia đình họ phải đối mặt.”<sup>697</sup>

## 5.1. Người lao động trong nền kinh tế phi chính thức

Theo ILO, khái niệm kinh tế phi chính thức được dùng để chỉ tất cả các hoạt động kinh tế không trái phép, “được thực hiện bởi những người lao động và chủ thể kinh tế, theo quy định của pháp luật hoặc thực tiễn hoạt động, không được bảo vệ hoặc được bảo vệ không đầy đủ bởi các thỏa thuận chính thức.”<sup>698</sup> Khu vực kinh tế này chiếm hơn một nửa lực lượng lao động toàn cầu và hơn 90% lực lượng lao động trong các doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ trên toàn thế giới.<sup>699</sup> Theo ước

695 UNWG, ‘Hướng dẫn về Kế hoạch hành động quốc gia về kinh doanh và quyền con người. Trang 19 (Ct. 8).

696 Nt. Trang 3.

697 UNGP. Nguyên tắc 3 (Ct. 2).

698 ILO, ‘Khuyến nghị số 204 về Chuyển dịch từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức’, (2015). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed\\_norm/---relconf/documents/meetingdocument/wcms\\_377774.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---ed_norm/---relconf/documents/meetingdocument/wcms_377774.pdf). Truy cập ngày 21/9/2020.

699 ILO, ‘Nền kinh tế phi chính thức’. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/employment/units/emp-invest/informal-economy/lang--en/index.html>. Truy cập ngày 15/12/2019.

tính, có khoảng 6/10 người lao động và 4/5 doanh nghiệp trên thế giới hoạt động trong nền kinh tế phi chính thức.<sup>700</sup> Tuy nhiên, người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức dễ bị tổn thương hơn do những khoảng trống trong hệ thống bảo vệ và pháp luật về quyền của người lao động. Do vậy, họ ít có khả năng được hưởng các quyền của người lao động trong khu vực chính thức.

Tại Việt Nam, người lao động trong nền kinh tế phi chính thức là một phần quan trọng của thị trường lao động, đóng góp khoảng 20% cho GDP.<sup>701</sup> Năm 2016, có hơn 18 triệu lao động phi chính thức ở Việt Nam, trong đó hơn ba phần tư không có hợp đồng bằng văn bản.<sup>702</sup> Trong khu vực phi nông nghiệp, số lượng lao động phi chính thức ở Việt Nam chiếm khoảng 57,2% tổng số lao động; nếu tính cả các hộ nông nghiệp, con số này tăng lên mức 78,6%.<sup>703</sup>

Lao động trong khu vực phi chính thức thường phải nhận thu nhập thấp và không ổn định, phải đối mặt với thời gian lao động dài hơn, ít được hưởng các cơ hội phát triển nghề nghiệp và các chế độ an sinh xã hội do thiếu sự bảo vệ của pháp luật đối với các vấn đề liên quan tới hợp đồng lao động, môi trường làm việc, và tiêu chuẩn về an toàn và sức khỏe.

## Cam kết quốc tế

Khuôn khổ quốc tế về bảo vệ người lao động trong nền kinh tế phi chính thức được thiết lập thông qua các công ước và các tiêu chuẩn lao động quốc tế liên quan được áp dụng chung cho cả nền kinh tế chính thức và phi chính thức. Như đã nêu ở trên, Việt Nam

700 ILO, ‘Thúc đẩy việc làm: Nền kinh tế phi chính thức’. Thông tin có tại: <http://www.ilo.ch/global/topics/employment-promotion/informal-economy/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 05/9/2020.

701 Jean Pier Cling, Mireille Razafindrakoto, Francois Raubaud, ILO và Bộ LĐTBXH, ‘Nền kinh tế phi chính thức ở Việt Nam’, (2011). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms\\_171370.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_171370.pdf). Truy cập ngày 05/9/2020. Trang 17.

702 Trong khi chỉ có 1,7% lao động ở nền kinh tế chính thức không ký hợp đồng lao động, 76,7% lao động phi chính thức tham gia làm những công việc đó mà không có bất kỳ hình thức hợp đồng lao động bằng văn bản nào, trong đó 62,1% có thỏa thuận bằng lời nói và phần còn lại (14,6%) không có bất kỳ hình thức thỏa thuận nào. Xem Tổng cục Thống kê, ILO, ‘Báo cáo 2016 về việc làm phi chính thức tại Việt Nam’, (2016). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms\\_638334.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---asia/---ro-bangkok/---ilo-hanoi/documents/publication/wcms_638334.pdf). Truy cập ngày 19/12/2019. Trang 12.

703 Nt.

đã phê chuẩn bảy trong số tám công ước cốt lõi của ILO. Theo các công ước này, Việt Nam có nghĩa vụ thực hiện các biện pháp phù hợp để bảo đảm pháp lý cho người lao động phi chính thức, bao gồm phụ nữ và trẻ em.

Một văn kiện quan trọng của ILO về nền kinh tế phi chính thức là Nghị quyết và Kết luận về Việc làm bền vững và nền kinh tế phi chính thức (2002), trong đó nêu rõ định nghĩa nền kinh tế phi chính thức như đã trình bày ở trên.<sup>704</sup> Nền kinh tế phi chính thức tiếp tục được công nhận trong Khuyến nghị số 204 của ILO về việc chuyển đổi từ nền kinh tế phi chính thức sang chính thức (2015), trong đó hướng dẫn các quốc gia xây dựng các chiến lược và chính sách thuận lợi cho việc chuyển đổi lao động từ khu vực phi chính thức sang chính thức.<sup>705</sup>

UNGP viện dẫn đến tám công ước cốt lõi của ILO liên quan đến quyền tự do lập hội, quyền thương lượng tập thể, không phân biệt đối xử và trả công bình đẳng, loại bỏ lao động cưỡng bức và lao động trẻ em, đóng vai trò hướng dẫn các quốc gia và doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ đối với mọi người. Do UNGP được “áp dụng đối với mọi quốc gia và doanh nghiệp” thuộc bất cứ khu vực nào, nên khung pháp lý này được áp dụng bình đẳng đối với cả nền kinh tế chính thức và phi chính thức.<sup>706</sup>

Bảo vệ người lao động trong nền kinh tế phi chính thức cũng là một chủ đề của các SDG, cụ thể Mục tiêu 8.3 về phát triển chính sách hỗ trợ tạo việc làm thỏa đáng, khởi nghiệp, khuyến khích sự thành lập và tăng trưởng các doanh nghiệp siêu nhỏ, nhỏ và vừa. Mục tiêu 10.2 của SDG cũng kêu gọi giảm bất bình đẳng và không phân biệt đối xử với người lao động trong khu vực phi chính thức, thông qua việc trao quyền và thúc đẩy hòa nhập về mặt xã hội, kinh tế và chính trị cho tất cả mọi người.<sup>707</sup>

## Khung pháp lý

Hiện nay vẫn chưa có văn bản pháp luật nào được ban hành để quản lý việc làm phi chính thức ở Việt Nam. Tuy nhiên, Hiến pháp ghi nhận quyền của người lao động, bao gồm cả lao động phi chính thức, được làm việc trong các điều kiện công bằng, an toàn, không phân biệt đối xử và cưỡng bức lao động, được bảo đảm an sinh xã hội.<sup>708</sup> Theo đó, Nhà nước có trách nhiệm phát triển hệ thống phúc lợi xã hội cho tất cả người lao động, bao gồm cả lao động phi chính thức.<sup>709</sup>

Việc bảo vệ người lao động phi chính thức cũng được ghi nhận trong một số luật của Việt Nam. Bộ luật Lao động 2019 đã mở rộng phạm vi các quy định để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động không có quan hệ lao động chính thức.<sup>710</sup> Luật Bảo hiểm xã hội 2014 đảm bảo sự bảo trợ xã hội cho mọi người, và yêu cầu tất cả các tổ chức hoạt động tại Việt Nam thuê và sử dụng lao động phải tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, cá nhân từ 15 tuổi có thể tham gia bảo hiểm xã hội tự nguyện.<sup>711</sup> Luật Bảo hiểm y tế 2008 xác định tiêu chí cho những người đủ điều kiện bảo hiểm y tế.<sup>712</sup>

Mặc dù đã có những quy định bổ sung trong Bộ luật Lao động 2019 như đã đề cập, khung pháp lý về bảo vệ người lao động chưa có quy định hiệu quả cho người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức, đặc biệt là người lao động không có hợp đồng bằng văn bản.<sup>713</sup> Do đó, hiện tại thiếu các quy định rõ ràng trong pháp luật lao động, bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế để đảm bảo các quyền cơ bản của người lao động trong khu vực kinh tế phi chính thức được bảo vệ.

UNHRC và Ủy ban CEDAW đều bày tỏ quan ngại về việc thiếu sự bảo vệ pháp lý cho người lao động phi chính thức, cụ thể như người giúp việc, phụ nữ và trẻ em.<sup>714</sup> Luật Bảo hiểm y tế 2014 có quy định về bảo hiểm

704 ILO, 'Nghị quyết và kết luận liên quan đến việc làm thỏa đáng và nền kinh tế phi chính thức', (2002). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/global/topics/dw4sd/themes/informal-economy/WCMS\\_080105/lang-en/index.htm](https://www.ilo.org/global/topics/dw4sd/themes/informal-economy/WCMS_080105/lang-en/index.htm). Truy cập ngày 28/12/2019.

705 ILO, 'Khuyến nghị số 204 về Chuyển dịch từ nền kinh tế phi chính thức sang nền kinh tế chính thức' (Ct. 698).

706 UNGP. Nguyên tắc 12 (Ct. 2).

707 LHQ, 'Các chỉ số SDG' (Ct. 232).

708 Hiến pháp Việt Nam. Điều 34 và 35 (Ct. 60).

709 Nt. Điều 59.

710 Bộ luật Lao động 2019. Điều 2 (Ct. 263).

711 Luật Bảo hiểm xã hội 2014. Điều 2 (Ct. 354).

712 Luật Bảo hiểm y tế 2018 (Ct. 388).

713 Ngoại trừ hợp đồng lao động có thời hạn dưới 01 tháng. Xem thêm Bộ luật Lao động 2019. Điều 14 (Ct. 263).

714 CEDAW, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 28 (Ct. 409).

xã hội tự nguyện hoặc bảo hiểm hộ gia đình cho người lao động trong khu vực phi chính thức,<sup>715</sup> tuy nhiên, tỷ lệ tham gia của họ vẫn rất thấp.<sup>716</sup> Lao động nữ trong khu vực kinh tế phi chính thức gặp hạn chế hơn với việc tiếp cận bảo trợ xã hội, các cơ hội đào tạo và các nguồn lực tài chính, như tín dụng chính thức thông qua vay ngân hàng, lương hưu và trợ cấp xã hội.<sup>717</sup> Mặc dù đã có những tiến bộ mạnh mẽ trong việc chấm dứt lao động trẻ em, Ủy ban CRC nhấn mạnh tình trạng này vẫn là một thách thức trong khu vực phi chính thức thông qua các Kết luận quan sát khi đánh giá việc thực thi CRC của Việt Nam năm 2012.<sup>718</sup>

## Khung thiết chế

Bộ LĐTBXH chịu trách nhiệm chính trong việc bảo vệ quyền của người lao động, đồng thời xây dựng, ban hành và đảm bảo việc thực thi pháp luật và chính sách đối với người lao động trong khu vực phi chính thức. Trong Bộ LĐTBXH, Cục An toàn lao động và Cục Quan hệ lao động và Tiền lương thuộc Bộ LĐTBXH quản lý các vấn đề liên quan đến quyền của người lao động trong khu vực phi chính thức.<sup>719</sup> Còn các quy định về bảo hiểm xã hội cho người lao động trong khu vực phi chính thức thuộc sự quản lý của cả Vụ Bảo hiểm xã hội thuộc Bộ LĐTBXH và Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

## Khuyến nghị

1. Mở rộng bảo trợ xã hội cho người lao động phi chính thức, đặc biệt phụ nữ và trẻ em, thông qua sự kết hợp giữa các chương trình đóng góp (do các bên thụ hưởng chi trả) và phi đóng góp (do ngân sách Nhà nước chi trả).<sup>720</sup> Các chương trình này bao gồm các hoạt động chuyển tiền mặt trợ cấp xã hội cho các gia đình

có thu nhập thấp có trẻ em, mở rộng hỗ trợ cho các gia đình dân tộc thiểu số nghèo, gia đình có lao động phi chính thức và lao động di cư.<sup>721</sup>

2. Từng bước cải thiện bảo hiểm y tế và mở rộng khả năng tiếp cận dịch vụ chăm sóc y tế cho người lao động phi chính thức và những người sống ở vùng sâu vùng xa.<sup>722</sup>

## 5.2. Dân tộc thiểu số

Dân tộc thiểu số được hiểu là nhóm thiểu số về quốc gia hoặc sắc tộc, tôn giáo và ngôn ngữ.<sup>723</sup> Các nỗ lực quốc tế thường tập trung vào việc xóa bỏ phân biệt đối xử do đây là vấn đề quan trọng liên quan đến bảo vệ quyền con người của họ. Chính phủ Việt Nam sử dụng thuật ngữ dân tộc thiểu số để chỉ các nhóm dân tộc có dân số nhỏ hơn so với nhóm dân số đông nhất trên lãnh thổ Việt Nam.<sup>724</sup>

## Cam kết quốc tế

Theo khuôn khổ pháp luật quốc tế về quyền con người, các dân tộc thiểu số thường được coi là nhóm 'bị lề hoá' hoặc 'dễ bị tổn thương'. Hầu hết các điều ước quốc tế về quyền con người đều khẳng định nguyên tắc xuyên suốt về không phân biệt đối xử dưới bất kỳ hình thức nào về chủng tộc, màu da, ngôn ngữ, tôn giáo và quốc tịch. Để công nhận và bảo vệ quyền của họ, các vấn đề liên quan đến quyền của các nhóm thiểu số được ghi nhận trong một số công ước quốc tế quan trọng mà Việt Nam đã phê chuẩn bao gồm ICCPR<sup>725</sup> ICESCR<sup>726</sup> CRC<sup>727</sup> và Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình

715 Luật Bảo hiểm y tế 2008. Điều 13 (Ct. 388).

716 ILO, 'Báo cáo về Lao động phi chính thức ở Việt Nam năm 2016'. Trang 47 (Ct. 702).

717 CEDAW, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 409).

718 Ủy ban CRC, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam', (Ct. 400).

719 Xem BLĐTBXH, 'Cục An toàn lao động'. Thông tin có tại: <http://antoanlaodong.gov.vn/catId/Pages/to-chuc.aspx?tochuclD=1480>; Xem BLĐTBXH, 'Cục Quan hệ lao động và Tiền lương'. Thông tin có tại: <http://www.molisa.gov.vn/Pages/gioithieu/cocautochucchitiet.aspx?ToChuclD=1449>. Truy cập ngày 22/9/2020.

720 CESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 23 (Ct. 266); CEDAW, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 29 (Ct. 409).

721 CEDAW, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 31 (Ct. 409).

722 UNHRC, 'Báo cáo UPR Việt Nam', (2019). Khuyến nghị 247 (Ct. 402).

723 LHO, 'Tuyên bố về Quyền của người thuộc dân tộc thiểu số hoặc dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ', (1992). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/Minorities.aspx>. Truy cập ngày 12/12/2019.

724 Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14/01/2011 về dân tộc thiểu số. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=chi\\_tiet&document\\_id=9869](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=chi_tiet&document_id=9869). Truy cập ngày 12/12/2019. Điều 4.2.

725 ICCPR. Điều 1 và 27 (Ct. 237).

726 ICESCR. Điều 2.2 (Ct. 236).

727 CRC. Điều 30 (Ct. 479).

thức phân biệt chủng tộc (ICERD).<sup>728</sup> ICERD bảo vệ quyền của các nhóm được hưởng văn hóa riêng, được bày tỏ, thực hành tôn giáo và sử dụng ngôn ngữ của riêng họ. Tuyên bố về Quyền của những người thuộc các nhóm thiểu số về dân tộc, chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ (1992) khẳng định người dân tộc thiểu số được hưởng các quyền tự do cơ bản dựa trên các nguyên tắc không phân biệt đối xử và bình đẳng trước pháp luật.<sup>729</sup> UNGP khuyến nghị các doanh nghiệp cần xem xét các tiêu chuẩn quốc tế trong các văn kiện của LHQ liên quan đến “các nhóm thiểu số về dân tộc hoặc chủng tộc, tôn giáo và ngôn ngữ.”<sup>730</sup> UNGP cũng đề cập đến sự cần thiết phải xem xét kỹ các vấn đề liên quan đến các nhóm thiểu số khi thực hiện rà soát, đánh giá ảnh hưởng của hoạt động kinh doanh đối với quyền con người.<sup>731</sup> UNGP nêu rõ doanh nghiệp cần nhận ra “tầm quan trọng của việc tham vấn với các nhóm có khả năng bị ảnh hưởng” khi kinh doanh.<sup>732</sup>

Các quan ngại chính mà Ủy ban giám sát các công ước ICCPR, ICESCR, ICERD và CRC đã nêu ra cho Việt Nam gồm: Khoảng cách kinh tế xã hội giữa dân tộc chính và dân tộc thiểu số;<sup>733</sup> phân biệt đối xử về giáo dục, việc làm và các dịch vụ công khác;<sup>734</sup> không thực hiện nguyên tắc FPIC đối với dân tộc thiểu số khi có các quyết định ảnh hưởng đến họ;<sup>735</sup> sự chênh lệch dai dẳng trong cung cấp dịch vụ về sức khỏe, giáo dục và bảo trợ xã hội;<sup>736</sup> và thiếu cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả, toàn diện và độc lập theo quy định tại các Điều 2, 4, 5 và 6 của ICERD.<sup>737</sup> Kết luận Quan sát của UNHRC về ICCPR nêu lên lo ngại về việc sử dụng đất đai và tài nguyên của các dân tộc thiểu số cho các dự án phát triển và kinh tế có thể có tác động tiêu cực đến văn hóa, lối

sống và sinh kế của họ, dẫn đến sự bất bình đẳng kinh tế xã hội.<sup>738</sup>

## Khung pháp lý

Việt Nam có 53 dân tộc thiểu số, chiếm 14,7% tổng dân số.<sup>739</sup> Hiến pháp ghi nhận các dân tộc bình đẳng và nghiêm cấm mọi hành vi kỳ thị, chia rẽ dân tộc, đồng thời “Nhà nước thực hiện chính sách phát triển toàn diện và tạo điều kiện để các dân tộc thiểu số phát huy nội lực, cùng phát triển với đất nước.”<sup>740</sup>

Hiến pháp quy định trách nhiệm của Nhà nước trong việc thực hiện chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho người dân tộc thiểu số và ưu tiên phát triển giáo dục ở các khu vực có người dân tộc thiểu số sinh sống.<sup>741</sup> Hiến pháp,<sup>742</sup> Bộ luật Tố tụng hình sự 2015,<sup>743</sup> Bộ luật Tố tụng dân sự 2015,<sup>744</sup> Luật Tố tụng hành chính 2015<sup>745</sup> đều công nhận quyền sử dụng tiếng nói và chữ viết trong ngôn ngữ bản địa của người dân tộc thiểu số.

Tuy nhiên, hiện vẫn còn thiếu một luật riêng để giải quyết tất cả các hình thức phân biệt đối xử bao gồm phân biệt đối xử với người dân tộc thiểu số. Hiện nay, Luật Hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi đang được soạn thảo, nhưng tại thời điểm viết báo cáo, dự thảo luật vẫn chưa được Quốc hội thông qua.<sup>746</sup> Ngoài ra, pháp luật về đầu tư và kinh doanh còn thiếu các quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với các nhóm dân tộc thiểu số.

738 HRC, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 265).

739 Tổng cục Thống kê, 'Các chỉ số chính được lựa chọn trong tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam', (2019). Thông tin có tại: [https://www.gso.gov.vn/default\\_en.aspx?tabid=515&idmid=5&ItemID=19449](https://www.gso.gov.vn/default_en.aspx?tabid=515&idmid=5&ItemID=19449). Truy cập ngày 25/12/2012.

740 Hiến pháp Việt Nam. Điều 5.4 (Ct. 60).

741 Nt. Điều 42, 58 và 61.

742 Nt. Điều 42.

743 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015, Luật số 101/2015/QH13.

Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqp-luocdo.aspx?ItemID=96172/>. Điều 29.

744 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Luật số 92/2015/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbqp-van-ban-goc.aspx?ItemID=96115>. Điều 20.

745 Luật Tố tụng hành chính 2015, Luật số 93/2015/QH13. Thông tin có tại: [http://vbpl.vn/FileData/TW/Lists/vbqp/Attachments/96035/VanBanGoc\\_93.2015.QH13.P1.pdf](http://vbpl.vn/FileData/TW/Lists/vbqp/Attachments/96035/VanBanGoc_93.2015.QH13.P1.pdf). Điều 21.

746 Ủy ban Dân tộc, Quyết định 460/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 ban hành Chương trình hành động thực hiện Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025, ngày 21/08/2020. Thông tin có tại: <http://csdl.ubdt.gov.vn/noidung/vanban/Pages/chi-tiet-vbqp.aspx?ItemID=20174>. Truy cập ngày 25/8/2020.

728 LHQ, 'Công ước về xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc' (CERD), (1965). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/en/professioninterest/Pages/ondd.aspx>. Truy cập ngày 26/12/2019.

729 Đại hội đồng LHQ, 'Tuyên bố về Quyền của người thuộc quốc gia hoặc dân tộc, tôn giáo và ngôn ngữ', (1992) (Ct. 723).

730 UNGP. Bình luận Nguyên tắc 12 (Ct. 2).

731 Nt.

732 Nt. Nguyên tắc Hướng dẫn 18.

733 CERD, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 544).

734 CRC, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 400); CERD, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 544).

735 CESC, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 266) (Ct. 266).

736 CRC, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 400).

737 CERD, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 544).

Kể từ thời kỳ đổi mới, nhiều chính sách và chương trình tập trung vào giảm nghèo, giáo dục, y tế, văn hóa, cơ sở hạ tầng và đầu tư đã hướng đến mục tiêu phát triển dân tộc thiểu số ở Việt Nam. Gần đây, Nghị quyết 88/2019/QH14 phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, theo đó các nguồn lực để phát triển bền vững sẽ được huy động và vốn tín dụng ưu đãi sẽ được cấp cho các bên liên quan để phát triển kinh doanh sản xuất ở các vùng dân tộc thiểu số và miền núi.<sup>747</sup>

Hầu hết các chính sách và dự án nói trên đã đóng góp đáng kể vào sự phát triển kinh tế và xã hội cho cộng đồng dân tộc thiểu số. Tuy nhiên, các chính sách vẫn chủ yếu tập trung vào các lĩnh vực cụ thể như xóa đói giảm nghèo, phát triển cơ sở hạ tầng, giáo dục và chăm sóc sức khỏe trong khi bỏ lỡ và chưa giải quyết hiệu quả những thách thức mới nổi liên quan đến các dự án phát triển hoặc cơ sở hạ tầng như tranh chấp đất đai, di dời các cộng đồng dân tộc thiểu số và ô nhiễm đất và nguồn nước.<sup>748</sup>

## Khung thiết chế

Hai cơ quan chủ chốt chịu trách nhiệm về các vấn đề thuộc dân tộc thiểu số ở cấp trung ương là Ủy ban Dân tộc và Hội đồng Dân tộc trực thuộc Quốc hội.<sup>749</sup> Dưới Ủy ban Dân tộc là các cơ quan cấp tỉnh và cấp huyện có sự tham gia của đại diện người dân tộc thiểu số. Một số bộ khác, các cơ quan ngang bộ và ủy ban nhân dân các cấp cũng thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến dân tộc theo quy định của pháp luật. Hội đồng Dân tộc là một trong những cơ quan dân cử của Quốc hội<sup>750</sup> và có nhiệm vụ

giám sát và hỗ trợ thực hiện các chính sách, luật pháp, chương trình và kế hoạch liên quan đến các vấn đề dân tộc.<sup>751</sup> Hội đồng Dân tộc cũng được thành lập ở cấp tỉnh và huyện nơi có nhiều người dân tộc thiểu số trong cơ cấu dân số tại địa phương.<sup>752</sup>

## Khuyến nghị

1. Tiếp tục nỗ lực thực hiện ICERD (Điều 27) và CRC (Điều 30) liên quan đến bảo vệ người dân tộc thiểu số.
2. Đảm bảo dự án Luật Hỗ trợ phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi tiếp tục được phát triển và có các quy định đảm bảo quyền của dân tộc thiểu số khỏi những tác hại bất lợi của hoạt động kinh doanh.
3. Lồng ghép các quy định về kinh doanh có trách nhiệm, phát triển bền vững và bảo vệ môi trường cho cộng đồng dân tộc thiểu số vào pháp luật về doanh nghiệp và đầu tư.
4. Đảm bảo thực hiện quy trình tham vấn theo nguyên tắc FPIC đối với người dân tộc thiểu số, đồng thời đảm bảo sự tham gia của họ đối với các quyết định ảnh hưởng đến họ, đặc biệt các vấn đề đất đai và di dời các nhóm dân tộc thiểu số cho các dự án xây dựng phát triển.

## 5.3 Người lao động di cư

Theo Công ước của LHQ về Bảo vệ quyền của tất cả những người lao động di cư và các thành viên gia đình họ, người di cư quốc tế được hiểu là các cá nhân sống và làm việc có hưởng lương tạm thời hoặc thường xuyên ở một quốc gia mà người đó không phải là công dân, hoặc quốc gia mà họ không được sinh ra và có một số mối quan hệ xã hội quan trọng.<sup>753</sup> LHQ cũng xác định di trú trong nước

747 Quốc hội Việt Nam, Nghị quyết 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của dân tộc thiểu số và miền núi trong giai đoạn 2021-2030. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/thuong-mai/Nghi-quyet-88-2019-QH14-De-an-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-vung-dong-bao-dan-toc-thieu-so-va-mien-nui-429559.aspx>. Truy cập ngày 14/1/2020.

748 UNHRC, 'Báo cáo của Hội đồng Nhân quyền biên soạn bởi chuyên gia độc lập về các vấn đề thiểu số', Gay McDougall, (2011). Thông tin có tại: <https://www.right-docs.org/doc/a-hrc-16-45/>. Truy cập ngày 12/01/2020.

749 Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=188260](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=188260). Truy cập ngày 22/9/2020.

750 Hiến pháp Việt Nam. Điều 73 (Ct. 60).

751 Luật Tổ chức Quốc hội 2014, Luật số 57/2014/QH13. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=178126](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=178126). Truy cập ngày 25/12/2019. Truy cập ngày

752 Luật Tổ chức chính quyền địa phương 2015, Luật số 77/2015/QH13. Thông tin có tại: [http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=180614](http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=180614). Truy cập ngày 26/3/2020. Điều 18.3 và 25.3.

753 LHQ, 'Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả người lao động di cư và thành viên của gia đình họ', (1990). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/CMW.aspx>. Điều 2.1.

là “sự di chuyển từ khu vực (tỉnh, huyện hoặc đô thị) này sang khu vực khác.”<sup>754</sup>

Phần này đánh giá khung pháp lý quốc gia liên quan đến người lao động di cư trong nước và quốc tế trong bối cảnh thực hành kinh doanh có trách nhiệm. Trong khi đó, một mảng khác liên quan đến di trú là nạn buôn người được đề cập tại Phần 3.3 “Lao động cưỡng bức, Buôn bán người, Lao động gán nợ và Hôn nhân cưỡng ép.”

## Cam kết quốc tế

Khung pháp lý quốc tế về bảo vệ người di trú được thiết lập thông qua một số công ước về quyền con người và các tiêu chuẩn lao động quốc tế, bao gồm Công ước LHQ về Bảo vệ quyền của tất cả người lao động di cư và các thành viên gia đình họ,<sup>755</sup> Công ước số 97 về Việc làm cho người lao động di cư,<sup>756</sup> Công ước số 143 về Lao động di cư (Quy định bổ sung)<sup>757</sup> và Công ước số 181 về các Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân.<sup>758</sup> Việt Nam chưa phê chuẩn các công ước này. Năm 2016, ILO báo cáo Việt Nam đang xem xét phê chuẩn Công ước số 97 và Công ước số 143.<sup>759</sup> Để tăng cường hợp tác quốc tế trong vấn đề di cư, Việt Nam đã thông qua Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự (GCM) của LHQ vào năm 2019, một công cụ để thúc đẩy di cư an toàn, có trật tự và thường xuyên, do đó bảo vệ quyền và lợi ích của người di cư.

754 UNESCO, 'Người di cư/Di cư'. Thông tin có tại: <http://www.unesco.org/new/en/social-and-human-scatics/theme/i-quoic-magrat-ion/glossary/migrant/>. Truy cập ngày 29/9/2019.

755 LHQ, 'Công ước quốc tế về bảo vệ quyền của tất cả người lao động di cư và thành viên của gia đình họ' (Ct. 753).

756 ILO, 'Công ước số 97 về Lao động di cư' (Sửa đổi), (1949). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORM-LEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:C097](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORM-LEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C097). Truy cập ngày 29/9/2019.

757 ILO, 'Công ước số 143 về Người lao động di cư (Quy định bổ sung)', (1975). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_ILO\\_CODE:C143](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_ILO_CODE:C143). Truy cập ngày 29/09/2019.

758 ILO, 'Bảo cáo số 181 về Các Cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân', (1997). [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100\\_INSTRUMENT\\_ID:312326](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:12100:0::NO::P12100_INSTRUMENT_ID:312326). Truy cập ngày 29/9/2019.

759 ILO, 'Bảo cáo III (1B): Thúc đẩy di cư công bằng: Khảo sát chung về các vấn đề về lao động di cư. Thông tin và báo cáo về việc áp dụng công ước và các báo cáo khuyến nghị của Ủy ban các chuyên gia về việc áp dụng các Công ước và Khuyến nghị (Điều 19, 22 và 35 của Hiến pháp)', (2016). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/ilc/ILCSimes/preingly-simes/105/reports/reports-to-the-conference/WCMS\\_453898/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/ilc/ILCSimes/preingly-simes/105/reports/reports-to-the-conference/WCMS_453898/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 29/9/2019. Trang 177.

Công ước số 97 yêu cầu các quốc gia tham gia “tạo điều kiện tìm việc làm cho lao động di cư quốc tế bằng cách thiết lập và duy trì dịch vụ cung cấp thông tin và hỗ trợ miễn phí.”<sup>760</sup> Công ước này cũng bao gồm “các quy định về dịch vụ y tế phù hợp cho người lao động di cư và chuyển thu nhập và tiền tiết kiệm.”<sup>761</sup> Các quốc gia phê chuẩn Công ước số 97 được yêu cầu “đối xử với những người lao động di cư một cách bình đẳng như những người lao động là công dân của nước mình trên một số phương diện như điều kiện việc làm, quyền tự do lập hội và an sinh xã hội.”<sup>762</sup>

Công ước số 143 quy định các biện pháp chống lại việc di trú bí mật và bất hợp pháp, đặt ra nghĩa vụ tôn trọng luật nhân quyền quốc tế (IHRL).<sup>763</sup> Công ước này cũng kêu gọi các biện pháp “đảm bảo đối xử và cơ hội bình đẳng đối với việc làm và nghề nghiệp, an sinh xã hội, công đoàn và quyền văn hóa, và tự do cá nhân và tập thể” cho những người lao động di trú hoặc thành viên gia đình họ và kêu gọi các quốc gia đã phê chuẩn “tạo điều kiện đoàn tụ cho các gia đình của những người lao động di cư hợp pháp.”<sup>764</sup>

Như đã đề cập, Công ước số 181 khẳng định nguyên tắc người lao động sẽ không bị tính bất kỳ khoản phí tuyển dụng nào.<sup>765</sup> Công ước cũng khẳng định các quốc gia thành viên nên áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết và phù hợp để “bảo vệ đầy đủ và ngăn chặn sự lạm dụng đối với người lao động di cư được tuyển dụng” bởi các tổ chức dịch vụ việc làm tư nhân.<sup>766</sup>

Các nghĩa vụ pháp lý quốc tế của Việt Nam về bảo vệ quyền của người di trú, gồm nghĩa vụ chống lại các ảnh hưởng bất lợi từ hoạt động kinh doanh, nằm tại nguyên tắc không phân biệt đối xử trong các công ước có liên

760 ILO, 'Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về lao động di cư'. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/subjects-covered-by-international-labour-standards/migrant-workers/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 29/9/2019.

761 Nt.

762 ILO, 'Công ước số 97 về Lao động di cư' (Ct. 756).

763 ILO, 'Các tiêu chuẩn lao động quốc tế về lao động di cư' (Ct. 760).

764 Nt.

765 ILO, 'Công ước số 181 về Các cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân', (1997) (Ct. 446).

766 Nt. Điều 8.



quan mà Việt Nam đã phê chuẩn.<sup>767</sup> GCM yêu cầu các quốc gia phải hướng dẫn hợp tác quốc tế về quản lý di cư quốc tế; có một danh mục chính sách các quốc gia có thể chọn để giải quyết các vấn đề căng thẳng xoay quanh di cư quốc tế; và cho phép linh hoạt trong việc thi hành dựa trên khả năng và thực tế di cư của các quốc gia.<sup>768</sup>

Chính phủ Việt Nam đã xây dựng một kế hoạch bao gồm 61 hoạt động cụ thể để thực hiện các mục tiêu này. Kế hoạch được ban hành vào năm 2020 theo quyết định 402/QĐ-TTg nhằm “thể hiện quyết tâm và trách nhiệm của Việt Nam trong việc triển khai GCM.”<sup>769</sup>

UNGP kêu gọi các quốc gia hướng dẫn cho doanh nghiệp “các biện pháp phù hợp, trong đó có rà soát các vấn đề về quyền con người liên quan quan đến hoạt động của doanh nghiệp, và cách thức xem xét các vấn đề về giới, các vấn đề dễ gây tổn thương và/hoặc lẽ hoá.”<sup>770</sup>

SDG số 8.8 kêu gọi các quốc gia “bảo vệ các quyền lao động và thúc đẩy môi trường làm việc an toàn cho tất cả người lao động, bao gồm người lao động di cư, đặc biệt phụ nữ, và những người có việc làm tạm thời.”<sup>771</sup> Các chỉ số liên quan đến tỷ lệ tàn suất các chấn thương nghề nghiệp gây tử vong và không gây tử vong cũng như mức độ tuân thủ của quốc gia đối với các quyền lao động được phân tách theo tình trạng di cư.<sup>772</sup> SDG 10.7 kêu gọi các quốc gia “tạo điều kiện cho người di trú di chuyển trật tự, an toàn, thường xuyên và có trách nhiệm, bao gồm việc thực hiện các chính sách di trú được quản lý tốt và có kế hoạch.”<sup>773</sup> Mục tiêu 10c kêu

gọi các quốc gia “giảm chi phí giao dịch kiều hối xuống dưới 3% và loại bỏ các hành lang chuyển tiền với chi phí cao hơn 5%.”<sup>774</sup>

Các tiêu chuẩn khác bao gồm Tuyên bố ASEAN về Bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di cư (2007),<sup>775</sup> Nguyên tắc Dhaka về Di trú được tôn trọng phẩm giá (2012),<sup>776</sup> và Các nguyên tắc chung, hướng dẫn hoạt động của ILO về tuyển dụng công bằng và định nghĩa phí tuyển dụng và các chi phí liên quan (2019).<sup>777</sup>

## Khung pháp lý

### • Người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài

Luật đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006 (hay còn gọi là “Luật 72”) là văn bản pháp lý điều chỉnh việc tuyển dụng người Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài.<sup>778</sup> Luật này quy định quyền của người lao động di cư theo hợp đồng lao động ở các quốc gia khác, và nghĩa vụ của các doanh nghiệp khi đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.<sup>779</sup> Luật cũng đặt ra Quỹ hỗ trợ việc làm ngoài nước có mục tiêu phát triển và mở rộng thị trường lao động, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và hỗ trợ người lao động và doanh nghiệp xử lý rủi ro.<sup>780</sup>

Các nghị định và thông tư khác đề cập thêm trách nhiệm của các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này gồm Nghị định 144/2007/NĐ-CP xử phạt vi phạm hành chính trong việc đưa người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài, Thông tư liên tịch 09/2006/TTLT/BLĐTBXH-BCA-VKSNDTC-TANDTC về truy cứu trách nhiệm hình sự của người có hành vi vi phạm pháp luật, và Bộ quy tắc ứng xử của Hiệp hội Xuất khẩu lao động Việt

767 Việt Nam đã phê chuẩn 7 trong số 9 công ước cốt lõi về quyền con người bao gồm: Công ước Chống tra tấn và các hình phạt hay đối xử tàn ác hoặc vô nhân đạo khác; ICCPR; CEDAW; Công ước quốc tế về Xóa bỏ mọi hình thức phân biệt chủng tộc; ICESCR; Công ước về Quyền trẻ em; Công ước về Quyền của người khuyết tật.

768 Xem thêm Tổ chức Di cư quốc tế (IOM), ‘Thỏa thuận toàn cầu về Di cư an toàn, có trật tự và thường xuyên’. Thông tin có tại: <https://www.iom.int/global-compact-migration>. Truy cập ngày 13/9/2020.

769 Quyết định 402/QĐ-TTg ngày 20/3/2020 về kế hoạch triển khai Thỏa thuận toàn cầu về Di cư hợp pháp, an toàn và trật tự của LHQ. Thông tin có tại: <https://lanhsuvietnam.gov.vn/Lists/BaiViet/B%3%A0i%20vi%20E1%BA%Bf/DispForm.aspx?List=dc-7c7d75%2D6a32%2D4215%2Dafeb%2D47d4bee70ee&ID=1041>. Truy cập ngày 19/9/2020.

770 UNGP. Nguyên tắc 3 (Ct. 2).

771 LHQ, ‘SDG’. Mục tiêu số 8 (Ct. 34).

772 LHQ, ‘Các chỉ số SDG’ (Ct. 232).

773 Nt.

774 Nt.

775 ASEAN, ‘Tuyên bố ASEAN về bảo vệ và thúc đẩy quyền của người lao động di cư’, (2012), (2007). Thông tin có tại: [https://asean.org/?static\\_post=asean-declaration-on-the-protection-and-promotion-of-the-rights-of-migrant-workers](https://asean.org/?static_post=asean-declaration-on-the-protection-and-promotion-of-the-rights-of-migrant-workers). Truy cập ngày 29/9/2019.

776 UN Global Compact, ‘Các nguyên tắc Dhaka về di cư được tôn trọng phẩm giá’, (2012). Thông tin có tại: <http://supply-chain.unglobalcompact.org/site/article/141>. Truy cập ngày 29/9/2019.

777 ILO, ‘Nguyên tắc chung và hướng dẫn hoạt động để tuyển dụng công bằng, định nghĩa về phí tuyển dụng và chi phí liên quan’, (2019). (Ct. 447).

778 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006 (Ct. 483).

779 Nt.

780 Nt.

Nam đưa ra các nguyên tắc tuân thủ cơ bản cho các doanh nghiệp tuyển dụng lao động làm việc ở nước ngoài.<sup>781</sup>

CESCR đã thể hiện sự quan ngại về những hạn chế tồn tại trong hành lang pháp lý hiện nay về lĩnh vực này.<sup>782</sup> Cụ thể, phạm vi điều chỉnh của Luật 72 khá hẹp và vẫn thiếu sự tiếp cận tới các dịch vụ hỗ trợ, và do vậy khiến người lao động Việt Nam di cư dễ bị tổn thương và bóc lột.<sup>783</sup> CEACR lưu ý rằng khung pháp lý hiện tại của Việt Nam chưa cho phép người lao động di cư thành lập công đoàn.<sup>784</sup>

Các quy định của Luật 72 về lệ phí và chi phí phát sinh của người lao động di cư như một phần của quy trình tuyển dụng không tương thích với Công ước số 181 của ILO về Các cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân (1997). Như đã nêu ở trên, Công ước số 181 nghiêm cấm việc thu các khoản phí như vậy do gia tăng rủi ro về tình trạng lao động gán nợ.<sup>785</sup>

Việt Nam cũng đã ký kết một số thoả thuận song phương và biên bản ghi nhớ về lao động di cư với một số quốc gia, bao gồm Campuchia, Lào, Trung Quốc, Thái Lan, Angola, Nga và Síp. Các thoả thuận này quy định về các loại việc làm, điều khoản thị thực làm việc, các nỗ lực chung nhằm chống buôn bán người, các vấn đề khác liên quan đến chính sách di trú và thực tiễn giữa Việt Nam và các nước đối tác.

### • Cơ chế giải quyết khiếu nại

Luật 72 quy định về giải quyết tranh chấp và xử lý vi phạm.<sup>786</sup> Cụ thể, Luật cho phép người lao động khiếu nại hoặc tố cáo hoặc khởi kiện chống lại các hành vi bất hợp pháp trong việc đưa người lao động ra nước ngoài.<sup>787</sup> Theo đó, Nghị định 119/2014/NĐ-

CP đã được thông qua để điều chỉnh việc xử lý các khiếu nại và tố cáo, kể cả đối với đơn vị tuyển dụng.<sup>788</sup> Tuy nhiên, Nghị định này không áp dụng cho các cơ quan tuyển dụng nhà nước, cũng không áp dụng cho các cơ quan tuyển dụng hoạt động theo hợp đồng được đàm phán trực tiếp với chủ lao động.<sup>789</sup> Bộ quy tắc ứng xử của Hiệp hội Xuất khẩu lao động Việt Nam 2010 hướng dẫn giải quyết tranh chấp giữa người lao động di cư và chủ lao động ở nước ngoài.<sup>790</sup>

Luật số 72 hiện đang được sửa đổi để đảm bảo phù hợp với Hiến pháp và các vấn đề mới liên quan đến lao động di trú quốc tế và bảo vệ quyền công dân. Dự thảo luật sửa đổi dự kiến sẽ được trình Quốc hội phê chuẩn vào cuối năm 2020<sup>791</sup> bao gồm các điều khoản về các hình thức người lao động làm việc ở nước ngoài, danh sách các đối tượng được phép ký hợp đồng làm việc ở nước ngoài, minh bạch hóa các quy định và cải thiện các điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực này, và tuyển dụng, đào tạo và chuẩn hóa các thủ tục để đưa người lao động ra nước ngoài.<sup>792</sup>

### • Lao động di cư quốc tế ở Việt Nam

Việc bảo vệ người lao động di cư tại Việt Nam được ghi nhận chủ yếu trong các quy định chung của Bộ luật Lao động, bao gồm một mục riêng về người nước ngoài làm việc tại Việt Nam.<sup>793</sup>

781 Xem thêm IOM, "VAMAS ra mắt Bộ quy tắc ứng xử sửa đổi nhằm thúc đẩy tuyển dụng đạo đức lao động di cư ở Việt Nam", (24/4/2018). Thông tin có tại: <https://www.iom.int/news/vamas-launches-revised-code-conduct-promote-ethical-recruitment-migrant-workers-viet-nam>. Truy cập ngày 29/9/2019.

782 CESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 266).

783 Nt.

784 ILO, 'Khảo sát chung liên quan đến các vấn đề về lao động nhập cư'. Trang 133 (Ct. 759).

785 ILO, 'Công ước số 181 về Các cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân', (1997). Điều 8 (Ct. 446).

786 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng 2006 (Ct. 483).

787 Nt. Điều 44.6.

788 Nghị định 119/2014/ND-CP ngày 17/12/2014 quy định chi tiết một số điều của Bộ luật Lao động, Luật Dạy nghề, Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng về khiếu nại, tố cáo. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Lao-dong-Tien-luong/Nghi-dinh-119-2014-ND-CP-huong-dan-Bo-luat-Lao-dong-Luat-Day-nghe-lao-dong-di-lam-viec-o-nuoc-ngoai-khieu-nai-to-cao-261011.aspx>. Truy cập ngày 19/9/2019.

789 ILO, 'Cơ chế khiếu nại đối với người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài: Tổng quan về luật pháp và thực tiễn', (2015). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS\\_482928/lang-en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Whatwedo/Publications/WCMS_482928/lang-en/index.htm). Truy cập ngày 19/9/2019.

790 Hiệp hội Xuất khẩu lao động Việt Nam (VAMAS), 'Bộ quy tắc ứng xử'. Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/migpractice/migmmain.showPractice?p\\_lang=en&p\\_practice\\_id=116](https://www.ilo.org/dyn/migpractice/migmmain.showPractice?p_lang=en&p_practice_id=116). Truy cập ngày 20/9/2019.

791 Nghị quyết 78/2019/QH14 về chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2020, điều chỉnh Chương trình xây dựng luật, pháp lệnh năm 2019. Thông tin có tại: <http://congbao.chinhphu.vn/thuoc-tinh-van-ban-so-78-2019-qh14-29168?cbid=27125>. Truy cập ngày 5/9/2020.

792 Dự thảo thứ 4 Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng. Thông tin có tại: <http://duthaoonline.quochoi.vn/Pages/dsduthao/chitietduthao.aspx?id=1788>. Truy cập ngày 13/7/2020.

793 Bộ luật Lao động 2019. Điều 8 (Ct. 263).

- **Di cư trong nước**

CESCR đã bày tỏ mối quan ngại về “tác động phân biệt đối xử của hệ thống đăng ký dân cư (hộ khẩu) đối với người di cư trong nước về tiếp cận các dịch vụ xã hội và các quyền con người khác như quyền nhà ở và quyền được hưởng nước sạch và vệ sinh.”<sup>794</sup> Ủy ban CEDAW cũng bày tỏ mối lo ngại về việc người lao động di cư trong nước, bao gồm cả phụ nữ và trẻ em gái, phải đối mặt với nhiều rào cản khi tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản của mọi công dân Việt Nam.<sup>795</sup>

## Khung thiết chế

Bộ LĐTBXH là cơ quan nhà nước chịu trách nhiệm chính trong việc quản lý lao động từ Việt Nam ra nước ngoài, cũng như người di trú trong nước và quốc tế tại Việt Nam. Cục Quản lý lao động ngoài nước và Cục Việc làm chịu trách nhiệm trực tiếp trong việc quản lý lao động di cư từ Việt Nam sang các nước khác.<sup>796</sup> Chính phủ Việt Nam đã thành lập các đơn vị quản lý lao động và văn phòng đại diện tại các quốc gia có số lượng lớn lao động di cư Việt Nam.<sup>797</sup> Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và chính quyền địa phương và các cơ quan như Sở LĐTBXH được ủy nhiệm hỗ trợ người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài trở về.

## Khuyến nghị

1. Phê chuẩn và thực hiện hiệu quả Công ước quốc tế về Bảo vệ quyền của người lao động di cư và thành viên của gia đình họ và các Công ước số 97, 143 và 181 của ILO.
2. Xây dựng kế hoạch hành động để đạt được các mục tiêu SDG và chia sẻ dữ liệu về việc giám sát thực hiện các SDG số 8.8, 10.7 và 10c về việc bảo vệ người lao động di cư.

<sup>794</sup> CESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 14 (Ct. 266).

<sup>795</sup> Ủy ban CEDAW, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 30 (Ct. 409).

<sup>796</sup> ILO, 'Khảo sát chung về các văn kiện về lao động di cư'. Trang 79 (Ct. 759).

<sup>797</sup> ILO, 'Khảo sát chung'. Thông tin có tại: <https://www.ilo.org/global/standards/applying-and-promoting-international-labour-standards/general-surveys/lang--en/index.htm>. Truy cập ngày 11/9/2019. Trang 157.

3. Mở rộng phạm vi của Luật 72 cho cả người lao động di cư theo hợp đồng cá nhân hoặc không thường xuyên, phù hợp với khuyến nghị liên quan của CESCR.<sup>798</sup>
4. Sửa đổi Luật 72 để nghiêm cấm việc thu lệ phí và chi phí liên quan trong quy trình tuyển dụng lao động di cư, đảm bảo phù hợp với Công ước số 181 của ILO về Các cơ quan dịch vụ việc làm tư nhân.
5. Hoàn thiện các cơ chế giải quyết khiếu nại và hỗ trợ pháp lý có tính đến tình trạng dễ bị tổn thương, tính di động và sự phức tạp của di trú, phù hợp với khuyến nghị của CESCR.<sup>799</sup>
6. Đảm bảo người di trú trong nước và gia đình của họ, bao gồm cả những người không có hộ khẩu, được hưởng tất cả các quyền được công nhận cho mọi công dân Việt Nam, phù hợp với khuyến nghị của Ủy ban CEDAW.<sup>800</sup>
7. Sửa đổi Luật 72 có tính đến yếu tố giới và đáp ứng được nhu cầu đặc thù của phụ nữ và trẻ em gái di trú, phù hợp với khuyến nghị của Ủy ban CEDAW về vấn đề này.<sup>801</sup>
8. Xây dựng các quy trình khẩn cấp để bảo vệ và duy trì quyền của người lao động di cư Việt Nam ở nước ngoài khi có khủng hoảng xảy ra, bao gồm các hướng dẫn, các biện pháp phòng ngừa về an toàn và sức khỏe, và khả năng hồi hương, ví dụ như trong bối cảnh đại dịch COVID-19.

## 5.4 Trẻ em

Trẻ em có mối liên hệ với các doanh nghiệp hàng ngày, cả trong và ngoài nơi làm việc. Đó là người lao động trẻ tuổi, con cái của người lao động, người tiêu dùng và thành viên của cộng đồng nơi các doanh nghiệp kinh doanh đang hoạt động. Theo Giáo sư John Ruggie, cựu Đại diện Đặc biệt của Tổng Thư ký LHQ, “trẻ em là một trong những thành viên dễ bị lờ mờ và tổn thương nhất trong xã hội và có thể bị ảnh hưởng nghiêm

<sup>798</sup> CESCR, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 19 (Ct. 266).

<sup>799</sup> Nt.

<sup>800</sup> Nt. Đoạn 31.

<sup>801</sup> CEDAW, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 31 (Ct. 409).

trọng, lâu dài bởi các hoạt động và quan hệ kinh doanh.”<sup>802</sup>

Phần này tập trung chủ yếu vào khung pháp lý về quyền trẻ em và kinh doanh. Tuy nhiên, các vấn đề liên quan đến lao động trẻ em được đề cập trong Chương 3.

## Cam kết quốc tế

Các cam kết quốc tế về quyền của trẻ em được quy định trong một loạt các điều ước và công ước về ILS. Việt Nam có nghĩa vụ bảo vệ và báo cáo về quyền trẻ em thông qua các cơ chế dựa trên điều ước. Theo đó Việt Nam là quốc gia thành viên của ba công ước có tính ràng buộc pháp lý: CRC,<sup>803</sup> Công ước số 182 về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất,<sup>804</sup> và Công ước số 138 về Tuổi lao động tối thiểu.<sup>805</sup>

CRC là công ước quốc tế cốt lõi đưa ra các tiêu chuẩn để bảo vệ trẻ em ở tất cả các khía cạnh của cuộc sống và bốn nguyên tắc có tính hướng dẫn về không phân biệt đối xử, sinh tồn và phát triển, lợi ích tốt nhất cho trẻ em, và sự tham gia của trẻ. Mặc dù công ước không đề cập cụ thể đến khu vực tư nhân<sup>806</sup> nhưng Ủy ban giám sát của Công ước đã thông qua Bình luận chung số 16 về nghĩa vụ của Nhà nước liên quan đến tác động của hoạt động kinh doanh đối với quyền trẻ em để đưa ra khuyến nghị và hướng dẫn cho chính phủ và các tổ chức liên quan về trách nhiệm tôn trọng quyền trẻ em của doanh nghiệp.<sup>807</sup>

Việc bảo vệ quyền trẻ em trong hoạt động kinh doanh được đề cập cụ thể trong hai Công ước số 182 và số 138 của ILO. Hai công ước này nhấn mạnh các tiêu chuẩn và nghĩa vụ của nhà nước trong việc loại bỏ các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất và đảm bảo mức lương tối thiểu cho trẻ em được

nhận vào làm việc.<sup>808</sup> Ba văn kiện không bắt buộc khác (UNGP, UN Global Compact, và Quyền trẻ em và nguyên tắc kinh doanh) là những văn kiện cụ thể về bảo vệ quyền trẻ em trong bối cảnh hoạt động kinh doanh.

Quyền trẻ em và nguyên tắc kinh doanh là văn kiện do UNICEF, UN Global Compact và tổ chức Save the Children xây dựng.<sup>809</sup> 10 nguyên tắc trong đó xác lập nhằm kêu gọi các doanh nghiệp xác định và đánh giá bất kỳ tác động bất lợi thực tế hoặc tiềm ẩn nào đối với quyền trẻ em mà doanh nghiệp có thể gây ra một cách trực tiếp hoặc gián tiếp qua chuỗi cung ứng hoặc chuỗi giá trị của mình. Cụ thể, Nguyên tắc này kêu gọi tất cả các doanh nghiệp cần:

1. Thực hiện trách nhiệm tôn trọng và hỗ trợ quyền trẻ em và cam kết hỗ trợ quyền trẻ em.
2. Góp phần xóa bỏ lao động trẻ em, trong mọi hoạt động và quan hệ kinh doanh.
3. Cung cấp việc làm thỏa đáng cho lao động trẻ tuổi, cha mẹ và người chăm sóc.
4. Đảm bảo bảo vệ và an toàn cho trẻ em trong tất cả các hoạt động và cơ sở kinh doanh.
5. Đảm bảo các sản phẩm và dịch vụ đều an toàn và tìm cách hỗ trợ các quyền trẻ em thông qua các sản phẩm và dịch vụ đó.
6. Sử dụng tiếp thị và quảng cáo trên cơ sở tôn trọng và hỗ trợ quyền trẻ em.
7. Tôn trọng và hỗ trợ quyền trẻ em liên quan đến môi trường, thu hồi và sử dụng đất.
8. Tôn trọng và hỗ trợ quyền trẻ em trong các thỏa thuận an ninh.
9. Giúp bảo vệ trẻ em bị ảnh hưởng trong các trường hợp khẩn cấp.
10. Tăng cường nỗ lực của cộng đồng và chính phủ để bảo vệ và thực hiện quyền trẻ em.<sup>810</sup>

802 Diễn đàn Trẻ em toàn cầu, UNICEF, 'Bản đồ quyền trẻ em và kinh doanh'. Thông tin có tại: <https://www.childrightsrightsatlas.org/about/>. Truy cập ngày 04/01/2020.

803 Công ước về quyền trẻ em (Ct. 479).

804 ILO, 'Công ước số 182 về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất', (1977) (Ct. 497).

805 ILO, 'Công ước số 138 về Tuổi lao động tối thiểu', (1977) (Ct. 496).

806 Việc cấm lao động trẻ em được ghi nhận tại Điều 32 của Công ước về Quyền trẻ em và các Công ước của ILO.

807 Ủy ban về Quyền trẻ em, 'Bình luận chung số 16', (2013). Thông tin có tại: [https://www.unicef.org/csr/css/CRC\\_General\\_Ver\\_EN-Glish\\_26112013.pdf](https://www.unicef.org/csr/css/CRC_General_Ver_EN-Glish_26112013.pdf). Truy cập ngày 22/9/2020.

808 Xem thêm Phần về Lao động trẻ em tại Chương 3 của Đánh giá này.

809 UNICEF, UNGC, Save the Children, 'Quyền trẻ em và các nguyên tắc kinh doanh', (2013). Thông tin có tại: <http://childrenand-business.org/the-principles/introduction/>. Truy cập ngày 25/2/2020.

810 Nt.

Bảo vệ quyền trẻ em trong kinh doanh cũng được ghi nhận trong SDG, tại Mục tiêu 3 về Đảm bảo cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi; Mục tiêu 4 về Giáo dục chất lượng; Mục tiêu 8 về Việc làm thỏa đáng và Tăng trưởng kinh tế; và Mục tiêu 16 về Hòa bình, Công lý và Thể chế mạnh mẽ.<sup>811</sup>

Liên quan đến việc bảo vệ trẻ em trên thị trường lao động, Việt Nam đã phê chuẩn Nghị định thư không bắt buộc về buôn bán trẻ em, mại dâm trẻ em và văn hóa phẩm khiêu dâm trẻ em<sup>812</sup> và các công ước quan trọng khác về tiếp thị kinh doanh cho trẻ em, như Hiến pháp của Tổ chức Y tế thế giới (WHO) và Công ước khung về Kiểm soát thuốc lá của WHO. Việt Nam cũng đã đưa những quy định của Bộ luật quốc tế về Tiếp thị kinh doanh các sản phẩm thay thế sữa mẹ vào các quy định luật trong nước.<sup>813</sup> Để bảo vệ quyền trẻ em trong kinh doanh tại cấp cộng đồng, và cung cấp môi trường an toàn và lành mạnh cho sự phát triển của trẻ em, Việt Nam đã ký và phê chuẩn Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu và Hiệp định Paris về Giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, thích ứng, và tài chính (ký năm 2016). Hiệp định này được thông qua theo Công ước khung của LHQ về Biến đổi khí hậu.<sup>814</sup>

## Khung pháp lý

Quyền trẻ em được ghi nhận trong Hiến pháp và được hỗ trợ thông qua nhiều luật liên quan. Hiến pháp quy định trẻ em vùng cao được hưởng sự bảo vệ, chăm sóc và giáo dục của gia đình, Nhà nước và xã hội; và được phép tham gia vào các vấn đề trẻ em. Xâm phạm, ngược đãi, bỏ rơi, lạm dụng và bóc lột sức lao động và các hình thức vi phạm quyền trẻ em khác đều bị nghiêm cấm.<sup>815</sup>

811 LHQ, 'SDG' (Ct. 34).

812 Các Công ước của LHQ (UNCT), Nghị định thư không bắt buộc của Công ước về Quyền trẻ em về buôn bán, mại dâm và khiêu dâm trẻ em, 2000. Thông tin có tại: [https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg\\_no=IV-11-c&chapter=4&clang=\\_en](https://treaties.un.org/Pages/ViewDetails.aspx?src=TREATY&mtdsg_no=IV-11-c&chapter=4&clang=_en). Truy cập ngày 25/2/2020.

813 WHO, 'Quy tắc quốc tế về tiếp thị sản phẩm thay thế sữa mẹ'. Thông tin có tại: [https://www.who.int/nutnut/publications/code\\_english.pdf](https://www.who.int/nutnut/publications/code_english.pdf). Truy cập ngày 22/9/2020.

814 UNICEF, 'Quyền trẻ em và kinh doanh, Phân tích quốc gia: Việt Nam'. Thông tin có tại: <https://www.childingsrightsatlas.org/country-data/countries/viet-nam/#analysis-tab>. Truy cập ngày 20/2/2020.

815 Hiến pháp Việt Nam. Điều 37 (Ct. 60).

Luật Trẻ em 2016 nghiêm cấm các hành vi vi phạm quyền trẻ em ở nhiều khía cạnh khác nhau, trong đó có bối cảnh hoạt động kinh doanh. Cụ thể, Luật nghiêm cấm các hành vi bạo lực, lạm dụng hoặc bóc lột trẻ em; các hành vi cung cấp dịch vụ internet bị cấm và các dịch vụ khác; các hành vi sản xuất, tái sản xuất, phát hành, vận hành, phổ biến, sở hữu, vận chuyển, lưu trữ và kinh doanh các ấn phẩm, đồ chơi, trò chơi và các sản phẩm khác có nội dung gây ảnh hưởng xấu đến sự phát triển lành mạnh của trẻ em; và các hành vi xây dựng cơ sở dịch vụ, cơ sở sản xuất hoặc kho chứa hàng hóa gây ô nhiễm môi trường, hành vi đặt các hóa chất độc hại hoặc chất dễ cháy gần các cơ sở cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em, cơ sở giáo dục, y tế, văn hóa, điểm vui chơi và giải trí của trẻ em hoặc ngược lại.<sup>816</sup> Luật Trẻ em hiện hành quy định bảo vệ trẻ em khỏi mọi hình thức bóc lột sức lao động và tác động của thiên tai, thảm họa và ô nhiễm môi trường.<sup>817</sup> Luật trẻ em cũng quy định trách nhiệm của doanh nghiệp là cung cấp các sản phẩm, dịch vụ an toàn và thân thiện, không gây hại cho trẻ em và không được xâm phạm quyền trẻ em theo quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tạo điều kiện cho nhân viên hoàn thành trách nhiệm làm cha mẹ hoặc người chăm sóc trẻ em, tạo điều kiện cho trẻ em được học việc và làm việc phù hợp với lứa tuổi và năng lực, đồng thời đóng góp và huy động các nguồn lực để thực hiện quyền trẻ em.<sup>818</sup>

Bộ luật Lao động nghiêm cấm tuyển dụng và sử dụng lao động chưa thành niên trái pháp luật.<sup>819</sup> Bộ luật Lao động cũng đưa ra các quy định cụ thể về tuổi của lao động chưa thành niên, nguyên tắc sử dụng lao động chưa thành niên, việc làm và giờ làm việc cho lao động dưới 15 tuổi, công việc và nơi làm việc cấm sử dụng lao động chưa thành niên.<sup>820</sup> Bộ luật Lao động cũng đề cập đến trách nhiệm của người sử dụng lao động trong việc chăm sóc thai sản cho nhân viên và các biện pháp bảo vệ khác cho trẻ nhỏ.<sup>821</sup> Ngoài ra, Bộ luật

816 Luật Trẻ em 2016. Điều 6 (Ct. 395).

817 Nt. Điều 26 và 31.

818 Nt.

819 Bộ luật Lao động 2012. Điều 8; Bộ luật Lao động 2019. Điều 8 (Ct. 263).

820 Bộ luật Lao động 2012. Chương XIV; Bộ luật Lao động 2019. Chương XI (Ct. 263).

821 Bộ luật Lao động 2012. Điều 155-160; Bộ luật Lao động 2019. Điều 137-142 (Ct. 263).

Lao động cũng quy định các doanh nghiệp có trách nhiệm hỗ trợ xây dựng các cơ sở chăm sóc ban ngày và nhà trẻ, hoặc chi trả một phần chi phí chăm sóc trẻ em cho người lao động.<sup>822</sup>

Luật An ninh mạng 2018 có quy định bảo vệ trẻ em trên không gian mạng, yêu cầu doanh nghiệp cung cấp dịch vụ internet có trách nhiệm kiểm soát hệ thống hoặc dịch vụ của họ nhằm không gây hại hoặc xâm phạm quyền trẻ em.<sup>823</sup> Luật này cũng đặt ra trách nhiệm đối với doanh nghiệp trong việc ngăn chặn việc chia sẻ và xóa thông tin nội dung có thể gây tổn hại hoặc ngược đãi trẻ em hoặc vi phạm quyền trẻ em.

Trong các lĩnh vực khác của pháp luật như thương mại, kinh doanh, môi trường, việc bảo vệ trẻ em hiếm được đề cập hơn. Tuy nhiên, có một số quy định trong các lĩnh vực khác của pháp luật doanh nghiệp liên quan đến trẻ em. Luật Quảng cáo 2012 cấm quảng cáo các sản phẩm thay thế sữa mẹ cho trẻ dưới 24 tháng tuổi, bổ sung chế độ ăn uống cho trẻ dưới 6 tháng tuổi, và bình sữa và núm vú giả.<sup>824</sup> Luật này cũng nghiêm cấm việc sử dụng quảng cáo khiến trẻ em suy nghĩ, nói và hành động trái với phong tục và đạo đức truyền thống, gây ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe, sự an toàn hoặc sự phát triển tự nhiên của trẻ.<sup>825</sup>

Luật Bảo vệ môi trường 2014 có điều khoản quy định về nguyên tắc bảo vệ môi trường phải hài hòa với việc đảm bảo quyền trẻ em.<sup>826</sup> Luật Đầu tư đề cập đến đầu tư vào các trung tâm chăm sóc trẻ mồ côi hoặc trẻ em lang thang không được hỗ trợ.<sup>827</sup> Luật Phòng, chống tác hại rượu bia 2019 đưa ra quy định về bảo vệ trẻ em, trách nhiệm của các tổ chức xã hội trong đó có doanh nghiệp về bảo vệ trẻ em trong phòng chống tác hại của bia rượu.<sup>828</sup>

822 Bộ luật Lao động 2012. Điều 152; Bộ luật Lao động 2019. Điều 136 (Ct. 263).

823 Luật An ninh mạng 2018, Luật số 24/2018/QH1. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=132957&Keyword=>. Truy cập ngày 03/3/2020. Điều 7.

824 Luật Quảng cáo 2012, Luật số 16/2012/QH13. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=163008](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=163008). Truy cập ngày 4/3/2020. Điều 7.

825 Nt. Điều 8.

826 Luật Bảo vệ môi trường 2014. Điều 4.2 (Ct. 195).

827 Luật Đầu tư 2014. Điều 16.1.m; Luật Đầu tư 2020. Điều 16.1.m (Ct. 64).

828 Luật Phòng, chống tác hại rượu bia 2019, Luật số 44/2019/QH14. Thông tin có bằng tiếng Việt tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=197311](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=197311). Truy cập ngày 19/8/2020. Điều 3, 12, 23, 25 và 31.

Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá 2012 nghiêm cấm doanh nghiệp quảng cáo thuốc lá trên báo chí, ấn phẩm dành cho trẻ em.<sup>829</sup>

Dựa trên việc đánh giá khung pháp lý hiện tại, chúng ta có thể thấy rằng mặc dù đã có nhiều quy định pháp luật liên quan đến trẻ em nhưng vẫn cần phải hoàn thiện khung pháp lý chung để bảo vệ quyền trẻ em liên quan đến hoạt động kinh doanh, đặc biệt là việc đưa nhiều hơn quyền trẻ em vào trong các quy định pháp luật cho doanh nghiệp. Hầu hết các quy định hiện hành về trẻ em và kinh doanh chủ yếu tập trung vào trách nhiệm kinh doanh tại nơi làm việc như lao động trẻ em và lạm dụng lao động trẻ em. Tuy nhiên, vẫn còn thiếu vắng một khung pháp lý về trách nhiệm của doanh nghiệp trong việc tôn trọng quyền trẻ em trong kinh doanh, tại cộng đồng địa phương, trong bối cảnh đảm bảo môi trường trong sạch và lành mạnh cho trẻ em. Ví dụ, Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng không có bất kỳ quy định nào về bảo vệ người tiêu dùng là trẻ em.<sup>830</sup>

## Khung thiết chế

Chương VI Luật Trẻ em quy định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc thực hiện quyền trẻ em.<sup>831</sup> Theo đó, tất cả các cơ quan nhà nước bao gồm Quốc hội, Hội đồng nhân dân các cấp, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân, Viện kiểm sát nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội đều có trách nhiệm bảo vệ quyền trẻ em.<sup>832</sup>

Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp có nhiệm vụ ra quyết định về kế hoạch, mục tiêu, chính sách và chương trình phát triển kinh tế xã hội cho trẻ em; giám sát việc thực hiện quyền của trẻ em theo quy định của pháp luật và phân bổ ngân sách nhà nước hàng năm để đảm bảo thực hiện các quyền của trẻ em.<sup>833</sup>

829 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá 2012, Luật số 09/2012/QH13. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&page=1&mode=detail&document\\_id=163544](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&page=1&mode=detail&document_id=163544). Truy cập ngày 19/8/2020. Điều 9.

830 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 (Ct. 631).

831 Luật Trẻ em 2016. Chương VI (Ct. 395).

832 Nt.

833 Nt. Điều 79.

Về phía các cơ quan của Chính phủ, Bộ LĐTBXH, cụ thể là Cục Trẻ em, là cơ quan trực tiếp chịu trách nhiệm quản lý Nhà nước về quyền trẻ em trong tất cả các lĩnh vực, bao gồm cả lĩnh vực kinh doanh.<sup>834</sup> Bộ Công an là đơn vị chủ trì, phối hợp với Bộ LĐTBXH, Trung ương Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Trung ương Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam và các cơ quan bảo vệ pháp luật hướng dẫn và tổ chức thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn hành vi bạo lực, bóc lột trẻ em, xâm hại tình dục và tội phạm liên quan đến trẻ em.<sup>835</sup> Trong trường hợp các doanh nghiệp có hành vi lạm dụng quyền trẻ em, Tòa án nhân dân và Viện kiểm sát nhân dân chịu trách nhiệm xem xét và áp dụng các biện pháp tư pháp để tiến hành xét xử.<sup>836</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông có nhiệm vụ đảm bảo trẻ em được tiếp cận thông tin trên các kênh thông tin truyền thông, được bảo vệ quyền riêng tư, đặc biệt trên môi trường trực tuyến, mạng máy tính, mạng viễn thông, thiết bị điện tử và các phương tiện truyền thông khác, bao gồm cả hệ thống do doanh nghiệp điều hành.<sup>837</sup> Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm đảm bảo quyền trẻ em trong các hoạt động giải trí, văn hóa, nghệ thuật, thể thao và du lịch.<sup>838</sup>

Như đã đề cập ở trên, VCCI phối hợp với Hội đồng Doanh nghiệp vì sự phát triển bền vững đã công bố danh sách CSI 100 để tuyên dương 100 doanh nghiệp bền vững hàng đầu tại Việt Nam. Tiêu chí đánh giá bao gồm các chỉ số liên quan đến quyền trẻ em như bảo vệ lực lượng lao động trẻ, lao động trẻ em, cung cấp dịch vụ giữ trẻ/chăm sóc trẻ em mẫu giáo, và hỗ trợ các nhân viên nuôi con bằng sữa mẹ.<sup>839</sup>

## Khuyến nghị

- Đảm bảo thực hiện hiệu quả Bình luận chung số 16 của Ủy ban CRC về nghĩa vụ của Nhà nước liên quan đến tác động của khu vực kinh doanh đối với quyền trẻ em.

834 Nt. Điều 82.

835 Nt. Điều 88.

836 Nt. Điều 81 và 83.

837 Nt. Điều 87.

838 Nt. Điều 86.

839 VBSCD, 'Bộ chỉ số Bền vững doanh nghiệp (CSI 100)' (Ct. 19).

- Tiếp tục nỗ lực xoá bỏ lao động trẻ em và thực hiện các biện pháp cần thiết để hài hòa hoá quy định của luật pháp trong nước nhằm đảm bảo thực thi Công ước số 182 của ILO về Các hình thức lao động trẻ em tồi tệ nhất.
- Đưa các quy định của Công ước số 138 của ILO về Độ tuổi lao động tối thiểu vào luật pháp trong nước, có sửa đổi các quy định liên quan đến danh mục các công việc nhẹ.
- Thúc đẩy, phổ biến các nguyên tắc kinh doanh và quyền trẻ em đến các cơ quan chính phủ, doanh nghiệp và các bên liên quan bằng cách nâng cao nhận thức và tăng cường năng lực qua truyền thông và đào tạo.
- Tiến hành đánh giá tác động của các hoạt động kinh doanh đối với quyền trẻ em, đặc biệt là những lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến trẻ em, và xây dựng chính sách liên quan đến quyền trẻ em và kinh doanh cho các cơ quan nhà nước có liên quan.
- Đảm bảo đưa quy định về trách nhiệm của doanh nghiệp về quyền trẻ em vào luật pháp, quy định và chính sách về kinh doanh, đầu tư thương mại, quảng cáo và môi trường.
- Tổng hợp các thông lệ tốt về thúc đẩy quyền trẻ em của các doanh nghiệp tham gia Chỉ số doanh nghiệp bền vững, chia sẻ và thông báo chính sách phát triển quốc gia để khuyến khích thực hiện rộng rãi trong cộng đồng doanh nghiệp.

## 5.5 Phụ nữ

Phụ nữ chiếm 48% lực lượng lao động ở Việt Nam<sup>840</sup> và có tỷ lệ tham gia lực lượng lao động tương đối cao so với mức trung bình trên thế giới. Với vai trò lãnh đạo doanh nghiệp, doanh nhân, người ra quyết định và người lao động, phụ nữ đã có đóng góp đáng kể cho nền kinh tế quốc dân, tạo ra lợi nhuận và thúc đẩy tăng trưởng của

840 Ngân hàng Thế giới, 'Lực lượng lao động, Nữ (% trong Tổng số lực lượng lao động), Thế giới', Dữ liệu Ngân hàng Thế giới, (2019). Truy cập ngày 22/9/2020.

các doanh nghiệp. Tuy nhiên, tỷ lệ phụ nữ giữ các vị trí quản lý cấp cao vẫn còn thấp. Bên cạnh đó, phụ nữ còn phải đối mặt với tình trạng phân biệt đối xử trên cơ sở giới, do đó, dễ gặp những rủi ro về quyền con người và bị hạn chế về khả năng tiếp cận nguồn lực, giáo dục, cơ hội việc làm hơn so với nam giới. Mặc dù các chính sách và khung pháp lý quốc gia đã có nhiều điều chỉnh, những thách thức lớn về phân biệt đối xử đối với phụ nữ vẫn còn tồn tại trong luật pháp và thực tiễn, đặc biệt trong vấn đề đảm bảo cơ hội lãnh đạo và ra quyết định.

## Cam kết quốc tế

Hầu hết các Công ước IHRL đều công nhận nguyên tắc bình đẳng giới và kêu gọi các quốc gia xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ. UDHR tuyên bố mọi người đều có quyền và tự do mà không có bất kỳ sự phân biệt nào kể cả giới tính.<sup>841</sup> ICCPR và ICESCR đều cấm phân biệt đối xử trên cơ sở giới và đảm bảo quyền bình đẳng giới.<sup>842</sup> CEDAW được Việt Nam phê chuẩn năm 1982, quy định đầy đủ các quyền của phụ nữ và yêu cầu các quốc gia thành viên tiến hành mọi biện pháp thích hợp, kể cả về mặt lập pháp, để đảm bảo sự phát triển toàn diện và tiến bộ của phụ nữ.<sup>843</sup>

Báo cáo định kỳ thứ bảy và thứ tám của Việt Nam đã được Ủy ban CEDAW xem xét vào năm 2015. Từ đối thoại mang tính xây dựng với Ủy ban CEDAW, Việt Nam đã nhận được 50 khuyến nghị để thúc đẩy và bảo vệ tốt hơn nữa các quyền của phụ nữ, trong đó có các khuyến nghị về bảo vệ quyền lao động của phụ nữ, phụ nữ làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức<sup>844</sup> và trao quyền kinh tế cho phụ nữ.<sup>845</sup> Trong chu kỳ UPR lần thứ ba, Việt Nam đã nhận được 19 khuyến nghị từ 18 quốc gia về các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới và quyền phụ nữ, trong đó có khuyến nghị về thúc đẩy sự tham gia của các doanh nghiệp trong việc xây dựng và thực thi các chính sách nhằm giảm bất

bình đẳng; đầu tư vào trao quyền kinh tế và thúc đẩy công việc tốt cho phụ nữ.<sup>846</sup>

Trong lĩnh vực quyền lao động, rất nhiều Công ước của ILO đã bảo vệ quyền của lao động nữ, bao gồm các văn kiện chính sau đây: Công ước số 111 về Phân biệt đối xử (trong việc làm và nghề nghiệp), Công ước số 100 về Trả công bình đẳng, Công ước số 156 về Người lao động có trách nhiệm gia đình, Công ước số 138 về Bảo vệ thai sản, và Công ước số 190 về Bạo lực và quấy rối. Việt Nam đã phê chuẩn Công ước số 156 và 183, tuy nhiên chưa tham gia Công ước số 111, 100 và 190.

Những văn kiện quốc tế không ràng buộc gần đây nhất mà Việt Nam cam kết thực hiện bao gồm UNGP, Chương trình nghị sự 2030, và Nguyên tắc Trao quyền cho phụ nữ (WEP) đều ghi nhận vai trò quan trọng của khu vực tư nhân trong việc thúc đẩy quyền của phụ nữ tại nơi làm việc.

UNGP kêu gọi tất cả các quốc gia ban hành hướng dẫn cho các doanh nghiệp để giải quyết hiệu quả vấn đề giới và những thách thức cụ thể mà phụ nữ phải đối mặt để hỗ trợ doanh nghiệp hoạt động trong các khu vực xung đột giải quyết vấn đề bạo lực tình dục trên cơ sở giới đối với phụ nữ; xác định các tác động tiêu cực tiềm ẩn liên quan đến quyền con người, giám sát tính hiệu quả của các biện pháp, đồng thời tính đến những rủi ro khác nhau mà phụ nữ và nam giới phải đối mặt.<sup>847</sup>

Chương trình nghị sự 2030 coi việc trao quyền kinh tế cho phụ nữ, bình đẳng giới, và không phân biệt đối xử với phụ nữ để đảm bảo không ai bị bỏ lại phía sau, là những nguyên tắc xuyên suốt của Chương trình. Các SDG kêu gọi các quốc gia đạt được bình đẳng giới và trao quyền cho tất cả phụ nữ và trẻ em gái, cụ thể là Mục tiêu 5 về Bình đẳng giới, Mục tiêu 8 về Việc làm thỏa đáng và tăng trưởng kinh tế, Mục tiêu 10 về Giảm bất bình đẳng và Mục tiêu 16 về Hòa bình, Công lý và Thể chế mạnh mẽ.<sup>848</sup>

## Nguyên tắc Trao quyền cho phụ nữ (WEP)

841 UDHR. Điều 1 (Ct. 233).

842 ICCPR. Điều 2 và 3 (Ct. 237); ICESCR. Điều 2 và 3 (Ct. 236).

843 CEDAW (Ct. 297).

844 Xem thêm thông tin về Người lao động phi chính thức trong Phần 5.1 của Chương này về lao động phi chính thức.

845 CEDAW, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam' (Ct. 407).

846 UNHRC, 'Báo cáo UPR - Việt Nam', (2019). Khuyến nghị số 133, 263 và 268 (Ct. 402).

847 UNGP. Nguyên tắc 3, 7, 18 và 20 (Ct. 2).

848 LHQ, 'SDG' (Ct. 34).



do UN Global Compact và UN Women xây dựng để hướng dẫn doanh nghiệp cách thức thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ tại nơi làm việc, trên thị trường và ở cộng đồng.<sup>849</sup> WEP kết hợp các tiêu chuẩn quốc tế về lao động và quyền con người để ghi nhận doanh nghiệp có trách nhiệm thúc đẩy bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Tại thời điểm thực hiện Đánh giá này, có 3616 công ty đã ký kết WEP, trong đó có 71 doanh nghiệp tại Việt Nam.<sup>850</sup>

## Khung pháp lý

Hiến pháp đảm bảo quyền bình đẳng, công bằng và không phân biệt đối xử đối với nam và nữ trong các lĩnh vực của đời sống công và tư và nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới.<sup>851</sup> Từ khi thực hiện công cuộc ‘Đổi mới’ năm 1986, Việt Nam đã thông qua một số luật quan trọng và các công cụ pháp lý liên quan đến bảo vệ phụ nữ tại nơi làm việc. Luật Bình đẳng giới 2006 khẳng định bình đẳng giới trong tất cả các lĩnh vực bao gồm phát triển kinh tế và việc làm.<sup>852</sup> Nguyên tắc bình đẳng, không phân biệt đối xử giữa nam và nữ được tiếp tục khẳng định trong Bộ luật Lao động 2012 và 2019, Luật Trẻ em 2016, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Bộ luật Dân sự 2015, Luật Bảo hiểm xã hội 2014, Luật Phòng, chống bạo lực gia đình 2007, Luật Đất đai 2013, Luật Phòng, chống mua bán người 2011, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ 2017 và Luật Người khuyết tật 2010. Bộ luật Lao động 2019 nhấn mạnh sự cần thiết phải bảo vệ phụ nữ hơn nữa trong mọi lĩnh vực kinh doanh, bao gồm thu hẹp khoảng cách về tuổi nghỉ hưu, đảm bảo phụ nữ không bị loại khỏi một số công việc nhất định, mở rộng bảo vệ pháp lý cho lao động không chính thức bao gồm phụ nữ, xác định và nghiêm cấm hành vi quấy rối tình dục tại nơi làm việc.<sup>853</sup> Về mặt chính sách và các chương trình, Chính phủ Việt Nam đã ban hành một số văn bản có nội dung bảo vệ phụ

nữ tại nơi làm việc như Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới 2011-2020<sup>854</sup> và Đề án Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp 2017-2025.<sup>855</sup>

Mặc dù đã đạt được nhiều tiến bộ trong việc xây dựng khung pháp lý về bảo vệ phụ nữ, quy định pháp luật trong một số lĩnh vực, đặc biệt là lĩnh vực kinh doanh, vẫn cần được tiếp tục củng cố, tăng cường. Bộ luật Lao động 2019 vẫn còn bị ảnh hưởng bởi khuôn mẫu gia trưởng, thể hiện qua quy định về nghỉ phép của cha mẹ hoặc yêu cầu người sử dụng lao động giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo tại Chương X, qua đó thừa nhận quan niệm xã hội cho rằng việc chăm sóc con cái là vấn đề liên quan đến lao động nữ thay vì bình đẳng nam nữ trong vai trò làm cha mẹ. Trong lĩnh vực kinh doanh, việc lồng ghép yếu tố giới vào nội quy, quy định của doanh nghiệp vẫn chưa được thực hiện rõ ràng và vẫn còn những khoảng trống trong khung pháp lý để giải quyết vấn đề phân biệt đối xử, bóc lột lao động nữ trực tiếp hoặc gián tiếp và bảo vệ phụ nữ chống lại quấy rối tình dục ở nơi làm việc. Mặc dù Luật Bình đẳng giới 2006 quy định cần lồng ghép vấn đề giới vào các văn bản pháp luật khác để bảo đảm bình đẳng giới, yêu cầu này chưa được thực hiện đầy đủ trong pháp luật về kinh doanh. Việc cấm phân biệt đối xử về giới đã được đề cập trong một số điều khoản pháp luật liên quan đến kinh doanh, đáng chú ý là Luật Quảng cáo 2012 cấm các hành vi sử dụng quảng cáo thể hiện phân biệt đối xử về giới, Luật Hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ 2017 có quy định hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ do phụ nữ làm chủ, doanh nghiệp dụng nhiều lao động nữ; và Luật Doanh nghiệp 2014 và 2020<sup>856</sup> có một điều khoản về nghĩa vụ của các doanh nghiệp tuân thủ các quy định của Luật Bình đẳng giới.<sup>857</sup> Tuy nhiên, một số luật khác liên quan đến kinh doanh như

849 UN Women, UN Global Compact, ‘Nguyên tắc Trao quyền cho phụ nữ (WEP)’, (2010) (Ct. 170).

850 Nt. ‘Các bên ký kết WEP’.

851 Hiến pháp Việt Nam. Điều 26 (Ct. 60).

852 Luật Bình đẳng giới 2006, Luật số 73/2006/QH11. Thông tin có tại: [http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=28975](http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&mode=detail&document_id=28975). Truy cập ngày 14/1/2020.

853 Bộ luật Lao động 2012 và Bộ luật Lao động 2019 (Ct. 263).

854 Quyết định 2351/QĐ-TTg ngày 24/12/2012 về Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới trong giai đoạn 2011-2020. Thông tin có tại: <http://www.chinhphu.vn/portal/page/portal/English/strategies/strategiesdetails?categoryId=30&articleId=10050924>. Truy cập ngày 22/9/2020.

855 Quyết định 939/QĐ-TTg ngày 30/6/2017 phê duyệt đề án “Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2017 - 2025”. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=2&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=190243](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=2&_page=1&mode=detail&document_id=190243). Truy cập ngày 24/01/2020.

856 Luật Quảng cáo 2012 (Ct. 824).

857 Luật Doanh nghiệp 2014. Điều 8; Luật Doanh nghiệp 2020. Điều 8. (Ct. 63)

Luật Đầu tư 2014 và 2020,<sup>858</sup> Luật Cảnh tranh 2018,<sup>859</sup> và Luật Du lịch 2017<sup>860</sup> cần được bổ sung, điều chỉnh để giải quyết hiệu quả vấn đề bình đẳng và chống phân biệt đối xử về giới, bao gồm đưa lăng kính về giới vào nội dung đánh giá tác động xã hội ở các giai đoạn có liên quan của vòng đời dự án đầu tư theo Luật Đầu tư.

## Khung thiết chế

Bộ LĐTBXH là cơ quan Chính phủ chịu trách nhiệm thúc đẩy và lồng ghép bình đẳng giới. Vụ Bình đẳng giới của Bộ LĐTBXH chịu trách nhiệm soạn thảo luật và các văn kiện pháp lý, chiến lược, chương trình, kế hoạch, và dự án trong lĩnh vực này. Vụ cũng có chức năng giám sát việc thực thi pháp luật về bình đẳng giới và các khuyến nghị của CEDAW, đánh giá việc lồng ghép bình đẳng giới trong quá trình xây dựng pháp luật.<sup>861</sup> Các bộ và cơ quan ngang bộ khác có nhiệm vụ phối hợp với Bộ LĐTBXH trong việc thực hiện quản lý nhà nước về bình đẳng giới.<sup>862</sup> Ở địa phương, Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về bình đẳng giới. Ngoài ra, các tổ chức xã hội như Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam cùng với sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế như UN Women và các bên liên quan khác cũng đóng vai trò quan trọng trong việc giải quyết bình đẳng giới thông qua hỗ trợ kỹ thuật trong quá trình soạn thảo luật và tổ chức các hội thảo hướng tới thay đổi khuôn mẫu xã hội.

858 Luật Đầu tư 2014 và Luật Đầu tư 2020 (Ct. 64).

859 Luật Cảnh tranh 2018, Luật số 23/2018/QH14. Thông tin có bằng tiếng Việt tại: <http://congbao.chinhphu.vn/noi-dung-van-ban-so-23-2018-gh14-26888>. Truy cập ngày 24/1/2020.

860 Luật Du lịch 2017, Luật số 09/2017/QH14. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/van-hoa-xa-hoi/Luat-du-lich-2017-322936.aspx>. Truy cập ngày 09/01/2020.

861 Quyết định 1246/QĐ-LĐTBXH ngày 09/8/2017 về vai trò, trách nhiệm, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Vụ Bình đẳng giới. Thông tin có tại: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Quyết-dinh-1246-QĐ-LĐTBXH-2017-chuc-nang-nhiem-vu-quyen-han-co-cau-to-chuc-Vu-Binh-dang-gioi-358600.aspx>. Truy cập ngày 23/01/2020.

862 Nghị định 70/2008/NĐ-CP ngày 04/6/2008 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bình đẳng giới. Thông tin có tại: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvan-ban?class\\_id=1&mode=detail&document\\_id=69337](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvan-ban?class_id=1&mode=detail&document_id=69337). Truy cập ngày 25/1/2020.

## Khuyến nghị

1. Đảm bảo thúc đẩy bình đẳng giới, trao quyền cho phụ nữ và trẻ em gái được đưa vào pháp luật và chính sách liên quan đến kinh doanh.
2. Thực hiện các biện pháp tăng cường trách nhiệm của các Bộ, ban ngành, đặc biệt là các cơ quan có trách nhiệm quản lý nhà nước về kinh tế và hoạt động kinh doanh, về quản lý doanh nghiệp để giải quyết vấn đề bình đẳng giới và bảo vệ lao động nữ.
3. Củng cố vai trò của DNNN về thúc đẩy bình đẳng giới và giải quyết tình trạng phân biệt đối xử với phụ nữ để DNNN đóng vai trò tiên phong trong trong khu vực kinh doanh, bao gồm thông qua các chính sách tăng cường sự đại diện của phụ nữ ở các vị trí quản lý điều hành.
4. Tiếp tục thu hẹp và xóa bỏ hoàn toàn khoảng cách tuổi nghỉ hưu giữa nam và nữ trong Bộ luật Lao động.
5. Thực hiện các biện pháp giải quyết vấn đề bạo lực với phụ nữ tại nơi làm việc, tiến tới xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ tại nơi làm việc, ví dụ như quấy rối tình dục, bao gồm thi hành các quy định có liên quan trong Bộ luật Lao động và phê chuẩn Công ước số 190 về Bạo lực và quấy rối.
6. Phát triển chính sách và đầu tư vào việc trao quyền kinh tế, tạo cơ hội kinh doanh và thúc đẩy việc làm thỏa đáng cho phụ nữ thông qua hợp tác với các tổ chức quốc tế liên quan.<sup>863</sup>
7. Đảm bảo thực hiện hiệu quả SDG số 5 bằng cách đảm bảo sự tham gia đầy đủ và hiệu quả của phụ nữ ở mọi cấp độ vào đời sống kinh tế, thực hiện cải cách nhằm mang lại cho phụ nữ quyền bình đẳng đối với các nguồn lực kinh tế, tiếp cận quyền sở hữu, kiểm soát đất đai và các hình thức tài sản, dịch vụ tài chính khác.

863 UNHRC, 'Báo cáo UPR - Việt Nam', (2019). Khuyến nghị số 247 (Ct. 402).

## 5.6 Người khuyết tật

Người khuyết tật (NKT) bao gồm những người “có khiếm khuyết lâu dài về thể chất, tâm thần, trí tuệ hoặc giác quan và khi tương tác với những rào cản khác nhau có thể phương hại đến sự tham gia hữu hiệu và trọn vẹn của họ vào xã hội trên cơ sở bình đẳng với những người khác.”<sup>864</sup> Do đó, khuyết tật không chỉ là vấn đề sức khỏe mà còn phản ánh sự tương tác kết hợp giữa các đặc điểm của cơ thể con người, tình trạng tâm lý xã hội của họ và các thuộc tính của xã hội nơi người đó sinh sống. Vượt qua những khó khăn mà NKT gặp phải đòi hỏi phải có sự can thiệp để xây dựng năng lực và trao quyền cho họ cũng như xóa bỏ các rào cản về môi trường và xã hội đối với sự tham gia của họ vào xã hội.<sup>865</sup> NKT phải đối mặt với những khó khăn to lớn trong việc tiếp cận và thực hiện các quyền của mình tại gia đình, tại nơi làm việc và trong cộng đồng.

### Cam kết quốc tế

Việt Nam là thành viên của hai công ước có ràng buộc pháp lý là Công ước về Quyền của NKT (CRPD)<sup>866</sup> và Công ước ILO số 159 về Tái thích ứng nghề nghiệp và việc làm cho NKT.<sup>867</sup>

CRPD được xem là một công cụ pháp lý với khía cạnh phát triển xã hội rõ ràng, mở rộng cho nhiều nhóm NKT, đồng thời là một mô hình xã hội đảm bảo tất cả quyền tự do cơ bản của NKT. Văn kiện này làm rõ các nhóm quyền của NKT và các lĩnh vực mà NKT cần thích ứng để thực hiện hiệu quả quyền của mình, các lĩnh vực mà quyền của họ bị vi phạm và cần được bảo vệ.<sup>868</sup> Công ước kêu gọi các quốc gia “công nhận quyền lao động của NKT trên cơ sở bình đẳng với những người khác; quyền này bao gồm cả quyền có cơ hội tự kiếm sống bằng hình thức lao động

do người lao động chọn hoặc chấp nhận trên thị trường lao động và trong môi trường lao động mở, dễ tiếp cận đối với NKT.<sup>869</sup> Tại thời điểm tiến hành Đánh giá này, Việt Nam dự kiến sẽ thực hiện đánh giá ban đầu về tình hình thực hiện công ước với Ủy ban CRPD vào năm 2021.

Việt Nam phê chuẩn Công ước số 159 năm 2019,<sup>870</sup> có hiệu lực vào năm 2020. Theo yêu cầu của Công ước, Việt Nam cần xây dựng một chính sách quốc gia để đảm bảo “các biện pháp phục hồi chức năng để làm việc phù hợp cho NKT và thúc đẩy cơ hội việc làm cho họ trên thị trường lao động.”<sup>871</sup>

UNGP lưu ý các doanh nghiệp cần tôn trọng quyền của các nhóm bị tác động bất lợi từ các hoạt động kinh doanh, bao gồm NKT.<sup>872</sup> UN Global Compact cho rằng các doanh nghiệp cần thúc đẩy sự đa dạng, theo đó, việc có NKT là nhân viên, nhà cung cấp và khách hàng có thể mang lại lợi thế cạnh tranh.<sup>873</sup>

Nhiều biện pháp khác đã được quốc tế thực hiện để đảm bảo quyền của NKT trong hoạt động kinh doanh. Năm 2002, ILO xây dựng Quy tắc thực hành quản lý NKT tại nơi làm việc<sup>874</sup> để hướng dẫn người sử dụng lao động cách áp dụng một chiến lược quản lý tốt các vấn đề liên quan đến NKT. Năm 2017, UN Global Compact và ILO đã xây dựng “Hướng dẫn doanh nghiệp về quyền của NKT” với những đề xuất về hành động, biện pháp, và các thực hành tốt.<sup>875</sup> Mặc dù các văn kiện này không có tính ràng buộc về mặt pháp lý, nhưng đây là các hướng dẫn rõ ràng và thiết thực cho Việt Nam để đảm bảo quyền của NKT được doanh nghiệp tôn trọng và hỗ trợ.

869 Nt. Điều 27.

870 ILO, “Việt Nam phê chuẩn Công ước ILO về Việc làm cho người khuyết tật”, (ngày 26/3/2019). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS\\_679336/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/hanoi/Informationresources/Publicinformation/newsitems/WCMS_679336/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 15/3/2020.

871 ILO, “Công ước 159 về Phục hồi hướng nghiệp và việc làm cho NKT”, (1983). Điều 3 (Ct. 867).

872 UNGP (Ct. 2).

873 UN Global Compact, (2000). Thông tin có tại: <https://www.unglobalcompact.org>. Truy cập ngày 15/3/2020.

874 ILO, “Quy tắc thực hành để quản lý NKT tại nơi làm việc”, (2002). [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@ed\\_emp/document/publication/wcms\\_159118.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@ed_emp/document/publication/wcms_159118.pdf). Truy cập ngày 15/3/2020.

875 UNGC và ILO, “Hướng dẫn kinh doanh về quyền của NKT - Làm thế nào doanh nghiệp có thể tôn trọng và hỗ trợ quyền của NKT và hưởng lợi từ việc đó”, (2017). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/global/topics/disability-and-work/WCMS\\_633424/lang--en/index.htm](https://www.ilo.org/global/topics/disability-and-work/WCMS_633424/lang--en/index.htm). Truy cập ngày 20/2/2020.

864 LHQ, Công ước về Quyền của NKT (CRPD). Thông tin có tại: <https://www.un.org/development/desa/disabilities/convent-on-the-rights-of-persons-with-disabilities.html>. Truy cập ngày 15/3/2020.

865 WHO, “Người khuyết tật: Phản ứng của WHO”, Có tại: [https://www.who.int/health-topics/disability#tab=tab\\_3](https://www.who.int/health-topics/disability#tab=tab_3). Truy cập ngày 15/3/2020

866 Công ước về Quyền của NKT (CRPD) (Ct. 864).

867 ILO, “Công ước 159 về Phục hồi hướng nghiệp và việc làm cho NKT”, (1983). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:121000::NO:12100:P12100\\_INSTRUMENT\\_ID:312304:NO](https://www.ilo.org/dyn/normlex/en/f?p=NORMLEXPUB:121000::NO:12100:P12100_INSTRUMENT_ID:312304:NO). Truy cập ngày 15/3/2020.

868 Công ước về quyền của NKT (CRPD) (Ct. 864).

Các SDG, cụ thể là Mục tiêu 4, 8, 10, 11 và 17, kêu gọi cần có biện pháp can thiệp để hỗ trợ sự hòa nhập và bảo vệ NKT.<sup>876</sup> Trong bối cảnh kinh doanh và việc làm, Mục tiêu 4 nhằm xóa bỏ mất cân bằng giới trong giáo dục và đảm bảo tiếp cận bình đẳng về giáo dục và đào tạo cho tất cả mọi người, bao gồm NKT; Mục tiêu 8 đề cập đến tạo việc làm đầy đủ, năng suất và thỏa đáng cho NKT; Mục tiêu 10 về trao quyền và thúc đẩy hòa nhập xã hội, kinh tế và chính trị cho tất cả mọi người; và Mục tiêu 11 hướng đến việc tiếp cận đầy đủ các không gian công cộng, xanh và an toàn, mang tính hòa nhập và dễ tiếp cận với NKT. Mục tiêu 17 trong SDG nhằm mục đích tăng cường xây dựng năng lực cho các nước đang phát triển để thu thập dữ liệu phân tích theo nhóm của từng quốc gia, trong đó nhóm khuyết tật.

Hiệp định CPTPP và EVFTA kêu gọi các quốc gia đảm bảo tăng trưởng thương mại song song với phát triển bền vững thông qua cung cấp việc làm đầy đủ và hiệu quả cho mọi người, trong đó có NKT<sup>877</sup> và thúc đẩy bình đẳng, xóa bỏ phân biệt đối xử về việc làm và nghề nghiệp cho NKT.<sup>878</sup>

## Khung pháp lý

Quyền của NKT được công nhận cụ thể khuôn khổ pháp lý của Việt Nam. Hiến pháp khẳng định Nhà nước tạo cơ hội bình đẳng cho công dân được hưởng phúc lợi xã hội, phát triển hệ thống an sinh xã hội, thực hiện chính sách hỗ trợ NKT.<sup>879</sup> Hiến pháp tạo điều kiện thuận lợi cho NKT tiếp cận với việc học văn hóa và dạy nghề.<sup>880</sup>

Việt Nam đã thông qua Luật NKT 2010, công nhận quyền của NKT và trách nhiệm của Nhà nước, các bên liên quan trong việc đảm bảo và bảo vệ quyền của NKT. Luật khẳng định tất cả các cơ quan và tổ chức trong đó có doanh nghiệp, trong phạm vi nhiệm vụ của mình, có trách nhiệm chăm sóc và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của NKT.<sup>881</sup> Hơn nữa, Chương 5 về Việc làm và dạy nghề trong luật yêu cầu doanh nghiệp không được từ chối

tuyển dụng NKT đủ tiêu chuẩn vào làm việc hoặc đặt ra tiêu chuẩn tuyển dụng nhằm hạn chế cơ hội làm việc của NKT; và cần bố trí, sắp xếp công việc, bảo đảm điều kiện và môi trường làm việc phù hợp cho NKT.<sup>882</sup> Luật NKT cũng quy định các ưu đãi cho doanh nghiệp sử dụng từ 30% tổng số lao động trở lên là NKT, như hỗ trợ cải tạo điều kiện và môi trường làm việc cho NKT, tiếp cận vốn vay với lãi suất ưu đãi, ưu tiên cho thuê đất và được miễn, giảm tiền thuê đất.<sup>883</sup> Ngoài ra, các doanh nghiệp này còn được miễn thuế theo Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp.<sup>884</sup>

Bộ luật Lao động nghiêm cấm phân biệt đối xử trên cơ sở khuyết tật.<sup>885</sup> Việc bảo vệ người lao động khuyết tật được quy định trong Bộ luật Lao động.<sup>886</sup> Theo đó, người sử dụng lao động phải cung cấp chỗ ở hợp lý liên quan đến điều kiện làm việc, công cụ làm việc, an toàn lao động và các biện pháp y tế phù hợp với người lao động khuyết tật và phải tham khảo ý kiến của họ trước khi quyết định các vấn đề liên quan đến quyền và lợi ích của người lao động khuyết tật.<sup>887</sup> Người sử dụng lao động bị cấm sử dụng lao động khuyết tật để làm việc ngoài giờ và vào ban đêm mà không có thỏa thuận của họ, cũng như không được sử dụng người lao động khuyết tật để thực hiện công việc nặng hoặc nguy hiểm, hoặc tiếp xúc với các chất độc hại.<sup>888</sup>

Các luật khác như Luật Trẻ em 2016, Luật Khám chữa bệnh 2009, Luật Đầu tư 2014 và 2020, Luật Xây dựng 2014, Luật Nhà ở 2014 cũng có các quy định về bảo vệ NKT trong lĩnh vực công việc, việc làm, an sinh xã hội và các hoạt động kinh tế và dân sự. Ví dụ, Luật Trẻ em quy định trẻ em khuyết tật có tất cả các quyền trẻ em và được hưởng sự trợ giúp, chăm sóc và giáo dục đặc biệt để nhận được sự phục hồi và độc lập cần thiết nhằm đảm bảo sự tham gia và hòa

882 Nt. Điều 33.2, 33.3 và 33.4.

883 Nt. Điều 34.

884 Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp 2013, Luật số 32/2013/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpq-toanvan.aspx?ItemID=30615&dvid=13>. Truy cập ngày 27/3/2020. Điều 1.3.

885 Bộ luật Lao động 2012. Điều 8; Bộ luật Lao động 2019. Điều 8.

886 Bộ luật Lao động 2012. Chương XI; Bộ luật Lao động 2019. Chương XI (Ct. 263).

887 Bộ luật Lao động 2019. Điều 159 (Ct. 263).

888 Nt. Điều 160.

876 LHQ, 'SDG' (Ct. 34).

877 EVFTA. Chương 13, Điều 13,14 (Ct. 28).

878 CPTPP. Chương 19, Điều 19.10 (Ct. 29).

879 Hiến pháp Việt Nam. Điều 59 (Ct. 60).

880 Nt. Điều 61.

881 Luật Người khuyết tật 2010. Điều 7 (Ct. 396).

nhập hoàn toàn vào xã hội.<sup>889</sup> Luật Đầu tư khuyến khích đầu tư vào các cơ sở thể thao và trung tâm chăm sóc được thiết kế phù hợp với NKT.<sup>890</sup> Tuy nhiên, hiện vẫn còn thiếu các quy định về NKT trong Nội quy của các doanh nghiệp để tăng cường hơn nữa việc bảo vệ và hỗ trợ NKT.

## Khung thiết chế

Bộ LĐTBXH và Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện trách nhiệm quản lý Nhà nước về công tác khuyết tật ở trung ương và địa phương.<sup>891</sup> Cụ thể, Cục Bảo trợ xã hội của Bộ LĐTBXH có nhiệm vụ xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền ban hành và thực thi các văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, đề án, kế hoạch về NKT.<sup>892</sup> Ủy ban Quốc gia về NKT Việt Nam được thành lập theo Quyết định 1717/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ vào năm 2015 nhằm thúc đẩy thực thi Công ước LHQ về Quyền của NKT, thúc đẩy, giám sát và đánh giá việc thực thi Luật NKT và các chính sách liên quan đến NKT.<sup>893</sup>

Theo Luật NKT, hầu hết các Bộ quản lý lĩnh vực kinh doanh đều được giao trách nhiệm điều phối và thực hiện luật pháp, chính sách về NKT. Cụ thể, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các hoạt động nâng cao đời sống văn hóa, tinh thần cho NKT.<sup>894</sup> Bộ Xây dựng tổ chức thực hiện quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng bảo đảm điều kiện tiếp cận đối với người khuyết tật đối với các cơ sở hạ tầng công cộng;<sup>895</sup> Bộ Giao thông vận tải chịu trách nhiệm thực hiện quy chuẩn quốc gia về phương tiện, cơ sở hạ tầng giao thông, các công cụ hỗ trợ và chính sách ưu tiên đối với NKT tham gia giao thông công cộng, bao gồm cả chính sách đối với đơn vị tư nhân quản lý hệ thống giao thông nói trên.<sup>896</sup> Bộ Thông tin và Truyền thông quản

lý việc thi hành các vấn đề về tiếp cận thông tin và truyền thông cho NKT và hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng phổ biến và tuyên truyền chính sách, luật và hoạt động dành cho NKT. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì việc hướng dẫn và thực hiện quy định khuyến khích nghiên cứu, sản xuất và ứng dụng các thiết bị trợ giúp cho NKT.<sup>897</sup> Bộ Kế hoạch và Đầu tư có trách nhiệm hỗ trợ các dự án chăm sóc, điều dưỡng, chỉnh hình, phục hồi chức năng cho NKT.<sup>898</sup>

## Khuyến nghị

1. Phát triển các chính sách nâng cao nhận thức với các nhóm đối tượng khác nhau, trong đó có doanh nghiệp và NKT, về cách tiếp cận dựa trên quyền, tiếp cận y tế hoặc từ thiện để tăng khả năng tiếp cận của NKT vào thị trường lao động.
2. Tăng cường mức độ tuân thủ của khung pháp lý trong nước với CRPD, đặc biệt trong lĩnh vực chống phân biệt đối xử với NKT tại nơi làm việc, trên thị trường, trong cộng đồng và tăng cơ hội việc làm cho NKT ở cả thị trường lao động chính thức và phi chính thức.
3. Đảm bảo thực hiện các cam kết quốc tế về quyền con người của NKT bao gồm Mục tiêu 8.5 để đảm bảo đạt được việc làm đầy đủ, hiệu quả và thuận lợi cho tất cả những NKT và trả công bằng nhau cho công việc có giá trị như nhau.
4. Thực hiện có hiệu quả các biện pháp cải thiện chất lượng và khả năng tiếp cận dịch vụ thông tin và dạy nghề cho NKT nhằm hỗ trợ NKT tiếp cận thị trường lao động.
5. Tiếp tục áp dụng các chương trình khuyến khích doanh nghiệp có chính sách tuyển dụng và môi trường làm việc thân thiện cho NKT.

889 Luật Trẻ em 2016. Điều 35 (Ct. 395).

890 Luật Đầu tư 2014. Điều 16.1(l) và 16.1(m); Luật Đầu tư 2020. Điều 16.1(l) và 16.1(m) (Ct. 64).

891 Luật Người khuyết tật (2010). Điều 49 (Ct. 396).

892 Nt. Điều 50.

893 Ủy ban Quốc gia về NKT, 'Chức năng, nhiệm vụ, quyền và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban Quốc gia về NKT (NCD)'. Thông tin có tại: <http://ncd.btxh.gov.vn>. Truy cập ngày 15/3/2020.

894 Luật Người khuyết tật 2010. Điều 50 (Ct. 396).

895 Nt. Điều 50.

896 Nt.

897 Nt.

898 Nt.

## 5.7 Người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên giới tính

Ở nhiều quốc gia, người đồng tính, song tính, chuyển giới hoặc liên giới tính (LGBTI) thường xuyên phải đối diện với phân biệt đối xử, phần lớn dựa trên xu hướng tính dục, hay bản dạng giới (giới tính một cá nhân cảm nhận về bản thân), cách thể hiện hoặc đặc điểm giới tính.<sup>899</sup> Thái độ kỳ thị người đồng tính và người chuyển giới, cùng với việc thiếu quy định pháp lý chống phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới, khiến quyền và lợi ích hợp pháp của người LGBTI bị xâm phạm.<sup>900</sup>

Theo ILO, phân biệt đối xử tại nơi làm việc đối với những người có xu hướng tính dục và bản dạng giới đa dạng là một vấn đề đáng lo ngại trên toàn thế giới.<sup>901</sup> Tại Việt Nam, sau gia đình và trường học, nơi làm việc là môi trường thường xảy ra phân biệt đối xử nhất đối với người LGBTI; khoảng 30% đã từng bị từ chối nhận vào làm việc, 22.6% bị hạn chế thăng tiến, 13.5% bị buộc chuyển sang vị trí công việc khác vì họ là người LGBTI.<sup>902</sup>

Hiện tại, các biện pháp giải quyết các trường hợp người LGBTI bị phân biệt đối xử, quấy rối hoặc bắt nạt vẫn còn hạn chế.<sup>903</sup> Phân biệt đối xử với các nhóm LGBTI có thể ảnh hưởng đến doanh nghiệp và cộng đồng, gây giảm năng suất, mất thị phần và ảnh hưởng tiêu cực đến phát triển kinh tế, xã hội.<sup>904</sup> Do vậy, nội dung phần này tập trung vào các quy định quốc tế và pháp luật trong nước chính liên quan đến người LGBTI trong hoạt động kinh doanh, và đưa ra một số khuyến

ngợi để chống phân biệt đối xử và đảm bảo quyền và lợi ích của người LGBTI.

### Cam kết quốc tế

Khuôn khổ quốc tế về bảo vệ người LGBTI được xây dựng dựa trên các nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử. UDHR khẳng định “mọi người được sinh ra tự do và bình đẳng về nhân phẩm và quyền.”<sup>905</sup> Các công ước quốc tế về quyền con người cốt lõi đều công nhận các chuẩn mực quyền con người được áp dụng cho mọi người mà không có bất kỳ sự phân biệt nào dựa trên các yếu tố như chủng tộc, màu da, giới tính, ngôn ngữ, tôn giáo, hay quốc gia.<sup>906</sup>

Mặc dù các công ước cốt lõi về quyền con người không có điều khoản cụ thể về bảo vệ người LGBTI, các cơ quan giám sát công ước đều cấm phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới. UNHRC, CESCR, Ủy ban CRC và CEDAW đã đưa ra những bình luận chung để làm rõ nguyên tắc không phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục.<sup>907</sup> Ví dụ Bình luận chung số 18, 20, 22 và 23 của CESCR<sup>908</sup> nghiêm cấm phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục tại nơi làm việc. Theo đó, các quốc gia thành viên Công ước có nghĩa vụ cấm bất kỳ sự phân biệt đối xử nào với người LGBTI.

UNHRC đã nhiều lần bày tỏ quan ngại về bạo lực và phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới, và đã lập ra một Thủ tục đặc biệt, một chuyên gia độc

899 Tổ chức Ân xá quốc tế, 'Quyền của người LGBTI! Thông tin có tại: <https://www.amnesty.org/en/what-we-do/discrimination/lgbt-rights/>. Truy cập ngày 25/3/2020.

900 OHCHR, 'Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản sắc giới'. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Discrimination/Pages/LGBT.aspx>. Truy cập ngày 25/3/2020

901 ILO, 'PRIDE tại nơi làm việc - Nghiên cứu về phân biệt đối xử tại nơi làm việc trên cơ sở xu hướng tính dục và bản dạng giới ở Nam Phi', (2016). Thông tin có tại: [https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---gender/document/publication/wcms\\_481581.pdf](https://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/---dgreports/---gender/document/publication/wcms_481581.pdf). Truy cập ngày 25/3/2020

902 Huy, L., Phuong P., Viện Nghiên cứu xã hội, kinh tế và môi trường (ISEE), 'Có phải bởi vì tôi là LGBT? Phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới tại Việt Nam', (2015). Thông tin có tại: <http://isee.org.vn/wp-content/uploads/2018/11/nghien-cuu-phan-biet-doi-xu-dua-tren-xu-huong-tinh-duc-va-ban-dang-gioi-tai-viet-nam..pdf>. Truy cập ngày 22/9/2020. Trang 14.

903 ILO, 'PRIDE tại nơi làm việc', (2016) (Ct. 901).

904 OHCHR, 'Xóa bỏ phân biệt đối với người đồng tính, song tính, chuyển giới, liên giới', (2017). Thông tin có tại: <https://www.unfe.org/wp-content/uploads/2017/09/UN-Standards-of-Conduct.pdf>. Truy cập ngày 27/9/2020. Trang 19.

905 UDHR. Điều 8 (Ct. 233).

906 LHQ. Điều 2 (Ct. 237).

907 LHQ, Ủy ban CEDAW, 'Khuyến nghị chung số 28 về Nghĩa vụ cốt lõi của các quốc gia thành viên theo Điều 2 CEDAW', (2010), CEDAW/C/GC/28, Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/en/hrbodies/cedaw/pages/recommendations.aspx>. Truy cập ngày 08/4/2020. Đoạn 18; LHQ, Ủy ban Chống tra tấn (CAT), 'Bình luận chung số 3: Các quốc gia thành viên thực hiện Điều 14', (2012). Thông tin có tại: [https://www2.ohchr.org/english/bodies/cat/docs/gc-cat-c-gc-3\\_en.pdf](https://www2.ohchr.org/english/bodies/cat/docs/gc-cat-c-gc-3_en.pdf). Truy cập ngày 08/4/2020. Đoạn 8.

908 LHQ, CESCR, 'Bình luận chung số 18: Quyền làm việc (Điều 6 của Công ước)', (2006), E/C.12/GC/18, Thông tin có tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/15/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=9&DocTypeID=11](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=9&DocTypeID=11). Truy cập ngày 08/4/2020. Đoạn 12 (b); CESCR, 'Bình luận chung số 20: Không phân biệt đối xử về quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (Điều 2, đoạn 2, ICESCR)', (2009), E/C.12/GC/20. Thông tin có tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/15/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=9&DocTypeID=11](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=9&DocTypeID=11). Truy cập ngày 08/4/2020. Đoạn 32; CESCR, 'Bình luận chung số 23 về điều kiện làm việc công bằng và thuận lợi (Điều 7 của ICESCR)', (2016), E/C.12/GC/23, Thông tin có tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/15/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=9&DocTypeID=11](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/treatybodyexternal/TBSearch.aspx?Lang=en&TreatyID=9&DocTypeID=11). Truy cập ngày 08/4/2020. Đoạn 11, 48, 65(a).

lập để điều tra, báo cáo các vấn đề này. Mặc dù chưa có công cụ ràng buộc pháp lý về bảo vệ người LGBTI, UNHRC đã thông qua một số văn kiện chính trị để kêu gọi các quốc gia giải quyết bạo lực và phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới.<sup>909</sup>

Liên quan đến việc bảo vệ người LGBTI trong kinh doanh, Văn phòng Cao ủy Nhân quyền LHQ (OHCHR), sau khi tham vấn chặt chẽ với các bên liên quan gồm lãnh đạo doanh nghiệp, đã xây dựng bộ “Tiêu chuẩn ứng xử đối phó với phân biệt đối xử người LGBTI.”<sup>910</sup> Bộ tiêu chuẩn được công bố năm 2017 cung cấp các tiêu chí để đánh giá vai trò của doanh nghiệp trong việc giải quyết phân biệt đối xử và việc lạm dụng người LGBTI, đồng thời đưa ra hướng dẫn thực tế cho các công ty về cách tôn trọng và hỗ trợ quyền của người LGBTI tại nơi làm việc, trên thị trường và trong cộng đồng. Cụ thể, Bộ tiêu chuẩn kêu gọi các doanh nghiệp:

1. Tôn trọng quyền và lợi ích của người lao động LGBTI, khách hàng và thành viên cộng đồng LGBTI mọi nơi, mọi lúc;
2. Xóa bỏ phân biệt đối xử với người LGBTI tại nơi làm việc;
3. Hỗ trợ cho người lao động là LGBTI;
4. Ngăn chặn các vi phạm khác về quyền và lợi ích của người LGBTI bằng việc không phân biệt đối xử với người LGBTI là khách hàng, nhà cung cấp và nhà phân phối, đồng thời yêu cầu các đối tác kinh doanh làm tương tự; và
5. Công khai thực hiện các hỗ trợ có tính đòn bẩy để giúp ngăn chặn các hành vi vi phạm quyền của người LGBTI tại các quốc gia doanh nghiệp hoạt động kinh doanh.

Theo các cam kết pháp lý quốc tế, Việt Nam có nghĩa vụ xóa bỏ phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục, bản dạng giới và biểu hiện giới trong cả lĩnh vực công và tư. Các cơ quan công ước của LHQ đã kêu gọi Việt Nam

thực hiện các bước tiếp theo để bảo vệ tất cả các nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương trong xã hội bao gồm LGBTI. Trong lần chu kỳ UPR thứ ba của Việt Nam năm 2019, một số quốc gia thành viên LHQ đã khuyến nghị Việt Nam về bảo vệ người LGBTI, và đưa nội dung cấm phân biệt đối xử trên cơ sở “xu hướng tính dục” và “bản dạng giới” vào Bộ luật Lao động và các luật khác có liên quan.<sup>911</sup> Năm 2019, UNHRC bày tỏ quan ngại về việc Việt Nam còn thiếu khung pháp lý toàn diện và hiệu quả để chống lại phân biệt đối xử trong tất cả các lĩnh vực, gồm phân biệt đối xử dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới.<sup>912</sup>

## Khung pháp lý

Mặc dù khái niệm về xu hướng tính dục, bản dạng giới hoặc người LGBTI chưa được chính thức công nhận tại Việt Nam, Hiến pháp vẫn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử.<sup>913</sup> Hiến pháp khẳng định mọi công dân đều có quyền làm việc và lựa chọn nghề nghiệp, công việc và nơi làm việc; đồng thời người lao động sẽ được cung cấp các điều kiện làm việc bình đẳng, an toàn và được trả lương, nghỉ phép theo chính sách.<sup>914</sup> Hơn nữa, Nhà nước bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động và cung cấp các điều kiện thuận lợi để xây dựng các mối quan hệ lao động tiến bộ, hài hòa và ổn định.<sup>915</sup> Nguyên tắc bình đẳng và không phân biệt đối xử được tiếp tục khẳng định trong các luật về bảo vệ các nhóm bị dễ bị tổn thương như Luật Hôn nhân và gia đình 2014,<sup>916</sup> Luật Bình đẳng giới 2006.<sup>917</sup>

Những điều chỉnh trong khung pháp lý của Việt Nam về các nhóm LGBTI bao gồm việc sửa đổi Luật Hôn nhân và gia đình 2014, thay thế việc cấm kết hôn đồng giới bởi điều khoản quy định không thừa nhận hôn nhân đồng giới.<sup>918</sup> Bộ luật Dân sự 2015 cũng thúc

909 Xem thêm UNHRC, 'Nghị quyết - Quyền con người, xu hướng tính dục và bản dạng giới' (2011), A/HRC/RES/17/19. Thông tin có tại: [https://ap.ohchr.org/document/dpage\\_e.aspx?si=A/HRC/RES/17/19](https://ap.ohchr.org/document/dpage_e.aspx?si=A/HRC/RES/17/19). Truy cập ngày 15/3/2020.

910 OHCHR, 'Xóa bỏ phân biệt đối xử với người đồng tính, song tính, chuyển giới, liên giới', (2017) (Ct. 904).

911 UNHRC, 'UPR Việt Nam', (2019). Khuyến nghị số 97, 98 và 99 (Ct. 402).

912 HRC, 'Kết luận quan sát đối với Việt Nam'. Đoạn 13-16 (Ct. 265).

913 Hiến pháp Việt Nam. Điều 26 (Ct. 60).

914 Nt. Điều 35.

915 Nt. Điều 57.2.

916 Luật Hôn nhân và gia đình 2014. (Ct. 488).

917 Luật Bình đẳng giới 2006 (Ct. 852).

918 Luật Hôn nhân và gia đình. Điều 8(2) (Ct. 488).

đẩy quyền của người LGBTI với việc công nhận người chuyển giới và đảm bảo quyền thay đổi tên của người chuyển giới.<sup>919</sup> Bộ luật Lao động 2019 nghiêm cấm mọi hành vi phân biệt đối xử trong lao động.<sup>920</sup> Tuy nhiên, Bộ luật Lao động 2019 vẫn chưa cấm phân biệt đối xử trên cơ sở xu hướng tính dục, bản dạng giới và thể hiện giới, do đó, vẫn chưa rõ Bộ luật Lao động có bảo vệ người LGBTI khỏi sự phân biệt đối xử dựa trên các cơ sở này hay không.<sup>921</sup>

Nhìn chung, khung pháp lý hiện vẫn chưa công nhận xu hướng tính dục, bản dạng giới là cơ sở phân biệt đối xử trong các luật và công cụ pháp lý hiện hành.

## Khung thiết chế

Hiện tại, Việt Nam không có cơ quan chuyên trách bảo vệ quyền của người LGBTI. Bộ LĐTBXH chịu trách nhiệm quản lý nhà nước về các vấn đề liên quan đến phân biệt đối xử trong hoạt động kinh doanh, tương tự như với những người lao động khác.

## Khuyến nghị

1. Thực hiện các biện pháp thích hợp để xóa bỏ mọi hình thức phân biệt đối xử, bạo lực và kỳ thị xã hội dựa trên xu hướng tính dục và bản dạng giới trong hoạt động kinh doanh bằng cách thông qua luật chống phân biệt đối xử, quy định về bình đẳng và xóa bỏ phân biệt đối xử với người LGBTI trong lĩnh vực kinh doanh.
2. Tăng cường khung pháp lý để đảm bảo chế độ ưu đãi hiệu quả đối với các doanh nghiệp tuyển dụng và xây dựng môi trường làm việc thân thiện cho người LGBTI.

919 Bộ luật Dân sự 2015, Luật số 91/2015/QH13. Thông tin có tiếng Việt: [http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class\\_id=1&\\_page=1&mode=detail&document\\_id=183188](http://vanban.chinhphu.vn/portal/page/portal/chinhphu/hethongvanban?class_id=1&_page=1&mode=detail&document_id=183188). Truy cập ngày 14/3/2020. Điều 28 và 37.

920 Bộ luật Lao động 2019, Điều 8 (Ct. 263).

921 Nt. Điều 3.8.



CHƯƠNG 6

# CÁC BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC



UDHR ghi nhận “mọi người đều có quyền tiếp cận các biện pháp khắc phục hiệu quả do tòa án quốc gia có thẩm quyền quyết định đối với các hành vi vi phạm những quyền cơ bản mà Hiến pháp hoặc pháp luật đã trao cho người đó.”<sup>922</sup> Là thành viên của ICCPR, Việt Nam cam kết các cá nhân bị xâm phạm các quyền và tự do được công nhận trong ICCPR đều được tiếp cận các biện pháp khắc phục hiệu quả, và bảo đảm các cơ quan tư pháp, hành pháp hoặc lập pháp hoặc bất kỳ cơ quan nào khác có thẩm quyền sẽ thi hành các biện pháp khắc phục đã được đề ra.”<sup>923</sup>

Liên quan đến thực hành kinh doanh có trách nhiệm, UNGP cũng đưa ra những điều khoản tương tự như ICCPR, đồng thời đòi hỏi các quốc gia, bên cạnh các biện pháp khác, phải thực hiện “các biện pháp thích hợp để... điều tra, trừng phạt và khắc phục thông qua các quy định pháp luật và hoạt động xét xử hiệu quả.”<sup>924</sup> UNGP chỉ ra rằng các biện pháp khắc phục có thể gồm “xin lỗi, khắc phục, bồi thường tài chính hoặc phi tài chính và trừng phạt, ... cũng như phòng ngừa tác hại bằng cách cấm hoặc bảo đảm không lặp lại.”<sup>925</sup> UNGP cũng quy định: “Quy trình thực hiện các biện pháp khắc phục phải khách quan, không tạo điều kiện cho hành vi tham nhũng và những can thiệp mang tính chính trị hoặc nhằm ảnh hưởng đến kết quả khắc phục.”<sup>926</sup> UNGP quy định thêm rằng “các Quốc gia cần giúp người dân nhận thức và hiểu rõ, đồng thời tiếp cận các cơ chế này, đồng thời thực hiện bất kỳ sự hỗ trợ nào (về tài chính hoặc chuyên môn) để thực hiện các việc này.”<sup>927</sup>

Trong khuôn khổ quy định của UNGP, chương này đánh giá khung pháp lý chung về các cơ chế giải quyết khiếu nại tư pháp và phi tư pháp của Nhà nước, và phi Nhà nước dành cho các nạn nhân bị lạm dụng quyền liên quan đến doanh nghiệp tại Việt Nam. Những nội dung liên quan đến đánh giá khung pháp lý về giải quyết tranh chấp lao động được đề cập trong mục ‘Quan hệ lao động’ ở Chương ‘Quyền lao động,’ nội

dung đánh giá khung pháp lý về các hình thức khiếu nại cụ thể như cơ chế cho lao động Việt Nam di trú được đề cập trong các phần và chương cụ thể khác của báo cáo, ví dụ như phần “Người lao động di cư” trong Chương 5 “Thực hành kinh doanh có trách nhiệm với các nhóm yếu thế”.

## 6.1. Cơ chế tư pháp của Nhà nước

### Cam kết quốc tế

Theo UNGP, “cơ chế tư pháp hiệu quả là vấn đề cốt lõi nhằm đảm bảo cho việc tiếp cận các biện pháp khắc phục. Năng lực xử lý những hành vi lạm dụng quyền con người liên quan đến kinh doanh phụ thuộc vào tính khách quan, liêm chính và khả năng đảm bảo thực hiện quy trình xét xử công bằng.”<sup>928</sup> UNGP kêu gọi các quốc gia cần “tiến hành các biện pháp thích hợp để đảm bảo tính hiệu quả của cơ chế tư pháp trong nước khi giải quyết các hành vi lạm dụng quyền con người liên quan đến kinh doanh, bao gồm cả việc xem xét giảm thiểu các rào cản pháp lý, rào cản thực tiễn và các rào cản liên quan khác có thể gây trở ngại cho việc áp dụng các biện pháp khắc phục.”<sup>929</sup>

UNGP quy định thêm rằng: “Các quốc gia cần bảo đảm không tạo nên những rào cản ngăn chặn việc khởi kiện hợp pháp tại tòa án khi việc xét xử là cần thiết để tiếp cận các biện pháp khắc phục, hoặc khi không còn cách khắc phục thay thế nào khác hiệu quả hơn. Các quốc gia cũng phải đảm bảo công lý sẽ không bị bóp méo do hành vi tham nhũng xảy ra trong quá trình xét xử, và tòa án sẽ độc lập, không bị áp lực về kinh tế, chính trị từ các cơ quan Nhà nước và các chủ thể kinh doanh khác.”<sup>930</sup> UNGP xác định thêm rằng “cần phải đặc biệt chú ý đến các quyền và nhu cầu đặc thù của ... các cá nhân thuộc các nhóm dân số có nguy cơ tổn thương hoặc nguy cơ bị gạt ra ngoài lề cao ... ở mỗi giai đoạn của quá trình khắc phục: Tiếp cận, thủ tục tiến hành và kết quả.”<sup>931</sup> UNGP liệt kê một số rào cản về mặt pháp lý, thực tiễn và thủ tục có thể ngăn cản việc xét xử hợp pháp

922 UDHR. Điều 8 (Ct. 233).

923 ICCPR. Điều 2 (Ct. 237).

924 UNGP. Nguyên tắc 1 (Ct. 2).

925 Nt. Nguyên tắc 25.

926 Nt.

927 Nt.

928 Nt. Nguyên tắc 26.

929 Nt.

930 Nt.

931 Nt.

các vụ việc về xâm phạm quyền con người trong kinh doanh.<sup>932</sup>

## Khung pháp lý

Tại Việt Nam, Hiến pháp quy định Tòa án nhân dân là cơ quan xét xử của Việt Nam, thực hiện quyền tư pháp.<sup>933</sup> Tòa án nhân dân “có nhiệm vụ bảo vệ công lý, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân.”<sup>934</sup> Hiến pháp cũng quy định vai trò của Viện kiểm sát nhân dân với nhiệm vụ “bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.”<sup>935</sup>

## Trách nhiệm hình sự

Bộ luật Hình sự (2015, sửa đổi, bổ sung 2017) đã đưa ra các quy định mới quan trọng về trách nhiệm hình sự của doanh nghiệp.<sup>936</sup> Nếu như các Bộ luật Hình sự trước đây chỉ quy định thể nhân (cá nhân), chứ không phải pháp nhân (bao gồm công ty), phải chịu trách nhiệm hình sự, thì theo Bộ luật Hình sự 2015, các pháp nhân thương mại cũng có thể phải chịu trách nhiệm hình sự.<sup>937</sup> Một trong những mục tiêu của Bộ luật Hình sự là để bảo vệ quyền con người.<sup>938</sup> Viện kiểm sát nhân dân có thẩm quyền truy tố, và “có nhiệm vụ bảo vệ pháp luật, bảo vệ quyền con người, quyền công dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, góp phần bảo đảm pháp luật được chấp hành nghiêm chỉnh và thống nhất.”<sup>939</sup>

Số lượng các tội danh mà doanh nghiệp có thể phải chịu trách nhiệm hình sự được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 bao gồm:<sup>940</sup>

932 Nt.

933 Hiến pháp Việt Nam. Điều 102 (Ct. 60).

934 Nt. Điều 102.3.

935 Nt. Điều 107.3.

936 Bộ luật Hình sự 2015 (Ct. 460).

937 Nt. Điều 3 và Chương XI.

938 Nt. Điều 1.

939 Hiến pháp Việt Nam. Điều 107 (Ct. 60).

940 Bộ luật Hình sự 2015. Điều 76 (Ct. 460). Phần tiêu đề in

## Các hoạt động kinh doanh bị cấm

- Buôn lậu
- Vận chuyển trái phép hàng hóa, tiền tệ qua biên giới
- Sản xuất, buôn bán hàng cấm
- Tàng trữ, vận chuyển hàng cấm

## Tội phạm về sở hữu trí tuệ

- Vi phạm quyền tác giả, quyền liên quan
- Xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp
- Sản xuất, buôn bán hàng giả là lương thực, thực phẩm, phụ gia thực phẩm
- Sản xuất, buôn bán hàng giả là thuốc chữa bệnh, thuốc phòng bệnh
- Sản xuất, buôn bán hàng giả là thức ăn dùng để chăn nuôi, phân bón, thuốc thú y, thuốc bảo vệ thực vật, giống cây trồng, vật nuôi

## Tội phạm về tài chính

- Đầu cơ
- Trốn thuế
- In, phát hành, mua bán trái phép hóa đơn, chứng từ
- Cố ý công bố thông tin sai lệch hoặc che giấu thông tin trong hoạt động chứng khoán
- Sử dụng thông tin nội bộ để mua bán chứng khoán
- Thao túng thị trường chứng khoán
- Gian lận trong kinh doanh bảo hiểm
- Trốn đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp cho người lao động
- Vi phạm quy định về cạnh tranh

## Tội phạm môi trường

- Vi phạm các quy định về khai thác, thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên
- Vi phạm các quy định về khai thác và bảo vệ lâm sản
- Vi phạm các quy định về quản lý và bảo vệ động vật hoang dã
- Gây ô nhiễm môi trường

nghiêng được bổ sung vào danh mục này là để phục vụ cho mục đích của nghiên cứu. Bộ Luật Hình sự không có các tiêu đề.

- Vi phạm quy định về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục sự cố môi trường
- Vi phạm quy định về bảo vệ an toàn công trình thủy lợi, đê điều và phòng, chống thiên tai
- Vi phạm các quy định về bảo vệ bờ sông
- Đưa chất thải vào lãnh thổ Việt Nam
- Hủy hoại nguồn lợi thủy sản
- Hủy hoại rừng
- Vi phạm quy định về quản lý, bảo vệ động vật nguy cấp, quý, hiếm
- Vi phạm các quy định về quản lý khu bảo tồn thiên nhiên
- Nhập khẩu và phát tán các loài ngoại lai xâm lấn

Tham nhũng trong khu vực tư nhân cũng mới bị hình sự hóa trong Bộ luật Hình sự 2015, với các điều luật quy định trách nhiệm hình sự của cá nhân làm việc cho các pháp nhân thương mại (nhưng không thiết lập trách nhiệm hình sự cho chính các pháp nhân thương mại).

Các hình phạt hình sự cụ thể đối với pháp nhân thương mại phạm tội được quy định trong Bộ luật Hình sự 2015 bao gồm phạt tiền, số tiền tùy thuộc vào bản chất của hành vi phạm tội, đồng thời có xét đến tình hình tài sản của người phạm tội, cũng như đình chỉ hoạt động có thời hạn, đình chỉ hoạt động kinh doanh tạm thời hoặc vĩnh viễn, cấm huy động vốn, cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định.<sup>941</sup>

Các biện pháp tư pháp hiện tại mà tòa án có thể áp dụng đối với các pháp nhân thương mại bị phát hiện phạm tội bao gồm: Tịch thu vật, tiền trực tiếp liên quan trực tiếp đến tội phạm; trả lại tài sản, sửa chữa hoặc bồi thường; buộc công khai xin lỗi; khôi phục lại tình trạng ban đầu; và thực hiện một số biện pháp nhằm khắc phục, ngăn chặn hậu quả tiếp tục xảy ra.<sup>942</sup> Đối với các tình tiết tăng nặng, các hành vi phạm tội hình sự do pháp nhân thương mại gây ra bằng cách “dùng thủ đoạn tinh vi để phạm tội hoặc trốn tránh, che giấu tội phạm; cấu kết với pháp nhân thương mại khác để phạm tội, cố ý thực hiện

tội phạm đến cùng” sẽ bị “trừng phạt nghiêm khắc.”<sup>943</sup> Mặt khác, đối với tình tiết giảm nhẹ, các doanh nghiệp “tích cực hợp tác với cơ quan có trách nhiệm trong việc phát hiện tội phạm hoặc trong quá trình giải quyết vụ án, tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại gây ra, chủ động ngăn chặn hoặc khắc phục hậu quả xảy ra” có thể được khoan hồng khi xét xử.<sup>944</sup>

#### • Trách nhiệm dân sự

Bộ luật Dân sự 2015 thiết lập các chuẩn mực pháp lý về cách ứng xử và nghĩa vụ của pháp nhân (bao gồm cả pháp nhân thương mại),<sup>945</sup> đó là: “Pháp nhân thương mại bao gồm doanh nghiệp và các tổ chức kinh tế khác”<sup>946</sup> và thiết lập trách nhiệm dân sự của pháp nhân,<sup>947</sup> bao gồm cả vi phạm nghĩa vụ hợp đồng cũng như nghĩa vụ ngoài hợp đồng. Bất kỳ ai bị vi phạm quyền dân sự được ghi nhận trong Bộ luật Dân sự đều có thể yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền “công nhận, tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền dân sự của mình; buộc chấm dứt hành vi xâm phạm; buộc xin lỗi, cải chính công khai; buộc thực hiện nghĩa vụ; ... [và/hoặc] hủy bỏ quyết định cá biệt trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền.”<sup>948</sup> Một pháp nhân có thể có nghĩa vụ chung theo quy định của Bộ luật Dân sự “áp dụng các biện pháp cần thiết, hợp lý để thiệt hại không xảy ra hoặc hạn chế thiệt hại cho mình.”<sup>949</sup> Các quyền cụ thể được quy định trong Bộ luật Dân sự bao gồm quyền sống, quyền bất khả xâm phạm về tính mạng, sức khỏe và thân thể<sup>950</sup> và quyền riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình,<sup>951</sup> trong số những quyền khác.

Về bồi thường thiệt hại, bất kỳ ai “có quyền dân sự bị xâm phạm được bồi thường toàn bộ thiệt hại, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác.”<sup>952</sup> Các thiệt hại do Bộ luật Dân sự quy định

943 Nt. Điều 3.

944 Nt.

945 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 1 và 74 (Ct. 919)

946 Nt. Điều 1 và Điều 75.2.

947 Nt. Điều 1, 87 và 351.

948 Nt. Điều 11.

949 Nt. Điều 362.

950 Nt. Điều 33.

951 Nt. Điều 38.

952 Nt. Điều 13.

941 Nt. Điều 33 và 34.

942 Nt. Điều 82.

bao gồm cả “thiệt hại về vật chất,” được định nghĩa là “là tổn thất vật chất thực tế xác định được, bao gồm tổn thất về tài sản, chi phí hợp lý để ngăn chặn, hạn chế, khắc phục thiệt hại, thu nhập thực tế bị mất hoặc bị giảm sút,” cũng như “thiệt hại về tinh thần,” được định nghĩa là “là tổn thất về tinh thần do bị xâm phạm đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, uy tín và các lợi ích nhân thân khác của một chủ thể.”<sup>953</sup> Các pháp nhân có thể phải chịu trách nhiệm bồi thường cụ thể đối với các thiệt hại liên quan đến xâm phạm tài sản,<sup>954</sup> gây tổn hại đến sức khỏe,<sup>955</sup> tổn hại đến tính mạng<sup>956</sup> và tổn hại đến danh dự, nhân phẩm hoặc danh tiếng,<sup>957</sup> bất kể sự tổn hại đó là cố ý hay vô ý.<sup>958</sup> Tất cả mọi thiệt hại như vậy “phải được bồi thường toàn bộ và kịp thời.”<sup>959</sup> Về số tiền phải trả cho các thiệt hại, “các bên có thể thỏa thuận về mức bồi thường, hình thức bồi thường bằng tiền, bằng hiện vật hoặc thực hiện một công việc, phương thức bồi thường một lần hoặc nhiều lần.”<sup>960</sup>

Bộ luật Dân sự quy định cụ thể về bồi thường thiệt hại liên quan đến môi trường: “Chủ thể làm ô nhiễm môi trường mà gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật, kể cả trường hợp chủ thể đó không có lỗi.”<sup>961</sup> Các doanh nghiệp phải chịu trách nhiệm dân sự cụ thể hơn đối với bồi thường liên quan đến một số “nguồn nguy hiểm cao độ” được định nghĩa bao gồm “phương tiện giao thông vận tải cơ giới, hệ thống tải điện, nhà máy công nghiệp đang hoạt động, vũ khí, chất nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, ... và các nguồn nguy hiểm cao độ khác do pháp luật quy định.”<sup>962</sup> Chủ sở hữu của “nguồn nguy hiểm cao độ phải vận hành, sử dụng, bảo quản, trông giữ, vận chuyển nguồn nguy hiểm cao độ theo đúng quy định của pháp luật”<sup>963</sup> và “phải bồi thường thiệt hại do nguồn nguy hiểm cao độ gây ra.”<sup>964</sup> Chủ sở

hữu các công trình xây dựng có nghĩa vụ “bồi thường thiệt hại do nhà cửa, công trình xây dựng khác đó gây thiệt hại cho người khác” và nghĩa vụ này có thể liên quan đến người thi công công trình.<sup>965</sup> Chương 19 Luật Bảo vệ môi trường cũng bao gồm các quy định về bồi thường thiệt hại về môi trường.<sup>966</sup> Theo đó, thiệt hại về môi trường bao gồm thiệt hại về tính mạng, sức khỏe của con người, tài sản và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân do hậu quả của việc suy giảm chức năng, tính hữu ích của môi trường gây ra.<sup>967</sup>

Về bảo vệ người tiêu dùng, Bộ luật Dân sự 2015 quy định: “Cá nhân, pháp nhân sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ không bảo đảm chất lượng hàng hóa, dịch vụ mà gây thiệt hại cho người tiêu dùng thì phải bồi thường.”<sup>968</sup> Về trách nhiệm của doanh nghiệp đối với hành vi của cá nhân thực hiện nhiệm vụ do doanh nghiệp giao, Bộ luật Dân sự quy định rõ: “Pháp nhân phải bồi thường thiệt hại do người của mình gây ra trong khi thực hiện nhiệm vụ được pháp nhân giao”<sup>969</sup> cũng như “bồi thường thiệt hại do người làm công, người học nghề gây ra trong khi thực hiện công việc được giao.”<sup>970</sup> Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 cũng quy định về bồi thường thiệt hại do xâm phạm lợi ích của người tiêu dùng.<sup>971</sup>

## Khung thiết chế

Như đã đề cập ở trên, Hiến pháp 2013 xác lập khuôn khổ chung trong lĩnh vực tư pháp và vai trò của Viện kiểm sát nhân dân tại Chương VIII.<sup>972</sup> Theo Hiến pháp, “Toà án tối cao là cơ quan xét xử cao nhất” có thẩm quyền “giám đốc việc xét xử của các Tòa án khác.”<sup>973</sup>

953 Nt. Điều 361.

954 Nt. Điều 589.

955 Nt. Điều 590.

956 Nt. Điều 591.

957 Nt. Điều 361.

958 Nt. Điều 584.1.

959 Nt. Điều 585.1.

960 Nt.

961 Nt. Điều 602.

962 Nt. Điều 601.1.

963 Nt.

964 Nt. Điều 601(2).

965 Nt. Điều 605.

966 Luật Bảo vệ môi trường 2014. Chương XIX (Ct. 195).

967 Nt. Điều 163.

968 Bộ luật Dân sự 2015. Điều 608 (Ct. 919).

969 Nt. Điều 597.

970 Nt. Điều 600.

971 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010. Điều 41- 46 (Ct. 631).

972 Hiến pháp Việt Nam. (Ct.60).

973 Nt. Điều 104.

## 6.2 Các cơ chế phi tư pháp của Nhà nước

### Cam kết quốc tế

Theo UNGP, “bên cạnh cơ chế tư pháp, các Quốc gia cần xây dựng cơ chế giải quyết khiếu nại phi tư pháp phù hợp và hiệu quả như một phần của hệ thống khắc phục của Nhà nước đối với những hành vi lạm dụng quyền con người của doanh nghiệp .... Các cơ chế hành chính, lập pháp và phi tư pháp khác đóng vai trò quan trọng việc bổ sung và hoàn thiện cơ chế tư pháp.”<sup>974</sup> UNGP chỉ rõ “các quốc gia cần xem xét cách thức giải quyết vấn đề mất cân bằng giữa các bên trong các khiếu nại về quyền con người liên quan đến doanh nghiệp hay bất kỳ rào cản nào mà người dân hoặc các nhóm có nguy cơ dễ bị tổn thương hay bị gạt ra lề xã hội gặp phải.”<sup>975</sup> UNGP đã đặt ra một số “tiêu chí xác định tính hiệu quả” của các cơ chế giải quyết khiếu nại phi tư pháp.<sup>976</sup>

### Khung pháp lý

Ở Việt Nam, Hiến pháp quy định về quyền “khiếu nại, tố cáo với cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền” đối với những hành vi trái pháp luật của cơ quan, tổ chức, cá nhân. Hiến pháp quy định thêm: “Cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền phải tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo; “người bị thiệt hại và thương tật có quyền được bồi thường thiệt hại về vật chất và phục hồi danh dự theo quy định của pháp luật;” và “ng nghiêm cấm việc trả thù người khiếu nại, tố cáo hoặc lợi dụng quyền khiếu nại, tố cáo để vu khống, vu cáo gây tổn hại người khác.”<sup>977</sup>

Cơ chế phi tư pháp của Nhà nước được quy định trong nhiều văn bản pháp luật như: Luật Thanh tra 2010, Luật Tố cáo 2018, Luật Hòa giải ở cơ sở 2013, Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 và Luật Trọng tài thương mại 2010. Chẳng hạn như, Luật Hòa giải ở cơ sở 2013 quy định về việc hòa giải viên hướng dẫn, giúp đỡ các bên đạt được thỏa

thuận, tự nguyện giải quyết với nhau các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật và Nhà nước hỗ trợ kinh phí cho công tác hòa giải ở cơ sở.<sup>978</sup>

Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012,<sup>979</sup> doanh nghiệp (là “tổ chức,” được định nghĩa trong Luật bao gồm “tổ chức kinh tế”),<sup>980</sup> có thể phải chịu nhiều biện pháp xử phạt hành chính. Luật này quy định “tổ chức bị xử phạt vi phạm hành chính về mọi vi phạm hành chính do mình gây ra.”<sup>981</sup> Theo Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, vi phạm hành chính là “hành vi có lỗi do ... tổ chức thực hiện, vi phạm quy định của pháp luật về quản lý Nhà nước mà không phải là tội phạm theo quy định trong Luật.” Luật này quy định những hành vi này “phải bị xử phạt vi phạm hành chính.”<sup>982</sup> Theo đó, “mọi vi phạm hành chính phải được phát hiện, ngăn chặn kịp thời và phải bị xử lý nghiêm minh, mọi hậu quả do vi phạm hành chính gây ra phải được khắc phục theo đúng quy định của pháp luật... Việc xử phạt vi phạm hành chính được tiến hành nhanh chóng, công khai, khách quan, đúng thẩm quyền, bảo đảm công bằng, đúng quy định của pháp luật.. [và] Việc xử phạt vi phạm hành chính phải căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả vi phạm, đối tượng vi phạm và tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng.”<sup>983</sup> Về bồi thường thiệt hại phát sinh do vi phạm hành chính, Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định những người vi phạm “nếu gây ra thiệt hại thì phải bồi thường” và “việc bồi thường thiệt hại được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự.”<sup>984</sup> Cũng theo Luật này, doanh nghiệp, là một tổ chức, nên có nghĩa vụ “ng nghiêm chỉnh chấp hành quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính” và có “nhiệm vụ giáo dục thành viên thuộc tổ chức mình về ý thức bảo vệ và tuân theo pháp luật, quy tắc của cuộc sống xã hội, kịp thời có biện pháp loại trừ nguyên nhân,

978 Luật Hòa giải ở cơ sở 2013, Luật số 35/2013/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/botuphap/Pages/vbpcq-van-ban-goc.aspx-?ItemID=32515>. Truy cập ngày 22/9/2020. Điều 6 và 21.3.

979 Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012, Luật số 15/2012/QH13. Thông tin có tại: <http://congbao.chinhphu.vn/thuoc-tinh-van-ban-so-09-vbhn-vpqh-25955?cbid=21511>. Truy cập ngày 17/10/2019.

980 Nt. Điều 2.10.

981 Nt. Điều 5.1.b.

982 Nt. Điều 2.1.

983 Nt. Điều 3.

984 Nt. Điều 13.1.

974 UNGP. Nguyên tắc 27 (Ct. 2).

975 Nt.

976 Nt. Nguyên tắc 31.

977 Hiến pháp Việt Nam. Điều 30 (Ct. 60).

điều kiện gây ra vi phạm hành chính trong tổ chức mình.”<sup>985</sup>

Các hình thức xử phạt cụ thể được quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính 2012 bao gồm: Cảnh cáo (đối với vi phạm hành chính không nghiêm trọng), phạt tiền, tước quyền sử dụng giấy phép, chứng chỉ hành nghề có thời hạn hoặc đình chỉ hoạt động có thời hạn, tịch thu tang vật, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và các hình thức khác.<sup>986</sup>

Các tình tiết tăng nặng dẫn tới việc gia tăng mức phạt hành chính bao gồm: Vi phạm hành chính có tổ chức; vi phạm hành chính nhiều lần; lợi dụng chức vụ, quyền hạn để vi phạm hành chính; sau khi vi phạm đã có hành vi trốn tránh, che giấu; vi phạm hành chính có “quy mô lớn, số lượng hoặc trị giá hàng hóa lớn;” vi phạm hành chính “đối với nhiều người, trẻ em, người già, NKT, [hoặc] phụ nữ mang thai;” ...<sup>987</sup>

Ví dụ về mức phạt tiền quy định trong Luật Xử lý vi phạm hành chính đối với các vi phạm hành chính của doanh nghiệp như sau:<sup>988</sup>

- Phạt tiền đến 60.000.000 đồng đối với vi phạm về vệ sinh môi trường
- Phạt tiền đến 100.000.000 đồng đối với vi phạm về hoá chất, đăng ký kinh doanh
- Phạt tiền đến 150.000.000 đồng đối với vi phạm về lao động và bảo hiểm xã hội
- Phạt tiền đến 300.000.000 đồng đối với vi phạm về khai thác mỏ, sản xuất và kinh doanh vật liệu xây dựng, đấu thầu, đầu tư
- Phạt tiền đến 400.000.000 đồng đối với vi phạm về sản xuất, buôn bán hàng cấm, giả
- Phạt tiền đến 2.000.000.000 đồng đối với vi phạm về kim loại quý, ngân hàng và tín dụng, thăm dò và khai thác dầu khí và các loại khoáng sản và bảo vệ môi trường

985 Nt. Điều 14.

986 Nt. Điều 21 và 23.

987 Nt. Điều 10.

988 Nt. Điều 24.

Các biện pháp khắc phục hậu quả theo quy định của Luật Xử lý vi phạm hành chính bao gồm: Buộc khôi phục lại tình trạng ban đầu; buộc tháo dỡ công trình, phần công trình xây dựng không có giấy phép hoặc xây dựng không đúng với giấy phép; buộc khắc phục tình trạng ô nhiễm môi trường; buộc tiêu hủy hàng hóa, vật phẩm gây hại cho sức khỏe con người [và/hoặc] môi trường; buộc cải chính thông tin sai lệch hoặc gây nhầm lẫn; buộc loại bỏ yếu tố vi phạm trên hàng hoá, bao bì hàng hóa, phương tiện kinh doanh, vật phẩm; và buộc thu hồi sản phẩm hoặc hàng hóa không đảm bảo chất lượng.<sup>989</sup>

Luật yêu cầu “công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng” thông qua trang thông tin điện tử của cơ quan có thẩm quyền về quyết định xử phạt các vi phạm liên quan đến an toàn thực phẩm; chất lượng sản phẩm, hàng hóa; dược phẩm; khám chữa bệnh; lao động; xây dựng; bảo hiểm xã hội; bảo hiểm y tế; bảo vệ môi trường; thuế; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; đo lường; sản xuất, buôn bán hàng giả gây hậu quả nghiêm trọng hoặc gây ảnh hưởng xấu đối với dư luận xã hội. Thông tin công khai bao gồm tên của doanh nghiệp, hành vi vi phạm, hình thức xử phạt và biện pháp khắc phục hậu quả.<sup>990</sup>

Luật Trọng tài thương mại 2010 quy định thẩm quyền giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại đối với “tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại,” “tranh chấp giữa các bên mà ít nhất một bên thực hiện hoạt động thương mại” và “các tranh chấp khác giữa các bên được Luật yêu cầu phải giải quyết bằng trọng tài.”<sup>991</sup> Luật quy định các nguyên tắc chính để tiến hành trọng tài, bao gồm: “Trọng tài viên phải tôn trọng thỏa thuận của các bên nếu thỏa thuận đó không vi phạm điều cấm hoặc trái đạo đức xã hội; Trọng tài viên phải độc lập, khách quan, vô tư và tuân thủ pháp luật; Các bên tranh chấp bình đẳng về quyền và nghĩa vụ; Hội đồng trọng tài tạo điều kiện để các bên tranh chấp thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình; Việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài sẽ được tiến hành không công khai,

989 Nt. Điều 28.

990 Nt. Điều 72.

991 Luật Trọng tài thương mại 2010, Luật số 54/2010/QH12. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/TW/Pages/vbpg-van-ban-goc.aspx?ItemID=25700>. Truy cập ngày 30/8/2020. Điều 2.

trừ khi các bên có thoả thuận khác; Phán quyết của trọng tài là chung thẩm.”<sup>992</sup> Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010 quy định một số phương thức giải quyết tranh chấp không thông qua biện pháp tư pháp, bao gồm giải quyết thông qua thương lượng, hòa giải hoặc trọng tài.<sup>993</sup> Tuy nhiên, Luật này không quy định cho phép thương lượng, hòa giải để giải quyết tranh chấp “gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, lợi ích của nhiều người tiêu dùng, lợi ích công cộng.”<sup>994</sup>

Về sự phù hợp giữa khung pháp lý về tiếp cận biện pháp khắc phục với các cam kết quốc tế của Việt Nam, CESCR đã bày tỏ quan ngại về việc thiếu các biện pháp khắc phục hiệu quả đối với hành vi vi phạm các quyền kinh tế, xã hội và quyền văn hóa,<sup>995</sup> cũng như đe dọa và trả thù đối với các cá nhân tố cáo vi phạm như bị buộc chuyển hay làm việc trong điều kiện không đảm bảo.<sup>996</sup> Ủy ban CEDAW đã khuyến nghị Việt Nam cần tăng cường thực thi luật pháp quốc gia theo hướng ưu tiên cho quy trình tư pháp thay vì hòa giải để giải quyết tranh chấp, đồng thời cần thực hiện nâng cao nhận thức cho các bộ lãnh đạo cộng đồng, cán bộ thực thi pháp luật, luật sư và cơ quan tư pháp để cải thiện tiếp cận công lý cho phụ nữ.<sup>997</sup>

## Khung thiết chế

### • Cơ quan hành chính

Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với các cơ quan như Thanh tra, Tòa án nhân dân, Đội quản lý thị trường, Cục Quản lý lao động ngoài nước, Ủy ban nhân dân (và Chủ tịch Ủy ban nhân dân), Công an, Bộ đội biên phòng, Hải quan, Cảnh sát biển và Kiểm lâm.<sup>998</sup>

### • Cơ quan nhân quyền quốc gia

UNGP nêu rõ vai trò quan trọng của Cơ quan nhân quyền quốc gia (NHRI) trong việc thúc

992 Nt. Điều 4.

993 Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng 2010. Điều 30 (Ct. 631).

994 Nt.

995 CESCR, ‘Kết luận quan sát đối với Việt Nam’. Đoạn 9 (Ct. 266).

996 Nt. Đoạn 12.

997 CEDAW. ‘Kết luận quan sát đối với Việt Nam’. Đoạn 10–11 (Ct. 409).

998 Luật Xử lý vi phạm hành chính (Ct. 979).

đẩy thực thi nghĩa vụ bảo vệ của Nhà nước và trách nhiệm tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp, và sự cần thiết phải cải thiện khả năng tiếp cận các biện pháp khắc phục hiệu quả cho nạn nhân.<sup>999</sup> Ngoài ra, UNGP còn chỉ rõ “các NHRI tuân thủ Nguyên tắc Paris<sup>1000</sup> có vai trò quan trọng trong việc giúp Nhà nước xác định liệu pháp luật hiện hành có phù hợp với các nghĩa vụ của Nhà nước về nhân quyền và có được thực thi hiệu quả hay không, đồng thời cung cấp các hướng dẫn về quyền con người cho doanh nghiệp và những chủ thể phi Nhà nước khác.”<sup>1001</sup> UNGP cũng nhấn mạnh thêm “NHRI có vai trò đặc biệt quan trọng” với tư cách một cơ chế giải quyết khiếu nại phi tư pháp của Nhà nước.<sup>1002</sup> Các quốc gia thành viên LHQ, thông qua cơ chế UPR, CESCR và Báo cáo viên đặc biệt của LHQ về quyền lương thực, đều kêu gọi Việt Nam thành lập NHRI tuân thủ Nguyên tắc Paris.<sup>1003</sup> Tại thời điểm thực hiện Đánh giá này, Việt Nam đã đồng ý sẽ tiếp tục nghiên cứu và xem xét khả năng thành lập NHRI, tuy nhiên, hiện vẫn chưa có cơ quan này.

### • Cơ quan xử lý khiếu nại của Chính phủ

UNGP nêu bật tầm quan trọng của cơ quan xử lý khiếu nại của Chính phủ với vai trò là cơ chế giải quyết khiếu nại phi tư pháp của Nhà nước.<sup>1004</sup> Việt Nam đã thành lập một số cơ quan có khả năng tiếp nhận khiếu nại về các hành vi sai trái hoặc vi phạm pháp luật và chính sách,<sup>1005</sup> bao gồm các cơ quan độc lập có trách nhiệm quản lý vốn nhà nước,<sup>1006</sup> thanh tra hoạt động của chính phủ và chống tham nhũng.<sup>1007</sup>

999 UNGP (Ct. 2).

1000 OHCHR, ‘Các nguyên tắc liên quan đến vị thế của các Thiết chế quốc gia (Các nguyên tắc Paris)’, (1993). Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/ProfessionalInterest/Pages/StatusOfNationalInstitutions.aspx>. Truy cập ngày 16/9/2019.

1001 UNGP. Nguyên tắc 3 (Ct. 2).

1002 Nt. Nguyên tắc 27.

1003 CESCR, ‘Kết luận quan sát đối với Việt Nam’. Đoạn 10 (Ct. 266).

1004 UNGP. Nguyên tắc 25 (Ct. 2)

1005 Luật Khiếu nại 2011, Luật số 02/2011/QH13. Thông tin có tại: <http://vbpl.vn/daknong/Pages/vbpq-luocdo.aspx?ItemID=27325>. Truy cập ngày 16/7/2020.

1006 Xem thêm Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước. Thông tin có tại: <http://cmsc.gov.vn/web/english/trang-chu>. Truy cập ngày 22/9/2020.

1007 Xem thêm Thanh tra Chính phủ. Thông tin có tại: <http://www.thanhtra.gov.vn/en/Pages/Home.aspx>. Truy cập ngày 22/9/2020.



## Cơ chế quốc tế và khu vực

Theo OHCHR, “việc cá nhân có thể khiếu nại về việc quyền của mình bị vi phạm trên phạm vi quốc tế mang lại ý nghĩa thực sự cho các quyền được ghi nhận trong các công ước về quyền con người.”<sup>1008</sup> Hệ thống công ước của LHQ quy định các thủ tục khiếu nại cá nhân,<sup>1009</sup> và thủ tục điều tra.<sup>1010</sup> Tại thời điểm thực hiện Đánh giá này, Việt Nam chưa chấp thuận thủ tục khiếu nại cá nhân hay thủ tục điều tra nào của hệ thống công ước của LHQ.<sup>1011</sup> Thủ tục Đặc biệt của UNHRC có chức năng xem xét các vụ cáo buộc cụ thể về xâm phạm IHRL.<sup>1012</sup> Tính đến thời điểm thực hiện Đánh giá này, Việt Nam chưa gửi thư mời thường trực tới Thủ tục đặc biệt. Đã có 15 chủ thể Thủ tục đặc biệt, bao gồm UNWG đã yêu cầu thư mời từ các cơ quan đại diện quốc gia nhưng chưa được chấp thuận.<sup>1013</sup> Chuyến thăm cấp quốc gia gần đây nhất của chủ thể Thủ tục Đặc biệt là của Báo cáo viên đặc biệt của LHQ về quyền lương thực vào năm 2017.<sup>1014</sup> Kể từ năm 1998, mới chỉ có năm chuyến thăm

cấp quốc gia của Thủ tục Đặc biệt LHQ đến Việt Nam.<sup>1015</sup>

Các quốc gia thực hiện Hướng dẫn của OECD dành cho các Doanh nghiệp đa quốc gia (bao gồm các quốc gia thành viên và không phải thành viên OECD như Argentina, Brazil, Colombia, Costa Rica, Ai Cập, Jordan, Kazakhstan, Ma-rốc, Peru, Romania, Tunisia và Ukraina) đều thành lập và duy trì Cơ quan đầu mối quốc gia (NCP) nhằm thúc đẩy thực hiện Hướng dẫn và giúp giải quyết các vấn đề cụ thể phát sinh với vai trò như một cơ chế giải quyết khiếu nại phi tư pháp.<sup>1016</sup> Việt Nam chưa thực hiện Hướng dẫn của OECD, do đó không duy trì NCP.<sup>1017</sup>

Cơ sở dữ liệu của OECD về các vụ cáo buộc vi phạm Hướng dẫn của OECD được đệ trình lên NCP ghi nhận một trường hợp cụ thể tại Đức năm 2012. Theo đó, hai tổ chức công đoàn đã cáo buộc một công ty đa quốc gia của Đức hoạt động tại Việt Nam và nhiều quốc gia khác vi phạm các quan hệ lao động cũng như các quy định trong Hướng dẫn của OECD. Trong vụ việc này, nhận định chính đưa ra là công ty đã không tôn trọng quyền thành lập và gia nhập công đoàn của người lao động, các quy trình rà soát của công ty chưa đủ thỏa đáng và tôn trọng những quyền này. NCP của Đức đã tiến hành đánh giá ban đầu và kết luận vụ việc có đủ cơ sở để xem xét thêm. Các bên đã được triệu tập tham gia cuộc họp hòa giải trên cơ sở đối thoại và chia sẻ thông tin. Nhờ đó, một tuyên bố chung cuối cùng đã được thống nhất và công bố, theo đó các bên nhất trí thông qua phương thức hòa giải của NCP, các khiếu nại đã được làm rõ hoặc giải quyết bằng đối thoại. NCP đã giải quyết vụ việc một cách thỏa đáng.<sup>1018</sup>

Cơ chế Cố vấn tuân thủ (CAO) của Nhóm Ngân hàng Thế giới có nhiệm vụ giải quyết các trường hợp khiếu nại do ảnh hưởng tiêu cực bởi các dự án của IFC và Cơ quan Bảo

1008 OHCHR, ‘Các cơ quan nhân quyền - Thủ tục khiếu nại: Khiếu nại về xâm phạm nhân quyền’. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/en/hrbodies/tbpetitions/pages/hrtbpetitions.aspx>. Truy cập ngày 16/9/2019.

1009 Cụ thể: Ủy ban Chống tra tấn, Điều 22 - Thủ tục khiếu nại cá nhân của Công ước Chống tra tấn; Ủy ban CCPR- OP1 Nghị định thư tùy chọn thứ nhất của ICCPR; Ủy ban Các vấn đề cưỡng bức mất tích (CED), Điều 31 - Thủ tục khiếu nại cá nhân của Công ước quốc tế về Bảo vệ mọi người khỏi bị cưỡng bức mất tích; Ủy ban CEDAW-OP, Nghị định thư tùy chọn của CEDAW; CERD, Điều 14 - Thủ tục khiếu nại cá nhân của ICERD; CESC-OP, Thủ tục khiếu nại cá nhân của ICESCR; Ủy ban về Lao động nhập cư (CMW), Điều 77 - Thủ tục khiếu nại cá nhân của Công ước quốc tế về Bảo vệ quyền của tất cả người lao động di cư và thành viên gia đình họ; CRC-OP-IC Nghị định thư tùy chọn của Công ước về Quyền trẻ em; và Ủy ban CRPD-OP Thủ tục khiếu nại cá nhân của Công ước về Quyền của người khuyết tật. Xem thêm tại OHCHR, ‘Tình trạng phê chuẩn của Việt Nam’. Thông tin có tại: [https://tbinternet.ohchr.org/\\_layouts/15/Treaty-BodyExternal/Treaty.aspx?CountryID=192&Lang=EN](https://tbinternet.ohchr.org/_layouts/15/Treaty-BodyExternal/Treaty.aspx?CountryID=192&Lang=EN). Truy cập ngày 15/9/2019.

1010 Cụ thể: Ủy ban Chống tra tấn, Điều 20 - Thủ tục điều tra theo Công ước Chống tra tấn; Ủy ban Các vấn đề cưỡng bức mất tích (CED), Điều 33 - Thủ tục điều tra theo Công ước về bảo vệ tất cả mọi người khỏi bị cưỡng bức mất tích; Ủy ban CEDAW-OP, Điều 8-9 - Thủ tục điều tra theo Nghị định thư không bắt buộc của CEDAW; Ủy ban CESC-OP, Điều 11 - Thủ tục điều tra theo Nghị định thư không bắt buộc của ICESCR; Ủy ban CRC-OP-IC, Điều 13 - Thủ tục điều tra theo Nghị định thư không bắt buộc về Quyền trẻ em; Ủy ban CRPD-OP, Điều 6-7 Thủ tục điều tra theo Công ước về Quyền của người khuyết tật.

1011 OHCHR, ‘Tình hình phê chuẩn của Việt Nam’ (Ct. 312).

1012 OHCHR, ‘Các thủ tục đặc biệt của Hội đồng Nhân quyền’. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/en/hrbodies/sp/pages/welcomepage.aspx>. Truy cập ngày 15/9/2019.

1013 OHCHR, ‘Các chuyến thăm theo Thủ tục đặc biệt của Hội đồng Nhân quyền từ năm 1998: Việt Nam’. Thông tin có tại: [https://spinternet.ohchr.org/\\_layouts/15/SpecialProceduresInternet/ViewCountryVisits.aspx?Lang=en&country=VNM](https://spinternet.ohchr.org/_layouts/15/SpecialProceduresInternet/ViewCountryVisits.aspx?Lang=en&country=VNM). Truy cập ngày 15/9/2019.

1014 Nt.

1015 Nt.

1016 OECD, ‘Tuyên bố và các quyết định của OECD về đầu tư quốc tế và các doanh nghiệp đa quốc gia’. Thông tin có tại: <https://mne-guidelines.oecd.org/oecddeclarationanddecisions.htm>. Truy cập ngày 15/9/2019.

1017 OECD, ‘Danh sách các Cơ quan đầu mối quốc gia’. Thông tin có tại: <https://mneguidelines.oecd.org/ncps/>. Truy cập ngày 15/9/2019.

1018 OECD, ‘Các nghi vấn xâm phạm nhân quyền tại nhiều quốc gia’. Thông tin có tại: <http://mneguidelines.oecd.org/database/instances/de0014.htm>. Truy cập ngày 16/9/2019.

lãnh đầu tư đa phương (MIGA). Cơ sở dữ liệu của Cơ chế Cố vấn tuân thủ chưa ghi nhận vụ việc nào liên quan đến các dự án do IFC hỗ trợ tại Việt Nam.<sup>1019</sup>

### 6.3 Cơ chế giải quyết khiếu nại ngoài Nhà nước

#### Cam kết quốc tế

UNGP kêu gọi các quốc gia cần “xem xét những cách thức giúp tiếp cận hiệu quả các cơ chế giải quyết khiếu nại ngoài Nhà nước để giải quyết các vi phạm về quyền con người liên quan đến doanh nghiệp” và lưu ý các cơ chế này “có thể mang lại những lợi ích nhất định như tiếp cận và khắc phục nhanh, chi phí thấp và/hoặc có phạm vi xuyên quốc gia.”<sup>1020</sup>

#### Cơ chế giải quyết khiếu nại ở cấp vận hành của doanh nghiệp

Đối với các cơ chế giải quyết khiếu nại ở cấp vận hành của doanh nghiệp, UNGP chỉ rõ “các cơ chế giải quyết khiếu nại tư pháp và phi tư pháp của Nhà nước phải là nền tảng của một hệ thống khắc phục rộng hơn. Trong hệ thống này, cơ chế giải quyết khiếu nại ở cấp vận hành của doanh nghiệp có thể giúp hỗ trợ và giải quyết bước đầu.”<sup>1021</sup> Cụ thể, UNGP nhấn mạnh “cơ chế giải quyết khiếu nại ở cấp vận hành thực hiện hai chức năng chính liên quan đến trách nhiệm tôn trọng quyền con người của doanh nghiệp... Thứ nhất, cơ chế này giúp doanh nghiệp xác định các vi phạm về quyền con người trong quá trình rà soát nội bộ thường xuyên về quyền con người ... bằng việc triển khai kênh thông tin để những cá nhân bị ảnh hưởng trực tiếp trình báo khi nhận thấy mình đang hoặc có thể bị tổn hại từ các hoạt động của doanh nghiệp. Thông qua phân tích xu hướng và nội dung khiếu nại, doanh nghiệp có thể nhận diện được các vấn đề mang tính hệ thống và điều chỉnh cho phù hợp; ... Thứ hai, những cơ chế này giúp doanh nghiệp, ngay khi xác định được

vi phạm, có thể giải quyết sớm và trực tiếp khắc phục những tác động tiêu cực, từ đó ngăn ngừa được những thiệt hại chông chát và khiếu nại leo thang.”<sup>1022</sup> UNGP lưu ý rằng “các cá nhân và cộng đồng chịu tác động tiêu cực của hoạt động kinh doanh có thể tiếp cận trực tiếp với các cơ chế giải quyết khiếu nại ở cấp vận hành của doanh nghiệp” và “các cơ chế này có thể giúp doanh nghiệp trực tiếp đánh giá vấn đề và tìm kiếm biện pháp khắc phục tổn hại.”<sup>1023</sup>

Thực hiện nhiệm vụ của Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký LHQ, John Ruggie, các nguyên tắc về cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả của doanh nghiệp/các bên liên quan đã được thí điểm ở Việt Nam tại Công ty sản xuất hàng may mặc Esquel Việt Nam, doanh nghiệp cung ứng thuộc sở hữu của Tập đoàn Esquel (một công ty may mặc có trụ sở tại Hồng Kông).<sup>1024</sup> Bài học kinh nghiệm từ hoạt động thí điểm này đã được bổ sung vào UNGP, gồm những nội dung sau:

- Người lao động mong muốn gửi khiếu nại của mình tới người giám sát trực tiếp. Các phiên thảo luận cởi mở và bảng thông báo các khiếu nại được thực hiện đã giúp tạo điều kiện thuận lợi cho việc trao đổi và giải quyết khiếu nại.<sup>1025</sup>
- Việc thu thập dữ liệu đóng vai trò cực kỳ quan trọng để đánh giá hiệu quả tiếp nhận và giải quyết khiếu nại, do trước khi dữ liệu được thu thập, các mục tiêu về giải quyết khiếu nại luôn được ngầm hiểu là đã được đáp ứng. Luật pháp Việt Nam có quy định chặt chẽ về thời hạn giải quyết và chuyển tiếp khiếu nại lên tòa án.<sup>1026</sup>
- Tính minh bạch trong giải quyết khiếu nại là một yếu tố quan trọng tạo dựng niềm tin cho người lao động đối với các cơ chế và thủ tục khiếu nại. Doanh nghiệp đã đăng thông tin về các hành

1022 Nt. Nguyên tắc 25.

1023 Nt. Nguyên tắc 29.

1024 UNHRC, 'Báo cáo của Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký LHQ về vấn đề quyền con người và các tập đoàn xuyên quốc gia và các doanh nghiệp khác, John Ruggie – Phụ lục: Thí điểm nguyên tắc về cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả của công ty và các bên liên quan: Báo cáo về các bài học kinh nghiệm', (2011), UN Doc A/HRC/17/31/Add. 2. Thông tin có tại: <https://www.ohchr.org/EN/Issues/Business/Pages/Reports.aspx#srepresentative>. Truy cập ngày 16/9/2019.

1025 Nt. Đoạn 34.

1026 Nt. Đoạn 38.

1019 Cơ chế Cố vấn tuân thủ (CAO), 'Các vụ việc CAO'. Thông tin có tại: <http://www.cao-ombudsman.org/cases>. Truy cập ngày 15/9/2019.

1020 UNGP. Nguyên tắc 28 (Ct. 2)

1021 Nt. Nguyên tắc 25.

động đã thực hiện để giải quyết khiếu nại trên bảng thông báo bên trong và xung quanh nhà máy.<sup>1027</sup>

- Hợp tác với một bên thứ ba đáng tin cậy để tăng cường tính hiệu quả của quy trình khiếu nại. Công ty Esquel Việt Nam được hưởng lợi từ việc trở thành thành viên Hiệp hội Lao động công bằng (FLA) về vấn đề này.<sup>1028</sup>
- Ban Tư vấn cải thiện hiệu quả hoạt động doanh nghiệp được thành lập tại một số doanh nghiệp dệt may thuộc Chương trình Better Work (một sáng kiến của ILO và IFC để cải thiện việc tuân thủ các tiêu chuẩn lao động trong ngành may mặc của Việt Nam)<sup>1029</sup> là mô hình tham khảo hữu ích về cơ chế giải quyết khiếu nại có hiệu quả tại doanh nghiệp ở Việt Nam.<sup>1030</sup>

## Các sáng kiến của ngành, đa bên và các sáng kiến hợp tác khác

Theo UNGP “các tiêu chuẩn liên quan đến quyền con người đang xuất hiện ngày càng nhiều trong các cam kết do các ngành, các bên liên quan và các chương trình sáng kiến hợp tác khác đưa ra, như các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tiêu chuẩn làm việc, thỏa thuận khung toàn cầu giữa công đoàn và tập đoàn xuyên quốc gia. Các sáng kiến hợp tác như vậy cần đảm bảo có cơ chế hiệu quả để các bên bị ảnh hưởng hoặc đại diện hợp pháp của họ luôn có thể tiếp cận để bày tỏ quan ngại khi cho rằng các cam kết có liên quan đã không được thực hiện. Các sáng kiến này có thể gặp rủi ro về tính hợp pháp nếu không có các cơ chế như vậy. Các cơ chế có thể được thiết lập bởi từng thành viên, hoặc hợp tác của nhiều thành viên, hoặc kết hợp cả hai. Những hoạt động tiên phong này cần có trách nhiệm giải trình và giúp giải quyết những tác động tiêu cực về quyền con người.<sup>1031</sup> Do đó, UNGP khuyến nghị “các sáng kiến của ngành, các bên liên

quan và các sáng kiến hợp tác khác dựa trên cơ sở tôn trọng các chuẩn mực về quyền con người cần đảm bảo sự sẵn sàng của các cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả.”<sup>1032</sup>

Ở Việt Nam, các sáng kiến như Quỹ May mặc bình đẳng (FWF) thường xuyên tiếp nhận và xử lý khiếu nại của người lao động.<sup>1033</sup> Từ năm 2012 đến nay, FWF đã nhận được 45 khiếu nại về các vi phạm xảy ra ở nơi làm việc, phần lớn liên quan đến quan hệ lao động có ràng buộc về pháp lý, thời giờ làm việc và tiền lương, với số lượng khiếu nại nhận được tăng lên hàng năm.<sup>1034</sup> Nhờ sự phối hợp với các nhân hàng và doanh nghiệp, FWF đã giải quyết dứt điểm 10 khiếu nại trong số đó.<sup>1035</sup> FWF “coi việc tăng số lượng khiếu nại là một tín hiệu tích cực. Điều này có nghĩa là người lao động đang nhận thức rõ hơn về quyền của họ và cảm thấy thoải mái hơn khi khiếu nại về điều kiện làm việc và cách thực hiện Nội quy lao động của FWF trong các doanh nghiệp này.”<sup>1036</sup>

## Khuyến nghị

1. Thành lập NHRI tuân thủ Nguyên tắc Paris, phù hợp với các khuyến nghị tương ứng của CESCR và khuyến nghị của Báo cáo viên đặc biệt của LHQ về quyền lương thực.<sup>1037</sup>
2. Thành lập cơ chế độc lập có nhiệm vụ giải quyết các khiếu nại liên quan đến tổn hại do hoạt động kinh doanh, phù hợp với các tiêu chí về cơ chế giải quyết khiếu nại phi tư pháp hiệu quả của Nhà nước được nêu trong UNGP.
3. Đảm bảo có các biện pháp khắc phục tư pháp hoặc biện pháp khắc phục hiệu quả khác đối với các vi phạm về quyền kinh tế, xã hội, và văn hóa, phù hợp với khuyến nghị của CESCR.

1027 Nt. Đoạn 56.

1028 Xem thêm, Hiệp hội Lao động bình đẳng (FLA). Thông tin có tại: <https://www.fairlabor.org>. Truy cập ngày 16/9/2019.

1029 Xem thêm Better Work Việt Nam. Thông tin có tại: <https://betterwork.org>. Truy cập ngày 16/9/2019.

1030 UNHRC, ‘Thí điểm nguyên tắc về cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả của công ty và các bên liên quan: Báo cáo về các bài học kinh nghiệm’. Đoạn 46 (Ct. 1024).

1031 UNGP. Nguyên tắc 30 (Ct. 2).

1032 Nt.

1033 Quỹ May mặc bình đẳng (FWF), ‘Việt Nam’. Thông tin có tại: <https://www.fairwear.org/country/vietnam>. Truy cập ngày 16/9/2019.

1034 Nt.

1035 Nt.

1036 Nt.

1037 CESCR, ‘Kết luận quan sát đối với Việt Nam’. Đoạn 10 (Ct. 266).

4. Phát triển các chính sách và hoạt động để nâng cao nhận thức cho người dân về các cơ chế và thủ tục hiện có về các biện pháp khắc phục, bao gồm cả các biện pháp khắc phục liên quan đến hành vi lạm dụng quyền của doanh nghiệp, phù hợp với khuyến nghị của CESCR.
5. Lên án các hành vi đe dọa hoặc trả thù đối với các cá nhân phản ánh quyền của họ bị vi phạm và có các biện pháp thích hợp đối với những người chịu trách nhiệm về các hành động đó, phù hợp với khuyến nghị của CESCR.<sup>1038</sup>
6. Cân nhắc trở thành quốc gia tuân thủ Hướng dẫn của OECD dành cho các doanh nghiệp đa quốc gia, và thành lập NCP để thực hiện Hướng dẫn này.
7. Thúc đẩy thành lập các cơ chế giải quyết khiếu nại tại doanh nghiệp đáp ứng các tiêu chí về tính hiệu quả được nêu tại Nguyên tắc 31 của UNGP,<sup>1039</sup> dựa trên kinh nghiệm thí điểm nguyên tắc về cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả của doanh nghiệp/các bên liên quan của Đại diện đặc biệt của Tổng Thư ký LHQ về kinh doanh và quyền con người, trong đó tập trung vào bình đẳng giới và các biện pháp khắc phục các vi phạm hoặc lạm dụng quyền của phụ nữ.<sup>1040</sup>

---

1038 Nt. Đoạn 9.

1039 UNGP. Trang 60 (Ct. 2).

1040 UNHRC, 'Thí điểm nguyên tắc về cơ chế giải quyết khiếu nại hiệu quả của công ty và các bên liên quan: Báo cáo về các bài học kinh nghiệm' (Ct. 1024).



